

Tác Giả và Tác Phẩm

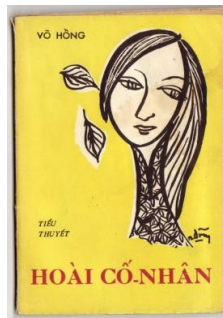
Võ Hồng

Tiểu sử

Bút hiệu khác: Ngân Sơn, Võ An Thạch, Võ Tri Thủy.
Sinh ngày 5.5.1921 tại Ngân Sơn, tỉnh Phú Yên (Trung Việt). Hiện ở Phú Yên.

Tác phẩm

Hoài cổ nhân (1959), Vết hằn năm tháng (1966), Người về đầu non (1968)
Bên kia đường (1968), Những giọt đắng (1969), Như cánh chim bay (1971).



Mục Lục

Nguyễn Vy Khanh viết về Võ Hồng - 2

Bên đập Đòng Cháy – 12

Võ Hồng – Võ Phiến – 21

Trăm mặc cây rừng - 45

Hoài cổ nhân : Võ Hồng (1923-2013) – Đặng Tiến – 60

Gặp Tự Lực Văn Đoàn – 63

Võ Hồng, Người luôn nặng lòng với quê hương - Nguyễn Lệ Uyên – 66

Phụ đính I

Võ Hồng, những lần gặp gỡ - Mang Viên Long - 72

Mái chùa xưa - 78

Võ Hồng nhân cách và chữ nghĩa - Nguyễn Lệ Uyên – 83

Phụ đính II

Gửi – Nửa chữ cũng thầy

Thơm ngát hương cau – Đi con đường khác

Cà kê...Võ Hồng

(Tìm bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Nguyễn Vy Khanh viết về Võ Hồng

1- Võ Hồng, nhà giáo

Tác giả

Võ Hồng sinh ngày 2-12-1922 (khai sinh ghi 5-5-1921) tại làng Ngâm Sơn, quận Tuy An, tỉnh Phú Yên. Con một gia đình điền chủ, sớm mồ côi mẹ. Học trường làng, trường phủ Tuy An và trường tỉnh Sông Cầu rồi trường Collège Qui Nhơn. Năm 1940, ông đậu bằng thành-chung, ra Hà Nội học tú tài. Năm 1943, Hà Nội bị đồng minh oanh tạc, ông bỏ về quê nhà. Năm 1945, ông lên Đà Lạt giữ chức bí thư tòa Tổng Đốc bốn tỉnh cực Nam Trung Việt thời nội các Trần Trọng Kim, sau đó ông trở lại Tuy Hòa dạy học. Ông làm hiệu trưởng một trường trung học thời kháng chiến. Năm 1954, ông vào định cư hẳn ở Nha Trang và dạy học tại các trường trung học Lê Quý Đôn và Bồ Đề. Đầu thập niên 1970, ông được cử làm hội viên Hội đồng Văn hóa giáo dục. Ông lập gia đình với một giáo sư Anh văn và âm nhạc nhưng bà mất sớm; từ 1957, ông "gà trống" nuôi ba con lúc mẹ mất mới 9, 6 và 3 tuổi. Võ Hồng khởi viết truyện ngắn từ năm 1939 trên tuần báo Tiểu Thuyết Thứ Bảy (Hà Nội) với bút hiệu Ngâm Sơn. Sau này viết báo ở trong Nam ông dùng tên thật làm bút hiệu.

Tác phẩm đã xuất bản gồm các tiểu thuyết : *Hoài Cổ Nhân* (Ban Mai, 1959), *Hoa Bướm Bướm* (Lá Bối, 1966), *Người Về Đầu Non* (Văn, 1968), *Gió Cuốn* (Lá Bối, 1968), *Những Giọt Đắng* (Lá Bối, 1969), *Nhánh Rong Phiêu Bạc* (Lá Bối, 1970), *Như Cánh Chim Bay* (tiếp *Hoa Bướm Bướm*, Lá Bối, 1971). Các tập truyện ngắn : *Lá Vắn Xanh* (Thời Mới, 1962), *Vết Hằn Năm Tháng* (Lá Bối, 1965), *Khoảng Mát* (An Tiêm, 1966), *Con Suối Mùa Xuân* (Lá Bối, 1966), *Bên Kia Đường* (Mặt Trời, 1968), *Trầm Mặc Cây Rừng* (Lá Bối, 1971).

Và 3 tập truyện đơn : *Áo Em Cài Hoa Trắng* (Lá Bối, 1969. 30 tr.), *Trận Đòn Hòa Giải* (Lá Bối, 1970. 31 tr.), *Xuất Hành Năm Mới* (Lá Bối, 1971. 28 tr.)

Tác-phẩm

Võ Hồng là một nhà văn tinh tế nhưng nhân hậu và mực thước, thận trọng : ông đúng là một nhà giáo viết văn. Ông viết rất đều đặn và kỹ lưỡng như sự kiên nhẫn cần có của nghề giáo. Văn ông giản dị, tươi mát nhưng không kém thơ mộng khi cần đến. Trong một phỏng vấn của Nguyễn Nam Anh trên tạp chí Văn năm 1972 (1), Võ Hồng đã cho biết hoàn cảnh góa vợ phải gàn con nuôi con đã giúp ông viết đều và nhiều. Từ khi con đi học xa và có đưa đi du học, ông thú nhận viết khó hơn vì ông vẫn thích thăm bạn bè, ngao du thắng cảnh và quan sát sinh hoạt. Đó là lý do ông đã khởi viết Tiếng Ca Lặng Lẽ để tiếp bộ *Hoa Bướm Bướm* và *Như Cánh Chim Bay* mà đến nay hình như vẫn chưa xuất bản.

Nếp xưa ngày cũ

Toàn bộ sự nghiệp của Võ Hồng như một dâng hiến cho quê hương Phú Yên của ông. Nếu Võ Phiến khởi nghiệp văn học và nổi danh với quê hương Bình Định thì Võ Hồng là Phú Yên. Trong các truyện dài hay truyện ngắn của ông, người đọc vẫn thấy rõ miền quê Ngâm Sơn, Phú Yên trải qua nhiều thời phé hưng, mà các nhân vật cũng là những con người quê mùa hay thuần hậu của vùng trời đó. Ông tự cho sứ mạng viết lại quá khứ cho người trẻ: "Lịch sử là một dây xích dài gồm nhiều mắt xích nhỏ. Cái mắt xích Dĩ Vãng đó chưa hề được nói tới thì tôi phải ra công mô tả lại. Thế hệ của chúng tôi bị chiến tranh tàn phá quá nhiều, một số lớn đã chết,

những nếp sống cũ lần lần bị xóa đi, thay thế bằng nếp sống mới. (...) Tôi muốn các thế hệ đàn em có dịp để thiết tha gắn bó với quê hương hơn" (1).

Người Về Đầu Non kể chuyện quê hương thời thơ ấu, thời học trò và người Bác trong thực tế là cha nuôi. Từ thời thuộc Pháp qua những biến cố kháng chiến, tổng động viên, thuế nông nghiệp. Đời sống dân giả mộc mạc, trong cách đặt tên, khai sinh theo "ngày tháng An-Nam". Cảnh đi coi gặt lúa vào ngày mùa. Hình ảnh học đường ngày xưa. Bao trùm là những tiếc nuối và đau thương về người thân. "Có những buổi chiều cô đơn vắng lặng, tôi thả hồn về từng chặng dĩ vãng, thấy lại Bác trong những khung cảnh sinh hoạt quen thuộc, từ gần gũi đến xa xôi, từ lần gặp Bác cuối cùng trí nhớ đi ngược thời gian về đến hình ảnh Bác cầm tay tôi dắt đi trên những con đường âm u cây lá trong vườn, ra cái bến nhỏ để cùng nhìn xuống dòng sông !" (tr. 136). Lúc tác giả thành người, lập gia đình, có con và có thể đền ơn là lúc chiến tranh vụt tới và người Bác vĩnh viễn ra đi. Tiễn đưa Bác đến nơi an nghỉ. "Tâm hồn tôi thấy trống vắng mọi mệt, tôi nhắm mắt lại để trông về con đường quá khứ của mình. Có thể tin rằng Bác tôi đã mất rồi không? Đã già từ tôi vĩnh viễn, bây giờ đã nằm dưới lòng đất, suốt đời tôi không còn gặp mặt?" (tr. 119).

Hoài Cổ Nhân là chuyện Lý, bạn tác giả. Anh và Xuân yêu nhau, nhưng hai gia đình đã khiến hai tâm hồn phải xa cách nhau. Khi họ được phép thành hôn thì sau ngắn ngủi bốn năm hạnh phúc, Lý lại sớm từ giã cõi đời: anh là nạn nhân của thời đại. Tác giả có rất nhiều cảm tình đối với Lý. "Mỗi lần đến thăm anh, tôi thản nhiên đi qua khoảng đất này. Vì không lưu ý, tôi chỉ mang máng nhớ nơi đây có lá xanh có cây phượng cao hoa đỏ, có vài con trâu gặm cỏ mơ màng...". Bạn ra đi, vợ con bạn ở lại cô đơn và đau khổ, nhất là họ vừa trải qua nhiều thử thách của tình yêu. Chị Xuân đau khổ hơn cả thời hai người yêu nhau mà phải đờn đau xa nhau, cái khổ hôm nay của chị trĩu nặng vì giờ chỉ còn có chị phải gánh lấy. "Nỗi khổ khi có người chung chịu, ta không thấy nặng nữa". Đến thăm cháu là để sống lại ngày xưa. "Cháu Thảo trắng mũm mĩm, giống ba ở cái miệng, giống má ở đôi mắt. (...) Tôi hay bế cháu vào lòng, siết cháu thật chặt. Mỗi lần làm như thế, tôi có cảm tưởng như ngày nào siết chặt tay ba cháu".

Truyện Lạnh Tuổi Thơ (VHNT) vẽ cảnh "gà trống nuôi con", nói lên cái tình cảm tự nhiên tìm về dĩ vãng và thích sống với kỷ niệm, ôm ấp như không muốn buông. Người đọc như nghe được tiếng thở dài của người cha dù đã làm hết bổn phận vẫn không bù đắp trọn vẹn cho các con những khoảng trống tầm thường như hớp nước uống, như miếng ăn mà với người mẹ là những tự nhiên đến. Người thầy nhìn học trò viết "lưu bút ngày xanh" mà xót xa thời đã mất và cô đơn trước cuộc đời. Trong Vết Hằn Năm Tháng, kỷ niệm chồng chất, hiện rồi biến, có muốn áp ủ cũng không còn có lý do. Kỷ niệm như những phù du của cuộc đời. Truyện có khuynh hướng tùy bút này như những tâm sự của chính tác giả.

Còn những cảnh không còn thấy nơi thị tứ như cảnh trồng cây cúc vạn thọ quanh sân nhà trong Lá Vắn Xanh. Thời xưa người ta trồng hoa ăn Tết chứ không ai ra chợ mua hoa ăn Tết. Mứt thì bán theo quả mứt thay vì mứt trong gói trong hộp. Pháo đốt thì chỉ có pháo tre ! Rồi những cảnh phụ nữ bưng rổ đi chợ trước khi biết đến giỏ xách bằng nhựa. Những tiếng cối xay và chày giã gạo! Những buổi lễ cúng trường ngày Tết (Lễ Cúng Trường, BKĐ) để gọi nơi lòng người tiếc nuối những cảnh cửa Khổng sân Trình! Những gói thuốc tễ, vv. Toàn là những qua mắt, những xa lạ với người thị tứ hoặc thời mới!

Chuyện kháng-chiến và chiến tranh

Chiến tranh đã in sâu ở nhiều trang tác phẩm Võ Hồng. "Chiến tranh tràn lan mỗi ngày một rộng, làng tôi thành bãi chiến trường. Đồng bào tản cư, bỏ nhà bỏ cửa, ruộng vườn để cỏ mọc hoang. Bác gái lần mò vào được với chúng tôi, mừng gặp con cháu nhưng mắt vẫn hướng về ngôi nhà cũ và về ngôi mộ bơ vơ ở lại một mình..." (Người Về Đầu Non, tr. 135). Người chết

cũng không yên. "Cụ mắt vào lúc chiến dịch mở, đường xe kẹt không vô Tuy Hòa mua sắm được. Hôm hạ huyết tình hình lại căng, thanh niên dân vệ tập trung về trụ sở Xã hết. Đi đưa đám mà sợ máy bay họ bắn làm..." (tr. 125). Người Bác thân yêu của tác giả đã ra đi thời chiến tranh, mà người bạn Lý cũng ra đi khi chiến tranh tàn đến. Người vợ bên xác chồng và đứa con đại mang chiếc khăn tang ngơ ngác đôi mắt ngây thơ giữa hương trầm mộ chí. Cái thương tâm không to lớn nhưng đã quá lớn dù chỉ với hai mẹ góa con côi. Cái thương tâm mà tác giả đã thấy và sống và sẽ còn ở hoài với ông.

Hoa Bướm Bướm - truyện dài 18 chương, khởi từ thời Pháp thuộc, thời Nhật chiếm, đến thời kháng chiến. Võ Hồng muốn qua bộ truyện này vẽ lại một giai đoạn hào hùng và những nếp sống đã qua đi. Cẩm Quỳnh, Luân, Thúc, Mai Trang nói chung là những người trẻ hăng say nhập cuộc trong mọi hoàn cảnh, riêng Luân nhiều lần tỏ ra lừng khừng, thiếu niềm tin. Thúc bỏ học Hà Nội về quê vì bom của đồng minh Mỹ; anh yêu Quỳnh nhưng nhút nhát. Luân yêu hết Cẩm Quỳnh đến Mai Trang trong cảnh điêu tàn và tàn cư. Uống rượu mừng đình chiến, chưa kịp vui thì chiến tranh với Nhật Pháp lại đến. Vào cuối truyện, Mai Trang cao cả để Luân đi với Quỳnh, lo từng chút cho chàng mà chàng thì "khờ khạo như mọi người đàn ông" (tr. 206VN). Nàng sẽ đốt từng tấm hình, từng kỷ niệm, đốt dĩ vãng và trả nhà, nơi vừa qua những ngày hạnh phúc; trả cho chủ nhà để đi Djiring!

Như Cánh Chim Bay là tiểu thuyết tiếp nối Hoa Bướm Bướm thời kháng chiến 1946-1954. "Khi nghe lệnh kháng chiến trở lại, thành phố Tuy Hòa náo loạn lên. Quân Pháp đóng ở Đèo Cả có thể bất thần tấn công ra. Đại bác nổ ầm. (...) Chỉ thị chạy tới tấp chạy từ tỉnh về huyện, về xã, thôi thúc việc kiểm điểm Dân quân, tập luyện Dân quân. Đã tan rã hy vọng hòa bình bằng thương thuyết..." (tr. 85-86VN). Với những Ủy ban kháng chiến, những chương trình chống nạn mù chữ, chính phủ Nam kỳ tự trị. Những người làm "cách mạng" do hoàn cảnh đưa đẩy, tay ngang hay do địa phương đề bạt, kể cả "người cũ". Họ sẽ tùy nghi giải quyết chuyện thời thế mới. Những người xưa nay chỉ biết cày sâu cuốc bẫm "viết chữ chưa thẳng hàng", chân chất, vụng về, lại tình nguyện tham gia làm giáo viên để giải quyết nạn mù chữ lớn rộng ở vùng quê. Những hăng say trước ý nghĩa mới của cuộc đời của Luân, Quỳnh,... thêm Phượng, Thúc,... Luân đã hăng say công tác hơn, tỏ ra chịu đựng hơn. Anh sẽ lấy Quỳnh. Còn Tịch và Thúc theo trường kỳ kháng chiến, một ngày kia sẽ như những cánh chim sẽ bay về nhìn lại tổ cũ cảnh xưa.

Qua hai tập của bộ trường thiên tiểu thuyết về thời kháng chiến ở một vùng Phú Yên, Võ Hồng đã không vượt được không gian nhỏ bé của địa phương để có một cái nhìn rộng và toàn diện về cuộc chiến đó, khiến người đọc cùng thời với tác giả hoặc trẻ hơn không đủ thỏa mãn. Bức tranh xã hội đã lẩn át hình ảnh cuộc chiến oai hùng chống thực dân. Chính tác giả đã hơn một lần thú nhận không sống nhiều kinh nghiệm chiến trường và cũng không có thì giờ thu thập tài liệu.

Tập tiểu thuyết Nhánh Rong Phiêu Bạt kể chuyện Thúy, em bé gái nạn nhân chiến tranh, cả gia đình bị bom chết hết, phải bỏ làng Xuân Phước lên tỉnh làm đầy tớ cho bà Đức Lợi, rồi đi Diên Khánh ở đợ làm việc tráng bánh, nuôi heo, đi Phan Rang giữ em, bị đánh đập, phải theo thầy bói Huyền Linh, bị bắt vì không có tên trong sổ gia đình, bán trứng vịt lộn và cuối cùng bán bóng cao su xanh đỏ thì may mắn gặp lại một nữ dượng sĩ quen bố mẹ ngày xưa nhận làm con nuôi cho đi học trở lại. Nhánh rong thời chiến đã may mắn có lại mái ấm gia đình, đời có "hậu", đúng như tin tưởng bình dân "ở hiền gặp lành" !

Trong các truyện ngắn khác chiến tranh cũng luôn có mặt: "chiến tranh dai dẳng tạo điều kiện cho con người bình đẳng với nhau trong niềm đau khổ. Gia đình nào cũng có những lỗ thủng lớn: hoặc là người chồng, người cha, hay người con ra đi không về. Những người đàn bà bơ vơ trong cuộc tranh đấu cam go với cuộc đời. Chiến tranh lan rộng, đời sống đất đỏ, đi lại khó

khăn, an ninh không bảo đảm... đó, những chặng cam go khúc khuỷu trên đoạn đường còn lại phải đi" (Hai Người Đàn Ông, CSMX, tr. 30 VN). Bà Năm Xự trong Những Giọt Đắng tiêu biểu cho nạn nhân cuộc chiến tranh dai dẳng trước 1975. Chuyến Về Tuy Hòa (TMCR) đưa tác giả đến với những vết tích của những trận đánh, những cuộc đời góa bụa và cái không khí chiến tranh thường trực ở ngay thị xã.

Viết về chiến tranh, Võ Hồng đã nói lên tiếng nói phẫn nộ của một người công dân bình thường, bất lực trước chiến tranh và thảm cảnh. Là nhà giáo, gần gũi tuổi trẻ, ông còn phẫn nộ hơn nữa khi không có thể làm được gì để chặn đứng những tham vọng sai lầm của con người, những tàn hại văn hóa hậu quả của cuộc chiến tranh dai dẳng đó ! Qua tác phẩm, Võ Hồng thường đã vẽ lại sự tình và nói lên phần nổi của tâm hồn các nhân vật, nhưng rất hiếm thấy Võ Hồng lộ rõ những suy nghĩ ray rứt về số phận con người hay tâm hồn sâu thẳm của con người. Người đọc Võ Hồng sẽ man mác buồn nhưng chắc sẽ không nổi loạn hay đi làm cách mạng!

Về bộ truyện Hoa Bướm Bướm, chủ đề là chiến tranh nhưng tác giả lại muốn nói lên "lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê trở nên lòng yêu Tổ quốc": "Cuộc kháng chiến đã đẩy chàng (Luân) phiêu lưu từ miền rừng bách sương mù đến vùng cát vàng biển mặn, qua đô thị đồ nát, ghé lại những cánh đồng thơm ngát hoa cau, những vùng núi non hiểm trở. Không phải chỉ đi nhiều mà có được tình yêu nước đậm đà. Phải đi, phải ở, phải chia những ngọt bùi cay đắng, những hiểm nguy và hy vọng với miền đất, với đồng bào nơi mình hiện diện. Không phải thờ ơ đóng vai bàng quan, nhìn cảnh với đôi mắt nhà du lịch mà người ta có thể tận tình thương yêu đất nước. Mà phải được ràng buộc với nó bằng những xót thương, gian khổ" (NCCB, tr. 266-267). Dù đề cao tinh thần quốc gia dân tộc, cuốn Như Cánh Chim Bay vẫn đã bị kiểm duyệt miền Nam "ngâm lại" một thời gian không cho xuất bản, chỉ vì nói đến cuộc kháng chiến chống Pháp là cuộc chiến cho đến nay vẫn cần có một nhận chân lịch sử khách quan, nhất là cho thế hệ trưởng thành sau hai cuộc chiến.

Tình yêu đất

Toàn bộ tác phẩm của Võ Hồng tỏa thoát một tình yêu quê hương đất đai ruộng vườn nồng nàn. Lão Túc trong Tình Yêu Đất (VHNT) tha thiết với đất ruộng, nghèo xác xơ quanh năm làm thuê làm mướn và mơ được làm chủ một mảnh đất do chính lão khai phá. Khi có thì một tai nạn trên mảnh đất đó sẽ kết thúc cuộc đời lão. Khi hấp hối, lão đã phải gắng mấp máy trối trăn muốn con mình nối nghiệp cha ông: "Miếng đất gò đĩnh... thặng...".

Người Bác trong Người Về Đầu Non dù chiến tranh và phải sống xa con cháu cũng không thể bỏ quê nhà mà lên chốn thành thị. "Làm sao mà bỏ cho được ngôi nhà tự mình ra công xây cất, khu vườn tự mình trông coi trồng trọt, những miếng ruộng tự mình mua mãi lần hồi. Tâm hồn của mình, quá khứ của mình in vết trên từng viên đá viên gạch, trên từng bụi chuối bờ tre. Con chim áp muối màu lông xanh xám đó, mỗi buổi chạng vạng tối đứng trên đầu nhà thả từng tràng tiếng hát, mình nghe từ hồi năm mươi tuổi cho đến nay hơn bảy mươi tuổi trên đầu, quen thuộc với mình quá nữa nào sống xa nó được ?..." (tr. 117).

Cuộc sống làng quê được Võ Hồng nhiều lần tả đến. Truyện cô Ba Hường góa chồng gốc Hoa trong Dấu Chân Sa Mạc là chuyện dài của cả một làng quê với đủ hị nộ ái ố và đủ mọi nhân vật tiêu biểu cho một xã hội Việt Nam trước thập niên 1950. Như tiếng ê a đọc văn tự mua bán ruộng ; "phu thê đồng công tạo mãi điền nhất khoảnh, tọa lạc tại Bạc má sứ, Hòa mai thôn... Đông cận tiểu lộ, tây cận Nguyễn văn Phú điền, Nam cận..." (tr. 140VN). Như cô Ba Hường, nạn nhân của tính toán và giàu có, mới ngày nào đẹp mơn mớn nay đã "nặng đau yếu" và chuẩn bị về với ông bà; trước sau tả hữu không còn ai, cơ ngơi to lớn trở thành sa mạc! Trong Gió Cuốn, Nhân sau khi đã chán chường đời sống ở thành thị làm mất phẩm chất làm người, cô về thôn quê ở với mẹ với hạnh phúc đơn sơ tìm lại. "... tôi dậy với tiếng chim sẽ ở

mái hiên. Lá chuối đong đưa chào tôi ở khung cửa sổ. Tôi theo mẹ tôi ra vườn. Mẹ tôi cầm dao yếm cắt những tàu lá chuối khô. Bà đi giữa bóng râm. Hoa cau thơm, hoa bưởi tụ hợp về những đàn ong bướm bay lượn vòng. Lá môn, lá khoai sọ soi bóng trên mặt nước những con mương nhỏ..." (tr. 296 XT).

Nhân vật của Võ Hồng yêu đất đai ruộng vườn vì ông quan niệm quê hương đất nước có được như ngày nay là nhờ những người đó. Ông nói: "Quê hương được nuôi dưỡng, được bồi đắp, được bảo vệ bằng sức cần lao âm thầm của đại đa số những người sống đạm bạc nghèo nàn nơi thôn quê chớ đâu phải nhờ lớp thị dân sung sướng ở thành phố" (2).

Tình yêu

Tình yêu trong tác phẩm Võ Hồng nói chung là những chuyện tình kín đáo, mãnh liệt, nồng cháy nhưng trong khuôn khổ đời thường và lý trí. Đơn giản như mối tình của anh chàng Long trong Người Thứ Ba (VHNT). Tự, tán, giận hờn, nồng cháy và chia ly. Tình yêu đã khiến con người dù có bản năng thú vật vẫn giữ được nhân tính.

Trong Hoài Cổ Nhân là chuyện tình không đơn thuần của Vân-Nhã-Diệp. Chuyện tình cao thượng, bền lâu và đẹp, Diệp sống bên vợ nhưng nghĩ đến tình nhân, yếu đuối nhưng không tội lỗi. Diệp và Vân gặp nhau buổi ban sơ nhưng cả hai giữ mối tình câm, rồi đường ai nấy đi nhưng lại nhớ đến nhau tìm đến nhau khi đâu đã vô đó. Diệp ta lại để quên lá thư của Vân để vợ lục áo giặt tìm thấy. "Đọc xong, anh đốt những thư em đi... Nhớ nhé ! và nhất thiết từ giờ em không gởi thư cho anh nữa. Em không gặp anh nữa đâu. Ghét em đi. Yêu chị cho rõ nhiều. Yêu bao nhiêu cũng chưa đủ. Ghét em đi. Đừng nói chuyện gì về em với chị. Anh nhớ nhé? Chị tốt lắm, tốt lắm... Nhưng làm đàn bà em hiểu...". Chị tốt cho nên anh cứ mơ tưởng suốt đời! Chuyện tình nghĩa vợ chồng thắm thiết nhưng có người vẫn chưa dứt khoát với quá khứ, vẫn nuôi mối tình đầu da diết lãng mạn dù chỉ là tình câm. Chuyện yếu đuối trong khuôn mẫu, yếu đuối lẽ thường và khuôn mẫu văn hóa của xã hội Việt Nam.

Thêm một mối tình dễ dàng tay ba : "Có pha thêm một chút đắng, vị ngọt của tình yêu mới làm cho người ta đam mê như khi đam mê hương vị của cà-phê. Từ hôm nay hai người đột nhiên rơi vào một mối tình dễ dàng tầm thường, anh thấy người nhẹ nhõm một cách chán ngắt, khi không còn phải vận dụng trí óc để đối phó. Trước mắt anh không còn một đối thủ xứng đáng để cho anh phải gắng sức mà chỉ còn phảng phất một cái bóng, một cái bóng không mất, không bao giờ mất" (Người Thứ Ba, VHNT, tr. 73?).

Tranh chấp tình yêu còn thấy trong tiểu thuyết Hoa Bướm Bướm, giữa Cẩn, Quỳ và Thức. Quỳ được theo đuổi vì nàng vừa đẹp vừa có học thức. Cuộc tình dài theo công cuộc chiến đấu chống Pháp. Tình của các cô các thầy giáo dĩ nhiên được Võ Hồng khai thác. Tình thầy Phúc với cô Liên. "Tình yêu vô vọng có một vẻ gì đau xót... có lẽ đẹp hơn, bền bỉ hơn những mối tình có kết quả" (Mùa Hoa Soan, CSMX, tr. 86VN).

Trầm Mặc Cây Rừng đưa tác giả về thời kháng chiến với những gặp gỡ những đứa học trò cũ nay đã trưởng thành trong số có Thịnh với "khuôn mặt dịu dàng thủy mị", "người con gái của thôn Diêu viên quê mùa mà giờ đây mỗi lần âm thầm nghĩ đến là tâm hồn tôi chợt thấy man mác nhớ và buồn, như một bầu trời đang nắng rõ ràng bỗng có một áng mây trôi qua thành bóng râm âm u" (tr. 109VN). Tình yêu sẽ đến với người thầy, nhất là khi cô bạo bệnh qua đời. Ông sẽ tìm và sẽ gặp lại Thịnh nhưng oái ăm thay, Thịnh đã vừa lấy chồng, lấy Nhẫn, cũng là học trò cũ của ông chỉ với lý do "Bởi vì em không có hi vọng... Em nghèo". Người thầy sẽ trở nên ghét sự giàu sang của chính mình. "Tôi muốn đổi hết tất cả để lấy một căn nhà tranh sơ sài có bức tường đất trét màu vàng, có vuông sân nơi đó mọc một cây xoài quý, có người yêu dịu dàng là Thịnh, dòng suối mát của tôi, niềm an ủi của tôi, bàn tay Thiên thần nơi tôi gục vàng trán nhàu nát ưu tư" (tr. 125VN). Tình yêu mãnh liệt nhưng công thức lễ giáo, phản ứng lại nhẹ

nhàng; đáng thương thay ! Đây là một trong nhiều truyện khiến người đọc phải nghĩ đến tâm sự của chính tác giả.

Tình yêu sẽ bớt đơn sơ. Trong Con Suối Mùa Xuân, "tôi" với Mỹ Khuê: "Tôi nuôi tình yêu không phải chỉ bằng đôi mắt nhìn và bằng vòng tay ôm. Tôi còn yêu bằng những sự tinh nghịch dí dỏm (...). Tâm hồn tôi không chịu được sự bằng phẳng. Tôi sợ những con đường dài trắng nhựa chạy thẳng tắp, rộng rãi và có nhiều bóng mát ở trên đầu... Tôi yêu sự đột ngột, bất ngờ ..." (tr. 91VN). Tình chị có thể thành duyên em nhưng anh đàn ông vẫn cứ mơ tưởng "chị"!

Và tình yêu cũng sẽ có lúc phức tạp như cuộc đời trong cuộc chiến. Trong Hai Người Đàn Ông, chàng và nàng đến rồi xa nhau trong lén lút, của hai người thiếu hay không thể có dự phóng tương lai. Trong Bên Kia Đường, Võ Hồng lần đầu phân tích tình yêu dưới cái nhìn thể chất và vật chất. Huy không lấy được Quỳnh vì những thua kém đó, ít ra là trong ý nghĩ của anh. Truyện tả đời sống mới của thập niên 1960: tâm trạng người phụ nữ lên tiếng muốn một đời theo ý, ăn chơi sành sỏi chẳng hạn, muốn có ý kiến khi lấy chồng, tính toán so sánh với bạn đồng sàng. "Hôn nhân đời nay đi mau với tốc lực siêu thanh của phản lực cơ, khi nghe tiếng nổ thì máy bay đã vượt xa mình rồi". Nếu chậm quá, đành với tình muộn, như Năm Nhiều, ngoài 40 vẫn cô ky nhưng ghen và yêu khỏi chê.

Xã hội miền Nam

Thực trạng xã hội những năm chiến tranh: trật tự xã hội đảo ngược, người dân bỏ thôn quê lên thành thị, giàu nghèo trở nên tương đối. Và thể diện. Và sở Mỹ. Trong Khoảng Mát, Bân làm nghề thu tiền rác, khủng hoảng vì chức nghiệp trong một xã hội đa đoan. Gặp lại Huệ, người yêu cũ nay lấy Mỹ. "Huệ lấy chồng Hoa Kỳ! Thật khó ai ngờ được cũng như khó ai ngờ rằng hôm nay tôi là nhân viên đi thu tiền rác. Con của một ông Thông-phán, cháu nội của một ông Lãnh-binh...". Mặc cảm khiến Bân bảo con ghi nghề bố là tư chức, còn với Huệ, Bân lẩm cẩm: "Anh làm ... lảng nhãng. Chả ra chi. Mình chạy tản cư đến chỗ lạ, may có việc làm ăn là quý rồi". Huệ còn tính theo chồng về Mỹ, chê quê nhà "hẹp hòi như cái đáy lò, như cái vũng nước". Nhưng Huệ thiếu tình yêu, anh chàng Bân sẽ vượt luân lý để than thở hứa hẹn : "Huệ ơi! Chúng ta hôm nay không còn ngây thơ nữa. Thân em giang hồ và thân anh đọa đày. Nên anh tin chắc chắn là lần sau anh sẽ hôn em đàng hoàng hơn. Không còn để mũi vào má em rồi hít như người ta hôn trẻ con nữa đâu ?". Gái giang hồ mà hay nhắc "chữ nghĩa" khiến trí thức xót xa chột dạ.

Gió Cuốn vẽ lại bức tranh xã hội Việt Nam thời chiến. Một xã hội bị đồng tiền Mỹ hủy hoại mọi giá trị văn hóa. Thang giá trị được sửa đổi cập nhật hóa theo tiền bạc. Vật giá càng leo thang thì đạo đức, lòng người càng đi xuống. Một xã hội chiến tranh khiến những người vì sinh kế và sự sống còn của gia đình đã phải khổ tâm cam nhục. Nhân, Huệ, những người làm sở Mỹ. Thuyên, chồng Nhân, một loại trí thức tiểu tư sản, sau khi vợ ra đi đã chạy theo vũ nữ Kiều Nga để kiếm tiền. Chàng căm thù cái nghèo do đó tìm đủ cách để thoát khỏi cảnh đen tối, Nhân trở thành phương tiện cho chàng. Trác là người yêu Nhân, tưởng nàng dễ chinh phục vì đang bỏ chồng, nhưng không ngờ Nhân đã căm thù đàn ông chỉ muốn lao mình vào vực thẳm, Trác buồn lái xe nhanh bị tai nạn trở nên mất trí. Thuyên bị du đảng đâm chết, tư cách hèn hạ cũng chết theo. Nhân vào nghĩa địa Mạc Đĩnh Chi Sài Gòn thăm mộ. "Bao nhiêu suy tính mưu toan, bao nhiêu tàn nhẫn rốt cuộc đều trở về im lặng... Cầu mong anh siêu thăng về một miền phúc đức. Trong cuộc tái sinh, hãy chọn một xã hội bình ổn hơn..." (tr. 282). Vì chiến tranh mà thân phận con người chịu đủ đày đọa. Anh hùng hay thần tượng. Nhân về lại thôn quê sinh sống, một đóa hoa sen gần bùn (sở Mỹ) mà chẳng hôi tanh mùi đô la. "Chúng tôi, Thuyên và tôi (Nhân) là nạn nhân của một xã hội thiếu thần tượng chói sáng" (tr. 289). Nhân về với mẹ: "Thành phố làm con ghê sợ. Con muốn sống đơn giản bằng gạo giã, bằng rau, bằng cá đồng,

bằng tương... Thành phố thúc đẩy con người đua đòi và con người biến thành những hình giấy chạy quanh ngọn đèn cù..." (tr. 294). Trác tâm hồn vị tha, nay có tiền đi giúp những kẻ khốn đốn; anh trở thành một loại người lý tưởng về tình cảm và đạo đức. Truyện kết thúc trong hy vọng mới của một cuộc đời mới, qua hình ảnh bé Thu Hà. Gió Cuốn có giá trị của một tiểu thuyết luận đề phong tục.

Tác giả ví von hoa "những chậu hoa thược dược chậu cúc vào độ mỏng mười hay Rằm tháng Giêng. Héo rủ xuống. Đen điu, bần thiu" với những người vợ sống: "lũ thược dược, hoàng cúc đã cắm thâu cái thân phận đọa đày xơ xác cuối cùng của chúng nên được tươi đẹp hơn như ngày nào thì chúng cứ tận hưởng Hạnh phúc ngày đó? (...) những người đàn bà sống cuộc đời của những thân thược dược. Họ ở khắp các nẻo phố phường, ở những con đường có mang tên danh nhân và những con đường mới chỉ mang chữ số (...) Măng tô hai da, mặt đỏ mặt vàng. Mini Jupe màu tối. Khỏe mắt vẽ xéch. Lông mày Audrey. Môi bóng mượt Polly Pink. Đùi trắng. Mười một giờ rưỡi khuya xe Honda trả về. (...) Bởi vì trên mặt thùng rác không phải chỉ có những thân thược dược. Mà có cả gốc cải và vỏ khoai, tàu dừa và rạ cùn, dao gậy, máy ra dô hồng. Có những tờ báo và những cuốn sách cũ nát nữa. Sự phân biệt bản chất dừng lại ở chỗ nào?" (tr. 274-276).

Chiến tranh dai dẳng khiến con người đâm ra hoang mang, sợ chết nhưng lại tò mò chuyện tận thế. Lá Vắn Xanh là một chứng minh giản dị khởi từ tin đồn tận thế. Và trong Con Suối Mùa Xuân (CSMX), tác giả ghi lại những dấu biển và hoạt cảnh của thời tranh đấu Phật giáo và biến động miền Trung. Mỹ Khuê và "tôi" yêu nhau từ những kỷ niệm tranh đấu bên nhau. Tuổi trẻ hăng say và sẽ nhận chịu những hụt hẫng và ảo tưởng.

Thế giới học đường

Là nhà giáo do đó tác giả viết nhiều về đời sống học đường và chuyện các thầy các cô. Những tình nghĩa thầy trò đậm đà hiếm hoi trong một xã hội đề cao tiền bạc, chức tước. Những phút giây hạnh phúc của nghiệp "gỗ đầu trẻ". Tình học trò như Tộc trong truyện Niềm Tin Chưa Mất (LVX) đã khiến người thầy quý mến sau khi đã vội xét thường tình: "Trong một xã hội nhiễm độc mà dối trá đã thành điển lệ, mà thù hằn đã thành khí giới phổ thông, quả tình nhân các của Tộc vươn lên như một chồi cây mạnh giúp tôi tin cây ở cuộc đời ...". Lúc học với thầy, Tộc hay bị thầy để ý phạt và la mắng, nhưng anh không bao giờ oán trách thầy mà trái lại, anh hay giúp thầy từ những việc như hái cau, vét giếng, ... Cả sau này khi đã rời bỏ quê hương đi xa và lập gia đình vẫn để ý giúp và thăm hỏi thầy. Thủy chung và thành thật đã hun đúc Tộc thành người tốt cho xã hội. "Tôi tin chắc sự làm giàu của Tộc rất trong sạch. Lòng thương yêu Thầy mà Tộc nói trong thư chắc chắn là thành thật, chứ không phải là một lời sáo, một công thức xã giao. Những mẫu sinh hoạt vụn vặt của Tộc khi còn đi học chắc chắn là không chịu sự chi phối của một thành kiến nào. Tâm hồn Tộc như cái phòng rộng trống trơn, không có xó kẹt, không có bóng tối. Tộc làm những điều mình nói và có thể nói cả những điều mình làm. Có thể nói cả những điều mình nghĩ nữa..."

Lễ Cúng Trường trong Bên Kia Đường kể lại những cảnh sinh hoạt học đường ngày xa xưa: ngày hăm sáu tháng Chạp là lễ cúng trường, rồi đến Tết thầy. Và anh học trò tên Tộc, ngây ngô và tiêu biểu cho thời nông thôn tiếp xúc với nền học mới với chữ quốc ngữ và Pháp.

Trong Người Về Đầu Non, tác giả hồi tưởng thời niên thiếu học trường sơ ấu, cảnh học ôn Toán chuẩn bị đi thi. "Ngày nào cũng hai bài toán đố. Nộp bài lên mà thấy thầy bệt cho hai gạch rồi vẽ một vòng tròn là cứ lạng lẽ lên nằm sắp ở chân bảng đen đợi. Khi đưa chót đã nộp bài rồi thì khoảng trống đã đầy những thân học trò nằm dài. Đưa làm đúng hai bài phải chạy lên núi bẻ roi..." (tr. 33). Rồi đến cảnh lên tỉnh lý thi. "Một cậu học trò mười một tuổi ở từ nhà quê ra, nhút nhát rụt rè, tay cầm thẻ căn cước đi vào phòng này đến phòng khác để qua hết kỳ thi vấn đáp, chịu sự tra tấn của các giám khảo bộ vệ uy nghi, thật là một cực hình cho tinh thần của nó. Cái không khí nghiêm khắc lạnh lùng đó như đe dọa nó, ngôi trường trở thành một thứ tu viện thiêng liêng đóng kín cửa không muốn cho nó bước vào. Bao nhiêu những kiến thức nhồi tuộc

lòng trong óc cứ lẫn lộn quay cuồng, ông Mai-hắc-đế và Bồ Cái đại vương kè với sự bài tiết và phát huyết quản hồi huyết quản, nghề ruộng muối ở Lệ-uyên Tuyết diêm nghề trồng thuốc lá ở Sơn hòa chập chờn hư ảo bên cạnh bài "đọc thêm" địa lý âm điệu du dương "Sông cầu là bà già lão luyện, Tuy hòa là thiếu nữ xuân xanh, Sông-cầu là chốn thừa lương, Tuy hòa là nơi buôn bán..." (tr. 37).

Vết Hàn Năm Tháng là tập truyện gồm nhiều chuyện học đường. Truyện mở đầu, Những Bí Mật Cửa Anh Đỗ Cúc, là thế giới học trò tình nghịch. Những lá thư tình lâm ly và thất bại trong tình trường cất nghĩa cuộc sống và lối dạy học của Đỗ Cúc. Đến truyện Vết Hàn Năm Tháng kể chuyện chấm thi. Người đẹp Thu Hà của phòng thi sẽ làm đẹp hơn những ngày phải vật lộn với số ký danh và những tên học trò xa lạ nơi chấm thi.

Những Nỗi Khổ Vận Vật trong tập Bên Kia Đường là chuyện hậu trường chấm thi. Những gửi gắm, xin điểm, những lựa chọn trung tâm, những chủ khảo, những liên hệ trong nghề.

Mùa Hoa Soan (CSMX) chuyện vui buồn dạy học của Liên, một cô giáo tự cho yếu đuối trước học trò không hiền ngoan và yếu đuối cả với tình yêu của đồng nghiệp. Những cô giáo ra đời sớm rồi rồi trước học trò, thiếu "oai" trong khi trách nhiệm lớn. Khi lý tưởng quá hoặc thu hút bởi nghề nghiệp, các cô giáo sẽ thiếu thời giờ và tinh tế để đón nhận tình yêu. Trẻ tráng và cô đơn. "Có những buổi tối nàng ngồi một mình ở bãi biển. Nền trời đen sẫm, chi chít sao (...) Dù không ai để ý đến, dù không ai biết cho, sóng biển vẫn cứ nhịp nhàng làm cái công việc của mình, không vội vàng mà cũng không trễ nải. Bắt đầu từ bao giờ và sẽ ngừng lại lúc nào? (...) Như những đợt sóng kế tiếp nhau mãi miết chạy vào bờ, nàng và các bạn của nàng cũng kế tiếp nhau mà dạy dỗ, uốn nắn, lớp học sinh này dạy xong thì trao qua tay người bạn khác tiếp theo không nản, không mỏi, không ngừng" (tr. 87VN).

Ngoài các chủ đề nói trên, Nha Trang, nơi Võ Hồng sinh sống, đã có lúc đậm nét có lúc bàng bạc trong nhiều tác phẩm của ông. Nhiều truyện ngắn trong tập Con Suối Mùa Xuân lấy khung cảnh Nha Trang. Các truyện khác về học đường và tình yêu cũng thường xảy ra ở đó. Những con đường tình nhân Yersin, Độc Lập hay bãi biển vắng đêm về, sóng biển nhịp nhàng, những hòn đảo thấp thoáng ngoài xa. Những hiệu sách với những cô gái hiền bên quầy thu tiền, những buổi ci-nê êm đềm, những con người ngoài phố không vội bước,...

*

Văn Võ Hồng dí dỏm, nhẹ nhàng. Tranh thủ tình yêu nhẹ nhàng, thua cũng không sôi nổi, dù trong lòng chàng trai kế toán thua trận tình với lính Hải quân. "Thôi, mất Mỹ Khuê rồi. Hải quân chiến thắng mình rồi". Gặp lại người yêu, thì cũng chỉ tiếc nuối thụ động: "Da trắng ngà môi hồng nhạt. Chết chửa! Khi thoát ra ngoài vòng tay của tôi, sao Mỹ Khuê lại đẹp thế? Sao lại quí thế? Đôi mắt đen mờ to như lúc nào cũng chỉ nhìn thấy việc thiện. Đôi cánh tay trắng muốt mà tôi đã có lần cầm lên và Mỹ Khuê khoe :

- Tay em béo đấy anh nhỉ? Và anh xem - nàng bẻ ngược mấy ngón tay ra đằng sau - ngón tay của em, lúc đi học đánh chuyen, chả đưa bạn nào ăn qua nổi

Tôi lợi dụng (...), cầm bàn tay đó, đặt lên môi hôn. Rồi nói:

- Bàn tay này sẽ thôi chơi đánh chuyen để mà lo săn sóc cho chồng, cho con.

Nàng rút tay, tát yêu vào má tôi. Than ôi! Đó là lần khôn ngoan đầu tiên và cũng là cuối cùng của tôi. Hôm nay thì tôi chỉ đứng đằng xa mà nhìn nàng, lẫn lộn giữa đám đông..." (Con Suối Mùa Xuân, tr. 97VN). Xa là đứng, cái anh chàng "chậm chạp và nhiều khi vô ích", mẫu "người đàn ông có lương tâm" (tr. 106).

Cái ghen cũng lạ : "Mỹ Khuê bao giờ cũng bắt tôi đợi năm phút trước khi nàng từ phòng riêng bước ra... Mùi nước hoa thơm ngọt khiến trông nàng ngon như một cái bánh. Đó là ý nghĩ cộc cằn mà tôi đã lỡ có. Giờ này thì chắc chắn là Phan đang ngồi vào cái ghế của tôi và Mỹ Khuê lại cứ ngon như một cái bánh..." (CSMX, tr. 101).

Còn cái ghen tự ái vì giàu nghèo nơi làng quê mảnh liệt hơn. Trong Dấu Chân Sa Mạc (CSMX), ông Học Mười góa vợ với cô Ba Hường góa, giàu và "khôn nể vỏ", kín đáo để ý nhau, nhưng

khi ông tình cờ nghe người đàn bà đó cười nói về ông khi có người chê ông nghèo, thì ông quyết liệt đến độ hấp tấp tái giá với một cô gái hai mươi.

Võ Hồng có những nhận xét tâm lý sâu sắc. Chiến tranh lấy mất những người trai, các cô gái phải "tranh giành nhau cả những người đàn ông xấu trai (...) Ở đô thị, đàn bà nổi đuôi đi vào hiệu uốn tóc, sửa da mặt, tẩy vết tàn nhang. Phải tranh giành những người đàn ông còn sót lại" (Tháng Năm Sương Mù, CSMX, tr. 21 VN). Trai 31 chưa vợ cũng bắt đầu lo, phải xem tử vi, rồi tự kỷ ám thị nhìn trước ngó sau đều thấy có người mê mình, như thầy giáo Phong trong Trá Thủ (CSMX). Áo tư tưởng, vì vấn đề là chính anh, con người không dứt khoát. Không dứt khoát nên mới áy náy, nhận tiền thối dư chần chừ không muốn trả lại vì người chủ bẩn chật, cuối cùng đem cho người nghèo tàn tật.

Võ Hồng có những nhận xét thâm trầm, ý nhị. Kể chuyện cô Ba Hường trong Dấu Chân Sa Mạc (CSMX), tác giả đã xót thương cô vì "cái cuộc đời cô đơn lạnh lẽo đó mang nhiều mâu thuẫn: cực khổ bởi vì giàu, đại khờ bởi vì quá khôn ngoan, bị bỏ quên bởi được mến chuộng. Ngoại trừ dùng Số Mệnh để mà giải thích và an phận còn thì, nếu dùng lý trí để mà suy xét cân nhắc thì tôi chắc nhiều người cũng sẽ như tôi xót thương mãi cho thân phận người đàn bà đó không biết nên xử sự như thế nào cho phải trong cái xã hội quá nhiều ác tâm, lường gạt" (tr. 144VN) Khi viết về những ngày thơ ấu, giọng văn Võ Hồng tha thiết, chân chất với những chi tiết tâm thường của đời sống hơn Duyên Anh, Nguyên Hồng. Trong Người Về Đầu Non, khi viết về những bài học vỡ lòng, tác giả đã cho thấy những mâu thuẫn giữa sách và đời: "Con ve cũng vậy, tôi chỉ biết con ve chó chửi chưa thấy con ve sàu. Nhưng có hề chi? Tôi cứ đọc và trong óc tự làm một bài dịch : NGHE con Nghe là con kỳ lân... A quả Na là trái măng cầu... I cây Si là cây đa... O' quả Mơ là trái gì tròn tròn..." (tr. 22).

Mặt khác văn chương của Võ Hồng có đặc điểm đã sử dụng tiếng nói của người miền quê ông trong đối thoại và cả trong cách hành văn và dùng chữ của ông. Tình yêu quê hương, "lòng yêu những vật tầm thường nhất", khiến ông có một thái độ độc lập văn hóa, đề cao góc quê hương nhỏ bé của ông, bên cạnh những Hà Nội, Sài Gòn và Huế đầy dẫy trong văn chương. Muốn thưởng thức Võ Hồng, người đọc phải hiểu tấm lòng của ông đối với quê nhà.

*

Võ Hồng đã chứng tỏ sống nhiều, sống ở một miền Trung thân thương nhiều hệ lụy của chiến tranh, của con người nồng nhiệt và dễ căm thù khi phải đối đầu với những tranh chấp ý thức hệ. Một miền Trung đời sống khó khăn nhưng phong phú tình nghĩa và ý nghĩa cuộc đời. Nếu con người Trung của Võ Phiến cương quyết và dứt khoát ở ý thức thế nào thì con người Trung của Võ Hồng tha thiết với nhau chừng ấy. Và nếu Võ Phiến nặng về phân tích tâm lý một cách ý thức, tách bạch thì phân tích con người của Võ Hồng nhẹ nhàng, thâm trầm, như một nhà giáo giương cặp mắt nhân hậu nhìn đám học trò sôi nổi mà tự nhủ cuộc đời và con người đâu đơn giản có thể. Thời gian và chín chắn tự duy sẽ trả lời hết đấy thôi ! Đã vậy, Võ Hồng luôn tin "ở hiền gặp lành" và "bỉ cực thái lai"! Ông triết lý về cuộc đời : "Cuộc đời thường hay kết thúc đen tối bi thảm như vậy. Những ngôi nhà đổ chủ, những cửa hiệu xóa đi, lớp người lớn ngã xuống và lớp người nhỏ phân tán ra khắp nẻo. Con người nhấn nạy trong ý thức cam chịu, cuộc sống bất rể mong manh như lớp vảy trên da thạch sùng..." (NVĐN, tr. 70).

Võ Hồng thành công về truyện ngắn hơn là tiểu thuyết dài và ông được người đọc biết nhiều từ sau 1963 khi sách ông được nhà xuất bản Lá Bối và các cơ sở Phật giáo phổ biến. Không thấy Võ Hồng có mặt trong các tuyển tập truyện ngắn "hay" hoặc "tiêu biểu" của 21 năm văn học miền Nam, dù đây không phải là tiêu chuẩn. Nói chung, sự chân thành đã làm nên nghệ thuật văn chương Võ Hồng. Riêng các truyện dài của ông có giá trị tài liệu về phong tục, về nếp sống, về nhân tình ở vào một thời điểm. Ông muốn là một nhân chứng với sứ mạng giáo dục truyền kinh nghiệm cho những thế hệ đến sau. Có những truyện mới đọc người ta nghĩ ông có ý phỉ báng hay răn đe, nhưng đọc lại sẽ thấy tác giả chỉ muốn tỏ lộ lòng từ bi, thương hại ngay cả với những nhân vật không đáng thương hại. Tác phẩm của ông được các sách giáo khoa

giảng văn trích dẫn từ 1963 và truyện Áo Em Cài Hoa Trắng viết cho thiếu nhi thường được chọn làm đề tài thuyết trình tại các trường học.

Sau 1975, vì hoàn cảnh chung, ông viết ít, nhưng đã có những bài tùy bút và truyện ngắn được người đọc thời hậu chiến tranh và "đổi mới" yêu thích. Những tâm tình thuần thành và nhân hậu của một người cả đời đã sống cho văn hóa giáo dục, cho quê hương và những con người chưa nhiệm "văn minh" của cuối thế kỷ XX. Các tùy bút trong Một Bông Hồng Cho Cha (Paris: An Tiêm, 1995) hoặc đã đăng báo như Mùa Xuân Nghe Tiếng Chim, cho thấy một Võ Hồng lạc lõng ở thời đại hôm nay, một Võ Hồng thương người và nhớ cảnh xưa đời cũ, thương nhớ trong bất lực, nhưng đã can đảm nói lên. Trong Lời Sám Hối Của Cha, phải thấm nhuần văn hóa đồng phương lắm mới có thể làm người cha mà can đảm ân hận và tự trách mình trước con cái. Ngoài ra ông đã cho xuất bản các tuyển tập Trong Vùng Rêu Im Lặng (Nha Trang: Văn Học Nghệ Thuật Nha Trang, 1988) và Truyện Ngắn Chọn Lọc (Hà Nội: Hội Nhà Văn, 1994). Trước thềm thiên kỷ mới, có thể nói tác phẩm của Võ Hồng là một phần văn hóa Việt Nam cũ đã ra đi không bao giờ trở lại !

Chú-thích:

* Các trích dẫn tác phẩm theo bản in lần đầu; khi dẫn sách tái bản ở hải ngoại, chúng tôi ghi kèm VN, Văn Nghệ hoặc XT, Xuân Thu.

"Nhà văn Võ Hồng", Nguyễn Nam Anh phỏng vấn. Văn (SG), 209, 1-9-1972, tr. 1-8.
Phỏng vấn Nguyễn Nam Anh. Bđd, tr. 8.

21-3-1997

(Nguyễn Vy-Khanh. *Văn Học Việt Nam Thế Kỷ XX : Một Số Hiện Tượng Và Thể Loại*. Chương 18. Glendale CA: Đại Nam, 2004).

2- Nghĩ và viết về Võ Hồng trong mắt mắt

Nguyễn Vy Khanh

Sau biến cố 30-4-1975, ở trong nước, sách báo miền Nam tự-do bị tịch thu và tiêu hủy, gần như toàn bộ các tác-giả bị cấm; ngoài nước thì các nhà xuất-bản như Sống Mới, Đại Nam, Xuân Thu đã in lại bằng cách chụp lại các ấn-bản có được hoặc chụp lại từ các thư viện Hoa-Kỳ như thư viện đại học Cornell ở Ithaca, NY và Library of Congress ở Washington D.C. Các sách in lại này rất kém về kỹ-thuật lẫn nghệ-thuật và được bày bán trước hết ở các tiệm tạp-hóa bên cạnh các tờ báo rất đơn sơ lần lượt xuất hiện mà tiếng Việt phải đánh dấu bằng tay và cạnh những chai nước mắm, gói phở khô mà phẩm chất cũng rất kém - cùng tình trạng với món ăn tinh thần nói trên. Đa số tác-phẩm của Võ Hồng đến với người đọc hải-ngoại ngay sau 1975 đều qua con đường đó! Từ những năm 1986, tác-phẩm Võ Hồng được tái bản, đánh máy, lên trang lại và hình-thức đẹp hơn với các nhà xuất-bản Văn-Nghệ (CA), An Tiêm (Paris). Ngay sau khi ra đến nước ngoài tị-nạn, chúng tôi đã vội viết những gì mình biết hoặc còn ghi nhớ, như về họ tên người Việt, về các thư-viện thời lịch triều, về tranh sơn mài, v.v. Vì nghề nghiệp thủ thư, tôi có nhiều cơ hội thăm các thư viện ở Bắc Mỹ nhất là ở Canada và tôi đã nhìn thấy một phần lý do miền Nam đã thua trận chiến-tranh 1957-1975: sách của cộng-sản Bắc Việt đầy đầy ở các thư viện đại học và thư viện quốc-gia trong khi sách "quốc-gia" tìm mỗi mắt không có (ngoài vài pamphlet tổng quan của các tòa đại sứ), nghĩa là gần như chỉ có sách của Mỹ, Pháp và cộng-sản Hà-nội. Trong các đại học ngay sau 1975 chúng tôi chứng kiến sách Hà-nội, được viết hoặc dịch ra tiếng Pháp và Anh, bày bán cho sinh viên với giá rẻ mạt, 1, 2 dollars (*Femme vietnamienne, Vietnamese Studies, Anthologie de la*

Bên đập Đồng Cháy

Con bìm bịp xuất hiện nhiều lần trong văn chương ba miền, nhưng hình như chỉ trong văn Võ Hồng cái tiếng kêu của nó mới được chú ý đúng mức: “Lại tiếng con bìm bịp. Một tiếng gọi ồm ồm, hồi thúc, giục giã. Một tiếng nhẹ nhàng như tiếng muống bột đổ vào khuôn bánh xèo nóng mỡ...” Chim mà kêu “xèo” như bột, ngộ quá. Vẫn con bìm bịp, khi “cất giọng trở canh” nó lại kêu “lạnh lạnh rền xa”. Ngoài nó, Võ Hồng còn chú ý “những con cò đứng rụt cổ ngủ trên cành tre”, “con chim sơn ca hát rung rinh ở đỉnh đầu” v.v.

Võ Hồng có tình cảm gắn bó với tự nhiên, hay ngẫm nghĩ về tự nhiên: “cây cối thì không biết vội vã như máy móc, không làm người ta lúng túng như máy móc. Chậm rãi, trầm lặng, cây cối không kích thích, bắt người ta rộn ràng”. Cây “trầm lặng” không làm rộn, mà chim chóc dù đổ bánh xèo bên tai hay hót rung rinh chót vót cũng không làm rộn...

Bà Xự năm mươi tuổi, chồng chết, con chết, suốt đời sống ở nhà quê. Chiến tranh muốn đuổi bà ra khỏi quê, nhưng bà không chịu...

(Thu Tứ)

Đã đến nước cùng rồi, đã đến nước chót rồi, không còn trì hoãn được nữa. Bà con lối xóm đi hết. Vợ vét gạo củi, đùm túm áo quần đi hết. Lừa bò, dất trâu đi hết. Quầy lúa gánh đường đi hết. Trên xóm Dương không còn tiếng người nói. Dưới Đồng Dài không có tiếng gà gáy trưa.

Bà Xự ngồi yên trên ngạch cửa, hai dòng nước mắt lặng lẽ chảy trên gò má.

Bỏ nhà cửa mà đi. Bỏ ruộng nương, bỏ vườn tược, bỏ khúc sông và cái bến nhỏ này mà đi. Không, tôi không muốn đi đâu hết. Năm mươi tuổi trên đầu rồi, tôi muốn ngồi yên một chỗ, nằm yên một chỗ mà chết cũng được. Chết là gì? Nhắm hai con mắt lại, nhẹ nhàng buông xuôi hai tay. Khởi đi cầy, khởi cần quạt giê lúa. Khởi gánh nước đổ vào chum, khởi quơ củi nhay vào bếp. Khởi làm khởi ăn khởi lo khởi tính. Thôi, cứ để cho tôi chết. Bà con cứ đi đi. Tôi lớn lên ở trên mảnh đất này, bắt đầu ngắt lá táo lá keo bỏ vào mẻ sành mảnh chén làm trò chơi nấu cơm với chị em bạn. Rồi cúi lưng xuống tập quơ cỏ lúa, cầm cái cuốc tập dầy cỏ bắp. Đội cái thúng đi mót lúa, ôm cái rổ đi mò ốc gạo. Không, không. Tôi muốn chết ở trên mảnh đất này... Sao? Chị nói không được hả, chết mà cũng không được hả? Sống mới khó chớ chết mà cũng khó à? Chỉ cần nhắm mắt buông xuôi hai tay mà cũng không được? Hồi xưa mẹ tôi chết dễ lắm. Trần trời với cha tôi rằng: “Thôi anh ở lại nuôi con. Con Lụa nó dại, tánh lũng bùng. Đừng đánh rầy nó tội nghiệp. Anh kiếm di ghê cho nó, nhớ lựa người hiền lành”. Rồi mẹ tôi không nói nữa. Mẹ tôi lên nằm trên sườn núi cạnh ông nội bà nội, ông cố bà cố. Cạnh ông Chánh Bát, ông Hương Hai. Cạnh thằng Mẫn con bà Tơ, cạnh con Thìn, con Thu bà Ni. Ai cũng lên nằm trên đó hết. Sao đến đời tôi lại khó khăn vậy? Đi tản cư. Đi đâu bây giờ? Đây là quê tôi, quê chồng tôi cũng là đây. Chỉ có nơi đây là quen thuộc. Bến đò Cây Dừa. Xóm Đường. Chợ Chiếu. Hòa Tú. Núi Mọt. Đập Đá Hàn... Chị nói đi đâu? Vô quận hả? Vô Phú Tân? À, tôi nhớ rồi, bây giờ quận dời về Phú Tân rồi. Chợ Gành đó mà. Hồi còn con gái, bọn mình hay gánh đường bán chợ Gành. Nhưng bây giờ thì gánh cả gia sản vô ở luôn chợ Gành. Mình đâu có nhà bà con trong đó? Thôi, cảm ơn chị. Chị đi trước đi. Để rai rả tôi coi thử đã.

Bà Xự đưa tay lau dòng nước mắt ngựa ngựa nơi khoé mũi. Chiều xuống nhẹ nhàng. Bóng tối dần về cây mít đứng sừng sững ở trước sân. Hàng tre im lặng. Chòm nhà bà Kinh, bà Nhuận

lấn vào bóng tối. Ngày thường, vào giờ này có ngọn đèn màu đỏ điểm giữa khung cửa đen sẫm. Bây giờ thì tất cả đều là màu tối loang lổ. Người ta đi hết. Hôm kia bà Kinh gánh trong hai đầu thúng hai đứa cháu nội. Quần áo cũ và mền bạc màu chèn chặt hai đứa bé. Xấp bánh trắng đặt lên đùi mỗi đứa. Ruột ghé gạo quàng vào một đầu gánh. Đầu kia lủng lẳng cái nôi. Bà kịu kịt gánh cháu đi theo đoàn chạy giặc. Cha lữ nhỏ, thằng Sách đi cày bị trúng mìn. Một khúc ruột lòi ra nơi lỗ bụng bị thủng. Y tá quận băng bó. Không có thuốc tiêm. Nó la hét nhiều lần rồi ngất đi. Máu rỉ qua lần bông băng. Đợi có chuyến công-voa chở ra nhà thương Qui Nhơn. Nhưng nghe nói mới đến Tuy Phước thì chết. Chôn cất thể nào ở ngoài đó, nằm ở nghĩa địa nào, ở đầu núi nào bà Kinh không hề biết, không hề thấy. Nghe chôn ở Hưng Thạnh. Chỉ biết là từ đó bà hay kể lể rằng thằng Sách thường hiện về trong giấc chiêm bao lặng lẽ nhìn mẹ rồi quay lưng thất thủ bước đi. Cái bụng quần băng dày cộm như bụng người lính quần cái mền. Thằng Sách chết thì đôi bò bán đi. Đám ruộng nằm ở vùng bản lẻ do hai bên kiểm soát nên con vợ thằng Sách không dám tiếp tục ra đó cấy hái. Nó lặn mò đi Tuy Hòa kiếm công chuyện làm ăn. Đi ở mướn cho hiệu cao lâu. Cả ngày ngồi ở sân sau rửa chén đĩa. Đĩa chén chất từng chồng, rửa hết lớp này thì đã có lớp khác bưng dọn ra. Ngồi trọ xương sống. Mỡ và bọt xà-bông ăn ngón chân và gan bàn chân nứt nẻ. Đêm nào cũng thức rửa đến mười hai giờ, sau đó lại phải nấu nước pha phen chua để dầm đôi chân. Cái lưng nhức tưởng chừng như có thể gãy làm đôi. Mỗi tháng ăn uống xong được lương bốn trăm đồng để gửi về nuôi mẹ chồng, nuôi con. Nhưng rồi nó không cầm cự được lâu. Ở nhà quê dù chân lấm tay bùn nhưng làm và nghỉ có giờ giấc. Cuộc sống rập khuôn theo sức phát triển của cây lúa cây bắp, mà cây cối thì không biết vội vã như máy móc, không làm người ta lúng túng như máy móc. Chậm rãi, trầm lặng, cây cối không kích thích bất người ta rộn ràng. Hôm con Sách xách va-li về quê thăm, nó mập và trắng ra. Nhà cao lâu thừa thãi đồ ăn dư, ăn tha hồ, những miếng thịt béo ngậy mỡ, những bát canh còn dư cả phần nửa, những đoạn bánh mì người ta mới bóc phần vỏ bên ngoài. Ăn không hết thì đổ vào chậu nước nuôi heo. Con Sách xót xa nhìn những miếng thịt mỡ dày óng ả, những miếng “xốt” màu vàng, những đùi gà gặm nham nhỡ, những khúc ruột bánh mì trắng xốp bị lừa rơi tòng vào thùng nước cơm. Con Sách nhớ tới thằng Tuồng, thằng Triện. Giá có lũ nhỏ ở đây mà sốt cho chúng ăn. Ở nhà, ba bà cháu chỉ cầu có đủ cơm ăn. Thường bữa cơm chỉ có rau muống, rau sam, tương, một đĩa cá liệt kho trắng chơn, lỏm chớm xương kỳ nhon hoắt. Nhiều hôm chúng ngồi chống đũa nhai cơm lạt.

Nhưng nhọc nhằn quá, con Sách cầm cự không được lâu. Sau chừng ba tháng thì nó đã bỏ cuộc. Nghe nhắn về nói nó đã theo một bà chủ tiệm vàng đi Đà Lạt. Bẵng đi ba bốn tháng không thấy tin tức, bà cháu lầy lắt với số tiền dành dụm còn lại. Với mấy gạ lúa mốt được từ hôm mùa tháng Ba, với số rau cỏ gầy còm mọc ở bờ ruộng, bờ ao. Sự sống xoay quanh cái mâm gỗ đen xin bị gặm sứt nhiều mảng. Sự sống thoi thóp đó vẫn không được để yên. Bà cháu đã đùm tùm nhau đi tản cư.

Bây giờ đến lượt mình... Mình đi đâu? Ở nhờ nhà ai? Lấy gì mà ăn? Ở đây còn có thể quơ quào bốn phía nhà kiếm lấy củ mì củ môn, trái dưa trái mít. Nhưng mà không được nữa rồi. Bom thả liên miên. Dãy nhà ngói của ông Tổng Viên bị bom lửa cháy rụi, tiêu sạch. May Phước cả gia đình đã dọn đi rồi. Lửa cháy lan đốt thêm nửa xóm. Dưới xóm Đình lớp thì bom, lớp thì súng, lớp bị chết cháy, lớp bị chết đạn. Ở xóm Ngựa, nhà cháy và người chết, trâu bò bị chết thui trong chuồng. Đạn đại bác lâu lâu được dọt ra vài chục trái bắt kể đầu hôm hay giữa khuya. Trúng ai nấy chịu. Ông Hương Ngọng ở hàng (?) Dao bị đạn đại bác sập hầm gãy chân. Thằng cha Bộ ở xóm Mía ấm con chạy chưa tới hầm thì đại bác nổ tan xác hai cha con. Quân đội ra lệnh đồng bào tản cư nhưng đi tản cư đâu có dễ. Nhà cửa bèo bọt đó, cái bàn, bộ ván, bồ lúa con heo, khiêng sao gánh sao cho hết? Biết mang theo cái gì, bỏ lại cái gì, Mỗi vật nhỏ cũng có giá trị của nó. Mua sắm rải rác suốt một đời người, những vật dụng đó gần gũi cạnh mình đến nỗi chúng như có linh hồn.

Có tiếng chân sột soạt ngoài hiên. Tiếng nói nhỏ:

- Chị Năm! Có chị Năm ở nhà không?

- Ờ! Chị Thủ Hai đó hả?

- Sao? Chị dọn dẹp xong chưa? Nhớ đem theo ít đồ đạc thôi. Bỏ bớt lại. Nặng quá gánh không nổi.

- Chị ngồi lại đây một chút.

Hai người đàn bà ngồi bệt dưới nền đất, cạnh nhau.

- Chị nghĩ thử bây giờ mình đi đâu.

- Thì cứ theo vô quận đã.

- Trong đó nước khó gánh, nhà cửa chật chội. Mà mình lấy gì ăn?

- Kệ nó, tới đâu hay tới đó. Tàu bay thả bom quá, chịu không kham. Thằng Chiến nó chần chừ rồi cũng phải lùa bò đi.

Tiếng xì mũi của bà Xự.

- Tai trời ách nước, ai muốn chi vậy. Thôi chị lo dọn dẹp đi. Thắp đèn lên.

- Sợ đại bác nó ngó thấy.

Bà Thủ Hai không nín cười được:

- Chị nói như điên. Đại bác ở tuốt trong quận bắn ra. Bắn ào ào cầm chừng mà thôi, chớ đâu có nhắm ngọn đèn của chị mà bắn. Thôi, để tôi chạy về nhà. Nhớ mờ sáng thì đi. Tôi ghé qua kêu chị luôn.

Trong xóm không còn sót mấy người. Lần này rủ nhau đi coi như chuyến chót. Thôi kệ tới đâu hay tới đó.

Bà Xự uể oải đứng dậy thắp đèn. Hai cái bao lát đặt trong hai chiếc thúng để giữa nhà đã chứa đầy những vật bà chọn đem theo. Áo quần. Gạo. Nồi. Bộ lư đèn bằng đồng cỡ nhỏ. Dao rựa, dây dừa, chén bát, vớng. Bà cầm đèn đi soi nơi bàn thờ. Nước mắt tuôn ra khi nghĩ rằng nơi bàn thờ này linh hồn chồng bà sẽ vất vưởng cô đơn. Người đàn ông đó đã sống với bà hơn hai mươi năm. Từ một anh nông dân thanh niên khỏe mạnh, người ấy đã lớn, đã già bên cạnh bà. Tính hiền lành mà hay đổ quạu. Hà tiện hà tận. Qua mùa cây bừa thì làm thêm nghề thợ mộc, thợ đóng cối xay. Không ai thuê mượn thì họ đan lờ, thả câu cá. Đang làm ăn ngon lành thì ngã ra chết. Thật vô lý, khoẻ như trâu, bắp thịt nổi cuộn cuộn như vậy mà cảm thương hàn mới bốn ngày đã nhập lý, lưỡi đen, măn giương măn chiếu rồi chết. Còn ai lo hương khói? Từ chiều mai bàn thờ này sẽ lạnh tanh. Bà rút một cây hương châm vào ngọn đèn rồi cắm vào bát hương.

Bức tranh thờ viết chữ Thọ có vẽ hình bông hoa lồng trong nét bút. Hai hàng câu đối chạy hai bên. Bức tranh đã phủ nhiều bụi. Bà cầm đèn đi xuống nhà dưới. Cây cột bằng tre già lảng

bóng. Bao nhiêu bàn tay mồ hôi đã rờ lên nó. Có nhiều vết dao băm lên thân tre. Đó là vết dao của thằng Xang chơi nghịch băm lên khi nó lên sáu tuổi. Bà chỉ sinh được mình nó. Khi cha nó chết, nó thay cha cầm cày. Tánh tình ít nói. Bà bảo nó:

- Mà có thương con Bằng, con bà Câu Qua thì nói. Tao nhờ mai mối đi hỏi cho.

Nó lúng búng:

- Ai thương ai nhớ gì mà đi hỏi.

- Chớ mà thương ai?

- Không thương ai hết.

- Bộ mà muốn đi tu hả? Con trai lớn thì phải kiếm vợ. Nhà không ai, mà cưới vợ để đỡ đàn chân tay.

- Mẹ muốn thì mẹ đi cưới lấy.

Bà la lên:

- Thằng này nói dại. Tao cưới vợ cho tao làm gì?

Tuy la lối nhưng bà cảm thấy an tâm. Mười tám tuổi mà không biết mê gái, không biết soi gương vuốt tóc thì nó sẽ là đứa con có hiếu. Mười đứa con bất hiếu thì hết chín là đồ mê gái. Có mê gái mới bỏ mẹ bỏ cha. Bà yên tâm gửi tuổi già vào một thằng con chỉ biết cặm cùi sau đuôi bò, chỉ biết tính toán buổi cày công cấy, chỉ biết vác cuốc dọn bờ hay cầm liềm đi cắt cỏ.

Tiếng thằng Xang chầm chầm:

- Sắp sửa đi quân dịch mà còn nói chuyện cưới vợ.

- Thì mà cưới vợ rồi đi. Để vợ mà ở nhà với tao.

Xang xì một tiếng:

- Có đứa con gái nào chịu dại vậy.

Đến tuổi, thằng Xang đi quân dịch. Đôi bò bán rẻ cho ông Xã Xu. Thôi đợi ngày mãn dịch nó về thì sắm lại đôi khác. Bây giờ không có nó ở nhà thì ai chăn? Bà đi quơ cỏ mướn, cấy thuê kiếm ăn qua quýt đợi ngày con về. Bốn tháng, sáu tháng. Mỗi tháng trông đợi dài bằng năm. Cây xoan trước cổng nở hoa vào lúc nó ra đi bây giờ lại nở hoa. Phải một kỳ nở hoa nữa thì nó về. Con tu hú báo hiệu mùa múi giẻ chín. Phải một mùa tu hú kêu nữa thì nó về. Cây ổi xá lị nó xin giống ở đồng Tròn về trồng năm kia, năm nay đã ra được hai trái. Sang năm nó về thì ổi sẽ chín đầy cành. Tha hồ nó mừng. Để đi hỏi con Bằng cho nó. Muốn hay không muốn thân kệ. Cha mẹ đặt đâu con ngồi đó. Giao cho vợ chồng nó ở căn nhà ngang. Bắt vợ nó nuôi thêm vài con heo. Bằm rau và chuối cho heo ăn. Rong ở dưới bầu ông Chỉ xanh dòn.

Giữa lúc bà tính nhắm ngày về của con, vừa dự toán công việc làm ăn thì có tin thằng Xang bị phục kích chết ở Phù Cát. Chết! Chết! Cái chết đợi con người ở mút đường đi. Có người đi đường dài, người đi đường ngắn. Thời bây giờ lũ nhỏ đi đường ngắn. Đám ma rất cuộc chỉ có

người già khóc lóc đi đưa. Tre khóc măng. Đến chừng tre ngã thì hết nghe tiếng khóc. Con gái làng đến tuổi không còn con trai đi cưới. Chúng tản mát chạy về thành phố kiếm công ăn việc làm và kiếm chồng.

Những thế hệ nối tiếp nhau nằm an nghỉ trên đầu núi. Tội nghiệp, thằng Xang thằng Sách thiếu mặt. Thằng Sách nằm ở doi núi Hưng Thạnh chẳng biết mặt nhìn ra Ghềnh Ráng hay nhìn về An Khê. Thằng Xang của bà thì không khéo mồ mả đã san bằng mặt đất bởi nước lũ mưa ngàn. Những đêm sáng trăng chắc có con cọp ngồi rình mồi bên cạnh hòn đá giần đầu mộ.

Ba đưa đó hồi nhỏ chăn bò một gò, tằm bò một bến. Ngồi kết từng cái lá mít chằm làm mào ông tướng, ông vua rồi tết lá chuối làm râu. Tụi nó mang râu đội mào cầm giáo hát bội, nhảy múa hò hét suốt ngày dưới chòm táo nhọn cạnh nhà ông Hương Trượng. Tụi nó đánh đáo, đánh mạng, đánh lú dưới bóng cây gạo. Tháng Bảy tháng Tám bông gạo nở đỏ mùi hăng thúi cả vùng. Ba đưa lớn lên, đứng cạnh nhau trên một sân gặt. Những cánh tay giơ cao bó lúa to, đập thình thịch xuống chõ tre, hạt lúa tung rào rào, rơi lộp bộp trên nón. Ba đưa thường gặp mặt nhau trên một đám đất, cuốc gốc mía phàm phạp, cuốc cỏ bấp sào sạo. Ba đưa thương nhau như ba anh em, kể từ ngày chung nhau bài hát "Tôi có nuôi một con chó. Trông nó to như con bò. Mai nó kêu quầu quầu quầu. Mốt nó kêu quàu quàu quàu", hát trật giọng sai nhịp, cho đến khi lớn, riêng tư mỗi đứa nghĩ về một người con gái. Bây giờ thì ba đưa đó đều ngã xuống hết, mỗi đứa một cách, mỗi đứa một nơi, nhẹ nhàng, gọn gàng như ba thân chuối bị phạt ngang bởi lưỡi rựa bén. Những đứa con trai! Trong thôn không còn những đứa con trai. Gồng gánh đùm tùm chỉ có đàn bà và và con nít.

Tiếng một con ếch ương gào to lên làm bà Xụ giật mình. Bà bụng đên đi thẩn thờ từ nhà bếp lên nhà trên. Mùi khói nhang nhắc nhở những ngày ám cúng. Bây giờ thì lạnh lẽo. Ngày mai còn lạnh lẽo hơn nữa. Mỗi mệt ở nơi sống lưng. Mỗi mệt ở hai đầu gối. Bao nhiêu công lao, bao nhiêu nhọc nhằn mới làm nên cái nhà này. Từng gánh đất ruộng gánh đồ chông chất hàng mấy tháng trời mới làm được cái nền nhà này. Vợ chồng ra công gánh, chiều mát và đêm trăng. Có tiếng con chim sơn ca hát rung rinh ở đỉnh đầu. Có ngọn gió nồm thổi ngã ngọn cỏ. Rồi sau đó chan chát tiếng chàng tiếng đực, cắt cửa bào khoét, cây cột cây kèo, cây xà cây trính. Rồi rui ròi mè, rồi mằm tri rồi rơm nhào vôi đất bùn, rồi từng tấm tranh chụp lên, rồi sắp nóc. Chồng bà hiện diện ở khắp nơi trên mái, ở dưới nền, mồ hôi chảy thành dòng ở giữa ngực. Bó lạt tre cạp ở lưng quần, chân giẫm nhèn nhẹt vào đất rơm, tay nổi gân siết từng nuốt dây, nuốt nửa. Bà thì quần xắn đến tận đùi hết gánh đất đến trộn rơm, hết nấu nước pha trà đến quần vai vác tre khiêng gỗ. Ngày êm ả tiếp theo ngày ngọc nhân, nằm trong nhà nghe mưa rơi rào rào trên mái, nghe gió rít từng luồng vật vã ở bờ tre.

Nghĩ đến đây, bà oà khóc thành tiếng.

Con chim bìm bịp cất giọng trở canh. Tiếng chim vang từ bụi rậm ở bờ ao, lạnh lạnh rền xa trong bầu không khí vắng yên mát lạnh. Bà Thủ Hai luôn tay đẩy cánh cổng tre bước vào sân, vào nhà. Sự yên lặng rờn rợn. Bà đi lại gần lay bà Xụ.

- Dậy! Chị. Mờ sáng rồi.

Mơ hay tỉnh đây! Minh hiện giờ ở đâu? Ở trong quận hay còn ở nhà? Hay đã chết rồi? Ông Xụ Ờ!

- Dậy gánh đồ đi chị.

Gánh đồ đi. Thế nghĩa là nỗi khổ cực đang tiếp tục. Nó bị ngắt quãng bởi một giấc ngủ chập

chờn, đầy mộng mị, bây giờ nó lại tiếp tục.

- Mẹ con con Bao và ông Trùm Đẹt đi cùng một chân với mình. Họ ngồi chờ ở ngoài đường.

- Mời họ vô nhà.

- Thôi, ăn uống gì mà vô. Đi rửa mặt đi. Chà, gồng gánh gì mà nặng dữ. Cửa ngõ nhà sau đã gài đóng kỹ chưa?

- Dạ, gài tẩn kỹ rồi chị.

Gáo nước khua lổn cổn vào thành chum. Tiếng nước sóng sánh quen thuộc, lạch tạch rơi xuống đất. Bàn tay vốc nước lã lên mặt. Mồi mê ở cổ. Cay nơi con mắt.

Bà Thủ Hai quảy dùm gánh ra sân.

- Cái nón đâu? Coi còn thiếu món gì không? Đóng cửa gài then lại cho chắc chắn.

Tiếng cánh cửa gỗ đóng “két”, nặng và dài. Chùm lục lạc cột ở khuy cửa khua rùng rềng. Toàn là những tiếng quen thuộc, những tiếng quen nghe từ hai mươi năm, hai mươi năm nay. Những bụi ớt. Giàn mỏng tơ. Đụn rơm. Cây mít còn ôm ấp những mảnh bóng tối. Cây ổi xá lị của thằng Xang. Bà quay mặt đi không dám nhìn nữa. Cái gánh đè lên vai. Thôi tụi bay ở lại. Má đi chắc không về. Tụi bay sẽ héo, sẽ khô không còn ai tưới nước cho tụi bay nữa. Tha hồ những con chim sẻ, những con chim quành quạch đục rĩa tụi bay. Má đi chắc không về nữa.

Những người ngồi đợi trước cửa làm bà hơi yên lòng. Con mẹ Bao dẫn hai đứa con. Mỗi đứa quàng một ruột ghé. Thằng cu Lớn đội cái mũ lính bằng vải mềm màu phân ngựa. Thằng cu Nhỏ đầu quấn khăn trắng như để tang. Nó bị miêng bom xẹt trúng cách đây một tuần. May không chết. Hai đứa ngáp dài rồi trôm con mắt nhìn bà trân trân. Ông Trùm Đẹt đen và gầy và cong như gốc tre già bị ám khói. Cái miệng móm riết lại, má trũng sâu như hai lỗ đáo. Bộ râu dài lơ thơ, màu đục bần. Da thịt khô cằn không nuôi nổi bộ râu.

- Ông Trùm Sáu cũng đợi bữa nay mới đi?

Đó là lời chào của bà. Giọng khàn khàn đụt hơi của ông Trùm Đẹt:

- Tôi đau gần chết chị Ơi. Bữa nay mới khỏe khỏe một chút. Gắng gượng mà đi.

- Con mẹ Bao, mày đi Qui Nhơn hay đi đâu?

- Dạ, cứ lần vô trong quận rồi coi đã.

Họ gồng gánh lục tục ra đi, kể trước người sau trên con đường hẹp. Sương ướt đầm ngọn cỏ quệt vào chân những luồng lạnh. Những ngày đi ra đồng sớm, cỏ cũng quệt sương vào chân lạnh như vậy. Đi co ro vòng tay trước bụng hay thủ hai tay vô bụng thật dễ chịu. Cỏ mọc lẩn ra đường. Vắng người đi lại mới chừng hai tháng mà cỏ đã mọc lẩn ra tự do. Không có những mồm háu ăn của lũ bò đi qua thì cỏ và bụi cây tha hồ mọc. Bà Thủ Hai mở lời:

- Nghe vợ chồng ông xã Chí đã lọt ra Qui Nhơn rồi. Đi theo đoàn xe hành quân.

- Con ông làm phó đại diện thì chính phủ phải để ưu tiên - Lời chị Bao.

- Bà Quảng mẹ ông thư ký quận cũng đi theo công voa.

- Tôi sợ lắm bà ơi. Thà đi bộ. Lỡ trúng nhằm mình.

Ông Trùm Đẹt làm lũi bước không buồn nói năng. Người đàn ông thường bạo dạn nhưng lại mau thất vọng hơn đàn bà. Ông không vợ, không con. Nhà nghèo không có phương tiện cưỚI vợ. Quanh năm cứ đôi dép cao-su lốp xe và cái rửa làm vật tùy thân để đi làm thuê làm mướn cho người ta. Lúc bình thường vẫn phải vay gạo hàng xóm để nấu. Ra đi tản cư mà chỉ có một cái khăn gói quàng trên vai. Đựng cái gì trong đó? Không thể có nhiều gạo, giấy bạc và áo quần.

- Vô trong quận kiếm nhà con Thâm ở nhờ, - bà Thủ Hai dửng dĩnh nói. - Nghe nói nó làm ăn khá. Buôn bán có tiền.

- Không chắc có còn chỗ. Cả xóm mình ai cũng nói vô ở nhờ nhà con Thâm.

- Không được thì mình kiếm nhà khác. Đồng bào tản cư mà, ai nỡ hẹp bụng.

- Thây kệ, tới đâu hay tới đó. Mình đã đánh nước liều rồi mà. Mình đâu có muốn đi. Nhà cửa chắc gì còn dư để mình xin ở nhờ. Dân chạy giặc cả một quận, hỏi ở sao cho hết nơi xóm Phú Tân nhỏ bằng bụm tay. Nằm ngủ bờ ngủ bụi rồi cũng bệnh chết.

Con đường đi trũng xuống, bao quanh bầu ông Chì. Lá ấu và rong đuôi chồn làm mặt nước có màu xanh tối. Những con cò đứng rụt cổ ngủ trên cành tre. Êm ái thanh bình là giấc ngủ. Phải chi lúc này chị Thủ Hai đừng đến kêu mình dậy. Lại tiếng con bìm bịp. Một tiếng gọi ồm ồm, hối thúc, giục giã. Một tiếng nhẹ nhàng như tiếng muống bột đổ vào khuôn bánh xèo nóng mỡ. Hồi còn con gái mình đi chợ Giã về nghe tiếng “xèo” của con bìm bịp, mình hay nói đùa với con Thiện “Thiện ơi, bước lẹ lên đi mày. Ở nhà đúc bánh xèo chờ rồi đó”. Thoáng chốc mà mình đã già rồi.

- Nè chị Năm, hay là vô Phú Tân rồi mình kiếm xe đò đi Tuy Hòa luôn.

- Tôi cũng chẳng có bà con nào ở Tuy Hòa.

- Vô Tuy Hòa còn kiếm cách buôn bán chút đỉnh. Bán bánh mì, bán chè cháo...

- Già đầu còn đi bán bánh mì.

- Kệ nó chớ.

- Tùy ý chị. Tôi thì tản cư ở ít bữa. Liệu yên yên thì mò về.

Mặt trời lên khỏi rặng núi A Man. Màu nắng vàng yếu ớt và rung rinh. Chắc là tại đêm qua thiếu ngủ. Không có bóng con trâu trên cánh đồng. Hai chiếc máy bay rà sát trên đầu, tiếp sau là tiếng nổ xé tai. Mọi người nhào vào trong bụi. Thắng cu Nhỏ khóc thét lên. Không phải bom nổ mà là tiếng nổ của máy bay. Mọi người lom còm bò dậy, phủi quần áo. Lại tiếp tục đi. Lũ nhỏ mỗi chân cứ lạch bạch đi tụt đằng sau. Con đường hun hút xuyên sâu vào giữa hai bờ tre.

- Gắng chút nữa đi con. Gắng đi tới đập Đồng Cháy rồi má cho nghỉ một lát.

Tiếng nước chảy ào ào thoáng nghe từ xa dội lại. Đập Đồng Cháy. Bà Xự cảm nghe như một cái nhói trong tim. Còn hai khúc quanh nữa thì tới. Đi qua khỏi quán bà Diển, đi qua khỏi đám bông của ông Cửu Chín. Bước qua một con lạch. Tiếng nước đổ rào rào. Đi vòng theo một đoạn đê. Lá tre khô nhũn nát dưới bàn chân. Xuống cái dốc hẹp. Đến đây rồi.

Lũ nhỏ mừng quá chạy lẹ đến gốc cây vông, tháo ném ruột ghé gạo xuống đất. Mọi đòn gánh đều hạ xuống. Ông Trùm Đẹt tụt khăn lau mồ hôi trán rồi cầm nón lên quạt. Chị Bao nấn đùi cho hai đứa con. Bà Thủ Hai lần mở khăn gói trầu. Riêng bà Xự thì thần thờ đi lại gần mép nước.

Những cừ gỗ cao to, đóng lún sâu xuống cát, ôm choàng vào nhau, xoạc chân để chống giữ sức nước. Khoảng giữa đập, nước đổ ào ào, bọt tung trắng ngần. Bọt nước trắng vỡ ra, bị nước cuốn đi, chạy vội vã về những miền xa lạ. Lau sậy hai bên bờ vật vã theo chiều gió cuốn, rung rinh những tua hoa óng ánh tựa kim tuyến. Tiếng nước ào ào tuôn đổ, át hết mọi tiếng động xung quanh. Nước tuôn từng mảng lớn, dày, uốn cong lại, nước ánh như dầu. Nước đổ say mê, mãi miết không dừng. Nước réo tung bừng, sôi sục, vẫy vùng. Tất cả tâm hồn bà Xự như bị cuốn hút theo tiếng nước đổ và đang tung bừng sống dậy. Không phải là sức sống tàn tạ của tuổi năm mươi mà là sức sống ào ạt của tuổi hai mươi đam mê mãnh liệt.

Đập Đồng Cháy. Nơi đây bà đã gặp Năm Xự, đã để cho Năm Xự cầm tay lần đầu. Hồi hai người còn đang ở tuổi xuân rụt rè. Thật là một buổi xế chiều êm đẹp. Lụa - tên hồi còn con gái của bà - đang cắt cỏ ở bờ soi mía kia. Gió giữa đồng trống thổi mạnh làm vật vã những thân mía đang tơ. Giỏ cô đã cất đầy mà trời còn sớm. Lụa bẻ lá rài thành một cái nệm mỏng trên cỏ rồi ngả lưng nằm ngửa mặt nhìn trời. Da trời xanh, cao vút, lảng vảng vài gợn mây mỏng. Mùi nhựa cây, mùi hoa dại pha với mùi đất ẩm tạo thành một mùi thơm nồng, ngây ngất. Tiếng nước đập đổ ồn ào, đều đặn như một điệu ru. Lụa lơ mơ nghĩ vẩn vơ. Mùa gặt sắp hết. Đêm qua đập lúa cả đêm. Thằng Thất hát gheo con Hòa. Thằng Được nói chuyện tiếu lâm tục tĩu quá. Thằng mất dạy. Con Cam thương thầm thằng Xự. Mỗi lần bà Bông cáp đôi nó với Năm Xự là nó nhắm tít con mắt lại cười. Năm Xự thì mắc cỡ. Năm Xự hiền, bộ mặt xinh trai. Mùa gặt sắp hết rồi. Không còn những tối đập lúa rộn ràng, những đêm khuya gánh lúa công đi về, đi từng hàng trên bờ ruộng hẹp. Năm Xự có đôi lông mày đen rậm... Mùa gặt...

Có những lúc nào đó Lụa bỗng quên hết, quên hết, quên hết, tâm hồn lâng lâng nghe mơ hồ tiếng nước đổ ào ào rồi nhỏ đi thành tiếng rì rào rồi im băng mắt. Rồi ào ào trở lại.

Chợt nàng giật mình. Có ai đứng cạnh. Năm Xự.

- Uờ.

Năm Xự lúng túng:

- Tôi giắt bò đi tắm. Qua đây...

Bằng những câu nói gì tiếp theo mà hai người có thể ngồi cạnh nhau để nói cho hết cả buổi chiều, mãi cho đến lúc hoàng hôn gài từng miếng tối vào lùm cỏ rối, vào từng bụi chim chim, bụi quít, bụi găng... Lụa không còn nhớ nữa, chỉ biết là khi sắp chia tay, Năm Xự bạo dạn nắm tay nàng mà nàng không phản đối. Trong sự im lặng ngỡ ngàng, nàng hồi hộp nghe tiếng tim mình đập và tiếng nước đổ ào ào như che chở, như rộng lượng bảo vệ. Hai người thương nhau từ đó và nơi hẹn hò thường là chỗ gặp gỡ ban đầu, nơi bờ soi này, bên đập nước đó. Luôn luôn có tiếng nước đập ồn ào hiện diện.

Bà Xự chột nhìn xuống lòng nước, soi thấy bóng mình. Hình ảnh cô Lụa tan biến vụn vút.

Hết rồi! Hết rồi! Không! Tôi không đi đâu hết. Tôi đã mất hết cả rồi. Tuổi xuân xanh. Chồng tôi. Con tôi. Chỉ còn đập nước này mà tiếng ào ào tuôn đổ không hề thay đổi. Nó đã nhìn thấy tôi tóc đen mượt và má tròn phúng phính. Nó đã thấy tôi trẻ đẹp và được thương yêu. Chỉ có nó. Nó nhắc nhở đến chồng tôi. Đến hạnh phúc của tôi. Mọi người khác đều nói: “Chiến tranh. Chạy giặc. Súng nổ. Bệnh. Đói. Chết...” Tôi không còn đủ sức để chống chọi. Cho tôi an nghỉ. Tôi sẽ không về ở trên xóm, tôi sẽ về ở cái chòi tranh giữ bắp nhỏ trên doi đất này, nơi đó tôi đã gặp chồng tôi, ngày xưa. Tôi sẽ sống lây lất với củ lang củ mì, với rau má rau dền, với hến với ốc. Thôi bà con đi đi. Chúc bà con mạnh giỏi. Cho tôi ở lại. Không, xin cho tôi ở lại. Tội nghiệp thân tôi. Tôi đã...

Bà Xự vụt bỏ chạy. Dáng bà chênh vênh chạy loạng choạng trên bờ đê cao. Chân sụp xuống mương. Té nằm xoài xuống. Lồm cồm ngồi dậy. Chạy... Té... Gượng dậy. Chạy... chạy... Không... không...

Đoàn tân cư về đến quận thì chỉ còn có năm người. Chiều xuống vội vàng khiến họ hồi hải vừa đi vừa chạy. Phải đến nơi trước giờ thiết quân luật. Từng đoạn đường dài sâu hun hút phải lặng lẽ chạy qua. Không dám nhìn sang hai bên. Có miệng súng nào đang há tròn chờ sẵn đó chẳng? Có cặp mắt thau sáng quắc nào đó của con beo con cọp từ động lớn về rình đó chẳng? Bom đạn nổ tan rưng, cọp mò về đồng. Đồng sâu núi thấp ngày trước còn rộn rã chân người, bây giờ vắng hoe nên trở thành giang san của beo của cọp. Mọi người rùng mình. Quang cảnh lúc này còn ám ảnh họ: đôi thúng đôi bao còn để đó mà mục Xự đầu mất. Kêu. Không có tiếng trả lời. Hú. Chỉ nghe tiếng núi vọng lại yếu ớt bên cạnh tiếng đập nước đổ ào ào. Sục sạo tìm kiếm, đập bờ đập bụi. Vẫn im lìm.

- Coi chừng có mìn gài.

- Chết coi chừng có mìn gài.

Mọi người đồng nói như vậy và sự hăng hái bỏ rơi họ. Họ đi lò dò, dáo dác nhìn trước nhìn sau. Lại kêu, hú. Núi đồi lại vang nhẹ tiếng hú mơ hồ. Mặt trời đã lên tận đỉnh đầu. Con đường đi về quận còn dài. Máy bay rà trên đầu, tiếng động cơ ào ạt vụt qua, gầm nổ bùng tai làm kinh hoàng những bầy chim. Chúng bay vụt từng đàn, bay tản mát cánh đập loạn xạ.

- Chị Năm ơi. Chị Năm Xự ơi!

- Ó bà Năm.

Mắt đỏ hào quang và mồ hôi chảy thành dòng. Thằng cu Lớn, thằng cu Nhỏ ngã chúi trên những bờ ruộng mấp mô. Sau một hồi tìm kiếm vô vọng, họ trở về mé đập. Không ai nữ quyết định bỏ bà Xự ở lại nhưng mọi người đều lặng lẽ quảy gánh lên vai. Phải gấp đi về quận trước buổi chiều. Không ai nữ nói lên ước đoán của mình nhưng ai nấy đều không cưỡng nổi ước đoán. Sụp xuống một búng nước rồi chẳng? Bờ mương con lấu ngày không ai dọn cỏ, cỏ mọc um tùm chẳng còn biết chỗ nào là đất, chỗ nào là nước. Bị ma giấu rồi chẳng? Người chết nhiều quá những năm gần đây, lắm xác chết không có người chôn cất. Thỉnh thoảng chó tha một bàn tay, một mảng da có tóc bê bết cát bùn. Hay cọp? Hay beo?

Đoàn tân cư chỉ còn có năm người, hấp tấp, hồi hộp, im lặng. Sau lưng họ, con đập Đồng Cháy vẫn đổ tuôn từng khối nước lớn, tiếng dội ầm ầm ào ào, bọt tung trắng ngần, vỡ ra, quay cuồng len lỏi chảy giữa những tảng đá to màu xám.

Võ Hồng Võ Phiến

(Văn Học Tổng Quát Miền Nam)

Còn Võ Hồng, điều làm ông lo lắng đó là cái tinh thần của lớp trẻ sau này, của các thế hệ đàn em. Ông than thở với Nguyễn Nam Anh: “Nếu tôi không mô tả một người đàn bà bụng rỗng đi chợ chẳng hạn thì ông nghĩ xem người thanh niên hôm nay có thể tưởng tượng ra được không? Bây giờ ở nông thôn chị nông dân nào đi chợ cũng xách giỏ bằng nhựa.” Nguyên một cái rỗng đã thế, hưởng chi bao nhiêu là chuyện khác trong cuộc sống cũ đang mất đi nhanh chóng: “Thế hệ của chúng tôi bị chiến tranh tàn phá quá nhiều, một số lớn đã chết, những nếp sống cũ lần lần bị xóa đi, thay thế bằng nếp sống mới. Tôi nghĩ rằng nếu tôi dâng trọn cả cuộc đời của tôi để dựng lại cái Dĩ vãng đó cũng vẫn còn chưa đủ.” “Vậy viết về những kỷ niệm Dĩ vãng tôi nhằm vào việc lấp một cái hố trống. Tôi muốn các thế hệ đàn em có dịp để thiết tha gắn bó với quê hương hơn.”^[9] Rõ ràng việc ông làm nhằm mục đích giáo dục; đó là sứ mệnh văn nghệ của ông.

Võ Hồng lấy tên thật làm bút danh, sinh ngày 05-05-1921 (*) tại làng Ngân Sơn, xã An Thạch, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên. Còn nhỏ học ở trường làng Ngân Sơn, trường phủ Tuy An, trường huyện Sông Cầu, rồi ra học trường Trung học Qui Nhơn. Năm 1940 học ban tú tài ở Hà Nội. Dưới thời chính phủ Trần Trọng Kim Ông làm bí thư toà Tổng Đốc 4 tỉnh miền nam Trung Việt đóng tại Đà Lạt. Trong thời kháng chiến Ông cùng Vợ dạy học ở Trung Học Lương Văn Chánh (Phú Yên) sau Ông làm hiệu trưởng trường này.

Năm 1953 bị bệnh xin nghỉ dài hạn. Năm 1954 đưa gia đình về sống ở Đà Lạt. Từ năm 1956 về sống ở Nha Trang, dạy học ở các trường tư thục và nghỉ hưu năm 1982.

Vợ Ông, cô bé Phan Diệu Báu xinh xắn ngày nào của xứ hoa Anh đào, đã cùng chồng dấn thân trong ngành giáo dục. Cuộc kháng chiến kham khổ đã làm hao mòn sức lực. Năm 1957 Bà sớm lìa trần vì bệnh tim, để lại cho Võ Hồng 3 đứa con nhỏ. Cuộc sống độn chiếc đã đeo đuổi Ông từ ngày ấy và mái gia đình trọn vẹn sum họp đã trở thành một dĩ vãng xa xôi. Từ khi các con Ông lần lượt rời bỏ ngôi nhà sinh trưởng, cuộc sống của Ông chỉ còn là hiu quạnh. Vắng bóng người Vợ, xa cách những đứa con và thiếu thốn những quây quần Ông cháu. Đó là tóm tắt cuộc đời quạnh quẽ trong căn phòng nhỏ của Ông.

Võ Hồng sớm cầm bút, truyện ngắn đầu tay Mùa gặt được đăng trên báo Tiểu Thuyết thứ Bảy, Hà Nội năm 1939 với bút hiệu Ngân Sơn, khi Ông còn là học sinh đệ tam niên (3e année). Mãi đến năm 1959 Ông mới thật thụ gia nhập làng văn với tác phẩm đầu tay Hoài cổ nhân.

Sau 1975 trong một hoàn cảnh xã hội phân cực trầm trọng (trong và ngoài nước), muốn tiếp tục giữ vững ngòi bút độc lập của mình và tránh mọi thị phi hiểu lầm Võ Hồng đã giới hạn sinh hoạt văn nghệ của mình nơi địa phương Khánh Hòa, giới hạn ngòi bút của mình trong đề tài giáo dục và tuổi thơ, giữ cuộc sống trầm lặng ẩn dật. Cũng trong thời gian này Nhà văn đã phải ẩn mình dưới 2 bút hiệu khác Võ An Thạch (*) và Võ Tri Thủy (*).

Cho đến nay Ông đã cho ra đời ngoài 8 tiểu thuyết và truyện dài, trên 70 truyện ngắn, nhiều tập tùy bút, bút ký, các tập truyện viết cho thiếu nhi, hơn 40 bài viết, bài khảo cứu, phê bình. Văn nghiệp của Ông sống qua mọi thời đại vì nó luôn gắn chặt với quê hương, với người dân quê mộc mạc Phú Yên của Ông.

Võ Hồng và quê hương bất hạnh

Trong không khí sinh động của văn nghệ miền Nam Việt Nam mười năm qua, vóc dáng Võ Hồng như một khiêm nhượng, một trầm lặng vì chiều hướng sáng tác cũng như kỹ thuật hành văn của nhà văn không nằm chung với ước lệ thời đại, thời đại cháy bỏng môi hôn, vòng tay bán loạn và thể xác cuồng mê!... Võ Hồng cô đơn di hành trên lộ trình nghệ thuật do mình chọn lựa. Nhà văn không dễ dàng chấp nhận sự thiếu chân thành, không chạy theo thị hiếu độc giả, không thỏa mãn đòi hỏi nhất thời của thị trường chữ nghĩa. Nhận định về Võ Hồng, quả thực Trần Thiện Đạo, đã soi sáng đúng mức giá trị và cương vị của Võ Hồng trước cuộc đời và văn học:

... Có những kẻ mà mỗi lời nói, mỗi cử động, mỗi hành vi chừng như được trời phú cho một thứ tiềm lực tự tại, đủ sức làm chấn động dư luận một thời, nhưng, cũng hết như bong bóng thổi phồng nhờ bầu khí giả tạo, lời nói ấy, cử động ấy, hành vi ấy thường chỉ chiếm mất tiền thời sự trong giây lát để rồi cùng với thời gian mà mất dạng vĩnh viễn.

Võ Hồng không thuộc thành phần minh tinh ngấn ngời ấy. Chúng ta ít nghe nói tới anh, nhưng đồng thời, chúng ta lại chừng như hiếm khi thấy anh vắng bóng lâu dài trên trường chữ nghĩa xứ này sắp tròn mười năm qua. Là vì bản tính của anh vốn mang thứ sắc thái vừa âm thầm, vừa tế nhị của hạng người chừng mực, và văn phẩm của anh biểu lộ tính chất mực thước, mực thước đến độ khiêm tốn và e dè.

(Hoài cố nhân, Nghĩ về Võ Hồng T.T.ĐX, 67)

Đúng, Võ Hồng một nhà văn mực thước, không thiếu phần trang trọng, cẩn thận trong mỗi sáng tác. Nhưng chính cũng vì thế, tác phẩm của Võ Hồng chỉ có ảnh hưởng với một lớp độc giả nào đó, ưa suy nghĩ, thích trở lại quá khứ để tìm về kỷ niệm, tìm khoảng thời gian đã mất để thấy có mình. Võ Hồng sáng tác rất đều, như nhà điêu khắc cần cù đục, giũa để biến tảng đá xù xì thành một công trình mỹ thuật. Xuyên qua hơn mười tác phẩm, người đọc, rất ít gặp những thoáng đam mê rực lửa, những hung cuồng ân ái với ngát ngậy mùi da thịt. Người ta thấy từng dòng u buồn lên nhẹ, từng xót xa đắm chìm tâm trí, từng băng khuâng tiếc nuối, từng cơn đau úp mặt, từng đắng cay tủi nhục của kiếp người bơ vơ giữa cuộc chiến tàn khốc đã và đang tiếp diễn trên quê hương bất hạnh này.

Võ Hồng viết, như kẻ lẻ nổi buồn thương lãng đãng, như gửi gắm ở mỗi dòng chữ sự chán mỏi đến tận cùng, nhưng vẫn làm vẻ thân nhiên, dung dị. Võ Hồng viết nhiều thể truyện, nhưng có lẽ, chỉ những truyện viết về cuộc chiến, dù thuộc quá khứ, mới thể hiện đúng bản chất Võ Hồng. Vì ở đây, qua đây, nhà văn đã đi vào chiều sâu ý thức, để nói lên những gì cần nói qua lời văn, qua từng hoàn cảnh khốn khó. Võ Hồng đã sống và trải qua những buồn vui thế cuộc, đã say mê lý tưởng với nhiệt tình. Nhưng cuối cùng, cánh chim rã rời tìm về tổ cũ, tìm về bao tháng ngày xa lác trong tâm tư và đối diện thường trực với thực tại nhứt nhối phía trước. Tất cả những thâm kín đó, được trải rộng trong kích thước vừa đủ, với những sự tình giằng co qua tâm trạng mỗi nhân chứng, cùng câu cười tiếng khóc âm vang trong tiềm thức người đọc. Việt Nam, ôi! Việt Nam, hai tiếng đó như gieo vào lòng mỗi người yêu nước những giày vò với nhiều hưng phế do lịch sử đẩy đưa: 80 năm nô lệ Pháp, bao nhiêu đối kháng nổi lên qua Đông Kinh Nghĩa Thục, Hoàng Hoa Thám, Việt Nam Quốc Dân Đảng, v.v. đều đi vào thất bại. Sự thất bại thể thảm giữa sức mạnh tinh thần và vũ khí tối tân, thất bại giữa tổ chức khoa học với nếp sống tùy thời. Nhưng dù sao, các chứng tích lịch sử ấy cũng đã thức tỉnh phần nào cơn mê muội của một lũ người cầu an hưởng lợi, để "gây vốn" sau này cho cuộc vùng lên vĩ đại của dân tộc.

Võ Hồng, con người tha thiết với quê hương, đất nước, đã dần thân trong suốt 9 năm khói lửa, chịu bao nhiêu gian khổ, bao nhiêu cay đắng, chỉ dành cho phần mình ít ỏi kỷ niệm và một chút niềm tin. Kỷ niệm và niềm tin, được Võ Hồng trải trong hai tác phẩm *Hoa bướm bướm* (1966), *Như cánh chim bay* (1971) cùng vài ba truyện ngắn in rải rác trong các tập truyện.

Tác phẩm *Hoa bướm bướm*, bắt đầu bằng khoảng thời gian báo trước sự chuyển mình của lịch sử. Khuôn mặt của Quý và Thức với những lời đối thoại sắc và khô đã tạo nên không khí nặng nề của một khung cảnh sắp đi vào môi trường khác với bất trắc không thể lường đoán. Những người trẻ tuổi đã ý thức được vai trò của mình trước lịch sử. Quân Pháp đầu hàng Nhật sau đêm mùng 9 tháng 3-1945, người Pháp thua không phải là hết, không phải do đó, nước Việt Nam được an hưởng thái bình. Trái lại, với hành động thất nhân tâm của quân phiệt Nhật, người thanh niên Việt Nam lúc ấy đã nhìn ra nhiệm vụ, một nhiệm vụ thiêng liêng. Họ không tin Nhật có thể thắng trận chiến này, nhưng vì hoàn cảnh chúng ta phải hợp tác với Nhật để chờ thời. Cái thời đó đến mau hay chậm còn tùy vận nước:

... Má tôi cứ nghĩ rằng ba ngàn mẫu ruộng ở An Hòa và dãy lâu đường Mayer nuôi dưỡng tôi sung túc hơn mọi bằng cấp.

"Người ta đi học không chỉ vì bằng cấp".

"Cố nhiên là chị nói đúng và tôi cũng đồng ý như chị".

Sinh viên ở lại Hà Nội có nhiều việc để làm lắm. Giai đoạn này là giai đoạn của thế hệ chúng ta. Thăng Thanh, thăng Hiệp vào trường Thanh Niên Tiền Tuyến ở Huế. Ban xã hội của Tổng hội Sinh viên hoạt động đắc lực trong việc cứu đói. Các tổ chức chính trị lớp công khai, lớp bí mật làm sôi nổi không khí của Thủ đô.

"Nhưng chúng tôi không tin là quân Nhật thắng trận".

"Nhiều người cũng tin như vậy, nhưng hoạt động chính trị đâu có phải vì tin rằng quân đội Nhật thắng trận? Cuộc đảo chánh mùng 9 tháng 3 là cái dịp tốt để dân tộc ta giải quyết lấy vận mệnh của mình. Vận mệnh của mình không phải do quân Nhật giải quyết".

Thức nhắm nháp tách nước trà vừa đưa mắt nhìn lên đầu tủ. Bức ảnh Thống chế Pétain treo lấp sau lọ hoa cúc trắng. Thức chỉ lên bức ảnh:

"Chị vẫn còn trung thành với Thống chế?"

Quý mỉm cười:

"Đâu có, bà nội đã hạ bức ảnh xuống hôm 9-3, nhưng tôi ngăn lại, muốn giữ bức ảnh đó một thời gian để nhìn chơi. Ít nhất nó cũng nói với mình nhiều hơn là một mảnh tường trống trơn hay một bức tranh tầm thường. Cốt nhất là mình hết nghe nó nói".

"Phải, tôi vừa nghe nó nói rằng: đừng tin ở một sự huy hoàng nào hết. Cái gì rồi cũng qua đi..."

(Hoa bướm bướm, trang 8-9)

Những khuôn mặt của Thức cũng như Cẩn – sinh viên kiến trúc – hiện diện trong tác phẩm *Hoa bướm bướm*, như một thoáng qua. Tác giả dùng họ trong khoảnh khắc, để thực hiện một ý tình nào đó, được nhà văn xác định rõ ràng trước khi viết. Thức yêu Quý, muốn cùng nàng kết tóc,

nhưng Quỳnh cô gái trí thức, học trường đêm, không yêu Thức mà cũng chưa yêu ai ở giai đoạn này, kể cả Cần và người sinh viên luôn luôn sốt sắng mỗi khi Quỳnh nhờ vả. Tác giả đã dùng thị xã Đà Lạt, nơi nghỉ mát của nhà giàu, với những chiếc va-li sang trọng, với khung cảnh nên thơ của núi rừng cao nguyên để ghi nhận những đồ vỡ, hận thù cũng như khí thế vùng lên của đám dân thị xã, từ lâu được an hưởng thanh bình và khí hậu ưu đãi.

Chính trong khuôn khổ thị xã này, do thực dân tạo nên, những người Pháp đã sống vô cùng khốn khó trong trại tập trung (Cité Decoux) dưới quyền kiểm soát của quân Nhật, dưới sự khinh khi của người dân nô lệ hôm qua, nay được dịp trả thù cho hả cơn tức giận, mỗi thù 80 năm mất nước! Nhưng không phải mọi người đều như thế, trường hợp Quỳnh đã giúp đỡ Caroline – người bạn gái cùng học Philo ở Lycée – trong lúc khốn khó, bằng cách mua giúp thức ăn, để ít ngày sau, Quỳnh đã mang lụy với Ủy ban Cách mạng Thị xã Đà Lạt. Hình ảnh người Pháp, trong những ngày bị hạ bệ, thật thâm thảm, dưới nét mực Võ Hồng:

... Một người Pháp già đi ngược chiều với nàng, mặt cúi xuống nhìn đất và hai tay xách giỏ nặng. Những gói bọc giấy chen lẫn với củi su, khoai tây, hành. Một bó kiệu tây thò đầu ra ngoài miệng giỏ. Quỳnh có cảm tưởng ông ta mang nặng 80 năm tội lỗi trên vai. Hai giỏ thức ăn trĩu nặng hai bên tấm thân gầy, cao ngẩng chúi về trước khiến nàng liên tưởng đến cái dấu chấm hết. Chấm hết những trang sử do Courbet, Rigault de Genouilly, Varenne, Decoux viết ở trên đất này...

(*Hoa bướm bướm*, trang 25)

Nhưng trong khi ấy, miền Bắc thiếu gạo. Một triệu người vừa gục xuống lòng đất. Chính phủ Trần Trọng Kim, dù là bù nhìn của quân phiệt Nhật, cũng vẫn phải tìm đủ mọi cách trợ giúp miền Bắc, để cứu những người dân quê sống thoi thóp chờ vụ lúa sắp tới. Sự chuyên chở lúa gạo trong thời gian đó phải xin phép cơ quan Nhật dù chờ từ tỉnh nọ qua tỉnh kia. Một triệu người miền Bắc chết đói cũng do tội của Nhật và Pháp. Nhật bắt bỏ ruộng trồng đay, Pháp cấm chuyên chở gạo từ miền thừa sang miền thiếu.

Trong các hình thức trợ giúp cứu tế, có cuộc tổ chức văn nghệ. Quỳnh đóng góp cho đêm văn nghệ đó bài ca *Chùa Hương*, thơ Nguyễn Nhược Pháp, Hoàng Quý phổ nhạc. Quỳnh đã thấy Luân, bí thư của Tổng Đốc, và nàng tức giận vì dáng điệu Luân khinh khỉnh dễ ghét. Luân, một thanh niên có học mới ra đời, ném mình vào công việc của chính quyền lúc ấy, với mớ kiến thức cứng ngắc qua sự hiểu biết về luật lệ hành chính, luôn luôn nghiêm minh trong vấn đề giao tế. Luân người Trung, học ở Hà Nội, đã trải qua những giờ phút căng thẳng nhất của cố đô Thăng Long khi quân Nhật đe dọa Đông Dương bằng vũ lực, cũng như đã chứng kiến những trận oanh tạc của phi cơ Mỹ xuống Hà Nội hồi quân Nhật chiếm đóng. Võ Hồng viết rất chính xác về không khí miền Bắc trong thời gian đó:

... Trên bãi đất trống cạnh hồ Thiên Quang, người ta đào những hầm hình chữ Chi, rộng bốn tấc và sâu không hơn tám tấc. Người đứng lớn nhón dưới hầm (gọi là hào thì đúng hơn).

Trên bãi chợ hàng Da, người ta không đào hào mà lại đắp hào cao trên mặt đất. Hào xây bằng gạch. Có còi báo động, kẻ mua người bán và đồng bào ở mười đường phố lân cận, đội nón, che ô, chen chúc nhau vào ngồi trong hào. Luân có ý nghĩ thú vị, giá mình là phi công oanh tạc, ở trên máy bay nhìn xuống thấy cảnh tượng ngổn ngang và ngớ ngẩn này, chỉ thương hại và buồn cười và không nở bắn phá gì hết...

(*Hoa bướm bướm*, trang 38)

Vì an ninh chung, Luân cũng phải tản cư ra khỏi thành phố Hà Nội, về miền quê, tránh bom

đạn. Miền quê đất Bắc được nhà văn vẽ lại bằng những nét thật duyên dáng, thật nên thơ, qua ruộng mạ xanh non, qua cánh đồng phẳng thấp, qua con đường làng quanh co rợp bóng tre với ao bèo, ao rau muống có chiếc cầu ván nhỏ bắc ra lòng ao. Đoạn văn này, chắc chắn tác động sâu xa vào tâm thức những người di cư đã gần 20 năm nay, không nhìn thấy quê hương yêu dấu cảnh vật thân thuộc như hàng cau, mái rạ, đụn rơm, v.v. nhưng sự thật chúng vẫn sống mãi trong lòng những con người "thiên lý tương tư".

Dù bom đạn có rơi xuống mỗi ngày mọi người cũng không vì nó mà bỏ quên sự sống. Lúc nào có máy bay, chui xuống hầm, máy bay đi, lại công nào việc nấy.

Những yếu điểm của thị xã Đà Lạt do quân Nhật trấn giữ. Việc sung công nhà cửa được thi hành bừa bãi. Nhà của bà nội Quý cũng bị niêm phong trưng dụng vì nó nằm trong vòng đai phòng thủ. Quý nhờ Hảo – cô bạn gái – đến cầu cứu Luân, người của chính quyền Việt Nam, mong can thiệp với cơ quan Nhật trả nhà. Luân từ chối khéo vì sợ bị nghi ngờ không trong sạch. Quý hậm hực trong lòng. Nhưng rồi nàng vẫn lấy lại được nhà, do Cẩn giới thiệu với Mai Trang, người đàn bà quen lớn với Tòa sứ Nhật. Người ta đồn đại, Mai Trang là tình nhân của ông Sứ Nhật Ishikawa, ông này đã du học ở Ba-lê, nói tiếng Pháp giọng *parisien*, và nhiều chuyện bí mật xoay quanh thân phận Mai Trang cùng thế lực của nàng. Mai Trang làm Trưởng đoàn Hồng Thập Tự do Tòa Sứ Nhật đỡ đầu, vì sự giao dịch công việc, nàng quen Luân và có nhiều cảm tình với chàng. Luân, gã thanh niên trí thức ngây thơ, tin tưởng vào sự giúp đỡ thực tình của Nhật cho Việt Nam, nên chàng không muốn có sơ hở nào về tư cách, có thể làm mất tín nhiệm đối với họ. Luân không giúp ai việc gì để lụy đến mình. Ngay cả với bạn thân, muốn chàng giúp đỡ trong vấn đề chuyên chở gạo, Luân cũng thẳng thắn từ chối, để nhận những câu trách móc gần như chửi rủa:

... "Thôi, tao bắt tay mày. Đừng tưởng tao giận vì số lợi hai mươi tấn gạo ấy đâu. Vì tao sẽ vẫn cứ chờ như thường. Nhưng bằng cách khác. Bằng cách gì mày biết không?"

"..."

"Bằng cách này".

Tiền móc ví trong túi áo, rồi ra dấu đếm tiền bằng ngón tay.

"Tao đi liền bây giờ, xuống Tòa Sứ Nhật Bản. Tao sẽ có chữ ký nửa giờ sau. Mày cứ ngồi yên đấy mà làm ông Khổng Tử đời nay..."

(Hoa bướm bướm, trang 63)

Tiền và đàn bà là nhất, bất cứ ở thời đại nào. Nó có sức mạnh thay đen đổi trắng, làm đảo lộn những giá trị. Nó làm cho con người thăng hoa đời sống hay chịu ô danh, nhục nhã suốt đời. Nó là luật chơi, kẻ nào từ chối, tức là từ chối luật chơi, không biết sống, trước sau gì cũng bị nó nghiền nát.

Lời ước đoán của Thức ở đầu cuốn truyện đã thành sự thực. Nhật thua trận sau hai trái bom nguyên tử ném xuống Hiroshima và Nagasaki. Lợi dụng thời cơ, phong trào Việt Minh từ bóng tối nhẩy vọt ra ánh sáng chính trị, với thành tích ám sát, tuyên truyền thuộc thời gian bí mật, để kích động quần chúng tham gia vào công việc cướp chính quyền toàn quốc. Những cuộc mít-tinh, biểu tình được tổ chức đại quy mô với đông đảo thành phần tham dự. Những khẩu hiệu yêu nước được hô to. Những bàn tay nắm chặt giơ cao. Luồng gió Cách mạng đã hất Luân ra khỏi chính quyền thị xã. Luân đứng trên ban-công nhìn đoàn biểu tình, trông rõ từng nét mặt

quen thuộc, bạn bè và đám công chức tuy không hăng hái lắm, nhưng đi thẳng hàng ngay lối. Điều này chứng tỏ tinh thần kỷ luật mà "các nhà nước" đã thay nhau dạy họ. Cuộc cướp chính quyền của Việt Minh tại thị xã, không gặp khó khăn nào cả. Hôm sau, nhà Luân bị chính quyền Cách mạng niêm phong. Chàng phải đi ở nhờ nhà Hảo. Căn nhà đó là của Chính phủ cũ cấp cho Luân, nay Chính phủ chết rồi, chàng không có quyền ở lại. Mất căn nhà ảm cúng, trong khung cảnh thơ mộng, thực tình Luân cũng tiếc, nhưng không tiếc bằng chiến thắng của Cách mạng mà không phải trả bằng máu.

Sau khi cướp chính quyền, Cách mạng miền Nam cũng không có thời gian để tổ chức chu đáo guồng máy cai trị. Dưới Sài Gòn súng đã nổ, quân đội Pháp đã theo chân quân Anh vào đất cũ. Từ đó, những chuyện lộn xộn bắt đầu xảy ra, giữa chính quyền Cách mạng và quân đội Pháp. Dân chúng sôi sục căm thù, muốn dùng sức người để tiêu diệt đoàn quân Cécile với súng ống tối tân, máy bay, xe tăng nồm nợp. Còn quân Nhật tuy bại trận nhưng vẫn còn đủ sức mạnh để làm khó chính quyền Cách mạng lúc đó.

Mai Trang đến thăm Luân trong một hoàn cảnh không mấy thuận lợi. Qua câu chuyện, Luân mới biết nàng là cán bộ Việt Minh "nằm vùng" trong lòng địch. Nếu quân Nhật không bại trận sớm, có lẽ nàng đã bị "*Kem-pei-tai*" bắt. Mai Trang ngỏ ý mời Luân tham gia Ủy ban, nhưng Luân e dè. Nhân dịp này, nàng cũng cho Luân biết luôn thân thế mình. Mai Trang cô gái miền Nam, ra Hà Nội học ở Couvent rồi lấy chồng làm Tham Tá, người Bắc. Lấy nhau 6 năm, chưa sinh con, theo tục lệ cổ, gia đình bắt chồng nàng phải lấy vợ lẽ, để có người nối dõi. Nàng không chịu, đành ly dị, tuy hai vợ chồng vẫn yêu thương nhau. Bây giờ nàng cô đơn, hoàn toàn cô đơn trước cuộc đời này.

... Mai Trang chột rùng mình. Giọng nàng nhỏ lại như một hơi thở, run run:

"Trang thấy lạnh lạnh. Mát hết cả rồi. Tuyệt vọng rồi. Còn dè dặt để đợi chờ gì nữa? Luân, anh hãy ôm vai Trang đi. Trong năm phút".

Luân nhìn Trang, bỡ ngỡ vì lời đề nghị bất ngờ.

"Kìa, Trang bảo thật mà. Vas-y mon enfant, ne fais pas l'idiot".

Luân quàng tay ôm Mai Trang. Nàng ôm choàng lấy Luân, siết chặt giữa vòng tay rồi gục đầu vào vai chàng. Ngón tay Luân bấm vào vai, vào lưng. Thịt mềm, ấm dưới ngón tay. Mùi thơm của tóc, của phấn, của làn áo mỏng làm chàng ngây ngất. Mai Trang ngấn mắt lên. Đôi mắt nàng ướt đầm:

"Anh hôn Trang đi. Hôn cho rõ dài".

Luân cúi xuống hôn trên đôi môi...

(Hoa bướm bướm, trang 86-87)

Câu chữ Pháp, Mai Trang dùng để ra lệnh cho Luân, vừa yêu mến vừa trịch thượng, nhưng sở dĩ nàng phải dùng nó, nhằm che lấp sự trơ trẽn của ngôn ngữ. Đoạn văn trên, rất hiếm hoi trong các tác phẩm của Võ Hồng. Nó được ghi nhận như một ngoại lệ.

Không khí sinh hoạt của dân chúng thị xã Đà Lạt như ứ nghẹn bởi sự đe dọa của chiến tranh Pháp - Việt. Các thanh niên bắt buộc phải tập quân sự và tham gia đoàn tự vệ. Các công sở lạng lẽ rời thành phố. Dân chúng đã được lệnh tản cư. Có người quá nghèo không còn tiền để

sinh sống nên vấn đề tản cư làm họ lo lắng, nếu không đi, bị coi là Việt gian tính mệnh khó mà an toàn. Võ Hồng đã viết rất đúng tâm trạng và hoàn cảnh xã hội trong giai đoạn ấy, dù hoàn cảnh được thu hẹp trong một gia đình:

... Anh bếp cũ của nhà Quỳ, gặp nàng bệu bạo khóc:

"Dù có lệnh tản cư nhưng nhà cháu nghèo quá, lấy tiền đâu mà mua vé tàu ra Bắc cả gia đình. Còn nếu ở lại, thì thành Việt gian cũng chết".

Bà nội nhất định không tản cư.

"Con bảo nội tản cư về đâu bây giờ? Quê hương ở dưới Tân Châu, Hồng Ngự mà bây giờ về đó sao được? Giặc đã dậy ở dưới đó rồi. Chạy xuống trại hầm, trại mát thì nội ở nhờ nhà ai? Thôi nội cứ ở đây".

"Nhưng ở đây người ta bảo là Việt gian".

"Nội già rồi. Làm Việt ngay hay Việt gian gì cũng được".

(*Hoa bướm bướm*, trang 97)

Bà cụ nhất định không đi chỉ vì sợ cảnh ăn nhờ, ở đậu khổ lắm, không chịu nổi. Giữa lúc ấy, Quỳ đang bị ban Đặc vụ theo dõi vì nàng tiếp tế cho Caroline ở Cité Decoux, trại tập trung người Pháp dưới thời Nhật. Mai Trang lại hiện ra cứu nàng, bằng cách bảo làm đơn xin gia nhập Đoàn nữ cứu thương. Hai ngày sau, Quỳ đã mặc *blouse* trắng với chữ thập đỏ trên mũ.

Tình hình căng thẳng, mọi người lũ lượt ra khỏi thành phố, trong đó có Luân. Cái cảnh tản cư lê thê, lếch thếch, đi chỗ này, nghe tin địch đánh chỗ kia với tâm trạng vô cùng hoang mang. Những ngày tản cư là những ngày sống tạm với nhiều lo âu phiền muộn cho mỗi số phận, mỗi gia đình. Nhất là tản cư ở vùng rừng núi càng chán. Chẳng biết làm gì kiếm sống, ngày ngày nhìn rừng núi, đêm đêm nghe hổ "à ùm, "lép lép" với vượn kêu, chim hú, muỗi, vắt như châu làm sao chịu nổi?

Luân được mời tham gia vào Ủy ban Cách mạng vì chàng quen biết lớn với quân Nhật khi còn ở Tòa Tổng Đốc. Người ta mời Luân, nhằm để giải quyết các khó khăn giữa tàn quân Nhật và Ủy ban trong vấn đề đặng chạm về quân sự. Luân nhận lời, để tránh những ngày tản cư buồn nản.

Thị xã Đà Lạt thật sự đi vào không khí chiến tranh. Quỳ đã vượt thoát được nguy hiểm qua bốn trạm kiểm soát của quân Nhật. Nàng phải hóa trang thành cô gái nghèo khổ, lem luốc để tránh sự háo sắc của lính Nhật. Nhưng không may cho Quỳ, khi đến trạm kiểm soát của bên ta, nàng bị giữ lại, do lệnh của Ban Chỉ huy. Cuộc điều tra được thực hiện với những câu cật vấn như bắt buộc phải nhận tội. Quỳ choáng váng vì không ngờ sự tình có thể xảy ra như vậy. Chuyện nàng mua giùm thức ăn cho Caroline, chỉ do tình thương đối với người bạn học, hơn nữa, việc đó ở dưới thời chính phủ Trần Trọng Kim, nay người ta khép tội nàng tiếp tế cho địch, trong khi nàng vì Cách mạng ra khỏi thị xã.

Khi cuộc chiến mới bắt đầu, vấn đề kiểm soát thật gắt gao đối với người thành phố. Mặc chiếc áo popeline có hai sọc xanh đỏ, mang một tấm gương nhỏ soi mặt, cũng đủ yếu tố kết tội làm do thám cho địch.

Cái cảnh xử tử Việt gian trong thời kháng chiến được Võ Hồng viết thật xúc động. Nó như bản cáo trạng. Nó thảm thiết và tàn nhẫn. Nó là số đông mù quáng:

... Hôm đó là chiều Chủ nhật, các nhân viên nghỉ việc, phòng giấy đóng cửa. Một người đội viên nói với bạn đồng đội:

"Hôm kia mình mới đi coi xử tử Việt gian".

"Xử ở đâu?"

"Ở bãi cỏ sân vận động dưới Dran. Thành cha can tội lừa bò về bán cho Pháp. Nó khôn, lừa đi toàn bằng ngã Ankroet. Bị đặc vụ của ta bắt dẫn về dưới này. Ban Chỉ huy Mặt trận xử tử".

"Nó có sợ không?"

"Sợ như cha chết. Dẫn nó ra cột ở cây xử bắn, nó khóc lóc giọng, khản tiếng. Giọng nó khan đặc và cứ gào: Trăm lạy chính phủ! Chính phủ tha con. Trăm lạy đồng bào, đồng bào xin giùm với chính phủ tha cho con, con đội ơn đồng bào. Con đội ơn chính phủ".

"Đồng bào đi coi có đông không?"

"Đông như kiến... Lần đầu tiên xử bắn mà!"

"Nó lạy đồng bào rồi đồng bào nói sao?"

"Mỗi lần nó kêu khóc nhờ đồng bào xin giùm với chính phủ thì đồng bào lại hô to: Bắn! Bắn!..."

(Hoa bướm bướm, trang 126)

Đó, cái mạng con người trong chiến tranh nó như vậy và tòa án nhân dân chỉ tượng trưng cho một quyết định đã xếp đặt trước.

May mắn, Quý được tha để sung vào Ban Tuyên truyền, vì họ đang cần một người giỏi Pháp ngữ để phiên dịch tài liệu. Luân có lại thăm Quý trong trại giam một lần. Vì cơ sở ở gần nhau, nên họ thường gặp. Sự hiểu lầm giữa hai người lúc trước, đã dần dần tan biến. Tên Đạo, Trưởng ban Tuyên truyền mê Quý, nàng nói chuyện này với Luân. Quý ghét Đạo, nhưng vẫn phải làm việc dưới quyền hắn. Luân cảm thấy bâng khuâng vì bắt đầu yêu Quý thầm kín. Quý cũng vậy, nhưng khi nói chuyện nàng vẫn gọi Luân bằng ông, xưng em. Một buổi chiều, Đạo giữ Quý ở lại bàn giấy vì lý do công tác, nhưng mục đích để tỏ tình. Quý chống cự. Đạo toan dùng bạo lực, Luân chọt vào. Đạo căm thù, tìm cách đưa mỗi người đi một ngã. Luân ở lại với toán liên lạc. Quý theo cơ sở đến Tháp Chàm.

Trong mấy ngày Luân công tác đặc biệt tại Fimmon để điều đình với quân Nhật về vụ Vệ Quốc bắn chết tên lính Nhật, Mai Trang tìm đến chỗ ở của Luân. Không gặp, nàng viết thư để lại. Nội dung lá thư đầy lời lẽ âu yếm và nói sơ qua về đời sống với gian truân, cũng tỏ ý lo ngại cho số mệnh Luân. Trang đã yêu Luân thật rồi.

Những ngày chịu áp lực quân sự nó nặng nề hơn cả khi giao chiến. Con người sống với lo âu, chán nản. Túng thiếu, bệnh tật luôn luôn đe dọa. Súng đạn như chờ sẵn để kết liễu đời mình. Mới khởi đầu chiến tranh mà thương binh đã thiếu thuốc men, ngắc ngoải trong tay tử thần. Những thanh niên yêu nước gục ngã mỗi ngày. Tin từ mặt trận đưa về, chẳng mấy khích lệ.

Tiếng súng đến đâu, Ủy ban và dân chạy đến đấy. Từng đêm đen dày đặc giăng ngang tầm mắt mỗi người lìa quê hương, lìa thành phố với tiện nghi quen thuộc.

Rồi định mệnh đẩy đưa, Luân lại gặp Quỳ ở một sân ga, khi toàn bộ cơ sở rút khỏi tầm đạn. Luân đã mệt mỏi, Quỳ cũng mệt mỏi. Nhiều người mệt mỏi, dù mới phiêu bạt mấy tháng. Nhưng tình yêu làm tuổi trẻ dựa vào nhau mà sống, mà tin tưởng. Hai bàn tay lồng quần quít trong đêm tối với hơi nóng thân xác tỏa ra làm tan đi giá lạnh đêm dài lưu lạc.

Mai Trang đã xuôi về một làng miền biển. Nàng mua đĩa cá tạo phương tiện sinh sống. Quân Pháp chiếm dần từng nơi, như vết dầu loang. Trang nghe tin Luân chết trận, nhưng không đúng. Một chiều, Luân và Quỳ gặp lại Mai Trang. Cả ba đều mừng rỡ. Câu chuyện vui buồn, gian khổ vì chiến tranh được kể lại. Những người chạy loạn bắt đầu túng thiếu vì chỉ ăn mà không sản xuất. Đồ quý giá bán dần mòn cũng hết, kể cả áo quần. Thuốc lá thơm, cà phê phê phởn trong những ngày đầu tản cư, bây giờ không còn. Có người phải giã gạo thuê đổi lấy miếng cơm. Có người xoay xở buôn bán quanh quẩn để sống qua ngày. Cuộc chiến chẳng biết đến bao giờ chấm dứt. Chiến tranh không những làm chết người ở tiền tuyến, còn ở hậu phương, chết vì ốm đau thiếu thuốc, thiếu cơm. Nghiêm, một nghệ sĩ 22 tuổi đời, chết chẳng trời trăng một lời, sau những ngày nằm bệnh. Bốn nhạc sĩ đã khiêng chiếc quan tài ra khu đất trống đầu làng, nơi trẻ vẫn thả bò ăn cỏ rải rác trên những ngôi mộ cũ.

Võ Hồng viết đơn sơ nhưng vô cùng mê thiết. Thân phận con người trước súng đạn như thế đó. Nếu chàng nghệ sĩ 22 tuổi đời kia sống ở nơi có đầy đủ thuốc men, hoặc được nuôi dưỡng tử tế chắc thoát khỏi lưỡi hái tử thần. Thảng hoặc, nếu vì đoản số, ít nhất, anh ta cũng không đến nỗi mang xuống tuyền đài sự căm nín đau buồn như vậy!

Những ngày Quỳ và Luân sống với Mai Trang thật thân thiện. Mai Trang lo liệu chu đáo vì yêu Luân. Nhưng đau thay, một tối nàng đã nhìn ra sự thực. Trong đêm vắng, dưới bụi chuối, Luân ghì chặt Quỳ giữa vòng tay, và cánh tay Quỳ cũng như những sợi dây leo quấn chặt lấy thân xác đàn ông. Thế là hết! Bao nhiêu yêu dấu, vỡ về cũng bằng thừa. Mai Trang thua cuộc, nhưng vì lòng quảng đại, đã giúp hai kẻ yêu nhau vượt thoát được hoàn cảnh, một hoàn cảnh khốn khó trong lúc chiến tranh tràn vào khu vực Phương Cựu, nơi họ đang có mặt. Hành động tàn bạo của quân Pháp như hiếp dâm, đốt nhà được nhà văn mô tả rất sát, rất sinh động làm người đọc vừa hứng thú, vừa tức giận, oán thù!

Luân và Quỳ đã thoát, diu nhau đi vào khung trời tình ái với mận nồng hoa bướm ở phương nào đó, chiến tranh chưa in dấu. Còn Mai Trang, nàng dán thân vào cuộc chiến để tìm quên, có lẽ.

Hoa bướm bướm, tác phẩm đã lấy giai đoạn đầu của cuộc chiến địa phương làm bối cảnh, ở đó, nhà văn phác họa những nét chính và sử dụng những mẫu người tượng trưng cho mỗi thành phần xã hội lúc ấy. Võ Hồng viết rất nhiệt tình, trung thực. Với cái nhìn tinh tế và trí xét đoán minh bạch nhằm mục đích đưa người đọc tìm về quá khứ oai hùng nhưng đau xót, qua nhiều đổ vỡ, qua bao nhiêu xác người trai trẻ gục xuống, bao nhiêu dòng lệ đã tuôn trào! Có điều đáng tiếc, nhân vật Mai Trang quá lý tưởng, và sự có mặt của một bóng đàn ông trong buổi tối ở nhà nàng ở làng Phương Cựu, dù hình ảnh này chỉ được dùng như biểu tượng Cách mạng, nhưng nó không đủ chứng minh sự dán thân của Mai Trang vào "tổ chức" qua lá thư cuối sách. Vả lại, nếu Mai Trang đã "hoạt động bí mật" cho Mặt trận từ hồi Nhật, trên thực tế, ai cho phép nàng có được một thời gian tương đối thanh thản để mơ mộng, rượt bắt tình yêu? Sự việc tuy nhỏ nhưng có thể vì nó, cuốn sách mất đi một phần tác dụng.

Võ Hồng lúc nào cũng bị quê hương, chiến tranh bủa vây suy nghĩ. Cũng chính ở môi trường

này, Võ Hồng viết thoát và đạt nhất. Nó là mảnh vườn màu mỡ nhưng có nhiều gai nhọn mọc ngầm dưới thớ đất, đôi khi làm đau chân người chăm bón. Chuyện quê hương và chiến tranh đã hai mươi lăm năm rồi, nước Việt Nam bất hạnh đã kinh qua quá nhiều đau khổ, quá nhiều tan nát. Những con người may mắn thoát chết, nhìn trở lui con đường đã đi, không khỏi kinh hãi, nhưng nó vẫn đủ sức làm mình nhớ thương vơi vợi. Nó đã ghi dấu khoảng đời đẹp nhất của tuổi hoa niên. Cuộc chiến ngày hôm qua, còn ướt đẫm máu người dân vô tội, kéo lê trong hồn những lần roi khổ nhục. Hôm nay, cuộc chiến còn đó, súng đạn còn đây, tan vỡ còn đây, chỉ thay đổi mục tiêu, đối tượng. Người dân Việt Nam qua mấy lần đau thương, nên chẳng còn gì để đau thương hơn nữa. Nó đã chai sạn trong trí não. Nó băng giá trong mọi suy nghĩ về số phận làm người. Cuộc chiến hôm qua, để đuổi quân xâm lăng ra khỏi bờ cõi, khôi phục nền độc lập cho dân tộc. Cuộc chiến hôm nay, sự tranh thủ giữa hai ý thức hệ trong một quốc gia. Nhưng dù nội dung cuộc chiến có vì gì đi nữa, trên thực tế, hình thức của nó vẫn là trò chơi tàn bạo, lấy cái chết mặc cả sự sống!

Truyện *Bên đập Đồng Cháy*, in trong tập *Những giọt đắng* (1969) đã nói lên trọn vẹn nỗi lòng người dân quê nước Việt. Mặt trận tràn lan, bom đạn liếm dần vào ruộng vườn, làng mạc. Thân phận mỗi người tùy thuộc vào may rủi, muốn an toàn tính mệnh bắt buộc phải rời bỏ nơi chôn nhau cắt rốn. Sống, ai cũng muốn, mà xa lìa mái nhà yêu mến với nhiều kỷ niệm chả ai nỡ. Sự giằng co, níu kéo như một cực hình vô xé nội tâm con người. Bà Xự trong truyện *Bên đập Đồng Cháy*, nạn nhân của sự giằng co đó:

... Bà Xự ngồi yên trên ngạch cửa, hai dòng nước mắt lặng lẽ chảy trên gò má.

Bỏ nhà bỏ cửa mà đi. Bỏ ruộng nương, bỏ vườn tược, bỏ khúc sông và cái bến nhỏ này mà đi. Không, tôi không muốn đi đâu hết. Năm mươi tuổi trên đầu rồi, tôi muốn ngồi yên một chỗ, nằm yên một chỗ mà chết cũng được. Chết là gì? Nhắm hai con mắt lại, nhẹ nhàng buông xuôi hai tay. Khỏi đi cấy. Khỏi cầm quạt gié lúa. Khỏi phải gánh nước đổ vào chum. Khỏi quơ củi nhay vào bếp. Khỏi làm khô ăn khô lo khô tính. Thôi cứ để cho tôi chết. Bà con cứ đi đi. Tôi lớn lên ở trên mảnh đất này, bắt đầu ngắt lá táo, lá keo bỏ vào mẻ sành mảnh chén làm trò chơi nấu cơm với chị em bạn. Rồi củi lượm xuống tập quơ cỏ lúa, cầm cái cuốc nhỏ tậ dầy cỏ bắp. Đội thúng đi mót lúa, ôm cái rổ đi mò ốc.

Không, không. Tôi muốn chết trên mảnh đất này...

(Những giọt đắng, Bên đập Đồng Cháy, trang 79-80)

Muốn chết ở trên mảnh đất này, mảnh đất đã chứng kiến thân phận mình từ thuở sơ sinh đến bây giờ. Nhưng ngoài kỷ niệm trên, đích thực còn có ám ảnh khôn nguôi khác. Bên đập Đồng Cháy, bà đã gặp ái tình. Năm Xự đã cho bà những giây phút đắm say của thời con gái, khi còn mang tên Lụa. Biết đến bao giờ bà mới quên được, một buổi xế chiều êm đẹp, bà đang cắt cỏ ở bờ soi mía kia. Gió đồng thổi thổi vật vã những thân mía như thổi vào lòng tuổi trẻ niềm yêu và Năm Xự đẹp trai, khỏe mạnh, có đôi lông mày đen rậm đã làm xiêu lòng trinh nữ. Rồi từ đấy hai tâm hồn kháng khí. Hạnh phúc lứa đôi dìu họ đi vào vùng trời ân ái. Nhưng uổng thay, số Lụa lận đận, chỉ một trận cảm thương hàn Năm Xự chết! Lụa ở vậy nuôi con khôn lớn, mong sau có phận nhờ. Thăng Xang lớn lên, cầm cây thay bố, không thích lấy vợ, tuy bà Xự muốn nó yên bề. Đến tuổi, thăng Xang đi quân dịch. Ở nhà, bà Xự tính mua hoa xoan, đợi ngày nó mãn lính. Nhưng hỡi ơi! cây xoan trước cửa nhà mới nở hoa một lần, nó đã gục ngã nơi chiến trường vì bị phục kích ở Phù Cát. Thế là hết, bà Xự chẳng còn gì để mong đợi, hy vọng! Do đó, mảnh đất này dù có thành bãi chiến trường, thân xác dù có tan hoang, nát bầy vì bom đạn, bà vẫn cứ ở lại chôn đây với đối với và kỷ niệm. Bà Xự đi tìm kỷ niệm thật. Bà trở lại đập Đồng

Cháy, chỗ hện hò thườ ban đầu, nơi bờ soi, bên đập nước, có hai mái đầu xanh kề nhau tình tự:

... Bà Xự chọt nhìn xuống lòng nước, soi thấy bóng mình. Hình ảnh cô Lụa tan biến vun vút.

Hết rồi! Hết rồi! Không! Tôi không đi đâu hết. Tôi đã mất hết cả rồi. Tuổi xuân xanh. Chồng tôi. Con tôi. Chỉ còn đập nước này mà tiếng ào ào tuôn đổ không hề thay đổi. Nó đã nhìn thấy tôi tóc đen mượt và má tròn phúng phính. Nó đã nhìn thấy tôi trẻ đẹp và được thương yêu. Chỉ có nó. Nó nhắc nhở đến chồng tôi. Đến hạnh phúc của tôi. Mọi người khác đều nói: Chiến tranh. Chạy giặc. Súng nổ. Bệnh. Đói. Chết... Tôi không còn đủ sức để chống chọi. Cho tôi an nghỉ.

... Thôi bà con đi đi. Chúc bà con mạnh giỏi. Cho tôi ở lại. Không, xin cho tôi ở lại. Tôi nghiệp thân tôi. Tôi đã...

(*Những giọt đắng*, Bên đập Đồng Cháy, trang 98-99)

Bà Xự tự chọn cho mình cái chết ở nơi mà thiên nhiên đã cùng bà tạo nên nhiều kỷ niệm nhất. Trong khi ấy, đoàn người tản cư chạy dón dác ra khỏi vùng lửa đạn. Nhưng dù nguy hiểm, không ai nỡ bỏ bà Xự, họ quay lại tìm, gọi. Tiếng gọi của họ bị khóa lấp vào tiếng bom và tiếng đập nước đổ ào ào! ...

Võ Hồng vì đã phiêu bạt trong cuộc chiến quá lâu, nên những gì viết ra đều căn cứ một phần vào sự thực. Đi từ những sự thực, nhà văn dần trải suy tư của mình trên mặt giấy. Mỗi chữ Võ Hồng viết về chiến tranh như một giọt đắng. Giọt đắng ấy thấm dần vào hồn người làm ngất ngư hình dáng cuộc đời!

Trong những ngày dài kháng chiến, không phải lúc nào nhà văn cũng được ưu đãi và hoàn cảnh cho phép thành thời suy nghĩ. Đi kháng chiến, không phải ai cũng là "đảng viên" mà đa số vì lòng yêu nước, muốn đóng góp chút gì cho dân tộc, để khỏi thẹn với lương tâm. Tác giả đã dạy học, đã tham gia tổ chức, nhưng một ngày, chính phủ chủ trương biên chế mới, nhà văn bị đẩy ra ngoài "cuộc chơi". Trong lúc bơ vơ chờ học nghề mới kiếm sống, nhà văn được một gia đình học sinh cũ, mời về tá túc. Thân phụ học sinh, trước làm Chánh Tổng, giàu có, tính tình phóng khoáng hào hiệp, nhưng sau những năm "ủng hộ" cũng chẳng còn gì ngoài cái xác dinh cơ rộng lớn. Người học trò cũ, tên Phùng đã đi bộ đội và chiến đấu ở Đông Miên, Hạ Lào gì đó. Ông Chánh tiếp đãi nhà văn rất tử tế vì tình sư đệ với con ông một phần, một phần đồng cảnh ngộ. Ông bị chính quyền cô lập vì thuộc thành phần địa chủ, còn nhà văn bị gạt ra ngoài vì "biên chế":

... Ông Chánh bảo tôi:

"Thầy ở đây chơi, bao lâu cũng được. Chỗ này quê mùa, ăn tiêu ít tốn kém. Chỉ cần có gạo và mắm".

"Tôi còn đủ sức để mua được gạo".

"Thầy ăn mỗi tháng cho mạnh nhất là bốn tạ lúa. Nhiều lắm thì sợ tôi không kham nổi chớ bốn tạ, tôi có thể giúp thầy".

"Cám ơn ông, nhưng xin để tôi tự lo liệu phần gạo mắm".

"Trước ngày Cách mạng thì tha hồ, nhà tôi có thể cung phụng cho mười người một lúc cũng

không nao núng. Nhưng bây giờ thì phần lúa giảm tô, phần ruộng bỏ hoang vì nông dân ly khai nhập bộ đội thiếu người canh tác".

... Rau cỏ thì dễ. Người ta thường dùng củ mì hay khoai lang nấu ghé với cơm. Có ăn ghé như vậy một thời gian rồi được ăn bữa cơm mùa – nghĩa là cơm nấu toàn gạo – mới thấy ngon...

(Trăm mặc cây rừng, trang 178)

Trên thực tế, nhiều vùng trong nước, quanh năm đói kém, phải ăn cơm trộn ngô khoai là thường, nói chi đến giặc giã. Nhưng gia đình ông Chánh thuộc giai cấp phú hào, nên chuyện thiếu thốn là điều cực nhọc. Trong thời gian dài thất nghiệp, ngày ngày nhìn xung quanh dãy núi cao chón chở bao vây, nhìn thân cây bồ đề cao vút với những tổ quạ, tổ ác lốt bằng những chà cây lòi sòi, nhìn từng buổi chiều đi cô đơn, nhớ quê hương cách trở với lo sợ tương lai trước mặt.

Nhưng một buổi, người con gái quê mùa hiện ra như niềm an ủi. Tình yêu len nhẹ vào hai tâm hồn, thứ tình yêu ỡm ờ chỉ nhìn bằng mắt và nói chuyện bằng quơ. Thịnh, tên cô gái, con bà Chức Bảy, có quen với gia đình nhà văn. Thịnh có học đôi chút và trời phú cho thông minh nên lời nói ngụ nhiều ý tứ, khác hẳn với các cô gái cùng vùng. Nhà văn càng lúc càng lâm vào thế kẹt của sinh sống, phải bán cả đồng hồ tay và có ý định hồi cư. Thịnh biết chuyện nên buồn.

Tết năm đó quân Pháp mở chiến dịch lớn tấn công tỉnh Phú Yên, Đèo Cả và mặt Tây Nguyên. Nhà văn đeo ba-lô tìm đường tháo chạy theo đoàn cán bộ xã. Quân Pháp đánh bất ngờ làm mạnh ai nấy trốn, nhà văn không có dịp chào Thịnh một câu, một câu thôi, vì tự thâm tâm, mình đã yêu nàng, chắc Thịnh cũng vậy. Có ngờ đâu, cuộc chạy giặc đưa nhà văn về thành. Từ đấy, nhớ thương vời vợi. Ít lâu sau, vùng đất của Thịnh bị khuất phục dưới sức mạnh của súng đạn. Một hôm, ông Chánh đưa vợ vô Sài Gòn chữa bệnh ghé thăm, kể chuyện quê hương, có nói về Thịnh. May quá, nàng chưa lấy chồng. Nhà văn gửi quà: một xấp hàng vải, gương lược và nhiều lọ nước hoa!... Thương nhớ theo thời gian lãng đãng!...

Chẳng may, vợ nhà văn mất vì chứng hoại huyết, sau ba tháng nằm bệnh. Không chịu được cảnh chăn đơn gối chiếc, sau ngày đoạn tang, nhà văn nghĩ đến một người đàn bà. Có nhiều đàn bà được giới thiệu nhưng Võ Hồng chỉ nghĩ đến Thịnh, cô gái quê chất phác:

... Trong những hồi cô đơn, tôi hay nghĩ đến Thịnh. Tôi còn nhớ tâm hồn tươi mát của nàng, yêu dao động và không đòi hỏi quá nhiều ở cuộc đời. Nàng sống hiền hòa thanh thân và tôi muốn đem những tiện nghi hiện tại có được chia sẻ cùng nàng. Tôi cảm thấy cuộc đời của tôi sẽ được bình ổn hơn. Tâm hồn trong sáng yêu đời mang lại cho nàng một năng lực tự tại khó lay chuyển... Sống giữa một vùng rừng núi xa xôi, tôi có cảm tưởng nàng chịu ảnh hưởng cái vóc dáng uy nghi của thiên nhiên hoang dã và nét uy nghi đó in dấu trên mọi cử chỉ nhỏ của nàng. Tôi yêu quý sự nghiêm cẩn trì trọng đó của loài đá tảng, của thân cây rừng hơn là sự bén nhạy linh hoạt của giống lau sậy...

(Trăm mặc cây rừng, trang 193)

Nhưng tiếc thay, mơ ước của nhà văn không thực hiện được, vì sống ở đời, mỗi người đã được an bài theo cung số, do đó mới có đau khổ và oan trái. Tuy đã lấy chồng, nhưng Thịnh còn đó, nhớ thương còn đó, mặc cảm nghèo hèn và định mệnh đã đẩy nàng vào khung trời khác, vĩnh viễn thành một kỷ niệm in dấu trong tâm hồn. Thịnh nghĩ mình quê mùa nên sự gặp gỡ ngày trước đối với nàng chỉ là ước mong trong tuyệt vọng. Những giọt nước mắt không phải để chứng minh lòng thương yêu, mà để tiễn đưa cuộc tình chết yểu với hồi tiếc ngàn năm!

Võ Hồng, nhà văn tình cảm. Tất cả mọi suy nghĩ, dù nhớ thương sâu hận, dù căm thù uất ức, bao giờ sự việc cũng do tình cảm hướng dẫn chứ không bởi lý trí. Người ta thường cho rằng, các văn nhân thi sĩ đều là những người nhiều cảm tính, nhờ đấy họ mới biết rung động trước mọi nghịch cảnh do cuộc đời hoặc thiên nhiên đẩy tới, cộng vào sự hiểu biết riêng tư, mới tạo nên tác phẩm. Điều này chỉ đúng một nửa. Nghệ thuật hôm nay, đòi hỏi nhiều hơn thế. Nó không còn là những rung động tâm thường và ước lệ. Nó khơi động tự chiều sâu ý thức, bắt mỗi người làm văn học nghệ thuật phải tra vấn lương tâm, phải suy luận về mỗi dữ kiện được trình bày, phải có một chức năng và nhiệm vụ trong cung cách sinh hoạt văn nghệ. Nó chính là ý thức đời sống trên đời sống vậy. Vì thế, sứ mệnh của văn nghệ không còn nằm ở môi trường riêng biệt thuộc tâm cảm, nó tỏa rộng trong đời sống thứ hai, ở đó, người nghệ sĩ đóng vai trò điều hợp.

Tác phẩm *Như cánh chim bay*, là sự tiếp nối lịch sử dân tộc đã được Võ Hồng khơi động trong *Hoa bướm bướm*. Đời sống của các nhân vật như Luân, Quý, Tịch, v.v. lại trình diện độc giả với hoàn cảnh khác, ở đây, mỗi số phận như bị ném vào một môi trường không mấy khích lệ. Trong *Hoa bướm bướm* nhà văn mới đề cập tới giai đoạn đầu cuộc chuyển mình của lịch sử và bối cảnh chiến tranh chỉ được dàn trải trong một kịch thước tương đối nhỏ. *Như cánh chim bay* diễn tiến trong khung cảnh bề thế hơn, vì cuộc chiến không còn nằm ở phạm vi cục bộ. Ở tác phẩm này, Võ Hồng viết công phu, nghiên cứu kỹ về khía cạnh tâm lý cũng như hoàn cảnh, vị trí của mỗi phần hành có mặt trong những trang sách. Cái trục chiến tranh đứng sừng sững như uy quyền Cách mạng bắt mọi số phận phải chấp nhận dù muốn, dù không.

Luân tượng trưng cho lớp trí thức trẻ, tuy không dấn thân vào Cách mạng, nhưng sẵn sàng thi hành một cách nghiêm chỉnh phần vụ của mình, dù cho phần vụ đó chẳng phải điều mơ ước. Quý, cô gái học trường đêm, khi trước, nói chuyện bằng tiếng Pháp gọi người làm trong nhà là "La nhà quê" để tỏ ý khinh bỉ, thuộc thành phần giàu có trong Nam, nay bỗng nhiên phải gánh chịu cùng với Luân, những khốn khó của chiến tranh, tuy không nói ra, nhưng chắc chắn vui gì, dù có tình yêu hỗ trợ. Còn nhiều khuôn mặt khác nữa, tác giả đưa lên rồi xóa đi sau khi "nó" đã thi hành xong phần vụ. Nó như những chiếc bong bóng bơm hơi khinh khí, bay lên, bay lên đến độ cao nào đó, sức ép sẽ làm nổ tung, không để lại vết tích nào. Người đọc bắt gặp những chiếc bong bóng ấy bay rải rác đó đây, chờ lúc người đọc sơ ý, nó biến mất như những bóng ma. Võ Hồng viết *Như cánh chim bay* rất sống động, sâu sắc. Từng niềm đau được nghĩ tới, nói tới, vừa đủ để người đọc cảm thấy có chứ không vì nó mà bài hoài ý nghĩ. Võ Hồng cũng không quên vẽ vài nét tươi vui, dí dỏm để làm vơi nhẹ cái u uất, bi phần của mỗi trạng huống khốn khó, đang bủa vây những thân phận trong cuộc chiến cũng như tình yêu. Nội dung tác phẩm *Như cánh chim bay* đặt nặng về phần vụ công tác Bình dân giáo dục. Có lẽ, nhà văn đã hoạt động cho nó, vì nó, suốt thời gian kháng chiến, nên vấn đề được trình bày thông suốt, khúc chiết, chẳng những ở nhân vật mà còn ở lẽ lối hoạt động dưới hệ thống chỉ huy của Trung ương. Các vấn đề khác như quân sự, kinh tế, chính trị, tôn giáo, v.v. được đề cập vừa đủ, hầu chỉ để chứng minh cho mỗi sự việc ở hoàn cảnh chung, đã tạo nên hành động. Người đọc tin rằng, những ngày phiêu bạt trong kháng chiến đã giúp vốn cho nhà văn rất nhiều, tuy rằng câu chuyện và sự tình cũng chưa vượt ra ngoài kịch thước hạn định nơi quê nhà yêu dấu!...

Chính vì viết về nơi mình đã sống từ ấu thơ đến trưởng thành nên nhà văn thuộc lòng từng địa danh cũng như nếp sống địa phương. Yếu tố này giúp Võ Hồng kinh qua được rất nhiều trở ngại trong vấn đề điều khiển nhân vật và dàn trải không gian.

Luân và Quý ở đoạn kết trong *Hoa bướm bướm* đã rời Phương Cựu – vùng chiến trận – bằng đường biển. Luân đưa Quý về nhà mình ở vì nơi đây tương đối còn yên ổn. Cuộc chiến vẫn lằng nhằng. Tin đồn lúc đánh, lúc đàm. Hội nghị Đà Lạt và Fontainebleau vẫn được khai diễn.

Quân Pháp không từ bỏ mộng xâm lăng nên tìm đủ cách gây khó khăn cho Chính phủ Cách mạng bằng chính trị và quân sự. Cuộc sống ở những vùng chưa có khói lửa cũng được điều hành theo quy tắc cách mạng. Công tác phát triển Đời Sống Mới trong các thôn ấp được áp dụng triệt để qua việc bài trừ mê tín dị đoan, gây ý thức vệ sinh chung trong làng xã. Luân sống trong hồi hộp, lo âu vì là con địa chủ lại thuộc thành phần trí thức. Cách mạng không mấy ưa thành phần này. Luân và Quý mỗi người ở mỗi nơi, thỉnh thoảng ghé thăm nhau. May mắn, Luân gặp Bường, đang giữ công việc Hiệu trưởng Trường Lục quân Trung học Ngân Sơn. Bường mời Luân hợp tác. Để tránh sự nghi ngờ, chàng giúp Bường một thời gian. Sau đó, vì một tai nạn xảy ra tại Trường Lục quân, Luân chuyển qua làm Trưởng ban Bình dân Học vụ Huyện và sau này giữ chức vụ Trưởng Ty. Ông Chánh muốn Luân lấy cô Tuyền, con gái ông Ấm giàu có vì hai nhà đã có giao ước với nhau từ trước. Luân không chịu. Ít lâu sau, đám cưới giữa Luân và Quý, do ông chú ruột đứng làm chủ hôn. Tuy đã lập gia đình, nhưng Luân phải theo cơ quan di chuyển để bảo toàn bí mật và tránh mặt trận. Rồi những chuyện rắc rối về tình cảm giữa Nương và Phụng. Quý sống trong hạnh phúc nhưng lòng vẫn nhớ thương thành phố cũ. Quý được các cán bộ địa phương quý mến vì uy tín của Luân, hơn nữa, năng vô hại. Khi sinh nở, Quý được săn sóc chu đáo. Đột nhiên Tịch đưa Thức (hai nhân vật trong *Hoa bướm bướm*) đến thăm. Thức, chàng thanh niên Quý yêu lúc trước bây giờ làm Tư lệnh phó Liên khu Bảy. Tịch xin đi theo Thức vô Nam để thăm gia đình và xem con vợ nó còn chờ mình hay lấy chồng khác rồi. Luân và Quý ở lại với khắc khoải. Luân lúc này đã thôi làm Trưởng ty Bình dân Học vụ, chờ ngày nhận nhiệm vụ mới bên Trung học.

Cái "trục" *Như cánh chim bay* giản dị như vậy. Nhưng bên trong cái giản dị ấy, nhà văn đã gói ghém biết bao nhiêu vấn đề, bao nhiêu mất lười. Ở mỗi mất lười lại hiện ra những sự việc, những mâu thuẫn làm câu chuyện biến đổi không ngừng lôi kéo người đọc vào ý muốn của người viết. Nhà văn đưa người đọc trở về thời gian đã mất, để tìm kiếm cái tuổi trẻ hào hùng trong lòng quê hương bất khuất. Võ Hồng viết chân thực không những với mình còn với người. Những gì được biểu hiện dưới nét bút Võ Hồng đều sống đầy đủ, nguyên vẹn. Mỗi sự việc đưa vào truyện như cuốn vào một chứng tích xác tín chứ không ngụy tạo, do đó, người đọc như bị hút vào một không khí sống động và các vai trò như chập chờn trước mặt với vóc dáng và ngôn ngữ đặc biệt. Chủ tịch Quang xuề xòa, Phó chủ tịch Trương Thực tạo vẻ nghiêm trang, xã Mãi Ủy viên tài chánh cẩn thận, tin có ma quỷ, Tràng, Ủy viên thanh niên bộp chộp, Ký, Hành và Tuyền hăng hái quá đà. Ngần ấy khuôn mặt làm sôi động hẳn những trang đầu cuốn sách trong vấn đề phát động công tác Đời Sống Mới:

... Xã Mãi, Ủy viên tài chính đang lóc cóc gõ bàn toán miệng không ngừng đọc cửu chương: tứ thất nhị bát... lục bát tứ chi... ngũ cửu tứ ngũ ... ngừng đầu lên:

"Linh lắm mấy ông ơi! Khi khiển Tướng đi trấn đóng, thầy rót cho ly rượu đồ lên đầu Tướng rồi đưa một bàn tay tựa sau lưng Tướng, thế mà Tướng tự động lúc la lúc lắc đi ra tới phương trấn đóng của mình".

Chủ tịch xua bàn tay:

"Mê tín! Mê tín! Ủy ban phát động phong trào bài trừ mê tín dị đoan thế mà ủy viên lý luận kiểu đó thì chết. Phản Cách mạng".

"Là mình nói nhỏ với nhau nghe riêng".

Xã Mãi cười gượng:

"Vả lại chuyện gì chớ chuyện ma quỷ không tin sao được? Cái nhà từ đường ông Chánh Lộc có

ma đó. Thăng Bài không tin tới nằm ngủ bị ma nó đánh bầm mình. Cậu Năm cũng không tin, tới nằm ngủ bị ma nó khiêng quăng lên quăng xuống cả đêm".

"Uờ! Biểu thôi. Tốp lại. Phản Cách mạng vừa vừa chứ".

Tràng, Ủy viên thanh niên đang nghe hào hứng chợt bị bắt tốp lại, nằn nì:

"Thầy kệ nó, Bác. Để ông Ủy viên tài chính kể tiếp nghe chơi. Đang tới chỗ hay mà. Đang hồi gay cấn..."

"Không được. Ở đây nhĩ mục quan chiêm. Có muốn nghe bữa nào xuống nhà ông, ông nói cho nghe".

Vừa lúc ấy, ba người thanh niên quần vải xita xám, áo sơ-mi trắng ồm ồm bước vào, lại gần bàn Chủ tịch:

"Xin báo cáo với Chủ tịch: Bọn cháu đã làm "vườn không nhà trống" cái thủ kỳ của ông thầy Ba rồi. Đêm qua ba đưa cháu lên vô nhà thầy Ba khiêng tất cả tượng đá, bài vị đem ném xuống sông hết. Còn cái chuông và cái mõ... Kỳ ơi, móc đưa cái chuông mây. Còn thằng Hành, đưa cái mõ..."

(Như cánh chim bay, trang 9-10)

Kỹ thuật hành văn ở đoạn này vui vui cốt đưa người đọc đi vào những trang sau với từng sự tình khốn khó đã được ấn định trong tâm thức nhà văn. Cuộc nói chuyện đi lan man sang vấn đề thánh tổ của mỗi nghề như hát bội, hành khất, v.v. Chủ tịch Quang có bằng Tiểu học, xuất thân Đội Trạm, tức trạm phát thư dưới thời Pháp thuộc. Phó Chủ tịch Trương Thạch, nắm hết quyền hành trong xã vì còn trẻ và học hơn Chủ tịch. Phong trào phát triển Đòi Sống Mới còn hào đót hết tàn tích nô lệ và phong kiến như sắc Vua ban hoặc bằng Cửu Phẩm Văn Giai. Lúc phát động, có người mù chữ Nho, sợ quá, đốt cả văn tự điền thổ để phi tang. Khi biết đã muộn!

Đúng thời gian đó, Luân và Quý có mặt, liền bị nghi ngờ. Dù có lời xác nhận hạnh kiểm và cương vị chính trị của Phó Chủ tịch Thạch, Luân vẫn bị xã Mãi, thứ "răng đen mã tấu" buộc vào thành phần khả nghi vì Luân đã hợp tác với chính phủ Trần Trọng Kim. Còn Quý, được gán cho vai trò nữ gián điệp! Trong giai đoạn đầu của Cách mạng thành phần trí thức về quê, ít nhiều gì cũng bị ở vào trường hợp này, nếu không tham gia bí mật từ trước, hoặc có anh em, họ hàng hoạt động trong "mặt trận" lúc đó.

Quý ở An Thổ với buồn thương, lo lắng, gặp ông bà Thành Mỹ cũng ở Đà Lạt, bắt ngờ "bị tản cư" ở đấy, trong chuyến về thăm bà già, kẹt luôn. Quý băn khoăn nghĩ đến tương lai, không hiểu rồi cái gì sẽ đến với mình? Vì cuộc đời không phải là chiều dài của con đường, để có thể đo lường được mức đi, mức tới. Nó là một không gian có nghìn vạn ngã đi, do đó Quý cảm thấy choáng váng, như con chim nhỏ lạc đàn giữa bão tố. Nhưng cũng may, trong cuộc sống còn đó những người tốt như Nữ, cán bộ phụ nữ Huyện, tuy con nhà quan, nhưng sớm giác ngộ và ý thức được sự chuyển vận của lịch sử, nên tích cực phục vụ. Luân biết tâm trạng của người yêu, nên luôn luôn tìm cách an ủi, khuyến dụ bằng những lý lẽ, tuy không mấy vui tươi, nhưng thực tế: *Không còn con đường nào khác hơn là phải sống với những người làm Cách mạng một cách hồn nhiên và yêu mến cả ưu lẫn khuyết điểm của họ.* Quý ngoan ngoãn vâng lời như đứa con nít, tuy rằng trong lòng nàng không nguôi quên cái nếp sống quen thuộc thuở xưa, với căn phòng đầy đủ tiện nghi, với tiếng xe hơi rú mỗi lần leo dốc ngang hông nhà, và tiếng cồng sắt rít ở chiếc villa bên cạnh. Nay khung cảnh trước mặt, đối với Quý như một hờn

túi: cái giường tre ọp ẹp, nhà tranh vách đất và rui mè xám mốc, mạng nhện giăng lưới thả tơ đen rơi lòng thòng!...

Luân đã lao đầu vào công tác Bình dân Học vụ, sau một thời gian ngắn giúp việc điều hành tại Trường Lục quân Ngân Sơn. Công tác này ở dưới khả năng của Luân, nhưng tính vốn dè dặt, hơn nữa không phải người của "Mặt trận" nên mọi hành động, mọi ngôn ngữ, Luân hết sức giữ gìn, tránh né. Võ Hồng viết rất đúng, rất sát về tâm lý cũng như cương vị của vai trò thanh niên trí thức không đảng phái nằm trong guồng máy chính quyền Cách mạng lúc đó.

Vấn đề phát động phong trào chống nạn mù chữ, cũng có nhiều lý thú, các xã nhất tề đóng cổng đổ chữ vào ngày Rằm âm lịch. Lực lượng giáo viên được huy động đông đảo tham gia công tác. Ai không thuộc hai mươi bốn chữ cái, khỏi đi chợ. Đó là giai đoạn đầu, còn những giai đoạn kế tiếp, sẽ trắc nghiệm khó hơn:

... *Giáo Khiết thuyết trình về kết quả của biện pháp đó:*

"Quý ông tưởng tượng một chị gánh cá mù chữ từ An Ninh gánh chạy lên chợ Trùng Lương. Ở Tiên Châu chị ta gặp một cổng. Giáo viên chặn lại hỏi chữ, bắt chị học thuộc một chữ T chẳng hạn rồi mới cho đi. Lên Diêm Điền phải học thêm một chữ nữa. Giả dụ rằng chị có quen với anh giáo viên ở Diêm Điền, nhưng không sao. Lọt tới xã An Thạch thì giáo viên An Thạch đóng cổng ở nhà thờ Màng Lãng, rồi một cổng ở chợ Lò Gốm, một cổng ở cầu Phường Lụa. Vượt qua xã An Ninh thì một cổng ở xã Long Hòa, một cổng ở Nhất Trí, một cổng ở đèo Cây Cam. Tiếp đến xã An Nghiệp lại..."

"Thế thì ươn cá của mụ ta rồi. Về nhà chòng đánh" – lời một đại biểu.

"Ai biểu trốn học? Bình dân Học vụ đã thành lập hơn nửa năm rồi, giáo viên chỉ đóng cổng hỏi hai mươi bốn chữ cái. Có làm biếng lắm mới không thuộc..."

"Lỡ mụ ta chữa đẽ hay đau bệnh nửa năm đó thì sao?..."

(Như cánh chim bay, trang 69)

Cuộc thảo luận bị cắt đứt ngang đây, vấn đề đóng cổng khảo chữ được tiến hành theo đúng kế hoạch.

Trong khi Quỳ đang sống yên lành với gia đình ông bà Thành Mỹ, chủ tiệm may, thì Trần Chắc, tên tùy phái Ty Ngân Khố Đà Lạt, trước có quen với chị bếp của Quỳ hiện ra định làm hỗn với nàng trong lúc gia đình vắng vẻ. Nữ tình cờ bắt gặp và cho Quỳ biết gốc gác tên Chắc với tư cách bê bối của hắn. Nó ve vãn, mồi chài với ẩn ý hiến Quỳ cho tên Ninh Pồ, gã thanh niên con nhà giàu, bê tha nghiện hút, đánh bạc và chơi gái.

Nhưng, sự có mặt của vai trò Trần Chắc, Ninh Pồ có thực sự cần thiết cho diễn tiến của nội dung tác phẩm? Chắc không, vì mục đích của cuốn sách không nhằm vào việc đã phá các phần tử đó. Và lại, trên thực tế, những bộ mặt Trần Chắc, Ninh Pồ không có đất sống dưới thời Cách mạng. Bởi vậy, chúng là chứng tích vô ích, làm hại không ít đến toàn bộ tác phẩm. Nó là hạt cát của Pascal đó.

Tuy không được sự chấp thuận của gia đình, nhưng đám cưới Luân – Quỳ vẫn tiến hành tại nhà ông Trợ, chú Luân. Ông Trợ là nhà Nho, nhưng có tâm hồn phóng khoáng, thông cảm được với lớp người trẻ, nên đứng chủ hôn cho cháu, sau khi cố gắng thuyết phục ông anh

không xong. Tiệc cưới được tổ chức trong lúc tình hình đất nước chả ra làm sao. Hội nghị bế tắc. D'Argenlieu tách miền cao nguyên thành Tây kỳ, trong Nam có Chính phủ Nam-Kỳ-Tự-Trị. Song song với Hội nghị Liên-Bang-Đông-Dương cũng họp tại Đà Lạt gồm: Nam-Kỳ Quốc, Ai Lao và Cao Miên. Nhưng không vì thế mà đám cưới của Luân bớt phần vui vẻ. Các cấp thuộc Ban Bình dân Học vụ đều tham dự đông đủ để chia vui:

... Giáo Khiết không đợi mời lâu, đẩy ghế đứng dậy khề khà nói:

"Hôm nay là ngày vui nhất trong đời của ông Trưởng Ban tôi. Tuy ông nhỏ tuổi hơn tôi nhưng mà ông làm lớn hơn tôi. Tôi không có món quà nào xứng đáng để mừng ông nên xin có mấy câu thơ kính tặng. Nếu cử tọa cho phép, tôi xin đọc".

"Cho phép! Cho phép!"

...

Giáo Khiết chậm rãi móc túi lôi ra một mớ giấy tờ. Rồi lại mò ở túi áo bên kia, vớ ở túi áo ngực. Có tiếng hỏi:

"Sao đó? Mất bài thơ rồi hả?"

Giáo Khiết cười toe toét hàm răng đen:

"Dạ đâu có. Kiểm cái gương".

Khi mò lên túi áo ngực lôi ra được cái gương, đặt ngay ngấn lên mũi rồi thì lại đến lượt phải chọn lựa trong mớ giấy tờ xếp tư xếp tám đó để kiểm cho được bài thơ.

Cuối cùng khi đã nắm được tác phẩm văn chương của mình, ông đằng hắng liên tiếp ba, bốn tiếng:

"Bình dân Học vụ có dâu hiền"

Giáo Khiết cúi gầm mặt xuống, nhìn cử tọa qua khoảng trống trên gọng gương, giải thích:

"Đây ý nói là bà Trưởng Ban về làm dâu gia đình Bình dân Học vụ".

"Được rồi. Hiểu rồi".

"Gái sắc trai tài sánh tựa tiên"

Có tiếng hỏi:

"Ông đã thấy tiên chưa mà nói "sánh tựa tiên"?"

Giáo Khiết lại toe toét cười:

"Dạ thưa chưa. Nhưng mà "xưa bầy nay làm", thuở ông bà mình nói "đẹp như tiên" nên tôi nói theo".

"Được, giảng nghe thông. Xin đọc tiếp".

"Xây dựng gia đình cùng tổ quốc"

"Hay, đúng chính sách. Cần lao, gia đình, Tổ quốc. Đọc tiếp câu nữa!"

"Dạ tôi mới làm tới đó. Câu chót nghĩ chưa ra..."

(Như cánh chim bay, trang 93-95)

Cuộc vui nào rồi cũng tàn. Đời Quý đã vĩnh viễn bước qua giai đoạn mới. Căn nhà gỗ với bờ tre, bãi mía, ruộng vườn, từ nay quán riết lấy đời nàng. Còn "quê hương của chị" với Đà Lạt, Sài Gòn, villa Les Fauvettes, dãy nhà ở đường Sabourain trở nên xa xôi, nó không thuộc về nàng nữa.

Tiếng súng báo hiệu chiến tranh đã nổ ở Hải Phòng, rồi một tháng sau, lệnh toàn quốc kháng chiến được ban hành. Đêm 19-12-1946, hồi 20 giờ 00 nhà đèn nổ, cả thành phố Hà Nội đắm chìm vào bóng tối. Tiếng súng giao chiến bắt đầu ở những khu phố, do Tự vệ Thành bắn ngăn cuộc tiến quân của Pháp. Cả nước Việt Nam bắt đầu từ giờ phút đó mới thật sự lâm chiến toàn diện. Ở những miền cuộc chiến chưa lan tới, đều tổ chức mít-tinh, biểu tình hô hào toàn dân tham gia cứu quốc. Các đoàn thể: Phụ lão cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc, Thanh niên cứu quốc, Nhi đồng cứu quốc, được huy động đóng góp vào cuộc kháng chiến với mọi nỗ lực. Phong trào tòng quân diệt giặc được phát động mạnh mẽ. Các thanh niên hăng hái xung phong, cũng có người lẩn tránh bằng cách nhảy vào các cơ quan Xã, Huyện làm việc hành chính cho yên thân. Bộ mặt địa phương thay đổi hẳn vì lớp người tản cư. Đời sống tỉnh thành và nông thôn hòa hợp một cách bất đắc dĩ. Người dân quê có dịp để làm khó người thành phố trong một vài vấn đề ăn ở và tập tục. Nhưng người thành phố họ khôn lắm, họ biết lựa chiều đón gió, nên lần lần họ vượt qua mọi trở ngại. Có người chạy mãi ăn hết tiền, mở quán nước kiếm sống. Chẳng may vợ con lại đau yếu vì không hợp thủy thổ nên bực tức gắt gỏng lung tung, ngay cả trước mặt khách hàng. Tâm trạng đó sờ sờ dĩ có, vì quá chán chường hoàn cảnh, đến khi biết khách hàng là cán bộ cao cấp của Huyện, lại khúm núm, sợ sệt:

... Được biết kẻ đối diện là Phó Chủ tịch Huyện, chủ quán bỗng đứng rón rén, và cánh tay trái tự nhiên để gập trước bụng. Xếp ly, lau bàn, anh ta chỉ dùng tay mặt. Thấy bấy nhiêu cử chỉ đó chưa đủ chuộc lại những sự vô lễ lác các lúc nãy, chủ quán dùng tay lau, gãi đầu lí nhí nói:

"Dạ thưa ông Phó Chủ tịch, bữa nay ông ra chủ tọa lễ xung phong nhập ngũ?"

"Ờ".

(Như cánh chim bay, trang 111)

Uy quyền Cách mạng to lắm, nhất là lúc mới bắt đầu kháng chiến. Mọi người nên dè chừng, kéo mắt mạng oan vì hai chữ: phản động. Chính sách tiêu thổ, vườn không nhà trống, được thi hành thật khẩn thiết. Những dãy phố bị triệt hạ chỉ còn trơ lại vài mảnh tường chơ vơ lở lói, trông thật thảm. Người có nhà tiếc đứt ruột, vẫn phải gượng cười.

Mặt trận miền Trung, quân Pháp đã đánh vào đèo Cả. Quân kháng chiến rút. Dân chúng chạy tán loạn, vợ quàng vợ quàng được cái gì hay cái nấy, có người vội quá lúc nhìn lại, toàn đồ đáng vứt đi. Chỉ riêng các gia đình "Ba Tàu" bình chân như vại vì họ thuộc phe Đồng Minh thắng trận. Đau đớn hơn cả là những người trước có liên hệ với Pháp, làm giàu nhờ Pháp đến lúc này, tính mạng coi như "ngàn cân treo sợi tóc", dù đã dâng hiến cho Cách mạng tất cả tài sản của mình như ông Vạn Lợi. Ông Vạn Lợi sợ bị thủ tiêu nên đêm đêm nằm sợ cả tiếng chó sủa. Nương là con ông Vạn Lợi, thuở nhỏ Luân thường đến thăm ba nàng. Nương yêu Luân từ

lâu, không có cơ hội tỏ tình, bây giờ chỉ còn oán trách! Chiến trận lại đưa Tính, Trưởng ban Trinh sát, người đã bắt Quý ở trạm kiểm soát Đà Lạt (trong *Hoa bướm bướm*) và đã tặng nàng bốn cái tát! Nhưng thời gian làm họ hiểu nhau, dần dà. Tính kể chuyện Đà Lạt làm Quý quên khuấy hận xưa. Chiến trận vẫn lan dần, từ địa điểm này qua địa điểm khác. Quân Pháp hành quân vũ bão để mong thanh toán con mồi. Nhưng càng đánh, càng cảm thấy còn lâu mới đạt được kết quả.

Vóc dáng Mai Trang cũng được nhắc nhở đến, với những nghi vấn như hồi nàng hoạt động dưới thời Nhật. Người nói, nàng về thành lấy tên Sứ Tây, người nói, nàng đang cưới ngựa chỉ huy mặt trận Djiring, Đa Nhim. Nàng biến thành một ám ảnh của nhà văn, bỏ thương vương tội, nên sự nhắc tới cũng chỉ để nói lên một ảo ảnh, không thực, nhưng đẹp. Trong thành phần tản cư, có mặt các công chức làm việc từ hồi Pháp thuộc. Họ không được Cách mạng ưu đãi hay tin cẩn lẽ đương nhiên. Họ chỉ được dùng như các chuyên viên, vì họ thuộc lâu thủ tục hành chính. Giai cấp họ, được nhà văn nói đến qua vai trò Tham Huy và Phán Liễn. Tham Huy làm việc rất siêng năng, cần mẫn, không kêu ca về đời sống kham khổ, cũng như công tác nặng nề. Nhưng một buổi Tây càn quét một vùng gần đấy, mọi người không thấy Tham Huy nữa, thì ra hắn đã chuồn theo Tây về Nha Trang. Còn Phán Liễn làm phán sự tòa Sứ Sông Cầu từ năm 1935. Hắn có tật hay la lối. Làm việc với Cách mạng mà động một chút nhắc tới "hồi xưa... hồi còn tụi Tây... mấy năm trước... hồi trước". Những câu nói này, chỉ được phát biểu sau khi thấy Cách mạng đối xử dễ dãi. Tuy nhớ tiếc hồi xưa như vậy, mà hắn không chuồn theo Tây, có lẽ vì chưa gặp dịp, hoặc thiếu khôn ngoan như Tham Huy. Khi nghe tin Tham Huy về thành, hắn nói như kể công: *Đấy, bây giờ mới biết, ai ngay, ai gian!*

Vì tình hình chiến sự, một số cơ quan thuộc miền Nam phải điều động ra Trung. Sự hiện diện của các cán bộ miền Nam được nhà văn viết ra nhằm mục đích nói lên sự hòa đồng nếp sống. Có những gia đình thôn quê, không muốn cho cơ quan đóng ở nhà mình, làm phiền, mất tự do, phần nữa, sợ do thám địch biết, báo máy bay bắn phá thì cơ nghiệp ra tro. Đi theo đoàn cán bộ miền Nam, có Tịch (nhân vật trong *Hoa bướm bướm*).

Kháng chiến càng kéo dài, đời sống càng kham khổ. Ruộng vườn bỏ hoang không ai cày cấy. Buôn bán không được. Tiền nông khó kiếm nên người dân phải tiết kiệm phòng thân. Hình ảnh đó được nhà văn khoác lên vai Hương Năm Dồn, người nông dân suốt ngày ở trần, hà tiện áo. Chẳng cứ gì Hương Năm Dồn, còn nhiều vùng vì quá thiếu thốn cũng phải hà tiện vậy. Thằng Tang con Năm Dồn, tuy nhà chưa đến nỗi nghèo, nhưng phong trào khổ thân lan rộng nó cũng làm theo:

... Một buổi trưa ở nhà mãi đùa nghịch với lũ bạn, trống trường đánh lúc nào không hay. Khi chị giục đi học, cu cậu lật đật chạy vào ôm sách phóng xuống trường. Đường xuống trường bình yên. Vào lớp ngồi, cu cậu gật gù nghĩ đến cuộc chơi lý thú vừa qua, miệng tủm tỉm cười. Chợt có ngọn gió mát từ cửa hông lọt qua, luôn xuống bàn chân trống mát mẻ. Tiếp theo, những ngọn gió mát nữa. Mát quá! Nhưng hình như mát có... hơi nhiều. Cu cậu cảm thấy có cái gì khang khác. Cu cậu nhìn xuống:

"Chết cha".

Cu cậu vội phóng nhanh ra cửa, chạy ù một mạch về nhà để... mặc quần...

(Như cánh chim bay, trang 202-203)

Đoạn văn dí dỏm trên cho độc giả nhìn thấy, hoặc hồi tưởng quãng thời gian đã trôi mất vào quá khứ nhưng thực ra, nó vẫn có đó, còn đó, ở nhiều nơi, ngay hôm nay, với cuộc chiến khốc

liệt hơn, tàn bạo hơn mà nông thôn đang gánh chịu. Vì quá thiếu thốn nhu cầu, người ta bắt thêm đủ thứ từ cục đường, chiếc kẹo. Nói ra, nghe có vẻ tầm thường nhưng thực tế, nó làm khổ con người không ít.

Đoàn cán bộ miền Nam đóng đô ở nhà Hương Năm Dồn. Ông ta thích thằng Tịch lắm, muốn nó làm rể ông. Nhưng con Lé xấu quá, thằng Tịch chê. Con Lé lại bắt tình với anh cán bộ nào đó, viết quốc ngữ chưa thông. Trong thư tổng tình lại thông thêm: "*Tái bút. À, nhớ đem theo cho anh mượn một trăm hai rồi bữa nào anh sẽ trả lại*". Một bữa, Hương Năm Dồn vớ được lá thư trong túi áo con Lé, ông tưởng thư của thằng Tịch gửi nó, ông mừng rơn. Lúc tra hỏi, biết không phải, ông đánh con Lé một trận gần chết.

Luân vẫn hoạt động theo nhịp đi của kháng chiến. Công tác cứ thăng tiến điều hòa, nhưng cơ sở phải di chuyển luôn để bảo mật. Có lẽ, do sự sắp xếp của định mệnh (?) Ty Bình dân Học vụ lại đóng ở nhà Phượng. Huỳnh Bộ, chồng Phượng không ưa gì kháng chiến, vạn bất đắc dĩ mới phải để cho cơ quan mượn nhà, nhưng hắn luôn luôn tìm cơ la lối về những chuyện lặt vặt với dụng ý làm mọi người chán mà dời đi nơi khác. Phượng quen biết với Luân từ lâu, một cô gái thông minh lấy được chồng giàu nhưng ngu đần nên nàng khổ. Nàng chưa biết Luân đã lấy vợ. Phượng muốn bỏ chồng theo Luân. Thấy không thể dối Phượng mãi được, Luân đã nói cho nàng biết sự thực:

... Nước mắt Phượng chảy thành dòng trên hai má, nàng cung cánh tay lên lau:

"Phải như anh chưa cưới vợ... Ừ, phải như anh chưa cưới vợ thì em sẵn sàng đạp bỏ hết, đạp bỏ những ruộng, những vườn, những lúa má đường đê, những bó giấy bạc. Em yêu anh âm thầm trong những ngày anh lui tới chơi với ba em. Em không dám nói. Em đinh ninh là anh đã hứa hẹn với ai rồi, khi anh còn học ở Hà Nội. Em yêu trong tuyệt vọng. Em đâu có ngờ, người vợ của anh là người anh gặp sau em". Phượng cầm bàn tay Luân:

"Anh còn nhớ, bàn tay này đã một lần sẵn sóc cho em không?"

Luân nhìn nàng không nói:

"Chắc anh quên..."

(Như cánh chim bay, trang 271-272)

Quá khứ, lúc nào có dịp là Võ Hồng lại đưa hồn mình vào quá khứ. Từng hình ảnh, từng kỷ niệm như nằm chết giả trong tiềm thức chờ dịp thuận tiện lại vùng dậy hành hạ nhà văn. Quá khứ làm cho mỗi người không mất đời sống và thời gian dù có bay đi, cũng chỉ để tạo thành kỷ niệm. Kỷ niệm bao giờ cũng đẹp, dù đau đớn, tan vỡ! ...

Vốn con người chân thực, Luân không muốn tự mình gây nên rắc rối tình cảm nên chàng tìm mọi cách tránh né Phượng. Quý đã mang thai, nàng được Nữ và các cán bộ phụ nữ Huyện quý mến. Nhưng làm sao nàng quên được dĩ vãng, mỗi khi nàng cùng Nữ ra ngồi ở bờ sông nhìn trời nước, tìm về quá khứ:

... Buổi chiều trên sông thật buồn. Những ngọn núi, những bờ sậy, bờ tre in ngược bóng xuống mặt sông im lặng. Tiếng một con cá quẫy, những tiếng mơ hồ nào chọt dấy lên, chọt im đi ở từ bên kia bãi đưa sang, cách trở, xa xôi như một cõi nào khác. Một cánh chim đêm bay vụt qua, nhẹ nhàng rồi trong một thoáng, lẫn mất vào màn tối sẫm của doi núi Hà Bằng...

(*Như cánh chim bay*, trang 295)

Lời văn thật nhẹ, thật thấm. Nó là thiên nhiên với sự chuyển động của vạn vật. Nó là tiếng lòng Quỳ đang trải rộng trong nhớ thương mịt mù. Nó là nỗi cô đơn xa vắng của tương lai mất hút. Nó là sự thật, buồn vui có đấy. Dù nó là gì nữa, Quỳ vẫn cứ mãi mãi là nàng, đang bị cuộc chiến đẩy đưa theo định mệnh.

Luân đã quyết tâm rời trụ sở khỏi nhà Phượng sau chuyến đi công tác tại Xuân Phước, có Phượng đi cùng. Luân nghĩ, phải thoát ra cái lưới giăng quanh mình. Mình là con chim đang đậu ngang tầm tay của Phượng. Nàng muốn chụp bắt. Quyết định dời trụ sở được thi hành. Luân đi công tác để tránh gặp Phượng. Hôm dọn trụ sở, Phượng như điên dại, nàng lục trong ba-lô của Luân, thấy một tấm ảnh. Phượng nhìn thật lâu rồi bỏ trả, hai tay ôm mặt khóc. Thật không may cho Luân, Ty vừa dời sang chỗ mới được hai ngày thì bị máy bay oanh kích. Một nhân viên bị thương. Hồ sơ thất tán. Một cuộc kiểm thảo được tổ chức. Theo quyết định, Luân bị giải nhiệm chức vụ Trưởng Ty, chờ giữ nhiệm vụ khác bên Trung học. Đưa con gái đầu lòng ra đời như một an ủi. Luân và Quỳ vẫn sống trong hạnh phúc, thứ hạnh phúc tương đối trong cuộc chiến đang tiếp diễn đó đây.

Một buổi, Tịnh đưa Thức đến thăm Quỳ:

... Quỳ thật bối rối về sự hiện diện đột ngột của Thức. Nàng vụt nhiên lẫn lộn những việc quá khứ và hiện tại. Như những lớp thủy tra đang nằm ngủ yên lành thứ tự chợt những chuyển động tạo sơn dữ dội gây thành nếp gấp, lớp này trượt lên lớp kia, xáo trộn vị trí. Thức nhắc nhở quá khứ. Thức là quá khứ, một quá khứ dồn dập biết bao nhiêu là biến cố. Lùi xa về trước qua khỏi một cái mốc nào đó... Ừ, cái mốc giới hạn bởi một sự hiện diện cũng của Thức một ngày tương đối thanh bình ở Đà Lạt nơi căn phòng khách nhà Nội, có một lọ hoa cúc trắng thật lớn, có anh Cẩn – anh Cẩn là tượng trưng cho những biến cố bắt đầu ...

(*Như cánh chim bay*, trang 374)

Cái gì đến sẽ đến. Tịch và Thức đã vô Nam, tức là trở về quê hương của Quỳ mà tự thâm tâm, nàng vẫn mơ ước quay về nó. Nhưng lúc này, nàng như cánh chim bay, bay xa mãi qua bao nhiêu trùng lớp núi non không biết ngày nào mới trở về tổ cũ. Để an ủi Quỳ, Luân cho rằng trước sau gì, không phải hai ba cánh, mà bốn năm cánh chim, cũng sẽ lủ lượt bay về tổ cũ, cành xưa!...

Tác phẩm *Như cánh chim bay* mới chỉ nói đến một phần của kháng chiến cả sự việc lẫn không gian, thời gian. Biết bao nhiêu khuôn mặt đã mất đi vĩnh viễn trong quên lãng. Biết bao nhiêu số phận bị dập vùi, bao nhiêu oan uổng, bao nhiêu buồn vui trong 9 năm khói lửa, để Việt Nam chia đôi huyết lệ? Gần 20 năm rồi đó. Gần 20 năm với cuộc chiến vẫn kéo dài, còn bao nhiêu khuôn mặt nữa đang mất hay sắp mất? Và khuôn mặt của Chung trong tác phẩm, thời nào cũng có. Họ chỉ nghĩ đến quyền lợi riêng mình với những tính toán ti tiện, còn tìm đủ mọi lý lẽ để bào chữa. Cũng như Luân và Quỳ tượng trưng cho đông đảo nhân dân có mặt trong kháng chiến, không phải do chủ nghĩa, mà chính thực, bị cuốn theo chiều gió! ...

Như cánh chim bay, tác phẩm có giá trị chẳng phải vì văn chương, mà chính do những dữ kiện được đề cập tới, nó là một phần nhỏ lịch sử oai hùng của dân tộc mà Võ Hồng đã sống, đã biết. Chỉ tiếc, ở vài chỗ tác giả đã dùng "ngôn ngữ hôm nay" để cho các nhân vật thuộc 25 năm qua nói, nên nó mất đi cái nguyên thể của thời gian, không gian cũ.

Võ Hồng, có lẽ, chỉ sống bằng kỷ niệm chất đầy trong tiềm thức, nên có thể xác định, những gì

Võ Hồng viết về quá khứ bao giờ cũng cảm động, dễ lôi cuốn người đọc, bởi lẽ đơn giản, nhà văn, hơn một lần, vì nó mà gian truân, khổ đau hành hạ con người và quê hương Việt Nam một phần tư thế kỷ rồi đó. Nó như nổi ám ảnh đến chết không rời trong mỗi ý thức mến yêu tổ quốc.

Muốn hiểu Võ Hồng, không gì hơn là nghe nhà văn tâm sự với Trần Thiện Đạo, trong lá thư đề ngày 5.4.1967:

... Tôi tự nói là chiến tranh làm khổ tôi, thì tôi phải lợi dụng lại chiến tranh, ghi những điều mà chỉ kẻ nạn nhân mới biết được...

Sống ở ngoài đời cũng như khi viết, tôi vẫn thường giữ cốt cách vô tư, yêu cái đẹp tự nó mà không lý luận, để cho lòng mình thật rung động, rồi tìm chữ mà diễn tả...

Với 12 tác phẩm ngắn dài, Võ Hồng đã diễn tả đời mình và tình yêu dù có cho nhau cay đắng hay ngọt bùi, lúc nào Võ Hồng cũng tha thiết, cũng say mê, như say mê một sắc đẹp được hình dung qua dự tưởng miền man giữa hai miền: Thực, Mộng.

Trích văn Võ Hồng

... Giặc Pháp đổ bộ càn quét một trận lên xã An Chấn. Dân chúng chưa quen chuẩn bị, hơ hải bạ gì cũng chèn chặt vào quang gánh thành ra một số lúng túng chạy không kịp. Một số chạy kịp thì khi tai qua nạn khỏi, tháo quang gánh ra chỉ thấy toàn những đồ đáng vất đi. Trái lại, những đồ vật quý giá thì bỏ lại, bị giặc thu vét hoặc bị giặc đốt cháy theo ngôi nhà. Đồng bào rút kinh nghiệm, phát triển việc may ba-lô.

Trước 1945, cái ba-lô thịnh thoảng mới đánh đai một cách trường giả trên vai Hướng đạo sinh đi cắm trại. Người ta gọi nó là cái xắc. Sau 1945, nó xuất hiện ở khắp mọi gia đình. Sau vài lần bị giặc càn, mỗi gia đình phát triển đến ba, bốn cái. Ban đầu ba-lô còn may bằng vải kaki, sau thay bằng vải xita, sau đó được may bằng vải ta mỏng. Cũng chẳng ai bảo sao, có điều cần nhớ là khi gùi lên chạy thì hai tay phải đỡ lấy nó, hoặc nếu không thì phải ôm nó kè kè bên hông. Vì nếu không thì mỏng quá nó toạc mất. Sau đó, có người nghĩ đến dùng bao tải, bao bố cũ để may. Được thể, thôi thì gặp vải gì cũng may được. Còn kiểu thì tự do. Từ cái xắc rập kiểu Âu châu, sang đến Việt Nam nó tha hồ thêm túi, bớt túi, bỏ nắp, thay đai, to bề ngang, cao bề đứng, lớn thì bằng cái bồ con, nhỏ thì bằng cái gối. Và nó ngang nhiên thay cái va-li kiểu cách, lạc hậu, thay đôi nừng, đôi thùng kền càng nặng nề. Mỗi người một ba-lô, trẻ con tuổi nào thì may cho cái ba-lô cỡ ấy, tất cả gia tài tổng kỹ vào ba-lô lên vai, chân lên đường. Còn đến đâu thì cán bộ xã sẽ cho biết.

Ở các nước khác, ba-lô đi với khăn quàng, mũ kaki, can, tất cao cổ, giày đinh. Ở Việt Nam, bạn đồng hành của nó là ruột ghé. Ruột ghé là một cái túi vải đựng gạo. Thật là tiện lợi: cho gạo đầy ruột ghé, quàng ngang bụng rồi cột gút hai đầu. Cái ruột ghé mắc nghẽn ngang xương bàn tọa. Cái ba-lô sau lưng, cái ruột ghé ngang bụng, thế cứ trước mặt mà đi. Thịnh thoảng đặt hai cùi chỏ nghỉ trên vòng ruột ghé, y như một cuộc đi ngoạn cảnh!

Cái ruột ghé thật là tiện lợi. Đi đâu mà có nó ngang hông tức như là đồng dạc bảo chủ nhà rằng:

"Bạn ơi, tôi có đủ cơm ăn cho tôi rồi. Bạn đừng lo. Tôi không làm phiền bạn đâu. Hột gạo lúc này quý lắm, tôi biết rõ". Quả thật như vậy, chạy tản cư vào nhà người quen mà có đem theo ruột ghé gạo thì ta mạnh ghé vào lắm vì ta chắc chắn là người quen của ta họ sẽ mạnh bạo đón tiếp ta. Cuộc chiến tranh càng kéo dài thì hột gạo càng quý. Lý do vì công việc đồng áng bị

công tác kháng chiến làm trở ngại một phần. Một phần nữa là vì bom đạn mà nương đập bị phá, nhiều đồng lúa bị bỏ hoang. Khi lúa gạo dư đủ, được khách đến chơi nhà là một cái thú, đôi khi là một vinh dự, nhưng khi gạo phải tính từng ký, từng lon thì dù có hiếu khách đến đâu người ta cũng bị bắt buộc phải tính từng bữa ăn. Thế thì không còn cử chỉ nào đẹp bằng khi đi đến đâu mà cần tới nhà quen ở lại đôi ba ngày thì cứ thành thật tháo ruột ghé đong mỗi bữa sét lon gạo gọi ngay bà chủ nhà. Chạy tản cư không biết rõ con đường phiêu lưu dài ngắn thế nào thì cái ruột ghé gạo là món bảo đảm tối thiểu.

Quý sắp lại ba-lô của mình, loại bỏ những món không cần thiết và sắp xếp các món đem theo, theo thứ tự ưu tiên. Nếu lâm vào trường hợp mà cái ba-lô coi như quá nặng, quá cồng kềnh thì nàng sẽ bỏ lại hết mà chỉ rút mang theo một cái xách. Trong cái xách đó lại có một cái túi nhỏ đựng những vật quý giá như nữ trang, vàng, tiền, giấy tờ hộ tịch để phòng khi phải chọn lựa đem theo rất ít thì nàng cũng đã sẵn sàng.

Khi moi túi ba-lô ra, nàng suýt bật cười vì gói Zênxaquine bật tung trước mặt. Những viên tròn lăn chạy trên mặt bàn như bánh xe. Đó là thuốc nội hóa dùng trị sốt rét do Ty Y tế bào chế. Từ khi kháng chiến bắt đầu, Trung ương đã đề ra khẩu hiệu: "Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi" nên khuyến cáo các ngành sinh hoạt hãy đặt nặng vấn đề tự túc, cố gắng thay những món ngoại hóa nhập cảng bằng hàng nội hóa: giấy nội hóa, lụa nội hóa, bông gòn thấm nước nội hóa. Bác sĩ Quốc, Trưởng Ty Y tế được báo cáo ở miệt Phong Thắng, Phong Thái đồng bào hay lột vỏ cây dền nấu nước uống trị sốt rét liền thi đua với các ngành xin kinh phí mua về hàng trăm ký vỏ dền. Vỏ đó đem giã nát, rây nhỏ rồi cho vào khuôn in ra thành từng viên to bằng viên Aspirine và dày gấp đôi. Uống mỗi lần năm viên, thứ bột cây này hay nằm lì bám chặt ở nơi yết hầu làm rát mặt da và phải chiếu đến vài ly nước mới tống nổi chúng xuống dạ dày. Thuốc phát không cho cán bộ và đồng bào nên sức tiêu thụ rất mạnh. Có điều uống vào dường như chẳng có công hiệu gì cả nên sau chừng ba tháng phổ biến, đến kỳ thuốc chót chẳng ai thèm xin và đem cho cũng chẳng ai thèm nhận nữa. Quý không hiểu đã đặt tên cho loại thuốc đó "Zên" là dền, điều đó dễ hiểu, nhưng sao không gọi là Zénaquine cho tiện mà gọi là Zênxaquine trọ hợng rắc rối? Đối với cán bộ không biết chữ Pháp thì tên của món thuốc được nỉ non là Dền-xa-kin, nỉ non như tên một bản nhạc, một bài thơ, một lời than tuyệt vọng kiểu Hoàng xa Tâm, Anh xa em.

Ủy ban kháng chiến hành chính Tỉnh và các Ty dọn về An Định. Thường cứ cách bốn, năm tháng, lâu nhất là chín, mười tháng, cơ quan phải dời chỗ để phòng ngừa gián điệp địch đã dò biết được vị trí và báo cáo về đến tận bộ chỉ huy địch. Thường có trường hợp cơ quan vừa dời đi một ngày là hôm sau máy bay địch nhào xuống đến bốn năm chiếc bắn phá tan tành ngôi nhà. Dân chúng chuyền tai nhau không biết bao nhiêu là tin tức liên quan đến việc đó, nào là gián điệp gởi tin về Nha Trang bị chậm, nào là nhờ Công an bên ta chặn bắt được gián điệp. Đồng bào đồn rằng cơ quan không phải đột nhiên mà dời trụ sở mà thường là sau khi bắt được tin tức cho biết tình báo địch đã tìm ra vị trí trụ sở của mình. Thành ra mỗi khi cơ quan dời đi là chủ nhà cũng lo kiếm chỗ bà con tị nạn vài ngày.

Phán Liễn gửi ba-lô léch théch dẫn đi đầu, chân cẳng mỗi rã, chửi thề luôn miệng. Vấp hòn đá cũng chửi, bị cành tre quất vào mặt cũng chửi. Tham Huy đi kè sau, cười hi hi:

"Chửi chi cho uống hơi? Để dành sức mà đi".

Tá, Nghị, Chất, Sang, những nhân viên trẻ tuổi nói chuyện luôn miệng rì rầm suốt cả chặng đường.

"Đi ra An Định nghe nói có sông phải không tụi mày?" – Nghị hỏi. "Tao chịu thua xứ Phú Lộc

rồi. Ba ngày mới tắm một lần".

"Ai như mi làm biếng? Chịu khó xách nước mà tắm chớ ai hầu hạ mi?"

"Giếng sâu cả mười thước, ngo xuống hun hút như đường đi Âm phủ".

Sang gọi:

"Tá ơi! Sao này giờ cứ câm miệng như hén vậy mà? Nhớ "em" hả? Tao biết nội đây chỉ có mày là muốn ở lại Phú Lộc hơn hết. Chắc giờ này "em" cũng đang ngồi nhớ mày vừa ngâm ca dao kháng chiến:

*Thương chi cho uổng tấm tình
Nấu về quê nấu, bỏ mình bơ vơ.*

Ba người tùy phái gánh ba đôi nùng cao trong đựng hồ sơ, máy đánh chữ và bút chì văn phòng. Sức nặng làm còng lưng họ và họ im lặng chạy những bước ngắn, không nói một lời. Tiếng Phán Liễn oang oang ở đằng trước:

"Nghe nói ở An Định con gái đẹp lắm... Để..."

Câu nói ngắt ngang đó và người ta thấy Phán Liễn đứng dừng lại, ngồi chồm xuống đất, né một bên nhường đường cho người sau đi tới.

"Sao đó? Tụt quai dép rồi hả?"

"Chớ còn gì nữa? Từ sáng đến giờ cứ thấy lừa kéo quai dép hoài".

"Giày dép như rứa, ném cha hấn xuống ruộng cho rồi".

Phán Liễn không nói, mò túi ba-lô lấy ra dụng cụ xỏ dây dép của mình, hì hục sửa lại. Đôi dép lớp cao-su bị mòn còn mỏng lét, lỗ xỏ dây lại quá rộng nên dây cứ tụt hoài. Phán Liễn biết cổ tạt của dép nên đi đâu cũng mang theo cái dụng cụ xỏ dây dép gồm một miếng thiếc mỏng, dài, bẻ ngang một phân và xếp làm đôi. Không có tiền để mua dép mới. Chín đứa con và một bà vợ tiểu thơ nặng đau yếu.

...Sau khi sửa xong dây dép, Phán Liễn đứng dậy lúp xúp chạy theo, chạy kịp người chót rồi lại len lỏi muốn chạy lên đầu hàng.

"Coi chừng đó! Coi chừng sút dây dép nữa đó!"

Phán Liễn không trả lời. Tham Huy vẫn giọng lửng lơ:

"Thằng cha ni già rồi mà nhát gan dữ. Sợ ma lắm sao mà không dám đi sau?"

"Ma gì? Có "ma phấm" thì đây mới sợ".

"Rứa sao lại cứ đòi vọt lên trước? Đi tản tản ra để nhờ có máy bay thì lủi vào ruộng mía. Chứ đi cái kiểu chi mà kéo dài cả đoàn hàng mười lăm hai mươi thước thế này? Có máy bay thì nhất định cả Ủy ban dọn lên Thiên Đàng hết".

"Sợ gì? Bộ đội người ta hành quân đi cả đoàn dài, người ta còn không sợ. Hễ nghe tiếng máy bay gần quá chạy không kịp thì cứ ngồi im xuống đất, không nhúc nhích. Máy bay nó tưởng lắm là một bờ đê, một dãy bụi bờ".

"Nói nghe có giọng huấn luyện viên dữ. Người ta đồng phục màu xám, màu tím than thì máy bay nó mới làm, đằng này áo trắng, quần xanh, áo xanh, quần xám, lộn xộn lộn xộn lại hai cái nón trắng hếu của thằng Tá và anh tùy phái".

Cả bọn giật mình la lối:

"Quý ơi! Sao hai con quý không lấy cây ngụy trang? Vậy mà từ xế tới giờ không ai để ý".

Tùy phái nhe răng cười trừ.

"Chiều rồi mà, mấy thầy. Tàu bay đâu có lối giờ này?..."

(Trích *Những cánh chim bay*, từ trang 173-183)

Trầm mặc cây rừng

Dưới đây là một câu chuyện tình. Chuyện xảy ra trong khung cảnh như sau:

"Những ngôi nhà nằm rải rác trong cái thung lũng hẹp này. Xung quanh núi cao chón chờ đứng bao vây, những ngọn núi màu xanh chàm sừng sững bất động. Những thân cây bồ đề cao vút đứng rải rác trên con đường đi làm cho con đường vắng vẻ một cách man rợ (...) Những ngày (...) của tôi ở xóm Diêu Viên như đầy những tiếng chim và đầy sự im lặng cao cả, man rợ."

Ở cái nơi vắng vẻ, im lặng, cao cả, man rợ đó, có một cô gái:

"Nàng phản ứng chậm chạp, cử động khoan thai như lúc nào cũng phải nghĩ chín chắn rồi mới làm. Sống giữa một vùng rừng núi xa xôi, tôi có cảm tưởng nàng chịu ảnh hưởng cái vóc dáng uy nghi của thiên nhiên hoang dã và nét uy nghi đó in dấu trên mọi cử chỉ nhỏ của nàng. Tôi yêu quý sự nghiêm cẩn trì trọng đó của loài đá tảng, của thân cây rừng hơn là sự bén nhạy linh hoạt của giống lau sậy."

Tò mò, nghĩ về "tôi", tức về người yêu quý cây rừng nghiêm cẩn trì trọng, chợt nhớ lời Võ Phiến: "Võ Hồng viết bao giờ cũng nghiêm chỉnh, mực thước, trong sáng. Lòng ông chân thành, chủ ý của ông tốt lành, ông làm việc thận trọng, trong thế hệ ông mấy ai được như ông (...) con người thành tâm thiện ý".(1)

Người như thế, ví dụ có chính là "tôi", đâu có gì bất ngờ. Trai lành, nghiêm yêu gái lành, nghiêm, tự nhiên thôi.

Chuyện tình của cây rừng trầm mặc thế mà gây xúc động. Đọc, rồi cứ vẫn nhớ mãi, như nhớ tiếng róc rách của một "con suối mùa xuân"(2) chưa thấy bao giờ...

(Thu Tứ)

(1) Võ Phiến, Văn học Miền Nam.

(2) Tên một tác phẩm của Võ Hồng.

Trong suốt mười năm tham gia kháng chiến, tôi đã lang thang đi khắp mọi miền của tỉnh Phú Yên, in dấu chân ở gần khắp mọi xã mọi thôn, từ vùng rừng núi An Lĩnh Xuân Quang đến bãi cát vàng Đa Ngư Phú Hiệp. Những người tôi quen thuộc rất nhiều, từ anh cán bộ dẫn quân lương gài lựu đạn đến nhà địa chủ hào phú vườn rộng nhà cao, từ người nông dân chất phác cần cù đến những công chức mũ ka-ki rộng vành vai đeo mui-zét. Nhưng vượt lên trên hết mọi khuôn mặt và mọi dáng người là khuôn mặt dịu dàng thùy mị của Thịnh, người con gái của thôn Diêu Viên quê mùa mà giờ đây mỗi lần âm thầm nghĩ đến là tâm hồn tôi chợt thấy man mác nhớ và buồn, như một bầu trời đang nắng rõ ràng bỗng có một áng mây trôi qua tạo thành bóng râm âm u.

Năm đó tôi đang làm việc ở phân ban Cực nam thì có chủ trương biên chế tổ chức mới. Tôi bị đẩy ra ngoài biên chế. Trong khi đợi chờ học một nghề lao động mới để làm kế sinh nhai, tôi được một gia đình học sinh cũ của tôi mời về tá túc. Trước khi làm việc ở phân ban Cực nam, tôi có đi dạy vài năm ở một trường trung học.

Thân phụ của người học sinh là một nhà hào phú trước kia làm chánh tổng nên người ta vẫn quen miệng gọi là ông Chánh. Phùng, người học trò cũ của tôi thì đã gia nhập bộ đội và hiện đang chiến đấu ở Đông Mên, Hạ Lào gì đó. Quê hương của Phùng là một miền quê xa xôi hẻo lánh, cách con đường ô-tô độ mười cây số theo đường chim bay nhưng muốn đi tới nơi thì phải lượn vòng theo những triền núi, vừa đi vừa chạy tụt xuống khe suối rồi nhẩn nại vừa leo vừa thở hổn hển lên những bờ khe suối khác. Tôi chọn miền đó để ẩn cư vì một nơi sần dã hẻo lánh như vậy ít có hi vọng bị máy bay oanh tạc chiếu cố hay bị một trận đổ bộ càn quét tràn qua. Lại nữa, tôi còn chọn ở miền đồng bằng thị tứ làm chi, tôi, một kẻ thất nghiệp mà mỗi ngày trôi qua mỗi gặm mề lần số tiền ít ỏi dành dụm được bấy lâu.

Xem cốt cách sinh hoạt và dinh cơ đồ sộ của ông Chánh, tôi đoán biết ông từng là lãnh chúa của vùng này, một thứ lãnh chúa cha truyền con nối. Nhà lớn, nhà ngang, nhà cầu, nhà việc, lẫm lúa, nhà sau... bao nhiêu ngôi nhà nằm chi chít bao vây nhiều vuông sân. Những cây cột tròn to, bóng loáng đứng vững chãi có treo những câu liễn cẩn xa cừ. Những bộ ván gỗ đều dày hàng tấc, nhiều bộ dài có đến bốn thước. Bàn ghế, tràng kỷ chạm trổ tinh vi.

Ông Chánh tiếp đãi tôi tử tế vì tình sư đệ đối với con ông mà cũng vì ông coi tôi như người bạn đồng cảnh ngộ với ông. Tôi bị chính quyền gạt bỏ ra ngoài thì cũng như ông hiện bị cô lập, bị cán bộ thôn bao vây để triệt hạ ưu thế chính trị.

Ông để cho tôi ở trọn một căn nhà đông, căn nhà xưa kia dùng làm nơi tiếp các hương lý, nơi xử kiện và tính toán thuế khóa. Nhờ tính chất "công sở" đó mà căn nhà sáng sủa, bày biện ít đồ đạc. Cửa sổ mở dưới một cây nhàu cành sum sê và màu lá xanh mướt óng ánh như thoa mỡ gây cho tôi một niềm yêu đời can đảm.

Ông Chánh bảo tôi:

- Thầy ở đây chơi, bao lâu cũng được. Chỗ này quê mùa, ăn tiêu ít tốn kém. Chỉ cần có gạo. Và mắm.
- Tôi còn đủ sức để mua được gạo.
- Thầy ăn mỗi tháng cho mạnh nhất là bốn gạ lúa. Nhiều lắm thì sợ tôi không kham nổi chớ bốn

giạ thì tôi có thể giúp thầy.

- Cám ơn ông, nhưng xin để tôi tự lo liệu phần gạo mắm.

- Trước ngày Cách mạng thì tha hồ, nhà tôi có thể cung phụng cho vài mươi người một lúc cũng không nao núng. Nhưng bây giờ thì phần lúa giảm tở, phần ruộng bỏ hoang vì nông dân ly khai gia nhập bộ đội thiếu người canh tác. Mắm thì không tốn bao nhiêu. Chúng tôi ở đây cứ mỗi năm vào mùa tháng ba thì mua mắm của dân biển gánh lên bán. Cho đầy vào mọi tin mọi vò rồi để dành đó ăn lần, ăn quanh năm. Rau cỏ thì dễ. Miền này nhiều mít nhiều thơm, nhiều nhà xắt trái mít non trộn với gạo để nấu cơm cho đỡ tốn gạo.

- Đó cũng là một cách ăn trở bữa.

- Nhưng ăn mau đói. Người ta thường dùng củ mì hay khoai lang nấu ghé với cơm. Có ăn ghé như vậy một thời gian rồi được ăn bữa cơm mùa - nghĩa là cơm nấu toàn gạo, - mới thấy ngon.

- Tôi đã ở Quảng Ngãi một thời gian và tôi đã từng ăn cơm ghé liên miên suốt tháng này sang tháng nọ.

Thật vậy, gian khổ tôi đã từng nên tôi không còn sợ nữa. Không có thứ gian khổ nào đóng vai giọt nước chót làm tràn cái ly. Tôi gởi tiền nhờ ông Chánh mua giùm hai mươi giạ lúa và mặc dầu ông nặng nặc từ chối không nhận tiền, tôi cũng nài cho ông phải cầm. Ông đành nói:

- Thôi, cũng như tôi cất giùm tiền cho thầy. Khi nào thầy cần thì tôi sẽ hoàn lại.

Lợi dụng những ngày nghỉ ngơi tôi lôi những quyển sách ra đọc. Buổi trưa được ngủ một giấc ngon lành và chiều lại tôi đi thơ thẩn vào trong xóm.

Những ngôi nhà nằm rải rác trong cái thung lũng hẹp này. Xung quanh núi cao chón chở đứng bao vây, những ngọn núi màu xanh chàm sừng sững bất động. Những thân cây bồ hòn cao vút đứng rải rác trên con đường đi làm cho con đường vắng vẻ một cách man rợ nhất là thỉnh thoảng trên những tàng cây cao chót vót đó có những tổ quạ tổ ác là to lót sớ sài bằng những chà cây lõi xò. Những buổi chiều đi cô đơn như vậy thật buồn. Nhớ quê hương xa cách, nhớ những kỷ niệm của tuổi thơ và âu lo vì tương lai không biết mình sẽ như thế nào. Nhiều hôm tôi cảm thấy đôi chân mỏi rã cơ hồ như không còn mang nổi nỗi buồn quá nặng của tôi, tôi chọn ngồi lên một tảng đá ở vệ đường rồi chăm chăm nhìn về một lùm cây, một bụi cỏ, một con đường mòn vắt vẻo lưng đèo hay chỉ nhìn vu vơ một nền trời óng ánh tựa xa cù.

Một hôm tôi đang ngồi im lìm bất động như vậy trên tảng đá mặt phẳng và rộng dưới gốc một cây bồ hòn cao, tâm tư phiêu diêu bay bổng thì chợt một tiếng gọi "thầy" làm tôi giật nảy mình. Tôi quay lại.

- Thầy ngồi một mình làm gì ở đây?

Thấy tôi ngơ ngác không nhận ra, người con gái nói tiếp:

- Em là con của bà Chức Bảy.

Tôi "à" lên một tiếng mừng rỡ:

- Thịnh đấy hả? Bây giờ em lớn trông khác. Má em vẫn mạnh?

- Dạ, cảm ơn thầy. Sao lâu thầy không lại chơi?

Đáng lẽ Thịnh gọi tôi bằng “anh” như những người bạn gái của nàng hay gọi, nhưng bởi năm trước tôi có dạy kèm giúp cho một người em trai kè của nàng học hè nên nàng xưng hô với tôi lễ độ như vậy.

Thịnh có khuôn mặt thùy mị. Lông mày dài và mọc đều như được vẽ bằng nét bút. Màu da trắng ngà. Tôi không hiểu tại sao nàng lại có một vẻ đẹp đài các như vậy, khác xa với vẻ cục mịch của mẹ nàng và những nét thô trên khuôn mặt của người em trai. Những sợi tóc mai, những sợi tóc mọc sau ót được vuốt lên, chân tóc làm cho màu ngà của da êm mát như mơn trớn. Tôi nhớ đến những bức họa mỹ nhân Nhật Bản, Trung Hoa. Chân tóc mai và cái ót khêu gợi dịu dàng. Tôi trả lời:

- Định lại mà chưa có dịp.

- Chắc thầy chê nhà em nghèo không muốn tới.

- Đâu có. Nếu xét tài sản thì tôi nghèo hơn cô nhiều, nghèo hơn bất cứ một người nào trong thôn xóm này. Bởi vì ở đây người nào cũng có ít nhất một ngôi nhà dù bằng tranh rạ, một khu vườn nhỏ trong có mọc bụi ớt bụi hành, những cây bồ hòn đứng dọc theo con đường đi rẽ vào sân.

- Vậy thì tại sao thầy lại không tới?

- Để hôm nào tôi tới.

Hôm tới thăm Thịnh thì nhằm lúc mẹ nàng ra đồng vắng. Ngôi nhà nằm giữa một khu vườn trồng đầy những cây xoài, cây mít, cây bưởi. Có cây xoài quì ở trước sân, trái thòng xuống ngang tầm tay hái. Tôi nói:

- Cô ở giữa một khung cảnh êm ái hiền hòa như thế này nên tâm hồn cô lúc nào cũng dịu dàng.

Thịnh cười:

- Thầy tưởng vậy. Em phải đi cuốc cỏ và khi lưỡi cuốc cắt đứt rễ cỏ, bụi cỏ được vun thành từng đống bỏ chết khô ở bờ ruộng thì lúc ấy chắc chắn là bàn tay em không còn dịu dàng nữa và tâm hồn em cũng không còn hiền hòa nữa.

Tôi hơi lúng túng vì bị lý luận của Thịnh bao vây một cách bất ngờ như vậy. Nhưng quả tình là tôi cảm thấy dễ chịu khi được đối diện với sự thông minh của nàng. Tôi nói:

- Cây cỏ làm hại lúa thì nó xứng đáng phải chịu sự đối xử tàn bạo của lưỡi cuốc.

- Thầy lý luận như người Hoa Kỳ khi họ đem súng ống tiêu diệt dân da đỏ.

- Tôi không hung bạo như vậy.

- Em xin lỗi, em cũng không định nói thầy như vậy.

Tôi ngồi ở cái bàn nước và Thịnh xin phép chạy ra vườn.

Căn nhà ngăn nắp và sạch sẽ. Hơn tám năm tôi xa cách nếp sống thị thành, đôi mắt quen nhìn những bức tường vàng màu đất trét nên tôi thấy nó có vẻ đẹp của nó. Nền nhà cũng một màu vàng xám của đất nện. Không có tranh ảnh treo trên tường.

Thịnh đi vào với ba quả cam chín trên tay. Tôi đón nàng bằng một nụ cười:

- Vì tôi mà cô thành người tàn bạo.

Nàng cắt cam mời tôi:

- Cả vườn nhà em có cây cam này ngọt nhất.

- Xin cảm tạ lòng ân cần của cô... Hòa năm nay học lớp mấy?

- Dạ, lên lớp tám. Mẹ em nói thôi học bấy nhiêu đó cũng đủ, nhưng em muốn cho nó học thêm. Ra Bình Định học, tốn kém lắm mà nhà mẹ em không giàu.

Tôi được biết là cả tỉnh Phú Yên có được ba trường trung học và chỉ dạy đến lớp bảy. Muốn học lên lớp tám, lớp chín thì phải ra Bình Định và sau khi học hết lớp chín rồi thì đành ngồi đó nghỉ đợi đã. Ít ai có đủ tham vọng và tinh thần mạo hiểm và sức khỏe để trèo đèo lội suối ra mãi liên khu Tư để học tiếp thêm.

- Phần em học dở dang cũng được bởi em là phụ nữ. Chớ nó là con trai thì không thể bằng lòng với trình độ lớp bảy.

- Cô học tới đâu rồi nghỉ?

- Em mới học hết lớp bảy.

- Ngang với bằng trung học rồi. Cô có thể xin bổ làm cô giáo tiểu học.

- Em thấy mình còn dốt lắm. Muốn học thêm mà không đủ phương tiện, muốn tự học mà không có sách. Làm cô giáo không được đâu. Cuộc cỏ và gặt lúa thì được hơn, bởi điều đó không đòi hỏi kiến thức.

- Tôi không tin là cô có thể gặt lúa như một người thôn nữ chính hiệu khác. Cuộc cỏ thì được. Người ta cầm cái cuộc nhỏ, cán dài, đứng thẳng lưng gãi nhẹ lưỡi cuộc lên mặt đất là những bụi cỏ đủ đứt rễ rồi.

Thịnh cười:

- Rõ ràng thầy là một người thị thành nên mới có những ý nghĩ thần tiên như vậy. Gặp bụi cỏ gấu, thầy cứ thử "gãi nhẹ nhẹ" coi nó có "đủ đứt rễ" không. Vả lại, dù có "gãi nhẹ nhẹ" mà phải gãi hoài từ sáng sớm tới trưa rồi từ trưa tới chiều, gãi dưới ánh mặt trời gay gắt, thì liệu thầy có thấy việc ấy nhẹ nhàng nữa không? Có còn "đứng thẳng lưng" nổi nữa không?

Tôi vừa cắn vào miếng cam vừa nói:

- Tôi chưa thí nghiệm nên chưa trả lời được. Ít nhất cũng cho tôi thí nghiệm một lần.

- Hôm nào thầy thí nghiệm xem thử.

Sau đó chừng nửa tháng, một hôm tôi có việc phải xuống trụ sở xã kê khai giấy tờ lý lịch. Trên đường về trời nắng chang chang, tôi bất ngờ gặp Thịnh từ xa đang gánh một gánh đọt mía nặng. Thoáng thấy tôi, nàng lúng túng cúi nhìn xuống đất, thoăn thoắt bước đi. Nhưng tôi gọi giật lại : "Cô Thịnh". Nàng đặt gánh đọt mía xuống đợi tôi.

- Mùa này sắp trồng mía rồi sao? tôi hỏi.

- Dạ không. Em đi này ngọn để dậm vào vạt mía bị rầy áp.

Da mặt nàng ướt đẫm mồ hôi, những giọt mồ hôi đậu chi chít trên mũi và trên môi. Quần đen xắn lên để lộ nửa ống chân. Cái áo cánh cụt tay có một đường rách nơi vai để lộ mảnh da trắng. Thịnh bắt gặp tôi đang nhìn vào chỗ vai áo rách của nàng và nàng ngượng đỏ đôi má. Tôi nói:

- Tôi không ngờ cô giỏi giang tháo vát như vậy. Thật khó mà tưởng tượng một cô giáo có thể gánh nặng dường đó.

- Em đâu phải là cô giáo?

- Ý tôi muốn nói đến cái kiến thức của cô.

- Làm việc lâu rồi quen đi.

Tôi không muốn giữ nàng nói chuyện lâu hơn bởi chỗ chúng tôi đứng không có một bóng cây. Vả lại rõ ràng là nàng không được thoải mái, khi tôi thấy những ngón tay cứ mân mê tìm cách che giấu chỗ rách nơi vai áo. Tôi chào giã từ và hẹn sẽ đến nhà thăm.

Một hôm mẹ nàng hỏi tôi:

- Lâu nay thầy có tin tức gì trong gia đình không?

Tôi đáp:

- Dạ thỉnh thoảng năm, bảy tháng thì có liên lạc được một lần. Kỳ này lâu được tin, cả năm rồi mà không nhận được tin và đồ tiếp tế.

- Vậy thầy ở không lấy gì mà tiêu?

- Cháu mới bán cái đồng hồ đeo tay hiệu Printania. Cái đồng hồ đó vợ cháu gởi ra cho kỳ trước.

- Ở đây ai có tiền mà mua nổi?

- Dạ phải gởi nhờ bạn quen đem xuống Tuy Hòa bán.

- Được bao nhiêu?

- Dạ hai trăm năm mươi ngàn đồng.

- Như vậy cũng còn sướng. Nhà nông bán hết hoa lợi một năm chưa có được số tiền đó.
- Nhưng miệng ăn núi lở, ngồi ăn không thì chẳng mấy chốc mà hết veo. Để cháu phải kiếm một nghề lao động.
- Thầy không quen kham khổ, chịu đựng lao động cực nhọc không nổi đâu.

Im lặng giây lâu chợt bà nói:

- Mà sao thầy không làm đơn xin phép hồi cư?
- Cháu cũng đang vận động xin.

Hôm sau gặp tôi, Thịnh không tươi cười chào như thường lệ. Tôi hỏi gì nàng cũng chỉ trả lời vừa đủ. Tôi nói:

- Hôm nay cô có điều gì buồn?
- Dạ không.
- Không buồn sao cô ít nói hơn thường ngày?
- Dạ không.

Tiếng bước chân của chúng tôi sào sạo trên mặt đường sỏi đá gồ ghề. Khi đến ngã rẽ vào nhà nàng, Thịnh chợt đứng lại quay nhìn tôi:

- Chừng nào thầy hồi cư?

Tôi ngạc nhiên hỏi lại:

- Ai bảo với cô?
- Hôm qua thầy nói với mẹ em.
- Đó là tôi mới dự định.
- Thầy nói thầy đã vận động xin hồi cư rồi mà.
- Tôi chỉ mới vận động. Còn được phép hay không thì chưa chắc.

Thịnh dùng mũi díp mân mê một hòn sỏi dưới chân. Nàng không nhìn lên tôi.

- Chắc thầy trông đợi cho mau đến ngày hồi cư...
- Ờ... vâng... Không... nhưng mà...

Quả tình là tôi đã rất lúng túng. Tôi không biết nói dối và thái độ của Thịnh bất ngờ đối với tôi lúc đó, tôi không kịp chuẩn bị. Tôi như một tên đại đội trưởng bị lọt vào ổ phục kích và thụ địch hai đầu.

Tết năm đó Pháp mở chiến dịch lớn tấn công tỉnh Phú Yên cả hai mặt, mặt đèo Cả và mặt Tây nguyên. Quê hương của Thịnh náo loạn chạy giặc bởi tiếng đại bác của địch ở miệt Suối Cối nổ ì ầm cả ngày đêm. Tôi gửi ba-lô lên vai chạy theo đoàn cán bộ xã tìm đường lọt ra ngã Phước Lãnh để tránh con đường liên tỉnh số Sáu. Ai cũng lo xa rằng địch có thể chốt một mũi dùi thứ ba từ cửa bể Tiên Châu tiến lên chiếm liên tỉnh lộ số Sáu, bao vây bộ đội và cơ quan hành chính của ta. Nhiều ước đoán còn cho rằng cánh đồng Phú Long rộng và phẳng có thể là nơi bộ đội Pháp sẽ chọn để nhảy dù. Tất cả mọi dự phỏng đều a tòng với nhau để thúc đẩy chúng tôi chạy, càng mau càng tốt. Tôi không kịp giã từ Thịnh và mẹ nàng. Tôi còn lý luận rằng cho dầu có mạo hiểm phí thì giờ đi tới tìm thì cũng không chắc đã gặp. Những người dân trong xóm đều lật đặt tản cư vào những khe núi hốc núi, những xóm rải rác năm ba nóc gia nằm kẹt trong những thung lũng hẹp.

Từ lần ra đi vội vã đó, tôi cứ từng bước từng bước lầm lũi đi tới, bỏ xa lần sau lưng cái xóm nhỏ hiền hòa của Thịnh. Tôi hồi cư về thành khi chiến dịch Atlante vừa chấm dứt. Tôi gặp lại vợ con. Đứa con ngày mới ra đi còn nằm trong nôi, bây giờ đã học lớp nhì và nó bờ ngõ không muốn gọi tôi bằng ba bởi nó không tưởng tượng nổi rằng bằng cách nào mà một người quần áo xốc xếch, dáng dấp thiếu nã hơn tài xế ở nhà lại có thể là ba nó được. Sau vài tháng nghỉ ngơi và chữa dứt bệnh sốt rét kinh niên, tôi gia nhập vào cuộc sống ồ ạt của miền quốc gia. Những hưởng thụ vật chất và những bận rộn tinh thần đã choán hết thì giờ của tôi khiến tôi ít có dịp để ngoái nhìn lại quá khứ, để tưởng tượng xem cái xóm nhỏ của Thịnh hiện sinh hoạt thế nào. Chỉ thỉnh thoảng những lúc đi ra ngoại ô, đôi mắt chợt gặp một chòm cây cao có tàng um tùm trên đầu là tôi bồi hồi nhớ tới cảnh cũ. Nhất là khi đôi tai chợt nghe một tiếng chim vang lanh lảnh từ tàng lá cây đó. Những ngày quá khứ của tôi ở xóm Diêu Viên như đầy những tiếng chim và đầy sự im lặng cao cả, man rợ.

Có một lần ông Chánh đi vào Sài Gòn đưa một người bà con bên vợ vào chữa bệnh ở nhà thương Grall. Ông tìm ghé lại thăm tôi. Tôi mừng quá bắt ông ở lại nhà tôi. Qua đi những câu chuyện hàn huyên, tôi vội vàng hỏi thăm tin tức về gia đình Thịnh.

- Thăng Hòa đi tập kết.

- Nó không phải là cán bộ mà.

- Tôi không được rõ. Không thấy nó về và trong xóm xầm xì là nó theo ra Bắc luôn.

- Còn bà già!

- Cũng còn sức khỏe. Làm ruộng làm nương như hồi xưa, cũng một nắng hai sương, có điều khỏi chạy tàu bay như hồi kháng chiến.

Tôi không dám hỏi về Thịnh. Tôi đang hồi hộp đợi chờ. Tôi sợ rằng nếu tôi cất tiếng hỏi thì giọng nói của tôi không còn bình thường nữa. Tim tôi đang đập rộn ràng và nhất định là nó ảnh hưởng đến nhịp thở và giọng nói. Sự hồi hộp của tôi xuất phát từ những nghi vấn: Không biết Thịnh có còn ở chỗ cũ không? có còn như xưa không? có sự thay đổi gì không? Một tháng cách xa đủ để mang lại cho ta một tin bất ngờ. Một tin buồn. Thế mà Thịnh thì đang ở cái tuổi có nhiều biến cố.

Ông Chánh nhấp chén trà rồi nhìn ra ngoài đường. Nói nhanh đi! Đừng bắt tôi đợi nữa! Cả tâm hồn tôi đang xoay quanh một người, một khuôn mặt, ông không biết sao? Hay là ông đã đoán biết hết rồi? Ừ nhỉ, ông đã sống một thời thanh niên như tôi, ông cũng đã đam mê, đã yêu, đã mơ mộng. Ông định đùa nghịch với tôi chăng? Tôi van xin ông đó.

- À, còn con Thịnh...

Tôi giật mình. Cầu cho những tin tức đều tốt lành. Tôi không đủ sức chong mắt nhìn lên mặt ông Chánh nữa. Đôi mắt mỗi một.

- Năm ngoái thằng con xã Lựu đi hỏi nó...

Tôi nín thở.

- ... nhưng nó không chịu.

Cảm tạ Thượng Đế. Thằng con xã Lựu thì tôi biết. Nó xấu xí như một con dơi.

- Nhà xã Lựu giàu mà nó là con độc đinh. Má con Thịnh thì đã khứng rồi nhưng con nhỏ nhất định không chịu.

- Ép quá rồi cũng phải chịu.

Ông Chánh lắc đầu:

- Dứt khoát rồi. Thằng con xã Lựu đã xuống Háo Danh cưới con gái hương kiểm Tân rồi.

Cảm tạ Thượng Đế! Tôi không chịu đựng nổi ý nghĩ Thịnh phải sống cạnh một con dơi xấu xí như vậy. Tôi ghê rợn như nhìn một con sâu rọm bò trên những cánh hoa hồng.

Sau hai ngày ở chơi, ông Chánh cáo biệt chúng tôi. Tôi mua quà biếu ông, biếu bà Chánh và nhờ ông mang giùm một gói quà cho mẹ Thịnh và Thịnh. Tôi không viết thư mà chỉ nhắn miệng mời có dịp nào tiện xin vào ghé chơi với chúng tôi. Vợ tôi hỏi số tuổi của Thịnh và gửi thêm một hộp lớn trong đựng những xấp hàng may áo dài, gương lược đắt tiền và nhiều lọ nước hoa.

- Ông trao giùm cho cô Thịnh. Nói đây là phần của riêng tôi biếu cô.

Tôi thầm trách sự thật thà của ông Chánh. Đáng lẽ ra ông thông minh nói sọt bớt năm ba tuổi để vợ tôi nhằm tính thấy rằng khi tôi gặp Thịnh thì nàng mới chỉ là một cô bé. Đằng này rõ ràng là vợ tôi có điều để có thể suy nghĩ. Một cô gái quê có học và bắt tôi phải nhớ, có đủ bản lĩnh để chê thằng con một ông xã nhà giàu, thì dù chưa gặp mặt lần nào vợ tôi cũng không thể nghĩ rằng nàng xấu xí và đần độn.

Mùa hè năm sau, vợ tôi bị chứng hoại huyết phải vào nằm ở dưỡng đường Saint Paul. Nàng từ trần sau ba tháng chống chọi với bệnh. Khoa học chịu bất lực và sự cầu nguyện chỉ là liều thuốc dành cho người sống. Tôi trở lại cuộc đời cô đơn, lần này còn cực nhọc gấp mấy lần kháng chiến bởi tôi không còn mơ mộng vô tư như xưa nữa. Cố nhiên là sau ngày đoạn tang vợ tôi, các bạn bè và họ hàng giới thiệu cho tôi những người thiếu nữ, những người đàn bà. Riêng phần tôi, những cuộc gặp gỡ ngẫu nhiên cũng nhiều nhưng quả tình là tôi không gặp được người nào có thể thương yêu một cách an ổn. Người phụ nữ thời nay sống vội vàng như những chiếc đồng hồ. Tình cảm xoay chiều, cử chỉ hời hợt, tâm trạng bực dọc. Xoay chiều theo màu áo dài của họ thay đổi hàng ngày. Có những người mà sắc đẹp và tính tình làm tôi tin cậy, nhưng hầu như họ đều đã có chồng rồi. Tôi bao giờ cũng là kẻ đến quá chậm hoặc quá sớm. Sớm đối với những cô còn trẻ.

Chiến tranh Nam Bắc bùng nổ trở lại mỗi ngày mỗi ác liệt trong những năm hoang mang dao động đó của tôi. Ấp chiến lược dồn dân, dồn làng, phục kích, biểu tình tranh đấu, đàn áp, xử tử, treo bản án, trại tập trung, trại cải huấn, trại học tập... liên miên, dồn dập, thường xuyên. Dân quê chạy tán loạn vào thành phố. Không thể căn cứ, không thể gia đình, hành quân cảnh sát hốt chất đầy xe. Bao nhiêu biến cố dồn dập đó có kết quả là xóa mờ đi trong óc tôi những hình ảnh của vật của người mà tôi đã gặp, đã quen nơi những miền thôn dã xa xôi của tỉnh Phú Yên. Khi óc tôi dựng lên một cảnh thì y như liền đó nó bị bẻ gãy làm đôi làm ba. Con đường cái không thể chạy dài được đúng theo phận sự của nó. Nó phải bị chặt bị đào, bị khoét thành hố thành vũng bởi mìn bởi bom. Vườn tược không còn xanh màu lá, trắng màu hoa và hồng màu trái chín mà chỉ có màu vàng thê lương của cành cây chết khô, màu đen của thân cây bị cháy sém. Những ngôi nhà ngã sập xuống hay cháy tan hoang chỉ còn trơ lại những nền cao. Xóm nhỏ của Thịnh chắc cùng chung một số phận. Không biết hai mẹ con hiện xiêu lạc về phương nào.

Trong những hồi cô đơn, tôi hay nghĩ đến Thịnh. Tôi còn nhớ tâm hồn tươi mát của nàng, yêu lao động và không đòi hỏi quá nhiều ở cuộc đời. Nàng sống hiền hòa thanh thản và tôi muốn đem những tiện nghi hiện tôi có được để chia sẻ cùng nàng. Tôi cảm thấy cuộc đời của tôi được bình ổn hơn. Tâm hồn trong sáng yêu đời mang lại cho nàng một năng lực tự tại khó lay chuyển. Tôi chưa hề thấy nàng nuôi thành kiến, chạy hùa theo một phong trào hay vội vã đối phó một dư luận. Nàng phản ứng chậm chạp, cử động khoan thai như lúc nào cũng phải nghĩ chín chắn rồi mới làm. Sống giữa một vùng rừng núi xa xôi, tôi có cảm tưởng nàng chịu ảnh hưởng cái vóc dáng uy nghi của thiên nhiên hoang dã và nét uy nghi đó in dấu trên mọi cử chỉ nhỏ của nàng. Tôi yêu quý sự nghiêm cẩn trì trọng đó của loài đá tảng, của thân cây rừng hơn là sự bén nhạy linh hoạt của giống lau sậy. Thịnh có cốt cách của một người chị, của một người mẹ, của một người em. Tôi muốn được hưởng thụ một tình yêu loại đó hơn thứ tình nóng bỏng của một người yêu đơn thuần.

Giữa lúc tâm hồn tôi hướng về Thịnh như con tàu trong cơn bão táp hướng về ánh sáng của ngọn hải đăng xa xôi thì chợt tôi gặp một người đàn bà ở cùng xóm với nàng, bà Mừng. Tôi hỏi:

- Ông Chánh hiện tản cư về đâu?

- Dạ, dọn vô Tuy Hòa.

- Mẹ con cô Thịnh?

- Dạ, tập trung về quận.

- Bà có chắc không?

- Dạ chắc chứ.

Tôi tặng bà một số tiền và nhờ bà đem về trao cho Thịnh một gói quà và một bức thư. Tôi căn dặn phải đưa thư đó tận tay Thịnh, bằng mọi cách. Trong thư tôi buồn rầu báo tin cho nàng biết là vợ tôi đã từ trần hơn bốn năm rồi và cuối thư là mời mẹ nàng và nàng tìm dịp vào thăm tôi. Thư viết với lời lẽ nghiêm trang bởi tôi biết nó sẽ được nhiều người khác đọc trước nàng. Nhưng một tháng rồi hai tháng lặng lẽ trôi qua. Tôi viết tiếp hai cái thư nữa. Vẫn không thấy hồi âm. Trong khi đó thì tôi không còn gặp ai quen để hỏi xem hiện nàng ở đâu, hiện nàng như thế nào. Cho đến một sáng chủ nhật.

Tôi đang ngồi một mình trong phòng thì nghe tiếng chuông reo ở cổng. Nhìn qua cửa sổ thấy

một người mặc quân phục đứng thập thò sau cánh cửa. Tôi đi ra mở cổng. Người quân nhân chào tôi:

- Thưa thầy.

Tôi bỡ ngỡ.

- Thầy không còn nhớ em? Em là Nhấn, học trò cũ của thầy.

Ký ức của tôi lờ mờ trước cái tên và khuôn mặt đó nhưng tôi tươi cười:

- Xin mời anh vào chơi. Lâu ngày quá.

Người quân nhân đứng nhích sang một bước rồi quay lại giới thiệu người đi với anh ta.

- Dạ, còn đây là vợ em.

Tôi nhìn sang người đàn bà mà lúc nãy ngồi trong phòng nhìn ra tôi không thấy. Có lẽ lúc đó nàng đứng lấp sau trụ cổng.

Chợt cơ thể tôi phút chốc như rã rời từng mảnh vụn, Thịnh. Nàng dăm dăm nhìn tôi. Đôi con mắt màu đen.

- Mời anh chị vào.

Chân tôi run run và giọng nói cũng run theo. Tôi hướng dẫn hai người vào xa-lông. Mời ngồi. Người ở mang nước. Tiếng xe chạy trên con đường trước nhà, những Suzuki, Yamaha, Jeep, GMC... ào ạt, rầm rộ, nhét đầy vào óc tôi, tràn nghẹt đến mang tai. Tôi như người mất cảm giác. Mất thăng bằng.

Áo của Thịnh phơn phớt màu hoa tím. Đôi bàn tay no tròn đặt lên vạt áo. Ngày xưa đôi bàn tay này cất quả cam. Không phải cho người quân nhân ngồi bên cạnh.

- Em đang dạy ở trường tiểu học Mỹ phú thì có lệnh động viên từng phần. Em học lớp hạ sĩ quan bên Đồng Đế.

- Vâng.

- Còn một tháng nữa thì mãn khóa. Khóa sinh sẽ được phân phối về các đơn vị. Em muốn được về tiểu khu Phú Yên nhưng sợ bộ chỉ huy đưa đến đơn vị khác.

- Chắc họ cố gắng phân phối hợp lý, ai tới từ tỉnh nào thì cho về tỉnh nấy.

- Dạ, nguyên tắc là vậy nhưng mà phải tùy nhu cầu. Em nghe thầy quen lớn nhiều nên em nhờ thầy xin dùm. Miễn họ cho em được về tiểu khu Phú Yên, ở đó em có người quen.

- Tôi sẽ cố gắng xin giùm anh nhưng kết quả thì tôi không dám bảo đảm.

- Dạ, miễn thầy nói giùm cho em một tiếng.

Mục đích chính của cuộc hội kiến đã được rồi, Nhấn quay sang giới thiệu vợ:

- Thịnh, chắc thầy còn nhớ?

- Vâng.

- Hồi trước Thịnh cũng có học thầy.

- Hình như không.

Nhẫn uống cạn tách nước.

- Em hỏi mãi mới tìm được địa chỉ của thầy. Xa thầy hàng mười mấy năm mà trông thầy không thay đổi bao nhiêu.

- Tôi chắc phải già đi...

- Dạ không bao nhiêu. Gặp thầy em nhận ra được ngay.

Những câu trao đổi đều vô vị. Tâm hồn tôi mục ruỗng, hoang vắng, tiêu điều. Tôi đang sống hai thế giới: thế giới xã giao nhạt nhẽo với Nhẫn và thế giới tâm tình u uất nghẹn ngào với Thịnh. Nàng vẫn ngồi đó bất động. Tôi cắt đứt sự im lặng.

- Má cô vẫn khỏe?

- Cám ơn thầy. Bây giờ có tuổi cũng siêng đau vặt.

- Vào ở chung với cô hay ở nhà quê?

- Dạ vào ở với chúng em.

- Cô ở nhà lo việc gia đình hay đi làm?

Nhẫn đỡ lời:

- Dạ nhà em được bổ dụng làm giáo viên áp, niên khóa này. Dạ, dạy lớp tư. Chúng em mới cưới nhau năm ngoái.

Tôi thẫn thờ nhắc lại trong óc tôi: "Mới cưới nhau năm ngoái."

- Chị cũng dạy ở trường Mỹ Phú.

- Dạ.

Im lặng một giây. Bỗng Thịnh rụt rè hỏi tôi:

- Cô đi đâu vắng?

Có phải là tôi nghe lầm? "Cô" là ai? Tôi đợi Thịnh hỏi tiếp hoặc nhắc lại câu hỏi.

- Thầy cho phép em vào chào cô.

Tôi bàng hoàng. Câu hỏi đi thẳng vào trái tim tôi như một mũi tên. Té ra Thịnh vẫn chưa biết. Cái thư gửi nhờ bà Mừng trao lại? Những bức thư tôi gửi tiếp theo? Thịnh vẫn tưởng rằng...

Nhấn cảm tách nước trên tay không uống vội, đợi tôi trả lời. Tôi cúi nhìn xuống tấm thảm trải chân.

- Nhà tôi mất cách đây sáu năm.

Thịnh đang lơ đãng đưa mắt trên những gáy bìa sách óng ánh màu chữ vàng, chợt quay phát lại nhìn tôi. Đôi con mắt ngạc nhiên mở rộng.

- Rồi thầy vẫn ở vậy? Nhấn hỏi.

- Vâng. Hãy cứ ở vậy đã.

- Chắc thầy không muốn chứ ở vào hoàn cảnh thầy thì thiếu gì người.

- Anh có lòng tốt nói vậy chứ thực tế không dễ có nhiều người như anh nghĩ đâu.

- Thầy ở một mình như thế này tự do hơn.

- Có nhiều thứ tự do. Ở với một người mình yêu thì tuy có thiệt thòi đôi chút về mặt tự do nhưng ngược lại mình có những tiện nghi khác bù đắp. Có nhiên là phải được ở với một người yêu mình và mình yêu.

- Thầy chưa gặp được một người như vậy sao?

Tôi ghen ngào:

- Hình như tôi có gặp được một người.

- Sao thầy không cưới?

Tôi lắc đầu:

- Nhưng... rất cuộc không thành.

Nhấn đứng dậy xin phép đi lại đầu phố mua một xấp giấy quyn để vắn thuốc.

- Thuốc lá thơm, lạt quá em hút không được. Đi đâu cũng mang theo thuốc lá ở nhà trồng. Mỗi lần đi hội nghị ở lâu là phải xách đem theo cả ký-lô.

- Tiêu thụ nhiều vậy?

Nhấn cười:

- Em hút thuốc lá như đồng bào thượng. Vô trong này có hồi hết thuốc, bí quá em phải mua thuốc Cẩm Lệ hút đỡ. Đắng, nặng chứ không ngọt giọng như thuốc ngoài em. Vợ em vô thăm kỳ này mới đem cho một ký thuốc xách nữa đó. À mà quên, xin lỗi thầy, sáng nay thầy có bận phải đi đâu không? Bọn em tới quấy rầy làm tốn thì giờ thầy.

Tôi vừa đứng dậy đưa Nhẫn ra cổng vừa nói:

- Tôi rảnh cả buổi sáng.

Sau khi chỉ đường cho Nhẫn đi tới tiệm thuốc lá gần nhất, tôi trở vào phòng khách. Thịnh không còn ngồi ở ghế mà đứng ở bàn viết của tôi. Tôi bước nhẹ lại gần nàng.

- Thịnh, tôi gọi nhỏ.

Nàng quay lại nhìn tôi. Hai hàng nước mắt chảy dài trên má.

- Cô có nhận một bức thư của tôi nhờ bà Mừng chuyển?

Nàng lắc đầu.

- Sau đó tôi có viết cho cô hai bức thư nữa. Cô cũng không nhận được?

Nàng lắc đầu.

- Lâu lắm, hồi xưa, ông Chánh có trao cho cô hộp quà do nhà tôi gửi biếu cô? Tôi nhớ dường như đó là hàng áo dài, lọ nước hoa...

Nàng gật đầu.

Sự im lặng bao vây lấy chúng tôi. Những giọt nước mắt kế tiếp nhau chảy, rơi trên mặt bàn. Thịnh mím môi như cố giữ chẹn những tiếng khóc.

- Tôi đã nghĩ đến cô trong những hồi đơn chiếc. Tôi không quên được nét dịu dàng trên gương mặt, trong cử chỉ và nơi tâm hồn cô. Tôi mong thư cô từng ngày từng giờ, tôi mong sự hiện diện của cô, nơi đây. Một năm. Rồi hai năm. Cuối cùng, tôi đã tuyệt vọng trong sự mong chờ. Cô không hề biết tin rằng nhà tôi đã mất?

Nàng lắc đầu.

- Nếu biết tin nhà tôi đã mất thì dù không nhận được thư tôi, cô cũng tìm vào thăm tôi, phải không? Bởi cô hiểu rằng tôi có nhiều cảm tình với cô. Có phải là cô sẽ vào thăm tôi không?

Nàng lặng lẽ nhìn tôi.

- Có phải vậy không?

Nàng lắc đầu.

- Sao vậy? Cô có điều gì giận tôi chăng? Cô ghét tôi sao? Trong khi tôi vẫn yêu cô âm thầm, yêu cô âm thầm. Tôi nghĩ đến cô như một người đi đường trường giữa trưa nắng nghĩ đến một dòng suối mát. Cô là dòng suối của tôi. Thế mà cô quên tôi, cô... Tại sao cô ghét tôi? Tại sao?

Thịnh ngẩng mặt lên dăm dăm nhìn tôi. Nước mắt đầy cả hai khóe mắt.

- Cô có ghét tôi không?

Nàng im lặng nhìn tôi không nói.

- Thế sao cô không vào?

Nàng lắc đầu và giọng nói nghẹn ngào, đứt quãng:

- Bởi em không có hi vọng... Em nghèo.

Nàng bật lên tiếng khóc.

Vừa lúc ấy tiếng giày của Nhấn gõ vang ở hè đường trước nhà. Tôi đưa Thịnh vào phòng rửa mặt.

Tôi thù hận sự giàu kể từ ngày đó. Tôi sai tháo hết những rèm cửa, cuốn dẹp tấm thảm ở phòng khách, khiêng cất cái tủ gương trong chưng những cổ ngoạn quý giá đắt tiền. Tôi thù ghét bộ xa-lông đồ sộ bọc nỉ đỏ, thù ghét cái giường gỗ vàng, thù ghét mọi tiện nghi mà khoa học Tây phương đang ra sức cung phụng tôi. Trong nỗi niềm cô đơn vắng lặng của tâm hồn tôi, chúng không mang lại cho tôi chút an ủi nào mà hiển nhiên chính chúng là nguyên nhân gây ra nỗi cô đơn hiện tại. Tôi muốn đổi hết tất cả để lấy một căn nhà tranh sơ sài có bức tường bằng đất trét màu vàng, có vuông sân nơi đó có mọc một cây xoài quý, có người yêu dịu dàng là Thịnh, dòng suối mát của tôi, niềm an ủi của tôi, bàn tay thiên thần nơi tôi gục vàng trán nhàu nát ưu tư.

Tôi đưa ngón tay vặn chiếc máy thu thanh. Nhạc rơi thánh thót và tiếp theo là giọng hát Giao Linh:

“Em biết thân em phận gái nghèo hèn
Mà lỡ yêu thương ai rồi...”

Điệu nhạc và lời ca tầm thường nhưng phù hợp với hoàn cảnh của chúng tôi. Giọng hát u trầm của Giao Linh hay là tiếng nức nở của Thịnh?
Em không có hy vọng... Em nghèo.

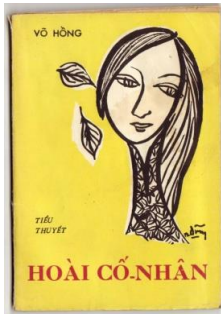
“Em biết thân em phận gái nghèo hèn”.

Giọng hát nức nở hay tiếng kêu tuyệt vọng của Thịnh bên cạnh nắm mộ của tình yêu lỡ làng? Tiếng ca Giao Linh khắc khoải trôi lên, mỗi đêm ở từ phòng trà, từ rạp chiếu bóng, từ chiếc pick-up gia đình, tôi nghe đã nhiều nhưng xúc cảm u hoài theo thì chỉ từ ngày Thịnh cùng chồng tìm đến thăm tôi. Và cũng từ ngày đó, cuộn băng nhựa có giọng hát của Giao Linh lúc nào cũng thường trực ở đầu giường. Những buổi chiều cô đơn, những giấc khuya vắng lặng, tôi ngòi hỏi tưởng đến những ngày kháng chiến xa xôi, đến một khuôn mặt, đến một dáng người, đến miếng rách nơi vai áo, đến dòng nước mắt lã chã rơi trên mặt bàn, trong khi ngón tay tôi vặn nhẹ để từ từ âm thanh của nhạc rơi nhẹ vào không khí, để tiếng hát Giao Linh lại ní non thốn thức:

“Cho kẻ yêu anh không tui phận mình

Còn lóe trên môi nụ cười... dù rằng trong giấc mơ thôi.”

Hoài cổ nhân : Võ Hồng (1923-2013) Đặng Tiên



Nhà văn Võ Hồng vừa qua đời ngày 31-3-2013 tại Nha Trang ở tuổi 90, là một trường hợp đặc biệt trong hiện tình văn học Việt Nam. Sau tập truyện đầu tay *Hoài cổ nhân*, in 1959, qua nửa thế kỷ cầm bút, ông đã để lại cho đời hơn ba mươi tác phẩm : truyện ngắn, truyện dài, thơ và nhiều bài biên khảo rải rác trên báo, chủ yếu viết trước 1975 tại miền Nam, thời Việt Nam Cộng Hòa. Qua cái cầu 1975, ông ở lại Việt nam, vẫn ở Nha Trang, vẫn tiếp tục viết, dù chỉ lai rai, có khi dưới những bút hiệu khác. Và có thêm khoảng 15 đầu sách, vài ba cuốn tái bản : *Gió cuốn*, nxb Lá Bối, 1968, nxb. Long An 1989 ; *Nhánh rong phiêu bạt*, nxb. Lá Bối 1970, nxb. Nha Trang 1989 ; một số tên sách mới, nhưng in những bài viết trước 1975 như *Thiên đường ở trên cao*, *Nghĩa Bình*, 1987, *Trong vùng rêu im lặng*, Nha Trang 1988. Một ít tác phẩm như *Chúng tôi có mặt*, nxb. Tp HCM, 2001, tập truyện giả tưởng viết sau này. Đặc biệt có tập tùy bút *Một bông hồng cho cha*, được nhà Văn Nghệ trong nước, in 1994, và nhà An Tiêm ở Paris in lại ngay sau đó, 1995.. Đồng thời, nhiều tác phẩm Võ Hồng được nhà Văn Nghệ ở Hoa Kỳ tái bản, như *Trầm mặc cây rừng*, 1986, *Hoa bướm bướm*, 1988, *Như cánh chim bay*, như vậy người đọc có thể nói : về mặt dư luận Võ Hồng đã đạt một mức đồng thuận nào đó, rất hiếm có trong một đất nước ly tán, mà văn học nghệ thuật là một địa hạt nhạy cảm.

Giới cầm bút có ít nhiều tên tuổi tại Sài gòn trước 1975 hoàn toàn phân hóa : một số ít, rất ít tác giả hợp tác với chính quyền mới (và được chính quyền đó chấp nhận) thường là cán bộ nằm vùng trước kia, đặc biệt là trường hợp Vũ Hạnh ; một số bị bắt giữ, hay bị xếp vào hàng ngũ đối tượng, biệt kích, bị cấm in ấn ; một số người ngưng viết vì bất hợp tác, hay viết rồi chuyển sáng tác ra phổ biến ở nước ngoài ; có người chấp nhận thỏa hiệp, viết cầm chừng, không va chạm, không xu phụ nên được dư luận chấp thuận (đến mức độ nào đó), như trường hợp Võ Hồng. Dĩ nhiên là cũng có lời ong tiếng ve, như khi ông gia nhập Hội Nhà Văn, 1977.

Võ Phiến, bạn thân thiết cũ, đồng hương, đồng cảnh ngộ thời 1945- 1954, khi viết về Võ Hồng, 1995, trong bộ Văn Học Miền Nam^[1], không mấy đậm đà, thậm chí còn gay gắt. Nhưng nói chung là giới văn nghệ tiếp cận Võ Hồng một cách ôn hòa, công bình hơn, đặc biệt có Nguyễn Lệ Uyên trong một bài viết nghiêm túc từ Tuy Hòa trên tạp chí Thư Quán Bản Thảo, xuất bản tại Mỹ, trong số đặc biệt về Võ Hồng vô cùng ưu ái^[2].

Hoàn cảnh đặc biệt này có những lý do liên quan đến lối sống và lối viết của Võ Hồng. Tại Miền Nam, ông nổi bật vào giữa thập niên 1960, nhất là khi nhà Lá Bối ào ạt xuất bản nhiều tác phẩm, nhưng không phải là tác giả ăn khách, thời thượng ; bằng có là

trong các tuyển tập truyện ngắn – được xem như là tiêu biểu cho tinh hoa lúc đó – không có tên Võ Hồng, kể cả tuyển tập *Ảo Tượng* do nhà Lá Bối thân thiết ấn hành 1966.

Lý do chính là : truyện Võ Hồng không nằm trong những dòng cuồn lưu của thời thượng, không đáp ứng thị hiếu độc giả trẻ. Chỉ luận về kỹ thuật thôi : kết cấu không hấp dẫn, tình tiết không éo le, cốt chuyện thàng thàng, ai ai cũng có thể trải nghiệm qua mà không vướng bận. Nhân vật thì thường thụ động, chậm chạp, không phát huy sáng kiến, thậm chí không kịp thời phản ứng. Họ chỉ ngồi im, ước mơ rồi tiếc rẻ. Không có cá tính rõ nét. Võ Hồng kể chuyện kháng chiến, từ thời Nhật thuộc đến hết thời Pháp thuộc, mà ông đã trải qua. Nhưng như khách bàng quan, không dấn thân mà cũng không phê phán. Trong khi thời đại chờ đợi, đòi hỏi một lập trường, một quan điểm. Khi ra số báo Thư Quán Bản Thảo đặc biệt về Võ Hồng, nhà văn Trần Hoài Thư đã viết ngay dòng đầu « *thành thật mà nói, hồi ấy, trước 1975, tác phẩm của Võ Hồng ít để lại ấn tượng sâu đậm trong tâm trí của tôi... Bởi vì tác phẩm của Võ Hồng ít đề cập thẳng về chiến tranh và những suy nghĩ thao thức của một thế hệ...* ». Tuy vậy, trong một chuyến xuất viện sau khi bị thương lần thứ hai tại mặt trận Bình Định, người lính trinh sát Trần Hoài Thư, năm 1969 đã đến thăm Võ Hồng tại Nha Trang và có bài phỏng vấn, đăng ở báo Văn thời đó ^[3].

Thái độ Võ Hồng dửng dưng, vô tích sự như thế là việc lạ, vì đồng hương Khu Năm với ông phần đông là những người có ý chí, lập trường, động cơ chính trị mạnh mẽ, thậm chí quá khích, không chống bên này thì chống bên kia. Thái độ ngoại cuộc của ông không được lòng cả hai phe đương chiến, cả độc giả dấn thân, nhưng ngày nay, lại là chứng từ khách quan quý hiếm. Điều này giải thích địa vị của Võ Hồng trước và sau 1975.

Địa lý văn truyện của Võ Hồng là quê ông, từ Phú Yên lên Đà Lạt, xuống Nha Trang. Nhất là Nha Trang. Một vùng đất ít màu sắc văn học, ít hấp dẫn người đọc. Nhân sự là những con người thật trong việc thật, không được dàn dựng thành biểu tượng, như anh Bốn Thôi hay ông Năm Tản trong Võ Phiến cùng quê. Đặc biệt là ngôn ngữ đúng với lời ăn tiếng nói địa phương. Ví dụ mẫu đối thoại trong *Trầm mặc cây rừng* với một cô gái đang gánh đọt mía :

« - mùa này sắp trồng mía rồi sao ?

« - Dạ không. Em đi này ngọn để dậm vào vạt mía bị rầy áp ».

Không phải độc giả nào cũng hiểu và thương thức từ vựng như thế.

Nói chung, hành văn Võ Hồng đơn giản, tự nhiên, ít có những câu màu mè, trau chuốt, trừ ...cái tựa đề, kiểu *Hoài cố nhân*, *Hoa bướm bướm*, *Nhánh rong phiêu bạt*, *Thơm ngát hương cau*... Nhiều độc giả bị *Gió cuốn* vào những tiêu đề. Rồi hệt hững (*Hoài cố nhân* là những chữ Hán khắc trên một con dấu ; *Hoa bướm bướm* là tên một loài cỏ dại, v.v...).

Võ Hồng là người học rộng, sành tiếng Pháp, nhưng không mấy chịu ảnh hưởng các trào lưu thế giới đang thịnh hành. Ông rất thân với Phạm công Thiện : người bạn vong niên này liên miên đề xuất các tác giả bốn bề năm châu, thì Võ Hồng chỉ nghiền ngẫm một cuốn *Clémentine* của Anatole France. Thời gian này, sách báo ngoại quốc tràn ngập trên thị trường miền Nam, thời thượng là những Sartre, Malraux, Bui Giáng dịch Camus, Võ Phiến dịch Stefan Zweig, Dostoievski, Nguyễn Hiến Lê dịch Somerset Maugham. Riêng Võ Hồng là con thuyền cắm sào ngoài dòng thời đại. Cùng một nghề dạy học, nhưng Võ Hồng có chút gì lạc lõng so với các đồng nghiệp Doãn Quốc Sỹ, hay Nhật Tiến, ba nhà văn nổi tiếng là nhà giáo hiền lành...

Ở đây, chúng tôi chỉ so sánh những cái có thể so sánh được, chứ không đặt Võ Hồng vào toàn cảnh Văn Học Miền Nam. Nhiều nhà giáo viết văn, nhưng Thanh Tâm Tuyền không viết văn trong tư cách nhà giáo, ngược lại với Võ Hồng. Tác giả *Hoài cố nhân* luôn luôn tề chỉnh, đạo mạo. Văn phong mô phạm có khi làm trở ngại cho danh vọng văn học.

Viết văn, khởi đầu thường là sở thích, lâu dần trở thành nhu cầu. Khi tác phẩm có độc giả, sáng tác trở thành một nghĩa vụ. Đây là trường hợp Võ Hồng viết văn để « *trả hiếu* » với quê hương như lời ông tự sự. Quê hương gồm có vùng đất đai Nam Trung Bộ khốn khó, những con người trầm luân, những biến cố đa đoan, là tình yêu, là ám ảnh, là nguồn cảm hứng – đồng thời là nghĩa vụ cho Võ Hồng. Ông trả lời phỏng vấn năm 1972 « *nếp sống quê tôi chưa hề được một nhà văn nào nhắc đến. Những nếp sống cũ xóa đi. Tôi nghĩ rằng nếu tôi dâng trọn cả cuộc đời của tôi để dựng lại cái dĩ vãng đó vẫn còn chưa đủ* » (báo Văn, Sài Gòn, số 209 ngày 01-9-1972).

Dâng trọn cả cuộc đời cho quê hương : một lý tưởng như thế, không cao quý sao ? Và non nửa thế kỷ sau, từ nước ngoài, Trần Hoài Thư, « nhà văn trẻ » năm nay cũng đã cổ lai hy, năm 2005, đánh giá tổng kết « *tác phẩm ông trước sau vẫn ca tụng tình yêu chung thủy, tình yêu quê hương, cái đẹp của tâm hồn, cổ súy đạo nghĩa, ca ngợi và mang lại niềm tự hào của thế hệ ông trong thời kỳ chống Pháp, không kích động hận thù, không xúi dục kẻ khác lao đầu vào cõi chết* » (tr.52).

Do đó, anh đã ra một số báo ưu ái, nghiêm túc cho Võ Hồng, và nhận được sự ủng hộ, hợp tác với nhiều người trong và ngoài nước, nhiều thế hệ khác nhau « *Những tư liệu, hình ảnh cung cấp quá nhiều, đủ biết là tình thương mến của những người thuộc thế hệ đàn em của ông dành cho ông là to lớn đến chừng nào. Và chính những anh em cầm bút cũ ở trong nước đã đề nghị chúng tôi làm số chủ đề này* » (tr.49)^[4].

Vì vậy, chúng tôi đã cho rằng, trong hiện tình văn nghệ bị phân hóa ngày nay, trường hợp Võ Hồng là một biệt lệ hy hữu. Nó chứng tỏ trong văn học, đâu đây, đâu đó, vẫn còn le lói một tia sáng đạo lý. Nó là niềm tin cậy.

Võ Hồng quê quán huyện Tuy An thuộc tỉnh Phú Yên. Thiết tha với địa phương quê nhà như vậy mà Võ Hồng ít khi về. Trước 1975 ông có đôi lần về thăm. Sau đó, đất nước thống nhất, an bình nhưng ông chưa một lần về cố quận, cách Nha Trang chỉ khoảng 125 km.

Thế mới hay : quê hương là chút nghĩa cũ càng, là những hình bóng phôi pha, là *Nhánh rong phiêu bạt* trong hoài niệm.

Ba mươi năm xa Tuy An : thời gian dài gấp đôi kiếp Thúy Kiều lưu lạc.

Tuy An, Tuy An, Võ Hồng chưa một lần về lại Tuy An.

Orléans, 6-4-2013

^[1] Võ Phiến, *Văn Học Miền Nam*, Truyện, tập 3, tr.1718, nxb Văn Nghệ, California, 1999.

^[2] Nguyễn Lệ Uyên, *Võ Hồng nhân cách và chữ nghĩa*, tạp chí *Thư Quán Bản Thảo*, số 21, tháng 10-2005, New Jersey, Hoa Kỳ. In lại đổi tên *Võ Hồng, người luôn nặng lòng với quê hương*, trong *Trang sách và những giấc mơ bay*, tr. 5-18, nxb Thư Ân Quán, New Jersey, 2010.

^[3] *Thư Quán Bản Thảo*, báo đã dẫn, có đăng lại nguyên văn bài phỏng vấn này, cùng với nhiều chứng từ quý hiếm. Báo in ra để tặng bạn đọc, hỏi nơi địa chỉ tranhoaitu@yahoo.com

^[4] *Thư Quán Bản Thảo*, báo đã dẫn.

Gặp Tự Lực Văn Đoàn

Trích từ tạp chí VẮN, số đặc biệt về Hoàng Đạo, xuất bản ở Sài Gòn năm 1968.

Đầu tháng Chín năm 1940, trên chuyến tàu suốt ra Hà Nội, tôi ngồi bên cạnh va-li sách vở quần áo. Trí óc thật lo lắng không yên. Khi tàu đỗ xuống ga, tôi sẽ đến ở trọ nơi nào? Tôi không có gia đình quen ở Hà Nội. Những người thuộc lớp đàn anh ở cùng Tỉnh đã học ở Hà Nội như anh Trần Chánh Thành, Trần Ngũ Phương, Nguyễn Tích... thì đã lâu lắm tôi không liên lạc, không biết rõ họ ở địa chỉ nào. Những bạn cùng lứa thì chỉ lất vất ở Huế. Ngày đó, sự học không được phát triển như bây giờ. Trường Collège Qui Nhơn mỗi năm chỉ nhận vào 45 học sinh đệ nhất niên (tương đương với lớp đệ Thất bây giờ). Đó là trường Trung học công lập duy nhất thu nhận học sinh của hơn tám Tỉnh miền nam Trung phần, từ Quảng Nam đến Bình Thuận. Cứ đồ đồng một lớp đệ Nhất niên như thế chỉ thu nhận của mỗi Tỉnh năm, sáu người học sinh xuất sắc hơn cả. Lên đến năm đệ Tứ, thì trong số 45 học sinh, chỉ còn lại chừng 30, 35 người là cùng. Sự tuyển chọn học sinh thật khó khăn, sự học bị hạn chế khiến cho số học sinh Trung học lúc đó còn ít thua số sinh viên Đại học ngày nay. Bởi lẽ ngày nay trung bình hàng năm mỗi Tỉnh có chừng 40, 50 học sinh vào học các lớp Dự bị Đại học.



Nhà văn Võ Hồng (1923-2013)

Vậy đích thực là tôi không thể có một người bạn học đồng hành cùng tôi sẽ chung chia những ngày xa lạ ở thủ đô.

Sau mấy ngày suy nghĩ cân nhắc, tôi quyết định: Nếu không có dịp may gặp một người nào chỉ đường dẫn lối thì sẽ xuống ga Hà Nội rồi thuê xe chở đến tòa soạn báo Ngày Nay ở 80 đường Quan Thánh. Tôi sẽ gặp một vị nào đó trong Tự lực Văn đoàn, ông Khái Hưng hay Nhất Linh, hay Hoàng Đạo, Thế Lữ... tôi sẽ trình bày trường hợp của mình và nhờ giới thiệu cho một nhà trọ. Điều đó chắc không khó. Những căn gác, những nhà trọ chắc chắn là không hiếm. Tôi hi vọng là được giới thiệu đến một gác trọ nên thơ như gác trọ nơi nhân vật Dũng “rũ áo phong sương.” Tôi tin rằng những nhà văn lớn mà tôi hâm mộ đó sẽ ân cần hỏi han tôi, sẽ sung sướng nghe tôi nói lòng hâm mộ của tôi đối với họ, sẽ hết lòng chọn chỉ cho tôi một nhà trọ thật tử tế. Văn chương nghệ thuật, tôi nghĩ, là một niềm cảm thông lớn. Người ta có thể nhờ nó mà quen nhau, mà thân nhau mặc dù ở xa xôi chưa hề biết mặt nhau. Có chung một niềm say mê là người ta đã hiểu nhau, đã tin cậy nhau được rồi, không kể tuổi tác cách biệt.

Nhưng khi tàu dừng ở ga Thanh Hóa, tôi chợt gặp một người quen, anh Tuyền, một huynh trưởng Hướng đạo. Anh cho biết là anh có công tác về Hà-nội và dĩ nhiên là với tinh thần Hướng đạo, anh tự nguyện sẽ lo tìm nhà trọ cho tôi.

Xuống ga Hà-nội, anh đưa tôi về nhà số 11 ngõ Tràng An ở gần chợ Hôm. Tôi sống ở đó với những bạn mới: anh Phạm Cương, anh Nguyễn Thái, anh Ngô Mạnh Duyên... Tuy vậy, vẫn đinh ninh là khi có dịp rảnh tôi sẽ đi thăm tòa soạn Ngày Nay liền, như lòng vẫn hằng mong ước.

Chừng sau đó một tháng, nhân ngày Chủ Nhật, tôi ghé lại 80 đường Quan Thánh. Đó là một buổi sáng đầu mùa Thu. Ông Khải Hưng ra tiếp tôi ở tận cổng. Ông mời tôi lên lầu, vào phòng làm việc của ông. Ông mặc sơ mi ngắn bằng chỉ đan. Người ông nhỏ nhắn, gầy. Cái áo đan bó sát người càng làm cho ông gầy thêm. Mặt ông không đẹp như tôi vẫn hằng tưởng tượng qua các tác phẩm của ông. Tôi tự giới thiệu là một học sinh ở từ Miền Nam xa xôi, đã đọc ông và sung sướng nay được gặp mặt. Ông bắt tôi tả rõ miền quê của tôi, cảm nghĩ của bạn trẻ chúng tôi khi đọc văn ông. Chốc chốc giữa những câu nói, mắt tôi chăm chú nhìn vào cái sọ người ông đặt trên đầu bàn viết. Tôi sợ sự đến thăm của tôi làm mất thì giờ ông nên cứ chuẩn bị đứng dậy cáo từ mấy lần. Ông giữ tôi lại vừa nói:

- Xin cứ ngồi nói chuyện chơi tự nhiên. Tôi độ rày chả bận gì hết. Từ Ngày Nay đã bị Chính phủ bắt đình bản rồi, còn báo đâu nữa mà lo bài? Có tờ tuần báo Chủ Nhật đang xin giấy phép.

- Ông có tin rằng sẽ được giấy phép?

- Chắc sẽ được.

Nói chuyện với một nhà văn thật là khó. Tôi cứ nghĩ rằng những điều mình nói, họ đều đã biết hết rồi, những lý luận mình đưa ra họ cũng đã đoán được hết. Và lại, biết chuyện gì mà nói? Nói lời ái mộ họ thì mình đã nói trong ba phút đầu tiên gặp gỡ. Phê bình tác phẩm của họ thì mình không có đủ sự vô lễ để làm. Nhắc đến những cuộc bút chiến thì vô lễ chẳng kém bởi mình sẽ đưa ra những lý lẽ của đối phương họ. Ông Khải Hưng lúc bấy giờ vừa bị ông Từ Ngọc cho là đã ăn cắp cốt truyện dự thi của ông để viết truyện dài Thoát Ly. Ông Nhất Linh thì bị nhóm Tân Dân phê bình nặng nề ở quyển Đoạn Tuyệt. Cô Loan bị chê là gái mới hồn láo với đối với mẹ chồng. Con dao rọc sách vô tình giết anh Thân, giải phóng được cho cô Loan nhưng không giải phóng được cho những cô gái mới đồng cảnh ngộ với cô. Bởi vì muốn đoạn tuyệt với chế độ gia đình cũ, chẳng lẽ cô gái nào cũng phải hi vọng vẫn vợ ở một trường hợp ngẫu nhiên như trường hợp con dao rọc sách. Người ta cho nhóm Tự lực Văn đoàn chỉ ưa đá phá mà không có một đề án xây dựng cho hợp lý. Ông Nguyễn Công Hoan bên nhóm Tân Dân (mà Ngày Nay gọi là “Động Tân Dân” bởi vì nơi này chuyên môn sản xuất các truyện kiếm hiệp kiếm tiền, quái khách hiệp khách) viết cuốn Cô giáo Minh, đưa ra một nhân vật cũng mới như cô Loan nhưng khéo dung hòa mới cũ mà gia đình êm đẹp, lấy đạo đức cảm hóa được cả một bà mẹ chồng cổ hủ và đanh ác. Đối đầu quyết liệt với Tự lực Văn đoàn là nhóm Tân Dân. Họ có cơ quan ngôn luận là tờ Tiểu thuyết thứ bảy, Ích hữu, Phổ thông bán nguyệt san, Tao đàn.

Tôi nói:

- Đạo này các báo đang hô hào cải cách lối viết chữ Quốc ngữ, ông có đọc?

- Có.

- Ý ông nghĩ sao?

- Tôi thấy có nhiều đề nghị không được hợp lý. Chẳng hạn lấy chữ F thay chữ PH. Đành rằng thay PH bằng F thì ta sẽ viết mau hơn, tiết kiệm được một ít thì giờ và một ít mực, nhưng cho

chính xác mà nói thì cách đọc chữ F và chữ PH có khác nhau. Chữ F hơi gió phát âm mạnh hơn...

Ông phì hơi thật mạnh để đọc chữ filou, famille, enfant.

- ... Còn chữ PH thì hơi gió nhẹ lắm. Như đọc chữ philosophie. Tiếng Việt Nam không phát âm mạnh, tương đương như chữ F.

Giọng nói của ông dịu dàng. Lời nhận định hay phê bình cũng đều khiêm tốn. Tôi nghĩ rằng ông có thể lớn tiếng mạt sát vài người kiến thức hẹp hòi mà thích đưa những nhận xét cao quá tầm của họ.

Trong khi ông mời nước, tôi lưu ý nhìn một cậu bé chừng bảy, tám tuổi da mặt trắng và đôi mắt rất sáng lại đứng tựa vào đùi ông. Ông đưa tay vuốt đầu cậu bé và giới thiệu với tôi:

- Đây là con của anh Nhất Linh. Anh Nhất Linh cho tôi làm con nuôi.

Sau này, bà Dương Đình Tây bạn thân của bà Khái Hưng thường kể chuyện cho tôi nghe về trường hợp hiếm muộn của bà Khái Hưng.

Qua khung cửa sổ, tôi nhìn những cây bàng, những cây sấu mọc hai bên đường, vươn cành chi chít đan dày trên cao. Lòng tôi rung động êm đềm khi nghĩ rằng chính những cây bàng này đã gây xúc cảm cho ông Nhất Linh và đã được ông đem vào "lời nói đầu" của cuốn *Đôi bạn*.

Một lần sau đến thăm ông Khái Hưng –tôi nhớ rằng sau khi tuần báo *Chủ Nhật* phát hành, – tôi được gặp cả ông Nhất Linh. Trời hơi lạnh, nên ông Nhất Linh thắt ca-vát. Vàng trán cao, đôi mắt sáng. Nét đẹp quắc thước.

Ông hỏi tôi về miền tôi ở và nói rằng ông đã có dịp đi ô-tô qua một lần. Trí nhớ của ông tốt, ông nhắc lại những cái tên: Đèo Cả... Tuy Hòa... Sông Cầu... Đèo Cù Mông... và tôi giúp ông nhớ rõ hơn vị trí của những địa danh đó. Ông khen phong cảnh nơi miền tôi đẹp. Tôi không biết ông có nói xã giao không hay là ông chịu ảnh hưởng của các tác giả người Pháp. Hầu hết các tác giả người Pháp nào đã đi trên đường thiên lý cũng đều khen cảnh trí thiên nhiên của tỉnh Phú Yên là đẹp. Tôi nhớ một tác giả đã viết cảm tưởng khi đứng trên đầu núi nhìn xuống thành phố Sông Cầu: "... từ cảnh trí núi non Auvergne, người ta rơi xuống cảnh trí quần đảo Nam Thái Bình Dương" (d'Auvergne, on tombe en Polynésie).

Sau đó, ông Nhất Linh thổi hắc tiêu cho chúng tôi nghe.

Vừa lúc ấy, có xe đạp trước cổng. Tiếng chân người đi lên thang lầu. Ông Nhất Linh giới thiệu:

- Ông Hoàng Đạo.

Ông Hoàng Đạo mặc sơ mi ngắn và quần tây. Dáng khỏe mạnh, chững chạc. Khuôn mặt vuông. Ông ít nói chuyện nhất trong ba người. Dường như chỉ là những lời trao đổi ngắn ngủi về tình hình báo mới ra, về sự giao thiệp giữa phái bộ Nhật và Toàn quyền Decoux. Lời nói của ông thận trọng. Trong khi ông Nhất Linh thổi hắc tiêu tiếp thì ông lại đứng cạnh cửa sổ nhìn ra ngoài trời.

Linh hồn chống đối của nhóm Phong Hóa – Ngày Nay đó. Tư thái của ông phù hợp với cốt cách của những bài ông viết nhằm đả kích Chính phủ Bảo hộ. Ngòi bút của ông không chừa một nhà cầm quyền nào: Toàn quyền Brévié, Thống sứ Châtel, Khâm sứ Graffemil, Đốc lý Virgitti, vua Bảo Đại, Thượng thư Phạm Quỳnh, Tổng đốc Hoàng Trọng Phu... Ông đánh thẳng, lời chỉ trích chân xác. Có chế diễu nhưng không hỗn xược. Dưới thời thực dân phong kiến, quyền chính trị nằm trong tay kẻ cầm quyền mà công nhiên chê bai chính quyền –hầu như trong số báo nào cũng có, – thì tôi tưởng dưới thời Cộng hòa dân chủ ta ngày nay không có mấy nhà văn nhà báo sánh kịp. Không cần nói xa nói gần, không cần úp mở, không cần mượn giọng ỡm ờ nửa bỡn nửa thiết. Ngòi bút Hoàng Đạo là ngòi bút có trách nhiệm, là ngòi bút vô úy. Ông đứng đó, trầm ngâm nhìn ra ngoài trời. Tôi nhớ mãi cái dáng điệu đặc biệt đó.

Sau này vì bận học hành tôi ít có thì giờ để tới thăm các ông. Tuy nhiên mỗi lần đáp tàu điện đi Bưởi, khi con tàu chạy qua chợ Đồng Xuân, chạy theo đường Quan Thánh là tâm hồn tôi thấy mát mẻ êm đềm. Tôi nhìn trụ cổng, nhìn lên dãy cửa sổ đang mở và nghĩ rằng nơi đó những khối óc đang suy nghĩ, đang sáng tạo, đang tỏa ra hào quang... nhưng phải đợi một tuần sau, một tháng sau, nhờ máy in chạy rầm rầm, nhờ hỏa xa và đường ô-tô Bưu chính, những tư

tường đó mới tới tay người đọc, ở Bắc và ở Nam, ở đô thị đông đảo xa hoa và ở miền thôn quê “bùn lầy nước đọng.”

Hơn một phần tư thế kỷ đã trôi qua, kể từ những ngày đó. Tôi không gặp lại một ai trong ba người, kể cả ông Nhất Linh đã di cư vào Nam, đã làm báo viết văn trở lại và đã phải chọn một cái Chết. Cả ba người đều đã chết, 58 tuổi, 51 tuổi, 41 tuổi. Người Việt Nam không có phương tiện để chết già. Chết vì ăn uống thiếu thốn, vì thuốc men thiếu thốn, vì những tranh chấp liên miên. Một người bạn tôi có ông anh làm bác sĩ bị bệnh niếu độc không chữa được.

- Chỉ còn đợi ngày chết, - bạn tôi nói

- Anh ấy năm nay được mấy mươi?

- Năm mươi bảy.

Tôi tự bảo: Thôi, thế cũng được. Xung quanh chúng ta nhiều người ao ước một cái chết ngang tuổi đó.

Giọng bạn tôi bùi ngùi:

- Hôm tôi vào Sài Gòn ghé lại Grall thăm anh thì nhằm lúc anh đã liệt lằm. Một bà Xơ người Pháp già hơn tám mươi tuổi nhưng còn khỏe mạnh, trước là bà giáo dạy anh ở những lớp Tiểu học và thương anh như con, cũng ghé lại thăm. Khi tôi đưa tiễn bà ra hành lang bệnh viện, bà chép miệng:

- Pauvre docteur-enfant! (tạm dịch: Tội nghiệp! Thằng bác sĩ trẻ con!)

Tôi bàng hoàng bởi lời thương xót. Năm mươi bảy tuổi chỉ mới là trẻ con, để mà chết. Nghĩ đến ba kiện tướng của Tự lực Văn đoàn, tôi thấy lời xót thương kia càng dư sức bén nhọn của sự thật tàn nhẫn. Riêng đối với tôi, hình ảnh của ba ông để lại nơi tôi luôn luôn là những hình ảnh mà tôi đã giữ lại từ những ngày xa xôi đó, một ông Khái Hưng dịu dàng, một ông Nhất Linh nghệ sĩ thời hắc tiêu và một ông Hoàng Đạo trầm ngâm đứng nhìn ra khung cửa.

tháng IV-1967, Nguồn Diễn Đàn thế kỷ

Võ Hồng, Người luôn nặng lòng với quê hương Nguyễn Lệ Uyên



Nhà văn Võ Hồng

Nửa thế kỷ cầm bút, Võ Hồng viết trên 30 tập truyện ngắn, truyện dài, thơ... không kể đến một số bài báo có tính cách nghiên cứu... Suốt chừng ấy năm với chừng ấy đầu sách, người ta biết nhiều đến ông, báo chí viết nhiều về ông, bạn đọc tìm đến ông như người thân yêu, bởi nhân cách của ông trong cuộc sống và trên những trang giấy. Có những độc giả, sau khi đọc truyện ông bỗng nhớ đến da diết về chốn quê hương cỏ lá, có người “dám cả gan” vào thư viện xé vài trang truyện (ông mô tả một làng quê với viên cốm đầu năm mới) mang về để thấy quê hương thật gần gũi bên mình, để tận hưởng hương vị ngày tết cổ truyền dân tộc như thể mình đang sống trên mảnh đất còn đầy khốn khó này (trường hợp một nữ độc giả ở Úc khoảng năm 87-

88). Và có lẽ ông cũng là nhà văn duy nhất sau năm 1975 được nhiều độc giả mến mộ, thư từ, thăm viếng; được các thế hệ sau luôn gọi ông bằng Thầy mỗi khi tiếp xúc. Nhân cách sống và viết của Võ Hồng làm cho độc giả cảm thấy luôn được gần gũi với ông, sách vở của ông để ông trở thành nhà văn của tất cả mọi người. Trong tận cùng sâu thẳm suy nghĩ của độc giả mọi lứa tuổi, ông là người ông, người bác, người chú, người cha, người anh, người thầy đáng kính, vì trải qua bao cuộc bể dâu, nhân cách ông vẫn giữ nguyên vẹn sự kính trọng đó.

Thế hệ trước và sau Võ Hồng đều sống trong một xã hội chấp chứng tập làm quen với dân chủ, có những ông mặc áo dài khăn đóng, đi guốc mộc che dù đứng ra hô hào cải cách, pha trộn một ít chữ Hán, chữ Tây, chữ Mỹ vừa nhỏ toẹt bãi cỏ trâu đỏ xuống gầm bàn trước mắt các cử tọa vừa trích cú những Trung Dung, Luận Ngữ, Đại Học ... để kết án đả trị vì phong kiến giam hãm sự phát triển chung của đất nước. Rồi những anh Tây học áo vét, cà vạt lên tàu về nước mang theo bao điều lạ hoắc, những chủ nghĩa ngu dân cùng những nôn mửa, buồn chán, xộc xệch máy móc dựng lên một rào chắn kiên cố mà họ gọi là thiên đường... xô toẹt cả nền văn hoá văn minh đất nước. Tất cả trộn lại thành vòng xoáy cùng với vòng xoáy của chiến tranh nghi ngút khói lửa đẩy người dân đi hết ngẩn ngơ này đến những ê chề, đau khổ khác, không biết số phận sẽ “đi đâu, về đâu”?

Võ Hồng đã sống trong một bối cảnh bi thương như vậy, nhưng ông đã vượt lên trên để nhìn ngắm quan sát rồi bắt chữ nghĩa công chúng ra nơi quang đãng cho mọi người thường lãm và tự ngắm lại mình, cảnh sống quanh mình. Ông sống và viết. Viết bằng những kinh nghiệm có thật của cuộc đời có thật, xảy ra chung quanh ông bằng một giọng văn dung dị đến mộc mạc như quê hương ông nghèo khó vậy. Những năm ông đi theo kháng chiến chống Pháp làm công tác binh dân giáo dục, rồi làm hiệu trưởng một trường trung học luôn phải di chuyển, người dân gồng gánh tản cư tránh giặc, ngôi trường kia cũng chạy theo, học trò ôm sách vở, mang ruột ghé gạo chạy theo, ông cũng chạy theo ngôi trường, chạy *theo học trò* để làm tròn thiên sứ một nhà giáo. Những năm tháng xuôi ngược này, ông cùng sống với những người dân lam lũ, quan sát cảnh đời cơ cực của họ, quan sát những hành động, tìm hiểu suy nghĩ của những trí thức trẻ đi theo kháng chiến. Gom góp, tích lũy làm vốn sống cho mình. Chính với vốn sống phong phú đó, hàng loạt tác phẩm ông viết ra được đón nhận như đón nhận những người thân yêu lưu lạc, nay được trở về nơi chốn bình yên.

Tất cả những điều này được các nhà phê bình văn học lớn nhỏ phân tích mổ xẻ khá là căn kẽ. Chỉ tội thân ông, một ông cụ già trong sáng, hồn nhiên, bỗng sau năm 1975 bị giới phê bình VC gán cho cái vòng kim cô : “nhà văn tiến bộ trong vùng đô thị tạm chiếm”. Đọc những dòng viết tràn giang này, ông chỉ mỉm cười mà không bộc lộ một thái độ nào, coi đó như những lời nhàn đàm trong buổi trà dư tửu hậu, mà thông qua những câu chuyện vui, ông thường dùng từ “bá xàm, bá láp” để chỉ cho những nhận xét, kết luận vội vàng dưới bất kỳ hình thức nào. Ông không quan tâm những gì người ta nói về Võ Hồng theo kiểu cách “bàn cổ nông đầu tổ địa chủ phong kiến”. Cuộc đời của ông là ngòi bút và trang giấy để trả nợ quê hương từng nuôi dưỡng ông. Và ông tiếp tục viết. Viết vì những cảm xúc không thể dằn lòng, viết vì trách nhiệm trước ngòi bút như ông đã từng viết và người đọc đã từng khóc với những trang sách của ông (Một Bông Hồng Cho Cha, Áo Em Cài Hoa Trắng...) chứ không vì cái xảo ngôn “tiến bộ” kia. Những lần được hầu chuyện ông trên căn gác nhỏ bữa bộn sách báo, mền gối, bút mực, chén đĩa, bàn ủi, lược gương, kim chỉ... bày la liệt, tứ tung như gánh hàng xén trong phiên chợ quê cuối ngày (ông ngồi trên chiếc ghế đầu long chân, khách tự tìm chỗ ngồi), bình thản nhắc lại “khu Xóm Mới hồi đó toàn cát, gai bàn chải, lộn xộn mà êm”, hỏi thăm Lò Gốm quê ông còn hay mất. Và rồi ông nhắm mắt lại: “Suốt cuộc đời tôi, chỉ có một tâm niệm duy nhất là trả được Hiếu cho quê hương qua từng trang sách. Tôi còn nợ quá nhiều, tôi sẽ cố gắng”. Ông nhẫn nại làm công việc đó bằng thứ ngôn ngữ đặc sệt nhà quê của quê hương ông. Lấy bối cảnh cho một cốt truyện, ông cũng đưa vào tên làng tên xóm nơi ông từng sinh ra và lớn lên và rời xa nó; chọn

tên một nhân vật, ông cũng tìm những cái tên chơn chất cha mẹ đặt cho bạn bè ông thời thơ ấu. Ông mang tất cả vào những trang sách với niềm vui tột cùng, bởi Nha Trang-Tuy Hoà chỉ cách một ngọn đèo nhưng với ông nó thăm thẳm, khiến tâm can luôn cồn cào, nao nao để hoài nhớ, để thổn thức...

Ta hãy nghe những dòng chữ mang nỗi lòng của ông: *“Từ quê tôi ở Tuy Hoà, tôi mang ruột nghé gạo đi ra Tuy An để theo học trường Lương Văn Chánh. Đi bộ bốn mươi cây số, từ nhà ra tới Định Trung, xã An Định, nơi mở trường. Khi ra đi, tiền túi còn đầy, có hồi tôi cao hứng leo ngồi xe ngựa. Lọc cọc... Lọc cọc... Vút!... Trót!... Rầm rầm... Lịch kịch. Đường cái bị phá hoại, đồng bào được huy động đào xới, có đoạn vết đào chạy xiên xiên, sóng sóng nhau, rất ngay ngắn, rất mỹ thuật, như cái xương cá. Có đoạn thì hăng quá, hốt gọn luôn một quãng, phi tang biến mất tiêu, khiến lòng đường còn sâu hơn mặt ruộng xung quanh. Và nước đọng thành ao. Cỏ gấu, cỏ mực, cỏ may, cỏ chỉ... rau chóc, rau sam, móc mèo, móc ó... vôi vàng xâm chiếm, xây dựng thành an toàn khu. Và khi hoàng hôn xuống thì biến thành hội trường cho ễnh ương toàn vùng hoà tấu”* (Những Ngày Lương Văn Chánh).

Trong truyện ngắn Bên Đập Đồng Cháy (được cả độc giả và giới phê bình thời bấy giờ đánh giá là truyện ngắn đặc sắc nhất, cảm động nhất) mô tả cảnh những người dân quê lam lũ, nghèo khó gồng gánh nhau chạy giặc ở quê ông trong cuộc chiến khốc liệt trước năm 1975, mà nghe chừng như chính ông cùng gồng gánh chạy theo những bà Xự, trùm Đẹt, bà thủ Hai... Những hoảng loạn của họ chính là nỗi hoảng loạn của bản thân ông: *“Đã đến nước cùng rồi, đã đến mức chót rồi, không còn trì hoãn được nữa. Bà con lối xóm đi đâu hết. Vợ vét gạo củi, đùm túm quần áo đi hết. Lúa bò, dất trâu đi hết. Quây lúa gánh đường đi hết. Trên xóm Dương không còn tiếng người nói. Dưới Đồng Dài không có tiếng gà gáy trưa. Bà Xự ngồi yên trên ngạch cửa, hai dòng nước mắt lặng lẽ chảy trên gò má”*.

Cái làng quê thất thân giữa sự sống và cái chết mà ông mô tả, dường như người đọc có thể bắt gặp bất kỳ nơi làng quê nào trong cảnh chiến tranh tàn tàn trước đây. Nhưng khi đọc đoạn mở đầu của truyện, người đọc dễ nhận ra những giọt nước mắt lặng lẽ chảy trên gò má của bà Xự, đấy chính là giọt nước mắt tủi cực của ông. Rồi ông lại để cho nhân vật bà Xự thay ông làm cái việc mà ông không thể làm được, luôn có mặc cảm như người quay lưng lại với quê nhà, một thứ mặc cảm luôn dày vò ông mỗi khi có dịp thổ lộ với người quen thân: *“Tôi không còn đủ sức để chống chọi. Cho tôi an nghỉ. Tôi sẽ không về ở trên xóm, tôi sẽ về ở cái chòi tranh giữ bắp nhỏ trên doi đất này, nơi đó tôi đã gặp chồng tôi, ngày xưa. Tôi sẽ sống lây lất với củ lang củ mì, với rau má rau dền, với hén với ốc. Thôi, bà con đi đi. Chúc bà con mạnh giỏi. Cho tôi ở lại. Không, xin cho tôi ở lại. Tội nghiệp thân tôi. Tôi đã...”* (Bên Đập Đồng Cháy).

Trong hầu hết các tác phẩm của mình, Võ Hồng luôn nhắc đến quê hương Phú Yên, lúc thì tan nát khói lửa, khi thì trong trẻo tuổi thơ. Ông luôn hoài nhớ với nhiều tâm trạng khác nhau, như cái cơ để được giải bày, thương nhớ xa gần. Lùi chút xíu về quá khứ thuở thanh bình, thì vùng quê Tuy An, Phú Yên, của ông là những cánh đồng trải dài, nước lấp xấp, là những ngọn núi xanh lơ, là những dòng sông, chiếc thuyền nan cùng cái xóm nghèo nàn với những bà con nghèo đến xác xơ: *“Tôi thương yêu cái xóm nhỏ của tôi, con đò bằng nan tre chèo qua lại trên dòng sông, những người láng giềng nghèo nàn. Tôi thương yêu những đứa trẻ chăn bò vốn là bạn chơi đáo, chơi bi...”* (Hoa Bướm Bướm).

Ông luôn nghĩ về họ, những số phận hẩm hiu, bị trói buộc trong những hoàn cảnh khắc nghiệt nhất của thời chiến, và điều đó khiến ông day dứt, bắt ông phải nghĩ về họ, làm được điều gì đó để mọi người bớt cảnh cơ cực. Tuy nhiên ông không phải là triệu phú theo nghĩa thông thường để ra tay cứu vớt, ông chỉ có tấm lòng và triệu phú chữ nghĩa để nghĩ về họ, những thân phận bọt bèo trong guồng máy chiến tranh phi nghĩa, bạo tàn đè nghiền đến xác xơ, vật vờ: *“Biết bao nhiêu bà con khác ở quê tôi phân tán đi đến miền nào tôi chưa biết hết. Giống như những mảnh*

giấy vụn bị gió lốc cuốn đi, có mảnh bay xa, có mảnh tấp gần, trên các chặng đường ra vô lên xuống họ đều hiện diện. Và xơ xác như những mảnh giấy” (Khoảng Mát).

Tại sao nhà văn lại thiết tha với quê hương đến như vậy? Phải chăng là chữ Hiếu phải đền đáp như ông vẫn thường tâm sự, hay đó là một khoảng trống của sự mất mát quá lâu, quá dài để cảm thấy mình là người ngoại cuộc, không có mặt để sẻ chia những đau khổ với đồng bào từng là bạn ông thời nhỏ? Bốn mươi ba năm trước đây, trả lời phỏng vấn của tạp chí Văn, ông đã hé lộ những dần vật xơ xác không cùng của mình đối với Phú Yên, với Tuy An, An Thạch, với Gò Duối, Đồng Dài, Phong Thăng, Long Hoà, Đồng Miếu... và nhiều nơi khác nữa: *“Nếp sống của quê tôi chưa hề được một nhà văn nào nhắc đến... Thế hệ của chúng tôi bị chiến tranh tàn phá quá nhiều, một số lớn đã chết, những nếp sống cũ bị lần lượt xoá đi, thay thế bằng nếp sống mới. Tôi nghĩ rằng nếu tôi dâng trọn cả cuộc đời của tôi để dựng lại cái Dĩ vãng đó cũng vẫn còn chưa đủ... Vậy viết về những kỷ niệm Dĩ vãng tôi nhằm vào việc lấp một cái hố trống. Tôi muốn các thế hệ đàn em có dịp thiết tha gắn bó với quê hương hơn,,,” (tạp chí Văn số 299 ngày 1.9.1972).*

Sau năm 1975, có 14 đầu sách của ông được các nhà xuất bản ấn hành, gồm truyện ngắn, truyện thiếu nhi, thơ và tiểu thuyết..., nhưng hầu hết, hoặc ông đã viết trước kia như tiểu thuyết Thiên Đường Ở Trên Cao (đã được tạp chí Văn trích đăng trước 75), hay các tập truyện Vẫy Tay Ngậm Ngùi, Trong Vùng Rêu Im Lặng, Chia Tay Người Bạn Nhỏ... Những truyện viết mới hầu hết là những phác thảo được sửa chữa viết lại, kể cả tập Chúng Tôi Có Mặt (khởi viết từ 1972) và Trầm Tư là gom lại những suy nghĩ nhận xét của ông về các vấn đề quanh cuộc sống thường ngày. Duy nhất chỉ có tập tùy bút Một Bông Hồng Cho Cha và tập thơ cho thiếu nhi Hồn Nhiên Tuổi Ngọc là viết mới hoàn toàn. Đây cũng là trường hợp chung của hầu hết các nhà văn Miền Nam còn ở lại trong nước, ngoại trừ một số nhà văn mà Viên Linh gọi là “tập đoàn” là “cán bộ” thì họ xoay ra hướng “mới”, bắt nhịp, thích nghi một cách nhanh chóng với loại văn chương “cung đình” một cách loè loẹt, sàm sỡ, nồng nặc mùi tính đảng, tính nhân dân, tính nịnh hót, chỉ điếm, đấu tố nhau...

Riêng với Võ Hồng thì không. Tuyệt nhiên không hề thấy ông có những trang viết nào “véo von” (chữ ông thường hay dùng để ám chỉ sự xu nịnh) theo kiểu gió chiều nào ngã theo chiều ấy. Ông vẫn bình thản viết, tiếp tục viết như xưa nay vẫn viết. Ông viết vì những tình cảm chân thành, gắn bó; ông viết vì những cảm xúc trước mọi sự, mọi vật xảy ra quanh ông, không vờ vập mời chào, không chớn chờ se súa, không xum xoe vẫy cánh vẫy đuôi quanh cây cột chày đen thui để sờ nắm như người khiếm thị xem voi...

Trong số 14 tác phẩm sau này ông viết bằng nỗi niềm hoài nhớ quê hương, viết về người cha, người thầy, về các em nhỏ, về cây măng cầu, bụi ớt... mà không mở rộng ra như Hoài Cổ Nhân, Vết Hằn Năm Tháng, Con Suối Mùa Xuân, Như Cánh Chim Bay, Người Về Đầu Non... trước 75.

Trong tất cả những đầu sách này (XB sau 75) đều “dễ thương”, bởi người đọc sau khi gấp sách lại, hình như cảm thấy trong truyện có bóng dáng mình, bạn bè, người thân của mình thấp thoáng đâu đó, có mái trường mà hồi xưa, ngày còn trẻ thơ đã thân thang cấp sách vở đi về ngày hai buổi... và mỉm cười thích thú với những hồi tưởng mang mang... trải bay nhẹ theo cơn gió nồm chiều.

Nhưng trong số ấy, tôi chú ý nhất vẫn là quyển Chúng Tôi Có Mặt, một tập truyện không có bóng dáng con người, con người bị đẩy xuống hàng thứ yếu, bị đẩy qua bên kia chiến lũy, bị lên án... để cho loài vật hiện diện, làm chủ cái tập thể gia súc, gia cầm, chồn, cáo, beo, gấu, niêng niêng, bọ chét, rệp... Ngay Lời Mở Đầu của tập truyện, ông nói: *“Tôi viết tập truyện nhỏ này với niềm say mê thích thú chưa từng có. Một mình trên căn gác, suốt ngày tâm hồn đắm*

vào thế giới loài vật những cọp, những beo, cáo, gấu, chia voi, bìm bịp, chèo bẻo... tôi tưởng như chúng đang chạy nhảy và đối thoại quanh tôi. Thật là những giờ phút kỳ diệu.

Viết xong từng đoạn, đọc lại, cười. Như đọc văn của ai. Thích hơn khi viết về Người, bởi nghĩ rằng viết về Người đã có nhiều ngòi bút khác viết rồi. Đằng này do mình tưởng tượng dựng ra thì hy vọng chúng mang trọn vẹn bản sắc của tâm hồn mình.”

Đến tác giả mà thú nhận viết xong đọc lại thấy thích thú, thì chắc chắn độc giả sẽ được tăng lên gấp bội phần niềm thích thú đó sau khi đọc xong? Vậy, trong Chúng Tôi Có Mặt, ông viết, kể lại những gì?

Ngay truyện đầu tiên Cỗ Ván Luôn Luôn Có Lý, viết về con bò Cộ ghen bóng gió với vợ. Truyện khởi đầu bằng mẫu đối thoại hết sức duyên dáng: “.. Về chuông mắng vợ lẳng lơ, nó nạt lại:

- Vô duyên. Ghen lẳng xẹt!

- Lẳng cái chỗ nào? Rồi rành nó chụp ôm lưng mày.

- Chụp đâu? Ôm đâu? Chỗ đường chặt, mạnh ai nấy lẩn chớ chụp cái gì?”

Tuy được vợ giải thích, nhưng bò Cộ vẫn cất công tìm đủ mọi cách để hạ thấp tình địch bò Bính, bằng cách hội ý kiến của các cỗ ván Dê, Heo, Cò nhằm thay đổi nhân dạng, lấy bớt cái mình có thay vào bằng những thứ của người chỉ cốt để loại thấp tình địch, nhưng khôn thay, kết quả không đi tới đâu mà còn bị cả tập thể các loài thú khinh bỉ, xa lánh...

Hình ảnh của bò Cộ dường như ta cũng bắt gặp đâu đó trong cuộc đời thật, cuộc đời có những con người luôn nghi ngờ người khác và cũng chẳng tin ở bản thân mình, trở thành thuộc tính yếu đuối trong bản chất của họ. Trong một truyện khác Tinh Thần Ái Hữu, Võ Hồng mô tả một cảnh tranh luận trong sân nuôi gà vịt, mà đầu dây mối nhợ cũng do anh Cò Chuối bày ra, đứng ra kêu gọi mọi vật “sống kề cận nhau phải thương yêu nhau”, ý tưởng đó được Cò Chuối giải thích: “*Ý tôi muốn nói là các loài thương yêu nhau. Đừng có gây sự cãi cọ, cắn đá nhau. Chẳng hạn gà đá vịt, bò húc heo, ngỗng mổ bồ câu...*”. Cả sân bắt đầu tranh luận khá sôi nổi về tinh thần đoàn kết thương yêu nhau, và mặc dù có khá nhiều ý kiến không mấy thuận thảo với những đề nghị của Cò Chuối, song cuối cùng cũng lập ra được cái hội “Ái hữu gia súc gia cầm ở số nhà 51 Hồng Bàng” với Ban Chấp Hành gồm Hội trưởng Cò Chuối, Hội phó Bò, Tổng thư ký Ngỗng. Thừa lúc Hội chưa kịp ra mắt, các con vật tranh thủ giải quyết những mâu thuẫn nội bộ từ rất lâu: gà Tre nhảy đá vào đầu Bò; Dê thò chân đá lên vào hông Thỏ; Vịt cò xoạc cánh thanh toán thẳng vịt Xiêm ve vợ nó; gà Tía trả thù thẳng Cò Chuối ức hiếp mình. Cả sân náo loạn cả lên, xông vào nhau ẩu đả, cắn xé: “*Vậy là nhen lên những lò lửa chiến tranh mới: Cãi cọ, chửi bới, giằng xé. Khắp sân rộn rịp. Lũ gà Giò hăng máu cũng sẵn sàng nhớ lại những mối bất hoà cũ, những vụ tranh chấp chưa ngã ngũ... và vậy là những cuộc đọ sức nổ rai rác đó đây. Khắp sân rộn rịp trong không khí đấm đá tung búng. Không còn ai đứng ra tuyên bố Hội Ái hữu gia cầm và gia súc ở số 51 Hồng Bàng sẽ tái nhóm vào ngày nào.*”

Có thật là Võ Hồng trong tình thế hiện tại, không thể xoay trở, không thể viết theo ý mình, từ những cảm xúc chân thật, những nhìn ngắm khách quan đang diễn ra trước mắt... theo như dòng văn chương ông viết trước đây, nên ngán ngấm, xoay ra đùa giỡn chơi với trẻ con (Hồn Nhiên Tuổi Ngọc), đùa giỡn với chính mình và nhân thế trong một giới hạn được hạn định, rào đón trước? Dầu ông nói gì, phân bua những gì gì chẳng nữa trong lời tựa đầu sách, và cho dấu những hàm ý được che giấu dưới lớp giấy mực gây chút ngạc nhiên, chút cười thú vị qua từng cử chỉ, ngôn ngữ của các con vật, với tôi, tôi vẫn thấy ẩn hiện đâu đó nỗi lòng quặn thắt của người cầm bút trong rất nhiều truyện trong tập Chúng Tôi Có Mặt này. Ví như trong truyện Lâu Đài Trên Cát, Võ Hồng mở đầu bằng một kiểu “trích ngang lý lịch” về mối quan hệ giữa Khỉ và Người: “*Không còn nhớ rõ vào trường hợp nào và do miệng ai nói mà Khỉ Thọt có ý niệm “Khỉ là Tổ tiên của loài Người”.* Từ những ý niệm ban đầu cho đến những suy nghĩ đeo bám, riết thành nỗi ám ảnh khiến Khỉ Thọt phải lục tìm, tra cứu các thư tịch có liên quan tới loài Linh trưởng, cùng với sự giúp đỡ của mụ Két, Khỉ Thọt đã bới tìm được một số thông tin ban đầu, rằng “*tại*

nó không lớt ổ... tụi nó chun vô chun ra những cái hộp có khoét lỗ... Lông nó ít hơn ông... Minh nó nhiều màu, hoặc trên trắng dưới đen, hoặc trên vàng dưới nâu... (tụi nó giống ông) y như đúc khuôn...". Vậy là Khi Thọt quyết tâm lên đường đi tìm lũ cháu chắc là lũ người và cuối cùng cũng tìm thấy chúng, có cả thầy bốn đứa. Thay vì nhận họ hàng của nhau, bốn thằng người kia hết ném đá xua đuổi ông Tổ, rồi lại lấy súng bóp cò: *"Khi Thọt quay lên nhìn mấy đứa cháu, ngờ ngác không hiểu. Chợt một tiếng "đoàng" nữa. Lũ chồn, thỏ, cáo, hươu đi tiến cất tiếng la hoảng hốt và co chân chạy rầm rập. Mụ khỉ vợ nhảy thót lên cành cây, tay chân siết cổ, lão gàn nghệt thở. Cái chân bên mặt sao bỗng nhúc nhứt như xé. Khi Thọt nhắm mắt. Đau rất đến nỗi không khóc mà sao nước mắt cứ chảy tuôn thành dòng.*

Khi Thọt thần thờ nhìn bốn loài Người. Nhìn chăm chăm. Rồi chậm chậm quay lưng, bước lảo đảo trên những lối cũ. Những giọt máu rơi lộp độp trên tầng lá, màu đỏ tươi, như đánh dấu con đường trở về..." Đoàn ông Tổ khi Thọt trên đường hành hương tìm lại cội nguồn con cháu thằng Người đã bị lũ con cháu đón tiếp bằng cách thẳng tay xua đuổi, chối từ mối quan hệ có thật trên sách vở!

Đọc đến đoạn cuối của truyện này (LĐTTC), bỗng dừng nghe như toàn thân đau nhói bởi những liên tưởng vu vơ (xin lỗi nhà văn Võ Hồng kính mến): Tôi liên tưởng đến lời kêu gọi 10 điểm man trá, đến cái gọi là đoàn kết, hòa hợp, ái hữu điều ngoa. Tôi nhớ đến những bàn chân chạy thắt thẩn trên bãi cát mặn chát muối, mồ hôi, nước mắt và cả máu; đêm tối ngằn ngặt những tiếng khóc trẻ con bịt kín miệng bằng chiếc nùi giẻ; tiếng súng nổ, tiếng la thất thanh. Chiếc thuyền tách bãi len qua vực lách, nhận chìm trong dòng nước xoáy. Những con thuyền nan lênh đênh, dòng người lênh đênh trôi giạt như phận rong rêu, mong manh không bờ bến, lang thang suốt một kiếp nhân sinh cùng những đắng cay tủi nhục. Những lang thang, tủi nhục này sẽ còn tiếp diễn khi mà những giả trá, xảo ngôn, lộng hành không thiếu chỗ hở để chen chân vào chốn lương thiện, khi mà những kẻ đầu cơ, những tên lừa lọc, lừa đảo vẫn nguy biện bằng những vàng hư danh "tổ tiên", vẫn cúi dựa vào cái xác chết thúi rửa hôi tanh mà bóp hầu bóp họng lũ con cháu anh Khi Thọt ngu ngơ, kéo theo "những giọt máu đỏ tươi, như đánh dấu con đường trở về", cho đến khi nào triệt tiêu hết lũ con cháu theo lý thuyết số học và sự hiển nhiên cơ học thì lũ "con cháu Tổ tiên" mới hài lòng, hả dạ? .

Mặc dầu trong lời tựa, ông cất công giải thích rằng: *"Những truyện loại này người ta quen gọi là Ngụ ngôn. Với tôi thì không hẳn đúng bởi tôi không có hậu ý dạy điều khôn dại mà chỉ muốn người chơi vui với một thế giới hồn nhiên dễ thương..."*. Những dè dặt, rào đón này xem chừng không thừa đối với các nhà văn còn giữ được chút ít trong sạch cho tâm hồn, giữa thời buổi VIẾT LÁCH này, nếu không muốn tự trói tay đi vào chỗ bị bóp méo, bị quy chụp, kết án này nọ... ít hơn là bị mòn xói theo đà trượt dài của những ngoa ngữ hàm hồ... đã từng xảy ra với đám nhà văn "theo đóm ăn tàn".

Quay sang một cách viết khác, chọn lựa đề tài khác cũng là một thái độ của người cầm bút, để người đọc thấy được anh Hương Quán Bọ Hung hành sử ra sao sau khi toàn thể đám côn trùng khu Đầm Lác được anh Bọ Hung đứng ra bảo vệ, giữ gìn trật tự trị an... : *"Thấy rồi! Thấy vì sao rồi. Mùi hôi không phải do chị Bọ Xít mà do những ngón chân của Bọ Hung dính đầy phân heo. Tôi mới lên bò lại gần coi rõ. Người kỹ nữa. Mùi phân heo rõ ràng mà. Do phân heo nơi chân của ổng mới hôi nồng nặc cỡ đó"* (Hãy Tìm Cái Xấu Nơi Mình Trước).

Không cố công cao xối, không vạch tìm ám chỉ, khi khép trang sách lại trên môi vẫn nở nụ cười, nhưng là nụ cười méo xệch với một chút thần thờ, một chút nhói đau trên suốt 30 truyện của Võ Hồng trong tập Chúng Tôi Có Mặt, lẫn lộn những tâm sự và tâm trạng chông chất. Cảm ơn ông, nhà văn Võ Hồng với tấm lòng nhân ái, những chất phác quê mùa thơm mùi bùn non, cứt trâu, cứt bò ngào ngạt trong cơn mưa lất phất cuối đông, làm ấm lên chút tình người mong manh, để lũ con cháu lang thang này còn nơi chốn mà nhớ về, tưởng đến với chút ngậm ngùi hè xưa nát lòng.

Tháng 8.2005

Phụ đính I

Võ Hồng, những lần gặp gỡ Mang Viên Long

Bài viết đã đăng ở tạp chí Văn số đặc biệt về nhà văn Võ Hồng (tháng 12 năm 1973). khi Anh vừa 52 tuổi...

*Nhà thơ Trần Văn Giã (Nha trang) và Ng.An Bình (Cần thơ) đã photo cho lại bài viết cũ.
Xin chia sẻ cùng Bạn Đọc & lần nữa thấp nén thương nhớ Võ Hồng...*

MVL



Cuối tháng 6-73, tôi rời “Trường Hạ Sĩ Quan Đồng Đế “ trở về Tuy Hòa thăm chốn cũ – nơi tôi đã sống trên bảy năm với nhiều bè bạn và kỷ niệm nhất, được nghe anh Trần Huệ Ân nhắc tới số báo Văn đặc biệt viết về Võ Hồng. Sau đó, tôi lại được Phạm Ngọc Lư nhắc nữa. Tôi cảm thấy vui sướng, bởi vì, cái ý kiến mà tôi đã viết cho Văn từ lâu (lúc anh Trần Phong Giao còn làm thư ký tòa soạn) để mong Văn làm những số đặc biệt về những người viết còn sống, đang có những sinh hoạt gần gũi và cần thiết, khi nhìn thấy Văn có những số chủ đề viết về bốn mùa, viết về những người đã chết (đã chết rất lâu, có nhiều báo đã viết rồi) đang thực hiện. Tuy vậy tôi không nghĩ là từ nay tới lúc Văn in số đặc biệt này tôi được yên để viết một đôi điều về Võ Hồng, bởi vì tôi còn phải đi nhiều nơi, làm nhiều việc mà trong hơn một năm, từ Trung Tâm 3 nhập ngũ ra nằm ở trường Hạ Sĩ Quan Đồng Đế, tôi đã bỏ bê. Tôi có bốn phận đốc thúc quý vị ở Tuy Hòa viết, vì nghĩ rằng, Võ Hồng quê ở Phú Yên, có liên lạc thường xuyên và mật thiết với Tuy Hòa, thì nên nhân đây mà viết cho vui. Tôi trở vào Sài Gòn, và về lại Tuy Hòa vào khoảng trung tuần tháng 7. Ở đây, tôi được gặp hai anh Mai Thảo, Duyên Anh, trên đường du hành Pleiku ghé lại. Bạn này, anh Mai Thảo cũng có nói tới số báo Văn đặc biệt về Võ Hồng, anh bảo có cái gì viết cho Võ Hồng thì viết gửi Văn. Có lẽ sau số viết về kịch tác giả Vũ Khắc Khoan. Về tới Quy Nhơn, công chuyện nhà cửa nhì nhằng, tôi biết lại không được yên để ngồi nhớ lại mà viết cho được đầy đủ. Ít ra cũng ghi lại những nét chính, những nhận xét quan trọng về Võ Hồng. Thế là tôi viết thư thúc ông Trần Huệ Ân, nhắc nhở Nhã Nam, Khánh Linh, Phạm Ngọc Lư... Tôi hy vọng rằng, nếu tôi không có dịp đóng góp được, thì quý vị ấy sẽ nói thế tôi. Tôi có chuyện phải đi Huế và Đà Nẵng sau đó. Trở vào Tuy Hòa để kịp khai giảng vào ngày 26-9. Tôi hỏi thăm lại Trần Huệ Ân, Nhã Nam thì quý vị ấy chỉ cười, than : “Bạn rộn quá, cứ định viết rồi lại hẹn, tới nay có lẽ đã trễ rồi”. Tôi viết thư hỏi thăm anh Mai Thảo coi thử số báo ấy sẽ ra vào tháng nào để có thể cùng anh em góp bài cho nó sum họp. Chưa được tin anh Mai Thảo, tôi nhận được của Võ Hồng một thư hồi âm lá thư tôi tạ lỗi bởi lúc vừa ra khỏi cổng “Trường Hạ Sĩ Quan”, tôi không kịp ghé anh mà đã đón xe Thuận Thành về thẳng Tuy Hòa. Tôi cũng đã tỏ sự hối tiếc rằng không nói được đôi điều cho vui trong số Văn viết về anh, vì đã trễ. Anh cho biết : “Số Văn viết về tôi, ban đầu tòa soạn dự tính tháng 10 nhưng theo lời đề nghị của mấy cây bút ở xa thì ông Nguyễn Đình Vượng hoãn vào Février hay Janvier, có lẽ Février. Nhưng tôi nghĩ rằng nếu anh thích viết chơi thì anh cứ bắt đầu đi và viết xong là gửi cho Nguyễn Xuân Hoàng”.

Cũng trong thư này, anh đã tâm sự : “Tôi thì vui ít buồn nhiều, có nghe thiên hạ bà con tặng cho lời khen khi mình còn chính tai nghe được thì cũng là một niềm an ủi trên bước đường calvaire dài dặc của mình. “An ủi”, bởi chính chữ “an ủi” đã ngầm chứa bao nhiêu thâm ròi.” (thư ngày 20-10-73).

Được thư buổi chiều, buổi tối tôi viết ngay. Tôi cảm thấy sung sướng được “viết chơi” về anh, trong lúc chưa có dịp ghé lại “nói chuyện chơi” với anh như những lần trước. Có lẽ tôi đã ảnh hưởng ở anh về tính chất của những nụ cười nhẹ, dí dỏm mà cũng thật bùi ngùi.

Tôi liên lạc với Võ Hồng lần đầu, vào đầu năm 1969. Thư đầu tiên, ngày 15-3-69 Võ Hồng đã đề nghị: “Xin anh cho phép được xưng hô như vậy cho đỡ khách sáo”, dầu tuổi tác giữa chúng tôi rất chênh lệch. Trong lá thư đó, anh viết cho tôi hai điều, trước anh nói tới những việc làm của chúng tôi ở Tuy Hòa “... Đồng thời cũng mở đường cho đàn em ở Phú Yên – là tỉnh Quê Hương của tôi, thêm tin tưởng, thêm hăng hái để học, để hành, để phụng sự. Về mặt đó, tôi xin cảm tạ sự hăng hái của anh”; việc kế tiếp: “Văn sẽ ra một số tưởng niệm Y Uyên. Anh có quen thân với Y Uyên mong anh viết lại những kỷ niệm. chúng ta có bổn phận yêu mến và biết ơn những người như vậy, làm việc âm thầm và hưởng thu rất ít trong cuộc đời”. Mãi tới năm 71, khi in xong tập “Mùa Thu Trống Trãi”, nhân mùa hè ghé thăm người anh làm việc ở Nha Trang, tôi mới ghé lại thăm anh lần đầu tiên. Thực ra, tôi cũng có nhiều dịp phải vào Nha Trang, trước đây, nhưng bởi những bận rộn và ngăn ngại quá thành thử không kịp thăm anh được. Tôi muốn có những giờ phút thực yên tĩnh, thực rỗi rảnh để ghé anh. Thư nào anh viết, cũng “mời anh có dịp ghé tôi chơi”, nhưng rồi thư nào trả lời, sau lời xin lỗi, cũng hẹn “thế nào cũng ghé anh”. Tôi được anh tiếp ở phòng làm việc, cũng là phòng ngủ của anh. Căn phòng kế bên, dành cho cô con gái. Để được yên tĩnh và biệt lập. Nhận ra tôi, anh cười : “Ngó ông ở ngoài trẻ đẹp thế này, sao trong ảnh tôi coi bộ già cả quá vậy? “ Tôi đáp : “Tốt hơn anh đừng nhìn vào cái bề ngoài”.

Bộ bàn ghế dành để tiếp khách đặt phía trước bàn làm việc, phía sau bàn là chiếc giường ngủ. Trong phòng, trên mặt bàn, tôi thấy bừa bộn sách báo, thư từ, bản thảo đang viết dang dở. Giường ngủ thì chần mền càng lộn xộn. anh mời tôi ngồi, rồi đi dọn lại mấy tập sách trên bàn, thu xếp lại chần mền, mỗi thứ sắp xếp lại một chút.

Anh nói :

- Xin lỗi anh, nhà cửa tôi mất trật tự quá. Ở một mình, khổ cái nỗi này.

Tôi cười :

- Như vậy là anh đã khá rồi. Ở một mình như chúng tôi, mừng màn buông rũ quanh năm không vén lên, nhà cửa suốt tháng không buồn quét dọn.

Anh vẫn tiếp tục thu dọn đồ đạc, tôi thấy đã ái ngại. Anh nói chuyện với tôi trong lúc lo sắp sửa mấy lá thư bỏ vung vãi trên mặt bàn : “Tôi bận quá, mỗi việc một chút, ríết rồi mình bỏ phé hết. Anh nghĩ thử, việc nhà cửa, làm lụng gì cũng chỉ có một mình, cũng mệt lắm chứ?”. Tôi hỏi sao anh không nhờ đến một người giúp việc, anh cười : “Nó đâu có chịu ở với mình lâu? Ở năm mười hôm, lại coi chỗ có nhiều tiền hơn, bỏ đi. Thời bây giờ nó đi làm ở sở Mỹ đã có nhiều tiền, còn có cơ mở mày mở mặt nữa”. Tôi vừa nghe anh, vừa nhớ tới một truyền anh viết những nhận xét về những người giúp việc; cảm thấy thông cảm với hoàn cảnh đơn độc của anh nhiều hơn.

Chúng tôi nói chuyện về đời sống hiện tại của nhau, những khó khăn của gia đình, những nỗi lo cứ mỗi ngày một dồn thúc bởi sự sinh hoạt chung quanh. Anh tính cho tôi nghe “bản chi tiêu hàng tháng” mà anh phải gánh lấy: Tiền gởi cho người con du học ở Tây Đức, một cô con gái đi học ở Sài Gòn, và hai cha con ở đây. Tiền dạy học của anh không đủ vào đâu cả. Năm này hối xuất Dollar lại tăng. Mỗi năm lại tăng lên một vài bực. Đời sống cũng đắt đỏ hơn. Chỉ có tiền lương nhận được hàng tháng là cố định. Bởi vậy, nhà Lá Bối, hằng năm, đã nhận in hoặc tái bản của anh vài ba cuốn sách, anh mới mong có đủ tiền chi phí mọi việc Anh kể cho tôi nghe lòng tốt của một độc giả tình cờ quen ở phi trường, hứa giúp vốn, cộng tác mở một cái Pharmacie. Chuyện một người bạn mới quen, cũng tình cờ, rủ lập nông trại làm vườn ở Đà Lạt bởi anh ta có nhiều đất ở trên đó. Anh ta sẽ nguyện giúp đỡ hết, tạo cơ hội cho anh sáng tác,

khỏi phải bận tâm nhiều tới sinh kế, tới con cái như lúc này. Nhưng rồi rồi cuộc, anh ngần ngại, không dám làm phiền tới ai, đành sống với số tiền đi dạy, in sách, và một căn nhà cho thuê. Hôm đó, chúng tôi có đề cập tới “một bóng hồng” trong đời sống thầm lặng, buồn bã của anh. Anh nói : “Đôi lúc buồn bã quá, cũng nghĩ tới việc đó chứ ? Có đàn bà ở trong nhà, đỡ cho mình nhiều việc lắm. Anh nghĩ coi, thì giờ đi dạy, thì giờ viết, thì giờ làm việc nhà, đâu có chút thì giờ nào được yên nghĩ ? Đến nỗi tôi phải làm những việc vặt vãnh, tản mẩn của đàn bà nữa. Tôi bây giờ chỉ còn biết nghĩ tới lũ con.”. Nghe anh, tôi nghĩ tới người đàn bà đã đi qua đời anh, đã mất sớm từ mấy chục năm trước. Đó là một người đàn bà toàn hảo, một mẫu người đảm đang, hiền thực, và trí thức. Có lẽ, anh đã nghĩ khó có thể tìm kiếm một ai thay thế được hình ảnh rực rỡ đó trong đời, nên không nghĩ tới việc tục huyền khi anh còn trẻ và cần thiết cho hoàn cảnh anh ? Nghĩ vậy, tôi nói: “Có đàn bà, cũng có thể anh sẽ được yên hơn, đời sống vui hơn, nhưng cũng có thể anh sẽ... mệt hơn khi sống một mình.”. Anh cười đắc ý : “Đó, chính là như vậy.”.

Dầu đường Tuy Hòa – Nha Trang chỉ cách nhau hơn hai giờ xe đò, chúng tôi cũng ít khi ra vào, bởi ai cũng có những bận rộn và lo lắng trước mặt. Tuy vậy, thư từ vẫn đều đặn, để biết tin tức hay tâm sự. Võ Hồng dầu ở xa quê, đó là một điều đã làm anh hối tiếc, nhưng luôn luôn theo dõi tin tức ở quê nhà. Từ chuyện bạn đồng hương, chuyện làng xóm, tới mọi sinh hoạt văn nghệ. Chúng tôi cũng thường thông báo cho anh những gì cần thiết, để gọi là “cùng nắm một sợi dây thân ái” (thư 16-6-71). Nếu lâu không có thư cho nhau, anh thường e ngại, đến nỗi làm người được thư cũng áy náy. Anh viết : “... xin anh thứ lỗi đã không kịp trả lời một bức thư gần đây của anh. Tính tôi không được trật tự, để cái này, quên cái kia, lạc cái nọ chắc anh cũng miễn chấp.” Anh bày tỏ ý kiến về một sinh hoạt của Phú Yên như sau : “Hôm trước đây anh Trần Huệ Ân có gởi cho tôi đọc đặc san mùa Hạ của Bồ Đề Tuy Hòa – Hiếu Xương. Ấn hành đều đặn bằng typo, lại được các anh góp tay viết gần như đồng đủ, tôi thấy sinh hoạt của Tỉnh mình thật đáng mừng. Có cái gắn bó để yêu trong đó. Thành phố lớn hơn một chút, thì sự chia rẽ bự hơn một chút.” (thư 16-6-71).

Trước ngày khai giảng, tôi lại có việc vào Nha Trang. Tôi ghé thăm Võ Hồng. Tôi gặp anh trước bàn viết. Anh rời bàn viết, tìm nước uống. Hôm đó chúng tôi uống bia. Anh mặc một chiếc áo chemise dài tay, quần pyjama màu xanh đã nhạt. Tôi nhìn thấy trên gương mặt anh vẻ gì như mỗi một, như thờ thần buồn phiền. anh cho biết đang bị cảm. Việc nhà, việc riêng bù đầu. Anh nói : “Mình phải lo cho mình chứ còn ai vô nữa? Anh nghĩ coi, tôi còn bày con, lỡ có mệnh hệ gì thì sao ? Con nó khổ ...”

Tôi góp ý kiến:

- Dầu sao thì các con anh cũng đã lớn, cũng trưởng thành rồi. Nghe nói Thủy (con gái út của anh) cũng đã đậu xong Tú Tài hai, việc gì anh sợ?

Anh cười nụ cười xuề xòa, nhưng không phải để bị chinh phục:

-Vậy mà mình còn nhiều trọng trách lắm chứ. Nó đâu đã yên bề gì. Nếu đã yên, tôi đã... lên chùa tu quách cho nó khỏe.

Tôi nói :

-Tôi tưởng anh sống chung với gia đình của chúng sau này, chúng mới thấy ấm cúng và hạnh phúc. Hạnh phúc không được chia sẻ cho anh, chắc hẳn chúng sẽ thấy thiếu, và ân hận.

Anh im lặng.

Sau một lúc nói chuyện về gia đình, nhà cửa, chúng tôi nói tới một vài sinh hoạt văn nghệ đáng chú ý. Anh than phiền về một cuốn sách của anh bị kẹt. Anh nói tới tin tức của những người bạn vẫn ở xa. dịp này, anh cho biết, mỗi khi viết gặp câu khó anh phải “penser en francaise”, mới viết được. Đó là cái thói quen. Văn anh gọn và giản dị, trong sáng, một phần cũng nhờ vậy. Tôi bày tỏ sự hối tiếc về những khó khăn cho một sinh hoạt phong phú, đông đảo của văn chương. Tôi nói tới những ước mơ trong một hoàn cảnh sáng sủa. Chúng tôi nhận thấy đều phải nhẫn nại, âm thầm làm việc. anh thổ lộ : “Nếu chúng ta được sống gần gũi, gặp nhau, nói chuyện, góp ý và phê phán xây dựng nhau, thì tốt quá. Trong anh em với nhau mà không chịu được sự góp ý, phê phán thì làm sao chịu được cả quần chúng độc giả? “. Tôi nhận thấy ở anh

một phong thái cao nhã, một lo lắng chân tình đối với những người bạn văn, dầu là những kẻ mới bước những bước đi sau.

Nói chuyện văn chương chữ nghĩa coi đã mệt, tôi muốn hỏi anh một câu mà lúc ở Tuy Hòa, tôi được nghe một người bạn nói lại. Tôi nhìn anh, hỏi sau một nụ cười : “Nghe nói anh có hỏi thăm tới cô K.?”

Anh lộ vẻ ngạc nhiên, cười khòa lấp:

- Ông nghe ai nói ?

Tôi điềm tĩnh:

- Nghe thiên hạ nói lại. Có phải vậy không?

Anh giải thích, xong hỏi :

- Ông coi được bao nhiêu điểm ? Theo ông chấm được mấy điểm ?

Tôi cười :

- Cô đó với tôi là chỗ quen biết, nhưng anh hỏi điểm về hạnh kiểm hay là con người? Anh trách:

- Anh khó tính quá thôi. Thôi, ông cứ cho điểm, cả hai.

- Trung bình cộng nhé ?

- Điểm tổng quát đi.

- Cỡ sáu trên mười .

- Vậy là khá lắm rồi.

Anh cười:

- Có mấy người bạn cũng nhận thấy tôi sống vầy, nói giỡn vầy mà. Tôi đâu có dám đèo bồng nữa.

Tôi cười:

- Tôi giới thiệu anh một cô bạn, ở Sài Gòn, được không?

- Thôi, tôi không dám. Gặp nhau, tình cờ, vẫn hay hơn. Cái vụ giới thiệu qua lại, không ai hiểu biết ai, mệt lắm...

Tôi biết anh hể nhân nói, thì nói cho nó vui vầy, thực tình tôi nhận thấy anh không hề tha thiết tới việc này. Nếu anh muốn, anh đã có từ lâu. Tôi cũng nghĩ, anh khó tìm lại được một ai thế vào hình bóng cũ, mà anh đã sống rất đắm thắm, rất hạnh phúc thuở trước. Thương anh, có lẽ ai cũng muốn anh sống khác hơn cuộc sống quạnh quẽ mà anh hiện sống, vầy thôi. Anh không phải là người dễ thuyết phục, hay không biết dự tính cho đời sống của mình.

Khoảng một tháng sau, tôi lại được anh em trong Hội Ái Hữu Học Sinh Phú Yên “phái” đi Nha Trang với trọng trách hướng dẫn quý vị văn hữu ở Nha Trang ra Tuy Hòa tham dự buổi sinh hoạt, và nói chuyện do Hội này tổ chức. Thực ra thì đã có thư từ, hứa hẹn từ trước, tôi chỉ là kẻ đến nhắc lại lời mời, và “hộ tống” quý vị ấy đến Tuy Hòa mà thôi. Những người mà tôi ghé đến ở Nha Trang, gồm có Võ Hồng, Dương Kiên, và một hai vị khác nữa. Tôi đến tìm Võ Hồng trước tiên.

Dịp này, tôi được nghe anh than thở nhiều hơn về việc nhà cửa không ai coi ngó giúp, đường sá không rõ ra sao, công việc cứ dồn lại chưa thanh toán kịp, vân vân. Tôi làm kẻ “du thuyết” bắt đắc dĩ bởi nghĩ tới anh em ở Tuy Hòa đang tin tưởng và mong đợi. Họ đã tổ chức đâu vào đấy đảng hoàng, gà vịt đã chết, khách khứa đã mời. Chẳng lẽ tôi ra đi rồi lại trở về không? Sau rớt, kẻ du thuyết bị thuyết phục. Võ Hồng hẹn khi khác sẽ ra Tuy Hòa. Lúc ấy có thể là mùa hè. Anh nhờ tôi xin lỗi hộ với tất cả anh chị em ngoài đó. Bạn này, tôi nghĩ, anh cẩn thận và lo xa quá đỗi. Tôi hiểu, tại sao truyện “Chuyến về Tuy Hòa” của anh là một việc quan trọng: Anh ít xê dịch, ngại đường sá, và lo xa. Có thể, anh nghĩ tới cảnh quạnh vắng buồn tẻ của mình, đồng thời bốn phận phải lo với con, nên bản tính đã cẩn trọng giờ thêm ngại ngùng, dè dặt ? Bây giờ, phải sống trong những kinh nghiệm, tôi mới hiểu anh thêm. Tuy vậy, tôi cũng đã đôi lần đề nghị với anh một cuộc sống khả dĩ sẽ làm giảm bớt sự buồn bã cô độc, bằng sự đi lại, lui tới với bè bạn, tham dự những đêm lang thang, vân vân. Anh nói cũng rất thích, nhưng ngại tuổi tác và đời sông không cho phép.

Tâm trạng này, anh đã có lần viết cho tôi “... Thư nhận vào dịp Tết nhộn nhịp nên không kịp hồi âm. Mong anh thứ lỗi khiêm nhã. Tôi vốn không đến nỗi lười nhưng mà những ngày tháng gần

đây cũng thêm heo hút cô đơn nên tôi lì tôi bỏ phế hết. Cả đến chuyện viết lách và làm ăn.” (thư 27-2-72). Anh cũng đã nhắc lại ước mong đã có lần nói tới : “... Chớ chi ở gần gũi, chúng ta họp nhau năm ba anh em thân, cùng đọc và cùng góp nhận xét với nhau. Cái nào nghe được thì nghe, không chịu được thì thôi... như vậy có lợi cho người viết mà tình anh em cũng thêm gắn bó.” (thư 27-2-72).

Trong một thư viết gửi tôi nhân nhận được cuốn truyện tôi gửi tặng anh (tập “Phổ Ngươi”), anh lại viết cái nhận xét lần gặp tôi đầu tiên : “... Ngoài đời anh đẹp trai mà sao anh đưa hình vẽ anh phải phong trần (trang cuối Phổ Ngươi) với râu ria (trong một bức ảnh). Tôi nghĩ rằng mặt mày sáng sủa, trắng trẻo, trẻ... cũng được lắm chứ “thư 2-9-71). Cũng nhân nói tới việc sách báo, phê bình, anh tâm sự : “... Ông Đỗ Quý Toàn trên báo Đời có nêu những khuyết điểm của Như Cánh Chim Bay, những khuyết điểm tôi công nhận bởi tôi đã biết trước, tôi đã “dọn mình” trước. Tôi phải chịu “bó tay” để bộ truyện của tôi được người đọc tin là “có thiệt”. Vì nó dính dáng tới nhiều những sự kiện lịch sử gần đây, mà các sự kiện đo điều bị hai bên nói mâu thuẫn nhau hết nên tôi phải giữ thái độ trung thực, mà muốn trung thực thì câu chuyện cũng đừng éo le thái quá, giả tạo thái quá. Đó, phải tự nguyện bó tay là như vậy”. (thư 2-9-71).

Đoạn cuối lá thư, anh cũng đã kể thêm : “Trước đây nửa tháng anh Trần Huyền Ân có gửi cho tôi bài đọc sách của Thục Khuru. Tôi xin cảm tạ anh T.H.Ân ở nơi này (Anh có thể trao cả bức thư cho anh đọc) Anh Thục Khuru có phê bình nhẹ nhàng về một lời quảng cáo “... đọc Trầm Mặc Cây Rừng để thấy truyện ngắn Việt Nam không thua...”. Thật ra thì lời quảng cáo cũng không đến nỗi đao to búa lớn. Nó đề cao cả truyện ngắn V.N. chớ không chỉ của V.H. Và “không thua” có thể là “mới gần bằng”. Tuy nhiên, tôi cũng có chút ngượng ngùng chân thành, dù đó là lời nhà xuất bản đứng ra quảng cáo. Mà lại thay tôi vừa ngượng mà lại vừa muốn viết thư cảm ơn ông Thục Khuru đã viết lời phê bình với một giọng điềm đạm hòa nhã, thái độ của người có tri thức”. (thư 2-9-71).

Cuối tháng chín, tôi vào Nha Trang vì nghe tin người anh đang làm việc bị đổi đến Ban Mê Thuột. Xong việc nhà, tôi lại ghé thăm Võ Hồng trước khi về Tuy Hòa. Lần này tôi có mang theo đứa cháu gái, học lớp mười, muốn biết mặt nhà văn Võ Hồng. Chúng tôi, như thường lệ, hỏi han và nói chuyện với nhau về gia đình, việc làm ăn, tin tức của những người bạn xa. Hôm ấy, tôi nhớ anh đã hút thuốc nhiều (thường anh rất ít hút), đem những câu chuyện nhỏ về gia đình, với con cái, ra kể. Anh nhắc tới Thủy – cô con gái út, buồn bã thổ lộ nỗi lo lắng cho những thua sút về mặt tình cảm của nó. Những sự thiếu thốn (rất nhỏ nhặt: như một bữa ăn ngon, một buổi đưa đón, vân vân) đó khiến anh ngậm ngùi thương con, và tủi thân. Gặp anh, nghe chuyện anh, lần nào tôi cũng dễ tưởng nghĩ tới một đời sống heo hút, cô đơn, bùi ngùi. Và cũng dễ gặp anh, được ngồi trong căn phòng anh, tôi lại thôi không muốn phiêu bạt. tôi ao ước một đời sống rất bình dị, rất sum vầy, để gắng hưởng lấy chút an ủi, ấm cúng mà dường như từ nhỏ đến bây giờ, tôi chưa bao giờ được hưởng.

Chúng tôi có nói tới tình trạng kiểm duyệt, sinh hoạt báo chí, xuất bản, hoạt động của Hội Đồng Văn Hòa Giáo Dục, việc sáng tác. Tôi học được ở anh rất nhiều kinh nghiệm, trong những lần thảo luận, tâm sự như vậy. Về việc xuất bản, anh nói – dí dỏm : “Có thể dần dần, mỗi cuốn sách in ra, đều phải ... dán một con tem đóng thuế, sau khi đã bị nhiều thứ thuế khác”. Khi nói tới sáng tác và phê bình, anh bày tỏ: “Khi viết, dĩ nhiên làm sao mỗi dòng chữ được ghi lại, một trang giấy được viết, phải bày tỏ một điều gì mới lạ, sâu sắc, có ích lợi cho người đọc. Tâm sự của chính mình, chưa hẳn là của người khác, khiến người khác thích đọc và xúc động. Còn vấn đề phê bình, điều này rất khó, phải làm sao xứng đáng với chữ “văn chương”. Cách dùng những mode conditionnel, mode subjonctif làm sao cho lời phê phán được giảm nhẹ, ý nghĩ của mình khỏi cứng nhắc, khắc khe quá.” Anh cười : “Tôi không có năng khiếu phê bình. Năm xưa tôi viết mấy lời về cuốn sách của anh là có ý giới thiệu một bạn văn đi bước sau mình một chút. Cũng như khi viết về cuốn “Một Cách Buồn Phiền” của Lê Văn Thiện. Tôi chỉ mong các bạn mình được vui vẻ mà dần bước, khắc phục khó khăn, tạo thêm ưu điểm. Chớ cái việc văn chương hưởng thụ cơm áo danh giá chi trong đó mà lắm kẻ kèn cựa một cách hậm hực?”. Tôi nhớ lại một ý kiến của anh, trong một lần gặp khác, đã nói : “Làm văn nghệ, cái thú vui duy nhất

là có nhiều bạn bè, anh em để vui chơi. Đi đến đâu, cũng có dăm ba người bạn mặc tình vui thú, nói chuyện. Chớ nếu làm văn nghệ và không có cái thú vui bạn bè đó, thì quả là một cái khổ lớn”.

Ngày 15-6-72, tôi phải vào Sài Gòn trình diện ở Trung Tâm 3 theo lệnh tổng động viên. Nằm ở đó chờ trên một tháng vẫn chưa được đi học. Lúc đó, tình trạng khó khăn, sinh viên trình diện tập thể một ngày lên tới hai ba ngàn, nên các quân trường đều kẹt. Tôi được phép hai tuần lễ. Dịp này, tôi ra lại Trung. Xe dừng ở Nha Trang bởi trời đã tối. Tôi tìm chỗ ăn uống xong, đến nhà Võ Hồng. Mục đích : Ngủ tạm một đêm, sáng sẽ khởi hành đi Quy Nhơn. Sở dĩ tôi phải lo việc cơm nước trước, bởi tôi biết Võ Hồng đơn chiếc, ăn cơm tháng nhờ mang đến nhà, việc nấu nướng là một trở ngại cho anh. Và lại, nếu tránh không làm phiền ai được điều gì, thì hãy nên tránh. Trong mấy lần gặp anh trước đây, tôi đã từ chối hết thảy những ân cần tiếp đãi của anh. Tôi cũng nghĩ đó là một hình thức không mấy cần thiết, trong lúc tôi tìm tới thăm anh, chỉ vì cái tình. Anh có vẻ rất tiếc, và áy náy, như hôm đầu đến thăm, anh phải bỏ mất mấy phút thu dọn đồ đạc.

Đêm đó, anh phải đi mượn cho tôi chiếc ghế bố, khi tôi từ chối ngủ chung ở chiếc giường sau bàn làm việc riêng của anh. Anh tỏ ân hận: “Ông đến xui xẻo quá, căn nhà lúc trước tôi vẫn dành cho bạn bè nơi xa tới nghỉ, vừa mới cho thuê cách đây hai hôm. Có mấy người khách cũng vừa đi. Lúc trước vợ chồng Doãn Dân cũng ngụ ở đó.” Tôi cho anh biết tôi khoái ngủ ngoài hiên. Như vậy mát và thoải mái. Anh ngăn cản tôi, không cho để ngoài trời, bởi vì sẽ bị sương hoặc gió. Tôi nói đùa, sương gió mùa này đâu thấm thía gì, nay mai thành lính ngủ rừng ngủ bụi thì sao. Anh cười : “Ồ, chừng nào ngủ rừng ngủ bụi hãy hay chớ, về thành phố cũng ngủ mừng ngủ nệm cho nó khỏe cái đã”. Cuối cùng, chịu tôi, anh giúp tôi treo mùng dưới gốc cây trướng cá trước sân nhà. Chúng tôi nói chuyện tới khuya. Tôi biết đã phá rầy sự yên tĩnh của anh và khiến anh phải bỏ việc một buổi tối, nên thúc anh đi nghỉ sớm. Buổi sáng, anh dậy thực sớm. Lúc tôi rửa mặt vào, thấy anh đang lui cui cạo râu, mặc áo quần vào. Tôi hỏi anh tính đi đâu giờ này. Anh bảo đưa ông đi tới bến xe. Tôi từ chối. Bởi vì, từ nhà anh đến bến xe cũng gần, hơn nữa, tôi thấy không phải chuyện làm anh bận tâm. Tôi phải từ giã anh sớm. Anh theo đưa tôi ra tới đường.

Tháng 8-72, tôi được đưa ra Trường Hạ Sĩ quan cùng với hai tiểu đoàn khác, để thụ huấn vì ở Thủ Đức không còn chỗ chứa nữa. Ở đây, tôi gặp nhà thơ Duy Năng, hết lòng giúp đỡ. Tôi cũng nhận được thư của Võ Hồng gửi vào để gọi là “ủy lạo tinh thần”, trong lúc tôi chưa có phép để ra Nha Trang thăm anh.

Sau này, mỗi lần có phép (ngày Chủ Nhật từ 8 giờ sáng tới 4 giờ chiều), nếu không bận rộn ở phố với những việc cần phải lo mua sắm, tôi tới thăm Võ Hồng. Một hôm, tôi vừa đến trước cổng thì thấy anh ngồi bên gốc trúc. Anh đang loay hoay vun gốc, tưới nước. Trông anh cần mẫn với bụi trúc, tôi bỗng thấy anh già. Và tôi cũng chợt hiểu được sự cô độc, quanh quẽ của anh. Gặp nhau, có gì anh cũng mang ra. Uống nước trà, hút thuốc, nói chuyện. Được ngồi với anh một vài giờ, tôi lấy lại được cái điềm tĩnh chịu đựng, hết thấy buồn bã lo lắng điều gì. Tôi thường dùng những giờ phép ít ỏi đó để thăm anh, ghé anh Duy Năng ăn một bữa cơm no nê, hoặc đến nhà anh Dương Kiên. Có hôm, tôi nằm lại nhà anh Huy Hoàng, tới hết phép mới trở vào trại.

Tại nhà anh Huy Hoàng, tôi gặp Hồ Ngọc Ngự. Một hôm, tôi hẹn Hồ Ngọc Ngự sẽ nhờ anh Duy Năng xin cho cái phép đêm thứ bảy, để cùng lang thang cho thỏa thích. Đêm đó, sau một hồi ngồi ở quán café Chiều Tím, đi long rong đó đây, cả hai không biết phải vào nhà nào ngủ nhờ. Về nhà anh Duy Năng thì có lẽ cửa cũng đã đóng. Khu vực “Bụi Đồi” đăng anh Huy Hoàng cũng không chắc còn chỗ đủ cho hai đứa nằm. Tôi rủ Hồ Ngọc Ngự tìm tới nhà Võ Hồng, sau khi đã mua sẵn mỗi người một ổ bánh mì cầm ở tay. Tôi đến gõ cửa nhà Võ Hồng. Gặp tôi, anh ngạc nhiên. Chúng tôi nói chuyện về thơ, sau khi tôi giới thiệu với anh Hồ Ngọc Ngự là một nhà thơ. Khi chuyện đã mãn, tôi hỏi xin anh được tạm nghỉ lại. anh có vẻ áy náy, bởi vì, tôi nghĩ, anh đang thấy một sự thiếu sót cho hai người khách... lang thang bắt chợt ghé lại. Nhà không sẵn giường chiếu. Tôi hỏi mượn tạm chiếc chiếu, thu dọn ghé ngồi, trải xuống đất. Anh mang

mền gối của anh ra cho chúng tôi. Anh không ngớt bắn khoăn, e ngại, khi thấy chúng tôi chỉ cần một chiếc chiếu là đủ. Tôi xin anh tự nhiên đi nghỉ. Còn lại, chúng tôi tiếp tục uống nước trà. Dỡ bánh mì ra ăn, và nằm kên dưới đất... đọc sách báo. Sau này, tôi có cùng Huy Tường đến thăm Võ Hồng, trước ngày tôi được mãn khóa. Một tuần lễ trước ngày ra trường, tôi có đi phố mua một chai champagne gửi anh Duy Năng, hẹn đêm trước khi "qui cố hương" sẽ tới rủ Võ Hồng say sưa một bữa. Nhưng rồi, ngày ra khỏi "Trường Hạ Sĩ Quan nung chí người trai" tôi có việc phải ra Tuy Hòa gấp. Không kịp ghé anh Duy Năng. Chai Champagne vẫn chưa mở. Mới đây, anh Duy Năng có viết thư gọi tôi tìm dịp vào Nha Trang chơi vài ba hôm, để lại khai chai Champagne mừng tôi trở về. Tới bây giờ, vì bận việc dạy dỗ, tôi chưa thể vào Nha Trang được. Có lẽ, ngày mai, tôi sẽ viết cho anh Duy Năng một cái thư, nhớ anh xách chai rượu tới nhà Võ Hồng, cùng uống giúp tôi. Chừng nào có dịp vào lại Nha Trang, tôi sẽ mang theo một chai rượu khác. Tôi muốn được trông thấy Võ Hồng uống rượu, nếu cần, say rượu...

Tuy Hòa, đêm cuối tháng 10-73.

Mái chùa xưa

Làng tôi có ba ấp, mỗi ấp có một ngôi chùa. Tôi ở ấp Quảng Đức, lên năm tuổi đã biết tên chùa là Châu Lâm, đã thấy ông thầy chùa đầu tiên trong đời, thỉnh thoảng đi về trên con đường xuyên qua xóm. Ba tôi dặn :

- Không được kêu là : "Ông thầy chùa" nghe chưa ? Hồn.

Nhưng lại không bày tôi một cách kêu khác. Trong câu chuyện, khi nhắc tới ông thầy... đó thì ba tôi dùng ba chữ "Thầy Châu Lâm". Giọng kính cẩn có pha chút thân tình, Những người trong xóm khi nhắc đến tên thầy đều có chung một giọng như thế.

Đi trên đường, thầy cứ nhìn thẳng, nét mặt dịu dàng không vui không buồn. Tôi chịu không đoán được tuổi. Tóc và râu là hai bộ phận để căn cứ mà định tuổi thì thầy đều không có. Mặt lại không nếp nhăn. Miệng lại không cười. Đi giữa chúng tôi mà không gây nên tiếng động.

Chùa Châu Lâm ở cách biệt nơi chân núi, xa xóm cò cây số rưỡi nhưng đối với tuổi ấu thơ của tôi như vậy đã là xa hun hút. Bởi vì muốn đi tới chùa, chúng tôi phải đi bọc vòng chân núi, đi theo một con đường quanh co có nhiều bụi gai bàn chải mọc đầy. Cảnh vật khác hẳn với cảnh vật trên xóm, tưởng như là hai thế giới riêng biệt. Bụi cây âm u rất nhiều. Chim hót tứ phía. Rắn mối và kỳ nhông bò rên rẹt mỗi lần có bước chân tới gần. Ở trên miếng gai bàn chải chơm chớm, ở trên cành cây mọc chia ra đường, thỉnh thoảng có con kỳ đà nằm yên lặng ghéch cái đầu màu đỏ lên nhìn. Những đoạn đường quanh co vội vã. Không dám chạy thẳng một mạch, không muốn làm phiền lòng những bờ duối bờ sậy, không muốn động chạm đến cả sự quây quần yên lặng và khiêm tốn của lũ cò gấu, con đường nhường nhịn, len lỏi né tránh.

Ngôi chùa trông thấy trước mắt nhưng phải đi vòng qua những thửa ruộng thấp, đi lượn qua mấy ngôi tháp cao, đi bọc theo khu vườn nhỏ rồi mới tới cửa Tam quan. Đá lờm chớm dưới chân, đá chất gồ ghề làm bờ thành bờ dậu. Tất cả là công trình của bàn tay cần cù, là chứng tích của sự nghèo khó. Chắc thầy trụ trì và chú Điều phải tự tay vằn đá, kê chồng lên nhau, chèn ghép vào nhau trong những buổi mai còn đầy sương, trong những buổi chiều có tiếng sơn ca lanh lảnh hay trong đêm trăng thơm mùi hoa dại. Không có dấu vết của chiếc bay thợ nề trên những kê đá, nơi dung thân của lũ rắn mối, các kẻ.

Áp tôi dân ít lại nghèo nên chùa không thể nào giàu được. Hình như tài sản của chùa chỉ có hai miếng đất thô, và để có lúa ăn, nhà chùa phải làm rẫy bả gia giống ruộng. Bởi hoa lợi ít ỏi nên thầy trụ trì chỉ nuôi nổi một đồ đệ.

Người đồ đệ này là bạn chơi cùng lúa với chú Ba tôi nên chú tôi cứ tha hồ xưng hô bằng "thằng", bằng "mày" trong khi những đạo hữu cao tuổi gọi bằng "chú Diệu". Tôi thì bắt chước theo lũ nhỏ, kêu bằng "ông Diệu" dù Ông chỉ mới khoảng 16-17 tuổi. Ông Diệu lo sạ lúa, làm cỏ, tát nước ruộng. Một hôm bị bạn bè rủ rê, trong đó có chú Ba tôi, hái trộm luôn một trái dưa hấu của đám rẫy cạnh vườn chùa rồi bạch ra ăn với nhau. Thầy trụ trì bắt gặp. Thầy lừa cả bọn vô chùa để tra hỏi, sau đó thầy sai Ông Diệu ra liêu lấy cái roi mây. Ông bước đi rất chậm, tưởng như bàn chân đang bện suy nghĩ. Thầy bình tĩnh đợi. Khi cầm roi trên tay, thầy bắt ông nằm xuống.

Trót ! Trót ! Trót ! Ông Diệu lăn qua lăn lại, khóc ồ lên, vừa "Lạy thầy con lỡ dại ! Lạy thầy con xin chừa". Sau năm roi, thầy ra lệnh cho ngồi dậy. Ông Diệu vâng lệnh ngồi dậy nhưng không bước ra hiên lấy gáo múc nước rửa mặt như tôi tưởng. Mà ông lại đứng ngay ngắn trước mặt thầy rồi bỗng ông quì xuống lạy luôn ba lạy.

Tôi ngạc nhiên hết đời. Ở nhà, mỗi lần bị cha tôi bắt nằm xuống đánh xong cho ngồi dậy là tôi vừa khóc hu hu vừa ra hiên múc nước rửa mặt. Lần nào cũng vậy, y như một nghi thức không thay đổi. Lần đầu tiên thấy một người bị đánh lạy tạ người vừa đánh mình, lòng tôi chợt nảy sinh một cảm giác lạ. Một sự kính trọng bồi hồi. Nhưng chưa hết. Thầy trụ trì ung dung nói :

- Đi vô làm lễ sám hối.

Ông Diệu "ạ", lại kẹt cửa lấy cái áo tràng màu xám choàng lên người. Ông châm một nén hương rồi tề ra cắm ở mấy bàn thờ Phật. Ông lại cầm dùi đánh nhiều hồi vào cái trống sấm. Rồi sau đó ông quì tụng niệm ẽ a một lát lâu. Lúc nhỏ khi chưa đi học, tôi hay theo chú Ba tôi đi chơi lang thang nên cái cảnh Ông Diệu bị đòn, tôi chứng kiến từ đầu đến cuối. Tôi giữ một ấn tượng tốt về nhà chùa là bởi sự kiện đó. Có lần chú tôi lén chỉ cho tôi coi một cái chum đất nung lên men đặt ở sân chùa.

Chú nói :

- Cái chum tương đó.

Tôi hỏi :

- Sao em để ngoài nắng vậy ?

- Đem dăng cho tương nó ngon. Mày tưởng chùa gọt vỏ bí vỏ bầu rồi bưng đồ đó hả ? Không có. Đem bỏ vô chum tương, để lâu nó thành tương.

Chú tôi không có óc khoa học, hay tin lời người khác mà không chịu phối kiểm với thực tế, thỉnh thoảng lại hay nói ầu nên tôi không biết sự thực có phải đó là một cách làm tương đơn giản hay không. Nhưng cho dầu không cho biết chắc, tôi cũng có thể quả quyết rằng cách làm tương ở chùa này phải là cách đơn giản thô sơ hơn hết. Cứ nhìn lối sống của thầy trụ trì và của ông Diệu là biết ngay. Ngoại trừ cái áo nâu dài mặc đi ra đường là tươm tất, còn khi ở chùa thì thầy mặc áo vải thô vạt hò màu xám có nhiều mụn vá nơi vai hoặc nơi cùi chỏ. Cái vạt áo nhọn làm cho dáng thầy từ mảnh mai trở nên gầy gò. Thuốc lá thầy hút là thứ thuốc tự tay thầy trồng. Vài chục cây thuốc mọc ở một vạt đất nhỏ đầy sỏi đá nơi cửa sổ nhà Đông, có những lá già ở gần

gốc đã được tước đi. Đi ra đường thì thầy mang guốc sơn, còn ở chùa thì mang guốc bằng gỗ cây sấu đông tự thầy đeo lấy. Quai guốc là một mảnh da trâu cứng.

Một cảnh chùa nghèo nàn như vậy không thể ban phát lợi lộc vật chất cho ai hết, nhưng nhờ đó mà nó trở nên thân mật với mọi người. Ai muốn ghé chơi chùa cũng được, ghé vào giờ nào cũng được, của Tam quan gần như không bao giờ đóng. Nhà chùa không phải coi chừng kẻ trộm cắp vì chẳng có chi đáng để trộm cắp. Có mấy bụi chuối mọc đứng ở mái chùa là hay có trái hườm trên những buồng chuối nặng. Lũ chim chào mào tọc mạch bao giờ cũng thấy trước và lên mổ trộm. Người từ xóm lại phải đi băng qua một quãng đồng trống, ai công đâu xách một buồng chuối trên tay. Quả rằng chỉ có lũ chim là chuyên môn ăn trộm quả chùa. Mấy trái măng cầu chín quên hái ngoài vườn, chùm ớt đỏ, nơi bụi ớt ở vại nước rữ rề lũ chim đội mũ, chim chĩa vô tội vạ lại vừa ăn vừa nói chuyện rinh rã. Bụi thơm, cây mít ở sau lưng chùa thì có lũ sóc ranh mãnh dòm chừng.

Người tìm đến chùa thường để xin nghỉ mát hay để tìm nước uống. Đó là trường hợp những người cấy lúa, cuốc cỏ mía ở những đám ruộng đám thổ gần đó. Buổi trưa nghỉ tay, về trong xóm thì xa, ngồi dưới gốc cây thì hanh nắng, sẵn có chùa gần xin vào nghỉ ở chái sau. Nước uống thì sẵn ở chum, dùng bao nhiêu cũng có, tha hồ. Tuy nhiên, dùng chỉ hết mười gáo nhưng họ bảo nhau ra giếng xách chầm vào cho đầy đủ đầy lu, đỡ tay chú Diệu một bữa. Hôm nào mợ mợ gói theo mà thiếu đồ ăn thì chú Diệu múc chố chén nước.

Mấy đứa chăn bò, lũ nhỏ hái củi hay ghé xuống chùa xin muối. Bò lùa thả ăn ở chân núi con chúng thì tụ hội lại đánh đáo đánh trống hoặc sục sạo vào các bụi cây để hái ổi, hái sim, múi dẻ, nhãn chày... Khi không nhắm mùa trái cây thì bứt đờ lá dang lá me rồi xuống chùa xin muối lên chằm ăn. Bước qua vại nước thấy có ớt chín thì lên hái một hai trái để lên giã chung với muối. Nếu thầy trụ trì hay chú Diệu bắt gặp thì cũng chỉ "Ế ! Ế !" vài tiếng và người phạm lỗi rút tay ram bẽn lẽn cười rồi đi luôn.

Không ai nở nghĩ rằng đó là một sự ăn cắp. Cái không khi tịch mịch bao dung nuôi dưỡng hỉ xả.

Lên bảy tuổi tôi đi học ở trường Thiên Đức, cách nhà một con đò và hai cây số đường bộ. Trường nằm ở trên chòm núi. Do mấy người bạn lớn dẫn dắt, một hôm đang giữa giờ học tôi cũng "xin phép thầy cho ra ngoài". Thật tình tôi không hiểu "đi ra ngoài" là đi đâu mà cứ thấy mấy chị lớn hay giơ ngón tay lên xin. Gạn hỏi mãi một chị tên là Khoan, - sau này lên lớp Tư tôi cứ kêu là chị Lưu Khoan bởi ngẫu nhiên tôi đọc được trong một cuốn sách tập đọc cũ của cha tôi kể sự tích ông Lưu Khoan có người thị nữ bưng bát cháo lên hầu, lỡ tay đánh đổ cháo ra áo chầu vân vân, - giảng cho tôi nghe :

- Đi ra bụi dưới ngòi mát.

Tôi nói :

- Ngòi trong lớp đâu có nực ? Mát buồn ngủ luôn.

- Nhưng đâu bằng ở ngoài núi ? Sẵn trái dưới chín hái ăn luôn.

- Nhằm trúng cây dưới ngọt thì trái dưới chín ăn như đường phèn, - tôi đang nghĩ tiếp. Nhằm cây dưới trái đắng thì bỏ đi, lựa cho được cây dưới ngọt. Kiến vàng đít bụi ưa trái dưới lắm, bò từng đàn...

- Đòi hỏi chạy tuột dốc xuống luôn chùa Cảnh Phước, - chị Khoan tiếp. Xin vài trái chanh chằm

ăn với muối.

Thế là tôi lập tâm muốn đi hoang một bữa. Tôi đợi chờ chữ Nho của thầy Lê Ngu Tân. Thầy hiền, không đũa nào sợ. Chị Khoan đợi tôi ở ngoài cửa lớp. Thấy tôi ra, chị khen liền :

- Được đó. Mà phải dọn lên một chút. Thôi bữa nay khỏi ăn duối đi. Tao cho mày xuống chùa Cảnh Phước.

Không cần hỏi tôi có đồng ý không, chị cứ xô dốc luôn. Trời ơi ! Triền dốc thì đứng mà chị cứ chạy băng ào, chạy quá đà phải ôm luôn một nhánh cây mới hãm bớt tốc lực. Nhiều lần như vậy. Cuối cùng chúng tôi lọt vào sân chùa.

Kèm với sự bỡ ngỡ, cái cảm tưởng đầu tiên của tôi là chùa Cảnh Phước giàu hơn chùa Châu Lâm. Có nhiều màu trắng của vôi mới nơi trụ hiên, nơi vách. Có sự bằng phẳng rộng rãi nơi sân, các lối đi được viền bằng cỏ tóc tiên. Hoa được trồng thành bồn. Có một dãy những cái hồ lớn đắp bằng xi măng trong thả bèo hay trồng sen. Vườn chùa kế tiếp theo sân. Một cây sần vọt nước cất tiếng kêu kệt. Nhiều cây chanh lá xanh um đứng kề thêm giếng. Khế, ổi, bụi môn bạc hà, cây bưởi, vạt bắp, vạt củ mì, và xa hơn, những cây cao có hoa màu đỏ đứng cạnh những ngôi tháp. Nhiều lần sau tôi lại có dịp xô dốc để xuống thăm chùa Cảnh Phước và mỗi lần như vậy giúp tôi khám phá thêm một nét phong lưu của chùa. Thầy trụ trì vui vẻ nhìn chúng tôi, ngắt cho những trái chanh vừa vò đầu ầu yếm. Những lúc ấy tôi bỗng nhớ đến khuôn mặt trầm ngâm của thầy Châu Lâm và không hiểu tại sao tôi chợt thấy thương thầy. Tôi thương ngôi chùa nghèo, có nhiều màu xám nơi cửa nơi vách, có một cái sân không đủ sức để bằng phẳng và vuông vức, có nhiều sỏi đá đến nỗi cây khế cũng không trở được màu xanh.

Chùa Châu Lâm có một cái tên nôm là "Chùa Đổng Ma". Tên đó dành cho những người bình dân trong xóm gọi. Chùa Cảnh Phước không có tên nôm. Trong tuổi ấu thơ, tôi đã nghĩ rằng đó là một sự thiệt thòi của kẻ giàu. Lớn lên, tôi biết rằng có nhiều ngôi chùa vừa giàu có vừa có đủ hai tên. Như Chùa Đá Trắng với tên "Sắc Tứ Từ Quang Tự", Chùa Tổ với tên là "Sắc Tứ Bát Nhã Tự". Sắc tự tức là được nhà vua công nhận và ban cho cái tên. Như là những con người ở ngoài đời vừa giàu vừa sang. Ở Phong Thủy có một ngôi chùa giàu mà không được "sắc tứ". Nhưng có tên là chùa Bảo Sơn. Bảo Sơn, Linh Sơn, Phước Sơn... những cái tên khi đọc lên có âm dụng đến cả âm ba, món trang sức không đòi hỏi phải có nhiều tiền mới sắm được. Có một món quà chùa sẵn lòng tặng cho ai cần : đó là những cành bông điệp.

Không biết tục lệ xuất phát từ đâu mà cả làng tôi mỗi lần có việc cúng k^{tt} à chỉ chăm chăm đi hái bông điệp để cắm lên bàn thờ. Nếu nhằm ngày Tết tháng Giêng thì có thể cắm thêm bông vạn thọ, bông trang đỏ. Những loại khác như cúc, thược dược, huệ, hồng... dầu đẹp nhưng là món cắm chơi giữa người trần với nhau. Tục lệ đó chắc đã nhắm một mục đích kinh tế rõ rệt : cay bông điệp trồng một lần mà ra bông cả vài chục năm bởi nó là thân mộc lớn cỡ bằng cây táo nhọn. Hoa có hai loại, màu đỏ và màu vàng mọc thành chùm nên chỉ cần bẻ ba nhánh nhỏ là đủ ghép thành một bình. Chùa trồng ba, bốn cây ở trên lối đi và như vậy là đủ cho nhu cầu của một xóm.

Sự liên hệ giữa dân xóm và nhà chùa là một liên hệ tinh thần, dầu không sâu đậm thiết tha nhưng mà lúc nào cũng sẵn sàng hiện diện. Khi có niềm đau nỗi buồn quá sức giải quyết của người thì về chùa để tìm sự an ủi và hy vọng. Nhà có tang mời thầy tụng kinh siêu độ, nhà có người đau ốm trầm kha mời thầy tụng kinh cầu an. Mười năm một lần, ban trị sự Ấp tổ chức đàn tràng mời thầy hành lễ, làm chay múa lục cúng suốt ba ngày đêm để cầu an cho dân chúng cả Ấp. Người lớn trẻ con, thanh niên thiếu nữ dập dìu tới dự, áo quần tươm tất mặt mày tươi vui khiến tôi nghĩ rằng đây vừa là lễ Tạ Ơn cho mười năm đã qua vừa là Lễ Cầu An cho

mười năm sẽ tới. Cổ bàn dọn ra, ai có mặt cũng được mời ngồi và cầm đũa thọ trai, không phân biệt kẻ lớn người nhỏ kẻ sang người hèn. Y như trong những ngày lễ lớn làm chay ở chùa vậy.

Trong những ngày đó, người có cầm tới bao đèn bao đang hay buồng cau nãi chuối, người có góp phần công đức năm các một đồng hay gói trà phong bánh đều được mời dự bữa cơm chay ngang hàng với kẻ chỉ tới tò mò đứng coi. Có người quá nghèo thì tới lãnh phần gọt vỏ bí vỏ khai hay vo gạo đãi đậu. Có người tới mặt tối mày trong bếp.

Một lần tôi theo ông tôi tới dự lễ Rằm tháng Bảy ở chùa. Thầy trụ trì ngồi nói chuyện bình thân với khác trong khi các người nấu cỗ dọn bàn cứ tự động lo liệu lấy. Họ tự sai phái, phân công làm như chuyện chùa là chuyện của nhà họ. Những tiếng kêu gọi, hỏi han, dặn dò đan chéo vào nhau :

- Đưa đây chai dầu phộng !

- Ra vác thêm bó củi, em em. Lấy bó gộc ở chỗ gốc táo đó.

- Lu gạo để ở đâu ? Chớ tin này vét hết rồi.

- Hỏi chú Diệu. Chú Diệu ơi ! Ủa, mà cứ xúc thúng gạo lúa Gòn của cô Năm mới đội tới đó cũng được mà.

- Bí sắp này chắc lấy giống ở Đờ-răng [Đơn Dương]. Trái to mà dài như con heo. Ở trong chùa Tổ, nấu chay có la-ghim Đờ-răng và Trà Lạch [Đà Lạt] chờ xuống. Phải, chùa Tổ là chùa nổi tiếng nhất của cả tỉnh, có nhiều đạo hữu giàu ở các tỉnh khác cũng xin quy y làm đệ tử. Một số các đệ tử gốc ở Dran, Đà Lạt. Mỗi kỳ lễ lớn, họ gởi theo xe hàng xuống từng giỏ cần xé to những bắp su, cà rốt, khoai tây, đậu Hòa Lan, củ cải... Người ra tả rằng, - có lẽ phần lớn theo tưởng tượng - các bà đệ tử đều mập mạp, áo dài kim tuyến lông lánh và vàng đeo dây cổ tay, ngón đeo dây cà rá hột xoàn. Khi ngồi nghĩ đến một cỗ chay thịnh soạn ở Chùa Tổ, các bà Lý Bà Hương chắc có ước ao được thưởng thức coi nó ngon ra làm sao nhưng tôi tin rằng đồng thời họ lại cũng đang thêm yêu thương ngôi chùa nghèo của họ và cuộc đời tầm thường của chính họ. Nghèo nàn là một sợi dây thân ái ràng buộc mọi người. Khi có đồng tiền dính dự vào thì đồng tiền gây mầm chia rẽ.

- Không khí của một bữa cỗ chay khác xa với một bữa cỗ mặn. Không có sự náo nức của người dự lễ cỗ. Không ai tham ăn, háu ăn, mọi người đều hườn đãi mời mọc nhau. Chỉ vì món chay của nhà quê hồi đó không có những mỹ vị đam mê. Xào thì đậu đũa xào dầu, mướp xào dầu, khoai lang xào dầu. Đại khái là một món rau trái được lăn qua trong dầu phộng rồi nằm trong chảo đậu vung hầm hơi cho chín. Món canh thì nhờ đậu phộng mà ngọt, khác nhau chỉ có bát này là bí đỏ, bát kia là bầu, bát nọ là rau cải.

Trong bữa ăn có bày luôn cả các món tráng miệng. Và mười lần như một, thế nào cũng có một người đưa ra ý kiến :

- Ăn chay thì gặp bỏ nhiều món vô chung một bát rồi ăn mới ngon.

Lần nào dự bữa ăn chay tôi cũng có ý đợi chờ xem ai sẽ đầu tiên nói lên câu đó. Ở nhà tôi thì y như cô Bảy tôi lãnh phần nói trước. Và chú Ba tôi thực hành liền. Chú lấy một bát canh, bẻ bánh tráng nướng bỏ vô, gắp xào đậu xào khoai, nộm đu đủ bỏ vô và chú chuẩn bị biểu diễn. Cô tôi đẩy đĩa cơm và bánh in lại gần (ở miền Trung, cơm là thứ bánh làm bằng bột nếp rang

trộn đường đóng khuôn) :

- Bỏ luôn miếng cốm vô.

Chú Ba cười liền :

- Phải đó, như vậy mới đúng điệu ăn chay.

- Khi tôi lớn lên đi đây đi đó, tôi được dịp ghé thăm nhiều ngôi chùa sang trọng, được dự nhiều bữa tiệc chay thịnh soạn ngon lành. Mỗi lần như vậy là lòng tôi lại bùi ngùi nhớ đến ngôi chùa quê của tôi, đến những bữa cỗ chay thanh đạm nghèo nàn, thanh đạm đến mức "có thể trộn nhiều món vào nhau" mà không sợ mất hương vị. Bởi lẽ, than ôi, có hương vị gì đâu mà gọi bằng mất ?

Những kỷ niệm ngày thơ ấu dầu có thời gian cách trở nhưng bây giờ đây mỗi lần nhớ lại là tôi thấy hiện lên rõ ràng trước mặt. Tôi có thể nghe cả giọng nói với âm thanh riêng biệt của từng người. Bà Bộ, buôn trâu cau ở Chợ Chiều, mỗi lần lễ xong tới mục thiêu vàng là khệ nệ lãnh bụng cái nĩa lớn trên xếp đầy những tờ giấy tiền, thanh y, giấy vàng bạc ra trước sân chùa. Bà châm lửa đốt từng xấp rồi chấp tay nhìn ngọn lửa một cách cung kính. Những tàn tro giấy vỡ ra, bị hơi nóng cuốn hút bay lên, lượn lờ. Bà xuyết xoa vái bốn phía rồi nói với những bà con đứng nhìn chung quanh :

- Các Đẳng tới nhận áo và vàng bạc đó. Các Ngài đứng ở trên cao.

Không ai bày tỏ ý kiến. Bà đành nói tiếp, như để thuyết phục một kẻ hoài nghi, tưởng tượng nào đó, cái lý luận bà đã chuẩn bị sẵn ở nhà, có lẽ đã nói nhiều lần ở nhiều nơi rồi :

- Chớ trời đâu có gió mà tàn tro cứ nhả trên cao mà bay ?

Mọi người vội vã nghiêm chỉnh và kính cẩn. Cả cái không gian âm u của buổi chiều nơi sân chùa như đầy những vong linh, những cô hồn tụ hội. Bà Bộ thật xứng đáng được các Đẳng ban thưởng. Tôi chưa thấy một khuôn mặt nào rạng rỡ như khuôn mặt bà lúc ấy.

Trải qua cuộc chiến giằng co, áp Quảng Đức của tôi đã thành bãi chiến trường. Đồng bào bỏ nhà cửa ruộng vườn lũ lượt gồng gánh ra đi. Ngôi chùa xưa chắc còn tịch liêu tàn phế hơn xưa, những con chim chào mào chìa vôi chắc cứ ngang nhiên làm tổ ngay ở chái sau, hiên trước.

Võ Hồng nhân cách và chữ nghĩa Nguyễn Lệ Uyên

Nửa thế kỷ cầm bút, Võ Hồng viết trên 30 tập truyện ngắn, truyện dài, thơ... không kể đến một số bài báo có tính cách nghiên cứu... Suốt chừng ấy năm với chừng ấy đầu sách, người ta biết nhiều đến ông, báo chí viết nhiều về ông, bạn đọc tìm đến ông như người thân yêu, bởi nhân cách của ông trong cuộc sống và trên những trang giấy. Có những độc giả, sau khi đọc truyện ông bỗng nhớ đến da diết về chốn quê hương cỏ lá, có người "dám cả gan" vào thư viện xé vài trang truyện (ông mô tả một làng quê với viên cốm đầu năm mới) mang về để thấy quê hương thật gần gũi bên mình, để tận hưởng hương vị ngày tết cổ truyền dân tộc như thể mình đang sống trên mảnh đất còn đầy khốn khó này (trường hợp một nữ độc giả ở Úc khoảng năm 87-88). Và có lẽ ông cũng là nhà văn duy nhất sau năm 1975 được nhiều độc giả mến mộ, thư từ,

thăm viếng; được các thế hệ sau luôn gọi ông bằng Thầy mỗi khi tiếp xúc. Nhân cách sống và viết của Võ Hồng làm cho độc giả cảm thấy luôn được gần gũi với ông, sách vở của ông để ông trở thành nhà văn của tất cả mọi người. Trong tận cùng sâu thẳm suy nghĩ của độc giả mọi lứa tuổi, ông là người ông, người bác, người chú, người cha, người anh, người thầy đáng kính, vì trải qua bao cuộc bể dâu, nhân cách ông vẫn giữ nguyên vẹn sự kính trọng đó.

Thế hệ trước và sau Võ Hồng đều sống trong một xã hội chấp chững tập làm quen với dân chủ, có những ông mặc áo dài khăn đóng, đi guốc mộc che dù đứng ra hô hào cải cách, pha trộn một ít chữ Hán, chữ Tây, chữ Mỹ vừa nhỏ toẹt toẹt bãi cỏ trâu đò xuống gầm bàn trước mắt các cử tọa vừa trích cú những Trung Dung, Luận Ngữ, Đại Học ... để kết án đả trị vì phong kiến giam hãm sự phát triển chung của đất nước. Rồi những anh Tây học áo vét, cà vạt lên tàu về nước mang theo bao điều lạ hoắc, những chủ nghĩa ngu dân cùng những nôn mửa, buồn chán, xộc xệch máy móc dựng lên một rào chắn kiên cố mà họ gọi là thiên đường... xô toẹt cả nền văn hoá văn minh đất nước. Tất cả trộn lại thành vòng xoáy cùng với vòng xoáy của chiến tranh nghi ngút khói lửa đẩy người dân đi hết ngẩn ngơ này đến những ê chề, đau khổ khác, không biết số phận sẽ “đi đâu, về đâu”?

Võ Hồng đã sống trong một bối cảnh bi thương như vậy, nhưng ông đã vượt lên trên để nhìn ngắm quan sát rồi bắt chữ nghĩa công chúng ra nơi quang đãng cho mọi người thường lãm và tự ngắm lại mình, cảnh sống quanh mình. Ông sống và viết. Viết bằng những kinh nghiệm có thật của cuộc đời có thật, xảy ra chung quanh ông bằng một giọng văn dung dị đến mộc mạc như quê hương ông nghèo khó vậy. Những năm ông đi theo kháng chiến chống Pháp làm công tác bình dân giáo dục, rồi làm hiệu trưởng một trường trung học luôn phải di chuyển, người dân gồng gánh tản cư tránh giặc, ngôi trường kia cũng chạy theo, học trò ôm sách vở, mang ruột ghé gạo chạy theo, ông cũng chạy theo ngôi trường, chạy *theo học trò* để làm tròn thiên sứ một nhà giáo. Những năm tháng xuôi ngược này, ông cùng sống với những người dân lam lũ, quan sát cảnh đời cơ cực của họ, quan sát những hành động, tìm hiểu suy nghĩ của những trí thức trẻ đi theo kháng chiến. Gom góp, tích lũy làm vốn sống cho mình. Chính với vốn sống phong phú đó, hàng loạt tác phẩm ông viết ra được đón nhận như đón nhận những người thân yêu lưu lạc, nay được trở về nơi chốn bình yên.

Tất cả những điều này được các nhà phê bình văn học lớn nhỏ phân tích mổ xẻ khá là căn kẽ. Chỉ tội thân ông, một ông cụ già trong sáng, hồn nhiên, bỗng sau năm 1975 bị giới phê bình VC gán cho cái vòng kim cô : “nhà văn tiến bộ trong vùng đô thị tạm chiếm”. Đọc những dòng viết tràn giang này, ông chỉ mỉm cười mà không bộc lộ một thái độ nào, coi đó như những lời nhàn đàm trong buổi trà dư tửu hậu, mà thông qua những câu chuyện vui, ông thường dùng từ “bá xàm, bá láp” để chỉ cho những nhận xét, kết luận vội vàng dưới bất kỳ hình thức nào. Ông không quan tâm những gì người ta nói về Võ Hồng theo kiểu cách “bần cố nông đấu tố địa chủ phong kiến”. Cuộc đời của ông là ngòi bút và trang giấy để trả nợ quê hương từng nuôi dưỡng ông. Và ông tiếp tục viết. Viết vì những cảm xúc không thể giấu lòng, viết vì trách nhiệm trước ngòi bút như ông đã từng viết và người đọc đã từng khóc với những trang sách của ông (Một Bông Hồng Cho Cha, Áo Em Cài Hoa Trắng...) chứ không vì cái xảo ngôn “tiến bộ” kia. Những lần được hầu chuyện ông trên căn gác nhỏ bữa bộn sách báo, mền gối, bút mực, chén dĩa, bàn ủi, lược gương, kim chỉ... bày la liệt, tứ tung như gánh hàng xén trong phiên chợ quê cuối ngày (ông ngồi trên chiếc ghế đầu long chân, khách tự tìm chỗ ngồi), bình thần nhắc lại “khu Xóm Mới hồi đó toàn cát, gai bàn chải, lộn xộn mà êm”, hỏi thăm Lò Gốm quê ông còn hay mất. Và rồi ông nhắm mắt lại: “Suốt cuộc đời tôi, chỉ có một tâm niệm duy nhất là trả được Hiếu cho quê hương qua từng trang sách. Tôi còn nợ quá nhiều, tôi sẽ cố gắng”. Ông nhẫn nại làm công việc đó bằng thứ ngôn ngữ đặc sệt nhà quê của quê hương ông. Lấy bối cảnh cho một cốt truyện, ông cũng đưa vào tên làng tên xóm nơi ông từng sinh ra và lớn lên và rời xa nó; chọn tên một nhân vật, ông cũng tìm những cái tên chơn chất cha mẹ đặt cho bạn bè ông thời thơ

ầu. Ông mang tất cả vào những trang sách với niềm vui tột cùng, bởi Nha Trang-Tuy Hoà chỉ cách một ngọn đèo nhưng với ông nó thăm thẳm, khiến tâm can luôn cồn cào, nao nao để hoài nhớ, để thổn thức...

Ta hãy nghe những dòng chữ mang nỗi lòng của ông: *“Từ quê tôi ở Tuy Hoà, tôi mang ruột nghé gạo đi ra Tuy An để theo học trường Lương Văn Chánh. Đi bộ bốn mươi cây số, từ nhà ra tới Định Trung, xã An Định, nơi mở trường. Khi ra đi, tiền túi còn đầy, có hồi tôi cao hứng leo ngói xe ngựa. Lọc cọc... Lọc cọc... Vút!... Trót!... Rầm rầm... Lịch kịch. Đường cái bị phá hoại, đồng bào được huy động đào xới, có đoạn vết đào chạy xiên xiên, sóng sóng nhau, rất ngay ngắn, rất mỹ thuật, như cái xương cá. Có đoạn thì hăng quá, hốt gọn luôn một quãng, phi tang biến mất tiêu, khiến lòng đường còn sâu hơn mặt ruộng xung quanh. Và nước đọng thành ao. Cỏ gấu, cỏ mực, cỏ may, cỏ chỉ... rau chóc, rau sam, móc mèo, móc ó... vôi vàng xâm chiếm, xây dựng thành an toàn khu. Và khi hoàng hôn xuống thì biến thành hội trường cho ễnh ương toàn vùng hoà tấu”* (Những Ngày Lương Văn Chánh).

Trong truyện ngắn Bên Đập Đồng Cháy (được cả độc giả và giới phê bình thời bấy giờ đánh giá là truyện ngắn đặc sắc nhất, cảm động nhất) mô tả cảnh những người dân quê lam lũ, nghèo khó gồng gánh nhau chạy giặc ở quê ông trong cuộc chiến khốc liệt trước năm 1975, mà nghe chừng như chính ông cùng gồng gánh chạy theo những bà Xự, trùm Đẹt, bà thủ Hai.... Những hoảng loạn của họ chính là nỗi hoảng loạn của bản thân ông: *“Đã đến nước cùng rồi, đã đến mức chót rồi, không còn trì hoãn được nữa. Bà con lối xóm đi đâu hết. Vợ vét gạo củi, đùm túm quần áo đi hết. Lừa bò, dất trâu đi hết. Quây lúa gánh đường đi hết. Trên xóm Dương không còn tiếng người nói. Dưới Đồng Dài không có tiếng gà gáy trưa. Bà Xự ngồi yên trên ngạch cửa, hai dòng nước mắt lặng lẽ chảy trên gò má”*.

Cái làng quê thất thân giữa sự sống và cái chết mà ông mô tả, dường như người đọc có thể bắt gặp bất kỳ nơi làng quê nào trong cảnh chiến tranh tàn trụi trước đây. Nhưng khi đọc đoạn mở đầu của truyện, người đọc dễ nhận ra những giọt nước mắt lặng lẽ chảy trên gò má của bà Xự, đấy chính là giọt nước mắt tủi cực của ông. Rồi ông lại để cho nhân vật bà Xự thay ông làm cái việc mà ông không thể làm được, luôn có mặc cảm như người quay lưng lại với quê nhà, một thứ mặc cảm luôn dày vò ông mỗi khi có dịp thổ lộ với người quen thân: *“Tôi không còn đủ sức để chống chọi. Cho tôi an nghỉ. Tôi sẽ không về ở trên xóm, tôi sẽ về ở cái chòi tranh giữ bắp nhỏ trên doi đất này, nơi đó tôi đã gặp chồng tôi, ngày xưa. Tôi sẽ sống lây lất với củ lang củ mì, với rau má rau dền, với hén với ốc. Thôi, bà con đi đi. Chúc bà con mạnh giỏi. Cho tôi ở lại. Không, xin cho tôi ở lại. Tội nghiệp thân tôi. Tôi đã...”* (Bên Đập Đồng Cháy).

Trong hầu hết các tác phẩm của mình, Võ Hồng luôn nhắc đến quê hương Phú Yên, lúc thì tan nát khói lửa, khi thì trong trẻ thơ tuổi thơ. Ông luôn hoài nhớ với nhiều tâm trạng khác nhau, như cái cố để được giải bày, thương nhớ xa gần. Lùi chút xíu về quá khứ thuở thanh bình, thì vùng quê Tuy An Phú Yên của ông là những cánh đồng trải dài, nước lấp xấp, là những ngọn núi xanh lơ, là những dòng sông, chiếc thuyền nan cùng cái xóm nghèo nàn với những bà con nghèo đến xác xơ: *“Tôi thương yêu cái xóm nhỏ của tôi, con đò bằng nan tre chèo qua lại trên dòng sông, những người lảng giềng nghèo nàn. Tôi thương yêu những đứa trẻ chăn bò vốn là bạn chơi đáo, chơi bi...”* (Hoa Bướm Bướm).

Ông luôn nghĩ về họ, những số phận hẩm hiu, bị trói buộc trong những hoàn cảnh khắc nghiệt nhất của thời chiến, và điều đó khiến ông day dứt, bắt ông phải nghĩ về họ, làm được điều gì đó để mọi người bớt cảnh cơ cực. Tuy nhiên ông không phải là triệu phú theo nghĩa thông thường để ra tay cứu vớt, ông chỉ có tấm lòng và triệu phú chữ nghĩa để nghĩ về họ, những thân phận bọt bèo trong guồng máy chiến tranh phi nghĩa, bạo tàn đè nghiền đến xác xơ, vật vờ: *“Biết bao nhiêu bà con khác ở quê tôi phân tán đi đến miền nào tôi chưa biết hết. Giống như những mảnh*

giấy vụn bị gió lốc cuốn đi, có mảnh bay xa, có mảnh tấp gần, trên các chặng đường ra vô lên xuống họ đều hiện diện. Và xơ xác như những mảnh giấy” (Khoảng Mát).

Tại sao nhà văn lại thiết tha với quê hương đến như vậy? Phải chăng là chữ Hiếu phải đền đáp như ông vẫn thường tâm sự, hay đó là một khoảng trống của sự mất mát quá lâu, quá dài để cảm thấy mình là người ngoài cuộc, không có mặt để sẻ chia những đau khổ với đồng bào từng là bạn ông thời nhỏ? 43 năm trước đây, trả lời phỏng vấn của tạp chí Văn ông đã hé lộ những dần vật xót xa không cùng của mình đối với Phú Yên, với Tuy An, An Thạch, với Gò Duối, Đồng Dài, Phong Thăng, Long Hoà, Đồng Miếu... và nhiều nơi khác nữa: *“Nếp sống của quê tôi chưa hề được một nhà văn nào nhắc đến... Thế hệ của chúng tôi bị chiến tranh tàn phá quá nhiều, một số lớn đã chết, những nếp sống cũ bị lần lượt xoá đi, thay thế bằng nếp sống mới. Tôi nghĩ rằng nếu tôi dâng trọn cả cuộc đời của tôi để dựng lại cái Dĩ vãng đó cũng vẫn còn chưa đủ... Vậy viết về những kỷ niệm Dĩ vãng tôi nhằm vào việc lấp một cái hố trống. Tôi muốn các thế hệ đàn em có dịp thiết tha gắn bó với quê hương hơn,,,” (tạp chí Văn số 299 ngày 1.9.1972).*

Sau năm 1975, có 14 đầu sách của ông được các nhà xuất bản ấn hành, gồm truyện ngắn, truyện thiếu nhi, thơ và tiểu thuyết..., nhưng hầu hết, hoặc ông đã viết trước kia như tiểu thuyết Thiên Đường Ở Trên Cao (đã được tạp chí Văn trích đăng trước 75), hay các tập truyện Vẫy Tay Ngậm Ngùi, Trong Vùng Rêu Im Lặng, Chia Tay Người Bạn Nhỏ... Những truyện viết mới hầu hết là những phác thảo được sửa chữa viết lại, kể cả tập Chúng Tôi Có Mặt (khởi viết từ 1972) và Trầm Tư là gom lại những suy nghĩ nhận xét của ông về các vấn đề quanh cuộc sống thường ngày. Duy nhất chỉ có tập tùy bút Một Bông Hồng Cho Cha và tập thơ cho thiếu nhi Hồn Nhiên Tuổi Ngọc là viết mới hoàn toàn. Đây cũng là trường hợp chung của hầu hết các nhà văn miền Nam còn ở lại trong nước, ngoại trừ một số nhà văn mà Viên Linh gọi là “tập đoàn” là “cán bộ” thì họ xoay ra hướng “mới”, bắt nhịp, thích nghi một cách nhanh chóng với loại văn chương “cung đình” một cách loè loẹt, sàm sỡ, nồng nặc mùi tính đảng, tính nhân dân, tính nịnh hót, chỉ điểm, đấu tố nhau...

Riêng với Võ Hồng thì không. Tuyệt nhiên không hề thấy ông có những trang viết nào “véo von” (chữ ông thường hay dùng để ám chỉ sự xu nịnh) theo kiểu gió chiều nào ngã theo chiều ấy. Ông vẫn bình thản viết, tiếp tục viết như xưa nay vẫn viết. Ông viết vì những tình cảm chân thành, gắn bó; ông viết vì những cảm xúc trước mọi sự, mọi vật xảy ra quanh ông, không vờ vập mời chào, không chớn chỡ se súa, không xum xoe vẫy cánh vẫy đuôi quanh cây cột chấy đen thui để sờ nắm như người khiếm thị xem voi...

Trong 14 tác phẩm sau này ông viết bằng nỗi niềm hoài nhớ quê hương, viết về người cha, người thầy, về các em nhỏ, về cây măng cầu, bụi ớt... mà không mở rộng ra như Hoài Cổ Nhân, Vết Hằn Năm Tháng, Con Suối Mùa Xuân, Như Cánh Chim Bay, Người Về Đầu Non... trước 75.

Trong tất cả những đầu sách này (XB sau 75) đều “dễ thương”, bởi người đọc sau khi gấp sách lại, hình như cảm thấy trong truyện có bóng dáng mình, bạn bè, người thân của mình thấp thoáng đâu đó, có mái trường mà hồi xưa, ngày còn trẻ thơ đã thành thang cấp sách vở đi về ngày hai buổi... và mỉm cười thích thú với những hồi tưởng mang mang... trải bay nhẹ theo cơn gió nồm chiều.

Nhưng trong số ấy, tôi chú ý nhất vẫn là quyển *Chúng Tôi Có Mặt*, một tập truyện không có bóng dáng con người, con người bị đẩy xuống hàng thứ yếu, bị đẩy qua bên kia chiến lũy, bị lên án... để cho loài vật hiện diện, làm chủ cái tập thể gia súc, gia cầm, chồn, cáo, beo, gấu, niêng niêng, bọ chét, rệp... Ngay Lời Mở Đầu của tập truyện, ông nói: *“Tôi viết tập truyện nhỏ này với niềm say mê thích thú chưa từng có. Một mình trên căn gác, suốt ngày tâm hồn đắm*

vào thế giới loài vật những cạp những beo, cáo, gấu, chia voi, bìm bịp, chèo bẻo... tôi tưởng như chúng đang chạy nhảy và đối thoại quanh tôi. Thật là những giờ phút kỳ diệu.

Viết xong từng đoạn, đọc lại, cười. Như đọc văn của ai. Thích hơn khi viết về Người, bởi nghĩ rằng viết về Người đã có nhiều người bút khác viết rồi. Đằng này do mình tưởng tượng dựng ra thì hy vọng chúng mang trọn vẹn bản sắc của tâm hồn mình.”

Đến tác giả mà thú nhận viết xong đọc lại thấy thích thú, thì chắc hẳn độc giả sẽ được tăng lên gấp bội phần niềm thích thú đó sau khi đọc xong? Vậy, trong Chúng Tôi Có Mặt, ông viết, kể lại những gì?

Ngay truyện đầu tiên Cố Vấn Luôn Luôn Có Lý, viết về con bò Cộ ghen bóng gió với vợ. Truyện khởi đầu bằng mẫu đối thoại hết sức duyên dáng:

“..Về chuồng vắng vợ vắng lơ, nó nạt lại:

- Vô duyên. Ghen lắm xệt!

Lẳng cái chỗ nào? Rõ ràng nó chụp ôm lưng mày.

- Chụp đâu? Ôm đâu? Chỗ đường chật, mạnh ai nấy lấn chớ chụp cái gì?”

Tuy được vợ giải thích, nhưng bò Cộ vẫn cố công tìm đủ mọi cách để hạ thấp tình địch bò Bính, bằng cách hỏi ý kiến của các cố vấn Dê, Heo, Cò nhằm thay đổi nhân dạng, lấy bớt cái mình có thay vào bằng những thứ của người chỉ cốt để loại thẳng tình địch, nhưng khôn thay, kết quả không đi tới đâu mà còn bị cả tập thể các loài thú kinh bỉ, xa lánh...

Hình ảnh của bò Cộ dường như ta cũng bắt gặp đâu đó trong cuộc đời thật, cuộc đời có những con người luôn nghi ngờ người khác và cũng chẳng tin ở bản thân mình, trở thành thuộc tính yếu đuối trong bản chất của họ.

Trong một truyện khác Tinh Thần Ai Hữu, Võ Hồng mô tả một cảnh tranh luận trong sân nuôi gà vịt, mà đầu dây mối nhợ cũng do anh Cò Chuối bày ra, đứng ra kêu gọi mọi vật “sống kẻ cận nhau phải thương yêu nhau”, ý tưởng đó được Cò Chuối giải thích: “*Y tôi muốn nói là các loài thương yêu nhau. Đừng có gây sự cãi cọ, cắn đá nhau. Chẳng hạn gà đá vịt, bò húc heo, ngỗng mổ bồ câu...*”. Cả sân bắt đầu tranh luận khá sôi nổi về tinh thần đoàn kết thương yêu nhau, và mặc dù có khá nhiều ý kiến không mấy thuận thảo với những đề nghị của Cò Chuối, song cuối cùng cũng lập ra được cái hội “Ai hữu gia súc gia cầm ở số nhà 51 Hồng Bàng” với Ban Chấp Hành gồm Hội trưởng Cò Chuối, Hội phó Bò, Tổng thư ký Ngỗng. Thừa lúc Hội chưa kịp ra mắt, các con vật tranh thủ giải quyết những mâu thuẫn nội bộ từ rất lâu: gà Tre nhảy đá vào đầu Bò; Dê thò chân đá lén vào hông Thỏ; Vịt cổ xoạc cánh thanh toán thẳng vịt Xiêm ve vợ nó; gà Tía trả thù thẳng Cò Chuối ức hiếp mình. Cả sân náo loạn cả lên, xông vào nhau ẩu đả, cắn xé: “*Vậy là nhen lên những lò lửa chiến tranh mới: Cãi cọ, chửi bới, giằng xé. Khắp sân rộn rịp. Lũ gà Giò hăng máu cũng sẵn sàng nhớ lại những mối bất hoà cũ, những vụ tranh chấp chưa ngã ngũ... và vậy là những cuộc đọ sức nổ rai rác đó đây. Khắp sân rộn rịp trong không khí đấm đá tung bùng. Không còn ai đứng ra tuyên bố Hội Ai hữu gia cầm và gia súc ở số 51 Hồng Bàng sẽ tái nhóm vào ngày nào.*”

Có thật là Võ Hồng trong tình thế hiện tại, không thể xoay trở, không thể viết theo ý mình, từ những cảm xúc chân thật, những nhìn ngắm khách quan đang diễn ra trước mắt... theo như dòng văn chương ông viết trước đây, nên ngán ngấm, xoay ra đùa giỡn chơi với trẻ con (Hồn Nhiên Tuổi Ngọc), đùa giỡn với chính mình và nhân thế trong một giới hạn được hạn định, rào đón trước? Dẫu ông nói gì, phân bua những gì gì chẳng nữa trong lời tựa đầu sách, và cho dẫu những hàm ý được che giấu dưới lớp giấy mực gây chút ngạc nhiên, chút cười thú vị qua từng cử chỉ, ngôn ngữ của các con vật, với tôi, tôi vẫn thấy ẩn hiện đâu đó nỗi lòng quặn thắt của người cầm bút trong rất nhiều truyện trong tập Chúng Tôi Có Mặt này. Ví như trong truyện Lâu

Đài Trên Cát , Võ Hồng mở đầu bằng một kiểu “trích ngang lý lịch” về mối quan hệ giữa Khi và Người: *“Không còn nhớ rõ vào trường hợp nào và do miệng ai nói mà Khi Thọt có ý niệm “Khi là Tổ tiên của loài Người”.* Từ những ý niệm ban đầu cho đến những suy nghĩ đeo bám, riết thành nỗi ám ảnh khiến Khi Thọt phải lục tìm, tra cứu các thư tịch có liên quan tới loài Linh trưởng, cùng với sự giúp đỡ của mục Két, Khi Thọt đã bới tìm được một số thông tin ban đầu, rằng *“tụi nó không lột ỏ... tụi nó chun vô chun ra những cái hộp có khoét lỗ... Lòng nó ít hơn ông... Minh nó nhiều màu, hoặc trên trắng dưới đen, hoặc trên vàng dưới nâu... (tụi nó giống ông) y như đúc khuôn...”.* Vậy là Khi Thọt quyết tâm lên đường đi tìm lũ cháu chắc là lũ người và cuối cùng cũng tìm thấy chúng, có cả thầy bốn đứa. Thay vì nhận họ hàng của nhau, bốn thằng người kia hét ném đá xua đuổi ông Tổ, rồi lại lấy súng bóp cò: *“Khi Thọt quay lên nhìn mấy đứa cháu, ngờ ngác không hiểu. Chợt một tiếng “đoàng” nữa. Lũ chồn, thỏ, cáo, hươu đi tiến cất tiếng la hoảng hốt và co chân chạy rầm rập. Mục khi vợ nhảy thót lên cành cây, tay chân siết cổ, lão gằn nghệt thở. Cái chân bên mặt sao bỗng nhúc nhút như xé. Khi Thọt nhăn mặt. Đau rát đến nỗi không khóc mà sao nước mắt cứ chảy tuôn thành dòng.*

Khi Thọt thần thờ nhìn bốn loài Người. Nhìn chăm chăm. Rồi chậm chậm quay lưng, bước lảo đảo trên những lối cũ. Những giọt máu rơi lộp độp trên tầng lá, màu đỏ tươi, như đánh dấu con đường trở về...” Đoàn ông Tổ khi Thọt trên đường hành hương tìm lại cội nguồn con cháu thằng Người đã bị lũ con cháu đón tiếp bằng cách thẳng tay xua đuổi, chối từ mối quan hệ có thật trên sách vở!

Đọc đến đoạn cuối của truyện này (LĐTCT), bỗng dựng nghe như toàn thân đau nhói bởi những liên tưởng vu vơ (xin lỗi nhà văn Võ Hồng kính mến): Tôi liên tưởng đến lời kêu gọi 10 điểm man trá, đến cái gọi là đoàn kết, hòa hợp, ái hữu điều ngoa. Tôi nhớ đến những bàn chân chạy thốt thên trên bãi cát mặn chát muối, mồ hôi, nước mắt và cả máu; đêm tối ngàn ngạt những tiếng khóc trẻ con bịt kín miệng bằng chiếc nùi giẻ; tiếng súng nổ, tiếng la thất thanh. Chiếc thuyền tách bãi len qua vực lách, nhận chìm trong dòng nước xoáy. Những con thuyền nan lênh đênh, dòng người lênh đênh trôi giạt như phận rong rêu, mong manh không bờ bến, lang thang suốt một kiếp nhân sinh cùng những đắng cay tủi nhục. Những lang thang, tủi nhục này sẽ còn tiếp diễn khi mà những giả trá, xảo ngôn, lộng hành không thiếu chỗ hở để chen chân vào chốn lương thiện, khi mà những kẻ đầu cơ, những tên lừa lọc, lừa đảo vẫn nguy biện bằng những vàng hư danh “tổ tiên”, vẫn cúi dựa vào cái xác chết thúi rữa hôi tanh mà bóp hầu bóp họng lũ con cháu anh Khi Thọt ngu ngơ, kéo theo “những giọt máu đỏ tươi, như đánh dấu con đường trở về”, cho đến khi nào triệt tiêu hết lũ con cháu theo lý thuyết số học và sự hiển nhiên cơ học thì lũ “con cháu Tổ tiên” mới hài lòng, hả dạ? (Hình như đi hơi xa vấn đề, xin quay trở lại).

Mặc dầu trong lời tựa, ông cất công giải thích rằng: *“Những truyện loại này người ta quen gọi là Ngụ ngôn. Với tôi thì không hẳn đúng bởi tôi không có hậu ý dạy điều khôn dại mà chỉ muốn người chơi vui với một thế giới hồn nhiên dễ thương...”.* Những dè dặt, rào đón này xem chừng không thừa đối với các nhà văn còn giữ được chút ít trong sạch cho tâm hồn, giữa thời buổi VIỆT LÁCH này, nếu không muốn tự trói tay đi vào chỗ bị bóp méo, bị quy chụp, kết án này nọ...ít hơn là bị mòn xói theo đà trượt dài của những ngoa ngữ hàm hồ... đã từng xảy ra với đám nhà văn “theo đóm ăn tàn”.

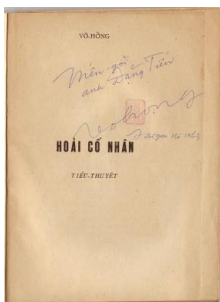
Quay sang một cách viết khác, chọn lựa đề tài khác cũng là một thái độ của người cầm bút, để người đọc thấy được anh Hương Quân Bọ Hung hành xử ra sao sau khi toàn thể đám côn trùng khu Đầm Lác được anh Bọ Hung đứng ra bảo vệ, giữ gìn trật tự trị an... : *“Thấy rồi! Thấy vì sao rồi. Mùi hôi không phải do chị Bọ Xít mà do những ngón chân của Bọ Hung dính đầy phân heo. Tôi mới lén bò lại gần coi rõ. Người kỹ nữa. Mùi phân heo rõ ràng mà. Do phân heo nơi chân của ổng mới hôi nồng nặc cỡ đó”* (Hãy Tìm Cái Xấu Nơi Mình Trước).

Không cố công cào xới, không vạch tìm ám chỉ, nhưng khi khép trang sách lại trên môi vẫn nở nụ cười, nhưng là nụ cười méo xệch với một chút thẫn thờ, một chút nhói đau trên suốt 30 truyện của Võ Hồng trong tập Chúng Tôi Có Mặt, lẫn lộn những tâm sự và tâm trạng chông chênh.

Cảm ơn ông, nhà văn Võ Hồng với tấm lòng nhân ái, những chất phác quê mùa thơm mùi bùn non, cút trâu, cút bò ngào ngạt trong cơn mưa lất phất cuối đông, làm ấm lên chút tình người mong manh, để lũ con cháu lang thang này còn nơi chốn mà nhớ về, tưởng đến với chút ngậm ngùi hè xưa nát lòng.

8.2005

Phụ đính II



Gửi

Trong suốt thời gian làm việc để thực hiện cuốn sách, kẻ viết như bị ám ảnh bởi những vui buồn không phân định. Vui vì mỗi tác phẩm mở ra trước mắt một khung trời riêng biệt, lại trình bày một cảnh trí thật linh động lôi cuốn kẻ viết vào cơn mê kỳ thú.

Những người làm văn nghệ hôm nay – nhất là những người trẻ tuổi – nhờ hoàn cảnh, họ đã có được môi trường thuận lợi và nhiều cơ hội có thể phát triển tài năng qua nghệ thuật. Đời sống nghệ thuật bây giờ không thu nhỏ trong chu vi hạn hẹp của một vài nhóm, tóm trọn uy quyền sinh sát trong tay như thời tiền chiến. Nói đến văn nghệ tiền chiến là nói đến cái gì ghê gớm, cao siêu, cách biệt, là nói đến thứ văn nghệ đóng kín, đầy mặc cảm tự tôn của nhóm Tự Lực Văn Đoàn, Tiểu Thuyết Thứ Bảy, Trung Bắc Chủ Nhật, v.v. Những người làm văn nghệ trẻ lúc ấy, không dễ gì lọt qua được cửa ải của một trong mấy nhóm đó. Họ tự cao, tự đại không muốn ai tham dự vào sinh hoạt ngôn ngữ của họ, trừ một vài người có tài năng thật đặc biệt và cũng phải giao du rộng, họa may! Cái "văn phiệt" ấy, mừng thay, nó không hiện diện ở vùng trời nghệ thuật hôm nay, thăng hoặc nếu có, nó cũng không dám hoạt động công khai.

Sự thực, các nhóm văn nghệ nói trên, đứng từ cái nhìn hôm nay để nhận định, cũng chẳng có gì ghê gớm, vĩ đại, mà sao thời đó nó khiếp đảm đến thế? Mỗi bài văn, mỗi dòng chữ của họ có ảnh hưởng sâu đậm, làm độc giả thời ấy mê cảm đến kính phục. Nhưng, thời gian đã đẩy lui họ vào dĩ vãng. Họ đã làm xong nhiệm vụ đối với lịch sử văn học nghệ thuật Việt Nam. Có người còn sống, có người đã khuất bóng. Có người để lại danh thơm, có người chìm vào hư không vĩnh viễn! ...

Sở dĩ kẻ viết phải nói đến, khơi động lại dòng thời gian chìm khuất vì trong lòng có mối thương xót riêng tư. Mối thương xót đó, từ mấy chục năm rồi, làm kẻ viết đau đớn vô cùng, lại càng đau đớn hơn, từ khi nuôi ý định về mười khuôn mặt văn nghệ hôm nay. Nguyên kẻ viết có người anh ruột, vì say mê văn nghệ mà chết cô đơn lạnh lẽo trong vòng đai đồn điền cao-su Lộc Ninh cách đây gần ba mươi năm. Khi mất anh mới 29 tuổi, còn trẻ hơn cả người ít tuổi nhất, viết trong cuốn sách này. Anh tên Thức, con thứ ba trong gia đình có tám anh em (7 trai, 1 gái). Kẻ viết đứng thứ sáu. Anh Thức trông đẹp trai và thật dễ thương. Anh rất thông minh, ưa mơ mộng. Anh đi vào nghiệp viết văn, làm thơ từ năm 18 tuổi. Kẻ viết lúc ấy còn nhỏ, nên không đủ

khả năng tìm hiểu sâu xa về văn nghệ nhưng rất thích hai bài văn: *Trịnh chúa Lê nương và Đông về thu cúc rụng* viết theo đề tài dã sử do anh sáng tác, đăng tải trong tờ tuần báo *Tiểu thuyết thứ bảy* (vào năm 1938 hay 1939 gì đó), dưới bút hiệu: Bảo Cầm.

Chẳng biết vì lý do nào, sau đó ít lâu, đương đi làm cho một hãng buôn Pháp với lương tháng 30 đồng (bây giờ vào khoảng 40 ngàn), anh xin thôi việc, để dần thân hẳn vào cuộc đời văn nghệ mà không cho gia đình biết trước. Bố mẹ thật buồn phiền, nhưng đã lỡ đành chịu.

Từ đó, ngày ngày anh đọc sách và viết. Anh dịch thơ của Vitor Hugo, Lamartine và tập *Les Nuits* của Alfred de Musset cùng nhiều tập truyện của Guy de Maupassant, Alphonse Daudet và Pierre Loti nữa. Chữ anh tốt và bay bướm. Bản thảo anh viết cũng cầu kỳ, cẩn thận, trang nào trông cũng sạch sẽ, không tấy xóa lem nhem.

Trong gia đình, anh thương mến kẻ viết nhất, vì cho rằng kẻ viết có "tâm hồn". Mỗi khi sáng tác hoặc dịch xong bài nào vừa ý, anh thường đưa cho xem. Lúc ấy, kẻ viết chỉ biết phục tài anh qua những câu văn hoa mỹ. Ban ngày, anh viết liên miên, nhưng sau bữa cơm chiều, anh đóng bộ thật đẹp đi chơi tới khuya, có khi suốt sáng mới về.

Có nhiều sáng, kẻ viết nhìn da mặt anh tái mét, nhợt nhạt, chột la lên. Anh vội ra dấu bảo im, rồi vào buồng riêng đóng chặt cửa, đánh phấn bôi môi để lấy lại sắc diện hồng hào. Bố mẹ la rầy hoài về chuyện đi đêm, nhưng anh không làm sao bỏ được tật đó. Mẹ không như bố, tuy mắng mà vẫn dấm dúi tiền cho anh tiêu. Dù đi chơi đêm, anh vẫn viết đều gửi các báo. Nhưng bài gửi thì nhiều mà chẳng thấy đăng mấy, trừ vài tờ hàng ngày, cho đăng vào trang ba. Lâu dần, nản chí, anh đi lu bù cả mấy ngày mới trở về nhà. Quần áo lúc đi thẳng nếp, trông tươm tăt, khi về, nhăn nhúm tang thương, cổ áo sơ-mi vàng khè dơ dáy. Mẹ phải cho tiền đưa tiệm giặt, ủi lại cho ngay ngắn, dễ coi.

Thời gian qua đi, hết mùa lạnh sang mùa nóng. Một bữa, kẻ viết nhìn thấy anh gói bộ đồ dạ mà mẹ mới cho tiền may hồi Tết. Vô tình, kẻ viết hỏi: "*Anh mang đi đâu?*" Anh bảo: "*Mang đi hấp*". Tuy thắc mắc vì bộ đồ còn mới nguyên nhưng cũng đành tin như vậy.

Dạo sau anh ít viết. Đêm đi, ngày ngủ, trông anh phờ phạc hẳn. Mẹ chửi mắng chán rồi ôm mặt khóc, bố giận không thèm nói tới.

Một buổi mẹ bảo: "*Con thử theo anh, xem nó đi những đâu mà tối nào cũng đi vậy? Mẹ nhìn sắc mặt nó độ này xấu quá!*" Nghe lời mẹ, tối đó, kẻ viết leo đẹo theo anh, giữ khoảng cách độ 50 thước. Anh vô tình cứ đi không quay đầu nhìn lại. Anh đi mãi lên phố hàng Quạt, rồi dừng bước trước căn nhà lợp xộp, đẩy cửa bước vào. Ánh đèn mờ nhạt từ bên trong hắt dài bóng anh xuống vỉa hè một thoáng. Cánh cửa khép nhanh, nhưng không kín, để lộ một đường ánh sáng nhỏ chảy dài từ trên xuống dưới. Kẻ viết lướt nhanh đến, ghé mắt nhòm qua khe cửa. Trong nhà vắng hoe. Ở góc chiếc cầu thang gỗ nhỏ, một đứa bé đang cắm cúi học bài. Mùi nha phiến thoảng thoảng đâu đây. Đứng một lúc lâu, kẻ viết hiểu sự tình gì đã đến với anh. Nhưng vì tò mò, kẻ viết se sẽ đẩy cửa lách vào. Đứa bé không ngẩng đầu lên. Kẻ viết bước nhẹ lên cầu thang. Hương nha phiến tỏa ngào ngạt. Căn gác thấp và tối om. Cái cửa độc nhất vào buồng lại đóng kín. Kẻ viết cố tìm khe hở để nhòm nhưng không thấy. Giữa lúc đó, có tiếng giày nặng nề bước lên. Kẻ viết vội nép người sát vào tường. Hai gã trai trẻ khệnh khạng nhô dần lên, toát nồng hơi rượu. Gã đi trước cho tay xoay núm cửa: "*A, thằng Thức đây rồi!*" Kẻ viết tự nhiên thấy tim mình như có sợi dây thắt lại. Họ xăm xăm bước vào. Kẻ viết ngó mắt nhòm theo, thấy anh mình đang nằm nghiêng, mắt nhắm lại, mồm ngậm chặt chiếc dọc tẩu kéo ro ro. Dưới ánh sáng lờ mờ, mấy thân người nằm bất động chung quanh vài ngọn đèn dầu lạc.

Về đến nhà mẹ hỏi: "Sao con?" Kê viết không dám cho mẹ biết sự thật, đành nói dối: "Con thấy anh đi ci-nê". Mẹ bảo: "Ci-nê gì mà suốt đêm?" Kê viết nói loanh quanh để mẹ yên lòng vì lúc ấy, mặt mẹ đã long lanh giọt lệ, tóc mẹ đã ngả màu dưới ánh đèn.

Những tối kế tiếp anh vẫn đi. Trong nhà có thứ gì quý, tự nhiên biến dần. Do đó, mẹ càng nghi ngờ, nhưng không bảo kê viết theo nữa, cho người khác đi rình. Lần này, gia đình biết rõ sự thực. Bố chửi, mẹ khóc, anh em đều buồn, nhà như có đám tang. Trước anh còn chối, sau nghe mẹ nói đúng quá, anh đành nhận có hút vì vui với anh em. Cả nhà xúm vào dỗ dành khuyên nhủ, anh hứa chữa. Mẹ nói, cần bao nhiêu tiền uống thuốc cai mẹ cho. Mẹ mua của ngon vật lạ cho mình anh ăn thôi. Lúc này anh làm thơ giải sầu. Những vần thơ lục bát nghe buồn đứt ruột. Ở nhà uống thuốc độ nửa tháng, trong anh béo tốt hẳn ra. Ai cũng mừng, nhất là mẹ.

Một tối, anh rủ kê viết đi ci-nê, vì đi một mình mẹ không cho, sợ hút lại. Hai anh em lững thững lên rạp Olympia ở chợ Hàng Da xem phim "Je suis un évadé" do tài tử Henry Fonda đóng. Anh chỉ mua có một vé đưa cho kê viết, bảo vào xem một mình để anh đi thăm bạn bè, lâu ngày không gặp. Trong lòng kê viết thật bối rối, toan trả vé đi theo anh, sợ có gì mẹ lại khóc, khổ lắm! Nhưng khi nhìn thấy nét mặt anh, bỗng thương hại. Anh nói: "Tan ci-nê cứ chờ đây, anh đón cùng về".

Buổi tối đó, trong khi kê viết đang mê mải với tài diễn xuất của Henry Fonda, anh đi hút lại. Rồi những hôm sau, anh tìm có ra phở mỗi ngày. Năm ấy, anh mới 24 tuổi. Bố mẹ thấy không xong, bèn mắng nhiếc đuổi khỏi nhà. Việc này chỉ nhằm dọa cho anh sợ để bỏ hút, nhưng hình như định mệnh đã bắt anh phải gian truân, làm sao anh cưỡng chống?

Kê viết nhớ như in trong đầu, tối đó trời mưa lạnh, anh lí nhí chào bố mẹ rồi xách chiếc va-li cũ mềm lằm lũi ra đi. Kê viết lên lầu đứng trên ban-công nhìn theo anh, tới đầu phố anh rẽ ngang, mất hút. Hai dòng lệ lăn tròn trên má tự lúc nào!

Rồi một buổi chiều chàng vạng, kê viết đang đứng trên lầu ngó trời buồn, trước khuôn cửa, bỗng nhìn thấy anh đứng nép dưới mái hiên một căn nhà phía bên kia đường giơ tay vẫy. Kê viết vội xuống lầu, đi nhanh đến phía anh, nhìn sững sờ. Mới xa gia đình có gần một tháng mà sao anh xơ xác quá vậy? Khuôn mặt anh gầy rộc hẳn đi, râu anh tốt, lâu không cạo, mọc tua tủa như râu Lý Thiết Quài. Kê viết ôm chặt lấy anh, khóc ngất. Anh cũng khóc. Toàn thân anh hôi hám, vì quần áo lâu không giặt quện vào mùi dầu lạc và khói thuốc phiện làm buồn nôn. Sau cơn xúc động, kê viết hỏi: "Bây giờ anh ở đâu, làm gì để sống?" Mắt anh đục ngầu bờn bờn, vẻ tinh anh hôm nào không còn nữa. Anh nói thì thào "Mấy bữa nữa, vào Sài Gòn làm báo!" "Anh quen ai trong đó? Thôi về nhà, từ hôm anh đi, mẹ khóc hoài, khổ lắm!" Anh lắc đầu: "Không, anh không về nhà nữa!" Nói xong, anh cúi xuống nhìn màu đất xám ngoét dưới chân. Kê viết thấy anh mặc bộ đồ cũ, hỏi: "Bộ đồ mới may hồi Tết đâu, sao anh không mặc lại mang bộ này trông nhom nhếch quá!" Anh nói: "Bộ đó đã đem cầm ở nhà Vạn Bảo rồi, chưa có tiền chuộc!" Kê viết muốn hỏi anh nhiều, nhiều nữa rằng, vì sao anh nghiện? Tại sao anh đang làm sung sướng thế, lại xin thôi? Tại sao anh làm khổ cả gia đình, để mẹ khóc suốt ngày? Tại sao anh lấy đồ quý đi bán làm bố rầy mẹ la? Thuốc phiện có gì mà nó hành hạ anh khổ khổ thế này?... Nhưng những câu hỏi như đọng ở cuống họng, không sao thốt thành lời. Bỗng anh nắm chặt tay kê viết: "Em có tiền không, đưa anh mượn, mai đi chuộc bộ quần áo để mặc vào Sài Gòn làm ăn". Sài Gòn, đối với kê viết lúc đó xa lắm, xa tít mù khơi, có lẽ đến chết mình cũng không thể biết cái xứ đó. Kê viết chợt nghĩ đến số tiền bỏ ống. Số tiền này do các anh lớn đi làm (trong đó có anh), mỗi tháng cho một, hai đồng để ăn quà, mua sách, còn bỏ ống để dành, khi cần mua sắm những gì mình thích.

Kẻ viết không nói, đi nhanh về nhà, trèo hai bậc thang một, lên lầu, lòi cái ống tre già cất dưới gầm tủ. Tiếng bạc cắc chạm nhau rồn rảng trong ống tre. Kẻ viết không nhớ rõ bao nhiêu, nhưng thấy cũng hơi nặng nề. Lúc xuống gần hết cầu thang, gặp mẹ. Mẹ hỏi: *"Mày đi đâu mà chạy sầm sầm như bị ma đuổi thế này?"* Kẻ viết dừng lại, đưa nhanh ống tiền ra phía sau lưng, nhìn mẹ cười lảng. Mẹ buồn nên không để ý.

Cầm ống tiền, tay anh hơi run, nói khế: *"Mai một đi làm, có tiền sẽ trả lại em!"* Xong anh vỗ nhẹ vào vai kẻ viết như an ủi, rồi lầm lì bước đi. Kẻ viết có ngờ đâu, đó là lần sau cùng được nhìn anh. Anh vào Sài Gòn thật, nhà nhận được thư gửi ra. Anh không viết gì ngoài việc hỏi thăm và xin lỗi bố mẹ cùng anh em, cuối thư, anh nhờ kẻ viết cất giữ giùm anh mấy tập bản thảo và mấy tờ báo có đăng bài anh viết, khi nào cần sẽ viết thư ra, gửi vào Sài Gòn cho anh. Đọc thư, mẹ lại khóc suốt ngày, làm bầm oán trách người nào đã rủ rê anh đi vào con đường thuốc sai. Lâu lâu lại nhận được một lá thư, lời lẽ chán nản vì đời sống Sài Gòn cũng khó lắm, nhất là làm báo. Mẹ bảo kẻ viết biên thư trả lời và hỏi, nếu anh bằng lòng, mẹ lấy vé tàu gửi vào để anh trở ra. Mẹ nhấn mạnh gần như van xin con, hãy bỏ thuốc phiện. Thư gửi đi, mãi không thấy anh trả lời. Mấy thư sau, cũng chẳng có hồi âm.

Mẹ đành nhớ thương đưa con tài hoa mà mẹ yêu quý nhất bằng nước mắt, với tiếng thờ dài hằng đêm.

Bảng đi vài năm, gia đình bỗng nhận được tin, do một người bạn cùng làm với anh ở đồn điền cao-su Lộc Ninh báo tin, anh đã mất vì cạy mụn *"đinh râu"* (Staphylococci malingne de la face). Nguyên do tính anh hay làm dáng, buổi sáng rửa mặt soi gương thấy cái mụn, tưởng nhầm là trứng cá, cho tay cạy lên. Chỉ mấy tiếng đồng hồ, mặt anh sưng to bằng cái đĩa và sau 48 giờ anh mất, dù đã được các y tá của bệnh xá săn sóc tận tình. Trong thư nói, đám táng đã được anh em cùng sờ lo chu đáo, gia đình cứ yên tâm. Người bạn cũng cho biết, anh đã bỏ thuốc phiện gần một năm, và định đến Tết sẽ trở ra Bắc thăm nhà. Sờ dĩ, anh lên làm đồn điền, do người bạn Pháp quen từ Hà Nội giới thiệu. Anh đi vào lòng đất, do số mệnh đã đành, nhưng nếu thời ấy có thuốc trụ sinh, chắc ít ân hận hơn.

Mẹ khóc ngất từng cơn, cả nhà khóc. Bàn thờ anh, được thiết lập ở căn buồng nhỏ trên lầu, nơi xưa anh thường ngồi viết. Tấm ảnh được lồng khung kính, treo ngay ngắn trên tường. Chiếc bát hương nhỏ, màu xanh biếc lờm chớm những chân nhang đỏ chói, trông thật buồn! Kẻ viết trang trọng đặt tập bản thảo của anh ngay ngắn trên bàn thờ, trong đó có cả hai số Tiểu thuyết thứ bảy và các tờ nhật báo Đông Pháp, Ngọ báo, v.v.

Mỗi chiều, mẹ đều cúng cơm, nhìn ảnh anh rồi khóc cả giờ chưa dứt!...

Anh Thức,

Hôm nay em ngồi viết những dòng này để kính dâng hương hồn anh, người anh tài hoa văn số. Anh mất đi như một vô danh. Nhưng cũng nhờ anh, em đã tránh thoát được cám dỗ của Phù Dung Tiên Nữ. Trong suốt dòng sống nghệ thuật, đã bao lần, em ngồi bên cạnh khay đèn với những người bạn làm văn nghệ rất thân từ tuổi hoa niên, nhưng không một lần, em dám kê môi vào chiếc dọc tẩu để tìm hiểu cảm giác!

Em cũng biết, khi bước chân vào văn nghệ, một là anh chưa đủ thứ nhất để tự mình hình thành giá trị, hai là không gặp được hoàn cảnh may mắn, mà số mệnh lại run rủi cho anh đi vào đăm mê trước khi tìm đường đến sự nghiệp. Những người làm văn nghệ trẻ bây giờ, không phải họ đều có may mắn hơn anh thuở trước. Cũng có một số, mắc vào vòng oan nghiệt của ma túy lúc công chưa thành, danh chưa đạt. Một số kinh qua được trong đó, có những khuôn mặt trai trẻ

được em viết nơi đây; nhưng ngày mai, chưa biết?... Chỉ biết cái lẽ lối sống bê tha, trác táng không phải là "sinh hoạt mẫu" cho thể hệ văn nghệ hôm nay, một phần nhờ cuộc chiến sôi bỏng với các vấn đề lớn do cuộc sống đẩy tới, đã cuốn họ vào guồng máy làm cho choáng váng, hơn nữa, họ đi vào khung trời văn nghệ vì ý thức được cái ý nghĩa cao cả của nghệ thuật, tự nó đã là nguồn đam mê vô hạn.

Em gia nhập nghiệp văn hôm nay là để tiếp tục con đường mà định mệnh đã bắt anh bỏ dở. Em tin, trong cõi Chân-Không-Tịch-Mịch kia, anh đang nhìn em triu mến như thuở nào chúng ta còn thơ ấu. Em nguyện cố gắng gìn giữ chút hương thơm của gia đình mà ngẫu nhiên em được trao vinh dự.

Sài Gòn, ngày 01 tháng 7 năm 1971

Nửa chữ cũng thầy

Năm 1936, tôi học thầy ở lớp Nhất trường Tiểu học Sông Cầu. Thuở ấy toàn tỉnh chỉ có hai trường Tiểu học, một ở Tuy Hòa, một ở Sông Cầu. Trường Tiểu học Sông Cầu là trường tỉnh lỵ mà chỉ có một lớp Năm, một lớp Tư, một lớp Ba, một lớp Nhì A (chính danh là Cours Moyen de 1ère Année), một lớp Nhì B và một lớp Nhất... Mới biết là hồi đó sự học quả thật là quý. Với một dân số 20 vạn dân cư mà hằng năm toàn tỉnh chỉ chọn khoảng một 100 đứa trẻ khá nhất để cho vào học lớp Nhì thì có khác nào sâm nhung chỉ dành cho tì vị kẻ giàu sang. Tôi học lớp Năm và lớp Tư ở trường làng Ngân Sơn. May mắn đưa đẩy, tôi được vào học lớp Ba ở trường Phủ Tuy An. Và lại cũng may mắn xô tới mà tôi được vào lớp Nhì trường Tỉnh.

Thầy năm ấy khoảng 27-28 tuổi. Dáng thầy cao, khỏe mạnh, nhanh nhẹn. Thầy thường mặc Âu phục trắng. Giày nâu, đế cao su. Mũ casque cứng lợp vải màu kaki. Đi tới lớp, tay ôm cặp da, thứ da cá sấu mềm.

Thời đó Âu phục và Nam phục song song tồn tại. Nam phục là quần trắng áo dài đen. Quần trắng bằng vải 'tàu bay' hay lụa. Vải áo dài đen thông thường là vải trang đằm cho đàn bà và học sinh trung lưu. Người đàn ông thì mặc áo lương đen (miền Bắc gọi là áo the), áo xuyên (mặt láng), áo sa văn minh (một loại the mỏng, dệt có vân, có bắt hình bìm bìm) áo sa tanh (satin). Vải may Âu phục tiêu chuẩn là một loại vải dệt thật dày bằng sợi đay, màu trắng. Sau thế giới đại chiến lần thứ hai, sợi tổng hợp Polyester mới thịnh hành và vải thường màu đen hoặc màu xanh tối gần với đen. Phép xã giao thời đó đòi hỏi phải khoác áo vét-tông chứ không được chỉ mặc sơ-mi khi đi ra ngoài. Cho dẫu trời nóng 35 độ. Chỉ có thể, khi ngồi trong lớp dạy hay ngồi làm việc ở bàn giấy, cởi áo vét-tông ra máng vào thành ghế.

Đôi giày cũng có lịch sử của nó. Cũng sau thế giới đại chiến lần thứ hai, màu giày đen mới thịnh hành. Dưới thời Pháp thuộc, màu giày sậm nhất là màu nâu, màu cà-phê rang. Lọt một chút là màu vàng thiên nhiên của da thuộc. Lọt nhất là màu trắng. Duyên dáng ăn diện là giày hai màu. Giày màu đen chỉ được dùng trong những đại lễ.

Vậy đó, cái dáng cao cao của thầy tôi, mặc Âu phục, đội mũ ôm cặp đi những bước nhanh từ góc đường phía biển, vượt qua sân quần vợt, đi vòng quanh rào trường, đi thẳng từ cổng trường oai vệ bước vô.

Vào thời chúng tôi, học trò rất sợ thầy. Chương trình học toàn tiếng Pháp nên chúng tôi càng sợ thầy hơn, bởi chừng dù học giỏi hay kém thì học thuộc được một bài toát yếu 20 dòng viết bằng tiếng Pháp không phải là chuyện dễ. Chúng tôi phải chấp chữ này nối theo chữ kia bằng

trí nhớ, nhiều khi hoàn toàn bằng trí nhớ chứ không hiểu vì sao. Mà một khi quên đi một chữ thì đành cứ đứng khựng ra đó, ấp a ấp úng, tựa như rút một cục gỗ thì cả khối gỗ chông chát lên nhau bỗng đổ sụp. Đổ mà có thể xếp lại. Thầy giáo sốt ruột, sẵn cái thước gạch vụn luôn cho một vụn. Và các cục gỗ lăn xa hơn, tan tác.

Thầy nào cũng biết đánh học trò. Ngồi nghĩ lại thấy thương hơn trách. Người Pháp không đem sang cái roi. Tổ tiên mình vót roi để sẵn, kèm theo bản chỉ dẫn cách dùng, 'yêu cho roi cho vọt'. Tiếng roi vun vút của các thầy đồ còn vang vọng rất trong sáng trong tâm hồn của các thầy tôi. Các bậc phụ huynh dường như cũng chỉ an tâm khi nghe thầy giáo ban phát tiếng roi xé gió. Sống trong một không khí rèn nhân cách khắc khổ như kiểu đó, một ông thầy có lương tâm phải mượn cái thước và con roi để hỗ trợ cho lời giảng bài. Ở lớp Nhì A, tôi học thầy Huỳnh Tiến. Thầy gầy, da trắng, nói giọng Quảng. Không biết giờ này thầy có còn khỏe mạnh không. Thật là bội bạc khi hơn 50 năm trôi qua tôi không hề biên được một cái thư thăm hỏi thầy. Với nhiều thầy khác tôi cũng có niềm ân hận đó. Chớ chi mỗi thầy đều cho chúng tôi biết địa chỉ chính thức - không kể những đời đổi nhiệm sở - thì hy vọng 20-30 năm sau còn liên lạc thư tín được dẫu chỉ là muôn một cũng vẫn là hy vọng.

Năm lớp Nhì B, tôi học thầy Ngô Văn Lương. Thầy đằm thắp, nói giọng Hà Tĩnh. Ấn tượng còn lưu lại là bộ Âu phục màu ka-ki nhạt rất nhã thầy thường mặc. Và màu da mặt trắng hồng. Thầy Trần Sĩ thì trông cao ráo linh hoạt hơn thầy Lương. Được phân công dạy lớp Nhất là một vinh hạnh, vì học sinh lớp Nhất, cuối năm thi bằng Rime (Primaire : Tiểu học) là được xin bổ làm hương sư dạy lớp Năm, lớp Tư ở các trường làng. Hương sư được nể hơn lý trưởng, phó tổng. Đã vậy, thầy còn đứng tên với ông Kiểm học Nguyễn Đình Cầm, sáng tác cuốn Địa dư tỉnh Phú Yên. Trước khi cuốn sách ra đời, chúng tôi học ở lớp Tư phải chép bài Địa dư tỉnh Phú Yên vào vở để học thuộc lòng. Đi thi Sơ học yếu lược, môn thi viết có hỏi địa dư tỉnh. Dường như học sinh nào cũng đều thuộc lòng bài đọc thêm 'sông Cầu và Tuy Hòa' trong đó, bằng lối văn biền ngẫu, thầy so sánh: 'Sông Cầu là đất thừa lương, Tuy Hòa là nơi buôn bán, Sông Cầu là bà già lão luyện, Tuy Hòa là cô thiếu nữ xuân xanh'. Thầy có một cách đặc biệt theo dõi đôn đốc sự học của học sinh mình: đó là hằng đêm vào chặng 8-9 giờ, thầy đi rào một vòng những nhà học trò ở các con đường lân cận coi thử chúng tôi có ngồi nhà học bài hay không. Do vậy mà có những buổi sáng thầy vô lớp kêu tên một đứa bạn tôi, hỏi:

- Hồi hôm trò đi đâu lang thang ở trước tiệm Chấn Thanh? Hoặc:

- Hồi tối nhà trò sao mới 8 giờ mà đã tối thui? Trò học bài trong tối hả?

Một đêm kia thầy đi qua nhà ông cử Giáp, nơi trò Huỳnh và trò Duyên, quê ở Gò Duối đang trọ học. Thầy nghe có tiếng sát phạt 'Xi Rô... Già Cơ.. Đầm Chuồng... Bồi Bích...' Thầy lặng lẽ hé cổng bước vô, đứng sau trò Huỳnh đang say sưa cắt bài, chia bài. Cái miệng cứ tía lia, cười cười nói nói, đôi tay cứ dẻo quẹo cắt cắt chia chia, chợt thầy đằng hắng ho một tiếng ở sau lưng. Quay lại. Ngó lên. Trời ơi, chết rồi! Ríu ríu bốn tay bài lặng lẽ đứng dậy, mắt mở trao trao như khi bị rần thôi miên. Thầy cúi lượm bộ bài, lặng lẽ đi ra cửa ngõ.

Ai cũng đoán biết được hôm sau loại bão tố nào nổ ra giữa lớp. Bốn tay bài rúi ro đều là học trò lớp Nhất. Ngoài Huỳnh và Duyên, hai người kia tôi quên mất tên.

Thầy hay dùng những cách xưng hô 'tụi bay... đứa nào...!' dẫu không tao nhã bằng 'các em, cậu nào, cô ấy...' nhưng đầy chất thân tình. Thầy la lối giận dữ khi học sinh không thuộc bài, chúng tôi sợ mà không ghét... Như vậy hơn cách nhã nhặn mà lạnh lùng, rất văn minh của nhiều thầy cô giáo thuộc thế hệ sau này. Thật giống như đi coi hát bội. Hồi tôi còn nhỏ, kếp hát ở nhà quê đóng vai nịnh hét to đến nỗi gân cổ nổi lên như dây chấu, trợn mắt cơ hồ toét luôn

khỏe mắt, vung tay vung chân như người đấu quyền trên võ đài. Năm 1974 coi hát bội trên sân khấu đặc biệt chọn lọc ở Sài Gòn. Y trang Thượng Hải rực rỡ, hệ thống ánh sáng và âm thanh tối tân, đào kép xinh đẹp thượng hạng... nhưng hát không ra hơi thậm chí múa tay cũng múa lười biếng. Đó, đẹp thì có đẹp, có tinh tế, có quý phái... đủ mọi ưu điểm, nhưng thực chất của sự hát thì... rất dở. Như ông thầy tận tình la mắng hồi xưa và cô giáo nhã nhặn thời nay. Lớn lên, gặp thầy, nghe thầy đối đãi bằng giọng xưng hô 'tụi bay...' quen thuộc, chúng tôi vui, vừa thêm cảm động. Cho tới lúc tuổi hơn 50, gặp nhau, ngồi nhắc chuyện xưa, nhắc đến thầy, chúng tôi cười thích thú và thêm thương thầy.

Những khối óc lý luận hình thức thường đồng hóa cái mộc mạc thân tình với cái thô lỗ, tưởng ai cũng say mê sự trơn láng của một mái tóc chải bi-ăng-tin ép vuốt bóng nhầy. Họ nghĩ rằng một khuôn mặt xác chết phấn son chải gọt đúng qui cách hấp dẫn hơn cái ầm ập hồn nhiên của sự sống.

Cứ gần cuối niên khóa là thầy được cử đi chấm thi. Năm đó, tôi nhớ thầy đi chấm ở Nha Trang. Lúc bảy giờ đường xe lửa xuyên Đông Dương mới làm được hai đoạn: đoạn phía Bắc dừng lại ở Tourane (Đà Nẵng), đoạn phía Nam dừng lại ở Nha Trang. Tourane có xe thơ do hãng STACA đảm trách. Xe STACA dài, rộng và cao như xe buýt thời nay, sơn màu xám trắng trông thật lịch sự. Hành khách ngồi trên xe toàn những người sang trọng, không như hành khách ở xe hàng (ở miền Trung xe hàng là xe chở khách đi đường ngắn, trong Nam gọi là xe đò, còn xe hàng chỉ chuyên dùng để chở hàng hóa), áo quần xốc xếch. Thầy ghé đón xe ở nhà dây thép (bưu điện) trước mặt trường, cách trường 100 thước. Khi xe chạy qua trường, nhìn thấy thầy ngồi oai vệ trong xe, mặt nhìn ra trước. Thời đó khách đi xe hàng phải ngồi trên những băng gỗ kê dọc thân xe, lưng quay ra hông xe thành thử ở dưới đất nhìn lên chỉ toàn thấy những lưng người. Còn người ngồi trên hai băng thì đầu mặt vào nhau nên suốt đoạn đường trường cứ phải nhìn mặt người ngồi trước. Có trải qua cảnh khổ nhọc đó mới hiểu được sự sang quý của một tư thế ngồi nhìn ra trước xe, thông thả, rộng rãi, không như xe hàng người này giơ tay vịn trần xe cho khỏi té nghiêng, người kia nép vào nách người nọ, người khác chân bị kẹp giữa hai đùi của người thứ tư. Chiếc xe STACA hùng dũng lướt tới, bót tốc độ, lướt qua cửa. Chúng tôi đứng ngoài giờ nón chào, và thầy tươi cười rạng rỡ chào lại. Thật là vinh quang!

Vài chục năm sau tôi cũng đi dạy học và cũng được cử đi chấm thi, đi cả bằng máy bay nữa, nhưng cái hào quang rực rỡ tôi nhận thấy nơi thầy ngày trước, tôi không có nơi tôi. Người Trung Hoa có nói 'Tự kỷ văn chương, tha nhân thê thiếp' có nghĩa là vợ người thì đẹp, văn mình thì hay. Chẳng lẽ hào quang lại giống như thê thiếp hay sao?

Với cái nhìn của tôi lúc đó thì tương lai hứa hẹn nhiều triển vọng thành đạt cho thầy. Lấy ông Kiểm học Nguyễn Đình Cầm làm tiêu chuẩn thì tôi đinh ninh chỉ vài năm nữa thầy sẽ thi đậu vào ngạch Huấn đạo là một ngạch học quan. Nhìn sự tín nhiệm của cấp trên đặt nơi thầy và cung cách làm việc tích cực của thầy thì đoán được. Mùa hè nào cũng vậy, tôi cứ nghe mấy ông hương sư tập họp về Sông Cầu để học sư phạm và họ nhắc đến thầy, một trong những người huấn luyện hướng dẫn sắc sảo mà họ tỏ ý nể sợ.

Nhà thầy ở nằm trong một khu vườn nhỏ nhìn ra biển. Tôi lưu ý đến những chùm ti-gôn nở hoa màu hồng trên lối đi. Khác với những cúc, vạn thọ, tường vi... mọc lâu đời trên vùng đất quê hương, hoa ti-gôn như mới được nhập cảng từ một lân quốc hải đảo nào đó nên chỉ mới hiện diện ở vài ngôi nhà nơi thành phố. Màu hồng rất tươi lác mắt cả một khung cảnh. Ngôi nhà thầy mới cất, có gió biển thổi mát suốt ngày, có ánh sáng mặt trời dội nắng suốt ngày, có hoa nở rực rỡ trên lối đi... đời sống của thầy thật êm đềm. Các thầy giáo khác và hầu hết các ông thông, ông phán đều phải thuê nhà ở ngay trên phố. Thầy đốc Nguyễn Viết Nguyên - mãi đến khi ông Phạm Quỳnh làm Thượng thư bộ Quốc gia Giáo dục mới đặt tên 'Hiệu trường' - Người

Thanh Hóa, mặt đẹp và phúc hậu thì thuê một căn phố của anh Nền, trước tiệm ông Bang Chín. Căn phố của thầy Huy - học trò ưa kêu là thầy Huy lùn - nằm ở phía cầu Thị Thạc thì vừa thấp vừa hẹp. Đã vậy mà thầy còn dựng một thùng nuôi ong mật nơi mái hiên khiến trẻ con, người lớn cứ tấp nập nom dòm. Bầy ong thì bay vù vù suốt ngày. Chỉ cần 100 con mà mỗi con cứ bay lượn 100 vòng là số ong tưởng đâu tới mười vạn.

Đậu Tiểu học xong, tôi già từ Sông Cầu đi Qui Nhơn học Trung học. Rồi cứ thế con đường học vấn dẫn tôi đi càng xa, những cảnh mới Hà Nội, Đà Lạt, Sài Gòn, nguy nga nhộn nhịp càng làm tôi yêu cái vắng lặng hiền hòa của Sông Cầu, như yêu người bạn gái đầu tiên ngây thơ, ít nói. Mười lăm năm sau, ngẫu nhiên tôi được điều động về dạy tại trường Trung học Lương Văn Chánh nơi thầy làm Hiệu trưởng. Rồi lại ngẫu nhiên, ba năm sau thầy đi nhậm chức Trường ty Giáo dục, tôi thay thầy làm hiệu trưởng trường Lương Văn Chánh. Sau hiệp định Genève lại thêm một sự ngẫu nhiên thứ ba: thầy ở Sài Gòn, tôi ở Nha Trang đều đi dạy thuê ở các trường tư thục. Năm 1983, thầy từ Sài Gòn ra, có ghé thăm tôi. Tôi xúc động vì lòng ân cần của thầy, càng xúc động vì nhìn dấu vết thời gian nơi 'người hùng thuở nhỏ' của tôi. Thằng học trò từng sợ thầy là tôi mà tóc đã nhiều sợi trắng rồi, hương chi bậc tôn sư của nó. Mắt thầy đã yếu. A quelque chose, malheur est bon, cái bất hạnh nhiều khi cũng có ích. Chắc thầy không còn soi gương nữa để khỏi nhìn thấy bóng mình trong gương. Mắt tôi còn sáng, nhưng may nhờ cái gương nơi tủ áo tôi nó mờ nên bằng một thái độ quân tử cao khiết và với một lòng nhân ái vô biên, nó xóa đi những khuyết điểm nơi khuôn mặt tôi, nó chỉ phản chiếu lại bằng những nét mờ ảo. Mà phàm cái gì mờ ảo thì trông cũng đẹp. Hôm 20 tháng 11, ngày nhà giáo, là một thầy giáo niên trưởng, tôi được mời lên phát biểu. Giờ giải lao, một thầy kém tôi chừng 5-7 tuổi tiến tới bắt tay: 'Xin chào lão sư'. Tôi thân ái cầm hai tay người bạn, cảm ơn, vừa nói: - Tôi muốn chữ 'sư' có bộ Khuyển một bên (cách viết chữ Hán. Chữ SU' (thầy) nếu thêm bộ Khuyển ở trước thì có nghĩa là 'con sư tử'. 'Lão sư' là con sư tử già, chớ không phải là người thầy giáo già. Thầy giáo phải có cốt cách của sư tử, không được có cốt cách của loài cáo, loài chồn.

Thầy tôi! Con sư tử của vùng rừng núi Hóc Lá! Vì thầy mà tôi yêu cái tên Hóc Lá, tên của vùng quê hương thầy. Cứ nghĩ đến thầy là tôi thấy cánh đồng Chợ Đèo, trên đó một bóng học sinh lấm lũi cần mẫn bước, bắt đầu là những bước rụt rè, tiếp theo là những bước mạnh dạn hơn, vững chắc hơn, kiêu hãnh hơn, những bước đi tới.

... Mẫu chuyện trên, tôi viết gởi tặng một thầy học cũ nhân sinh nhật thứ 75 của thầy. Tôi có nhắn rủ vài người bạn cùng làm. Họ 'ừ' nhưng rốt cuộc không ai thực hiện. Ngẫu nhiên sau đó, một cô học trò cũ, vừa có học tôi vừa có học thầy, tới thăm. Tôi trao cho cô đọc. Đọc vù xong, cô phản ứng:

- Nhưng 'thầy' không công bằng. Thương nể học sinh đẹp giàu. Coi thường học sinh nghèo.

Tôi cười nhẹ hàng:

- Tôi biết. Và chính tôi đây cũng từng là nạn nhân.

Cô học trò cũ mở to mắt ngạc nhiên.

Tôi nhờ trời học khá, đứng nhất nhì trong lớp. Nhưng tôi xuất thân từ nhà quê thì làm sao thầy không cưng Lê Phúc Hán con quan Án Sát, cưng Hồ Thị Yến con ông chủ Dây thép... hơn tôi? Ngày Tết cha tôi đón xe đi hơn 20 cây số, mang theo nếp tượng giã thật trắng và con gà cồ thiến để tết thầy theo tục lệ Nho học mà cha tôi chịu ảnh hưởng. Cha tôi đâu có ngờ những phụ huynh ở thành thị là con quan Tuần Vũ, quan Tham Lục lộ, thầy Phán tòa sứ, ông chủ tiệm buôn Hoa kiều, chủ hãng xe, chủ khách sạn. Họ đi tết thầy những bôm, nho, táo, xá lị... những

xấp hàng Cẩm Châu, Thượng Hải để may áo dài. họ đi tới bằng xe lán bóng. Chỉ cần một thoáng mắt nhìn là cha tôi đã cảm thấy buồn. Tôi nói tôi cũng là nạn nhân là ý đó. Nhưng mà này cô Liên Vũ (tên cô học trò cũ), ta chỉ nên nhìn phía đẹp của cuộc đời. Thầy lớn tuổi rồi, sinh nhật nhận quà và lời chúc tụng là chuyện thường tình. Tôi ở xa, gợi nhớ vài 'kỷ niệm đẹp' thầy thường thức lâu hết hơn.

Quả đó là một cách sống đạm bạc vừa tầm khả năng của nhiều người. Làm nghề dạy học, cứ gần ngày nghỉ hè là tôi bảo học sinh viết kể lại những kỷ niệm trong lớp, rất ngắn, rất gọn, chỉ cần nhắc sơ lại sự việc. Viết trên tờ giấy lớn nhỏ gì cũng được. Tôi gom những tờ giấy đó về đóng thành tập. Mười năm, hai mươi năm sau mở ra đọc lại, quên rằng tóc mình đang bạc, tưởng mình đang cầm viên phấn đứng trước bảng đen.

Quanh ta người ta than khổ, hai mươi tuổi còn than hưởng kẻ sáu mươi, bảy mươi. Và thường ta chỉ lo cái khổ của ta mà quên giải khổ giúp người. Tôi gợi nhớ những kỷ niệm đẹp cho thầy là nhằm tạo một niềm vui nhỏ, giải một nỗi khổ nhỏ cho thầy tôi đó. Vì ai khổ khổ? Không có cái khổ lớn thì người ta cố tìm những cái khổ nhỏ để mà khổ.

Ngoài ông bà, cha mẹ, anh chị và người thân trong gia đình thì thầy và cô giáo là người thương yêu ta chân tình hơn ai hết và ta cũng yêu lại, tin tưởng, chân tình. Bởi một lẽ đơn giản: đó là người ta tiếp xúc đầu tiên, tiếp xúc hàng ngày, ngay từ lớp mẫu giáo ngây thơ.

Lần đầu tiên tập đứng sấp hàng, tập giờ mũ chào, tập vòng tay ngồi im, tập giờ tay xin nói. Y như mới ngày nào mẹ tập đứng tập đi.

Đừng nặng lời đối với quan niệm Quân Sư Phụ mà ghét lây vị trí của thầy giáo. Vào cái thời mộng muội xa xưa, nông nghiệp thô sơ đó, người đàn ông có uy quyền lớn nhất là vua. Rồi tới người đàn ông có nhiều chữ nghĩa và truyền dạy chữ nghĩa, mở đường cho con cháu mình thì cử đồ đạt, đó là ông thầy. Người cha khiêm tốn nhận địa vị thứ ba vì cha thường là nông dân ít nói, ông thợ cùn cùn. Mà có chi phải ganh ghét ông thầy, vì ông thầy, thầy đồ, thì luôn luôn nghèo, văn chương thương tình tặng cho hai chữ 'thanh bạch', không nỡ nói trắng ra là 'bần khổ'. Và thời nay thì cũng đâu có khác mấy thời xưa?

Chưa dám kể rằng các bậc thông thái thời xa xưa đều đóng vai thầy chứ ít ai đóng vai tể tướng. Như Đức Khổng Tử, vạn thế sư biểu mà không mấy ai không biết. Người thầy có sức học uyên bác, biết con vật đào ở dưới đất nước lỗ là con Phần dương chứ nhất định không phải là con chó, biết vật lạ vớt được ở sông Đại giang nước Sở là trái bèo, bửa ra ngọt như mật, biết dị nhân ở nước Trần cầm giáo đâm mình là con cá chiêm Đại ngư, biết con chim lớn mình đen cổ trắng, có một chân ở nước Tề là con Thượng dương, bay đến đâu là nơi đó có mưa to lụt lớn. Người thầy đó suốt đời chu du trải khắp bảy nước Lỗ, Vệ, Tống, Trịnh, Tấn, Tần, Sở. Có hời làm tới Tể tướng quốc, có hời ngồi giảng cho học trò dưới một gốc cây (quan Tư mã thấy ngựa mất liền sai chặt gốc!), có hời nhện dơi ba ngày mà vẫn điềm nhiên ngồi gảy đàn, đọc sách. Suốt đời chăm dạy Lễ, Nghĩa, Liêm, Sĩ, bỏ nước Lỗ ra đi vì vua Lỗ thiếu Lễ, bỏ nước Vệ ra đi vì vua Vệ thiếu Đức.

Bậc thầy ở Á Đông là vậy, còn ở phương Tây? Lần trang sử cũ thấy ông Socrate. Lạ thay, cũng đồng thời với Khổng Tử, nhích nhau chẳng mấy năm, khi Khổng Tử qua đời thì Socrate lên chín.

Socrate, đó là một người khiêm tốn hiền lành, mặc áo sồn vai, đi chân trần ngao du trên những con đường của thủ đô Hy Lạp, nói chuyện với mọi người về những đề mục tâm thường: thời

tiết, mùa màng, chợ búa... Nhưng khi già từ; kẻ đối thoại chợt nhìn thấy cái ông mặt mũi xấu trai đó có nói cho mình một cái gì đó khiến mình suy nghĩ và mình đang hiểu mình hơn. Nghệ thuật của thầy Socrate đó. Thầy chỉ đặt những câu hỏi và người học trò học suy nghĩ. Thầy mở mắt cho họ hiểu là họ chưa biết được bao nhiêu, chưa biết đúng và khiến họ ước muốn những hiểu biết chân chính. Thầy so sánh phương pháp giáo dục của mình với phương pháp đờ đề, - mẫu thân của thầy là một bà mẹ - giúp trí tuệ con người đẻ ra cái Chân lý mà nó có mang sẵn trong đó.

Đệ tử theo Socrate càng ngày càng đông và những quan niệm mới của ông khiến ông có nhiều kẻ thù. Ngay cả nhiều bậc phụ huynh cũng không bằng lòng vì đầu óc con em họ tràn ngập những suy nghĩ mới. Và ông bị đưa ra tòa, lý do là ông phỉ báng chân lý, phỉ báng thần linh và làm hư giới trẻ. Ông trả lời rất ít, không tự bào chữa. Tòa tuyên án tử hình. Ông từ chối không xin giảm án, hy vọng rằng cái chết của mình sẽ khắc sâu vào lương tâm của người công nhân Nhã Điển, bây giờ và cả ở thế hệ tương lai, còn hùng hồn hơn cả những lời rao giảng.

Trong ngục thất, ông uống cạn ly thuốc độc một cách bình tĩnh, các đệ tử bao quanh ông, nước mắt chảy ròng. Đệ tử Criton vuốt mắt cho thầy.

Lý tưởng của người Thầy vĩ đại (chữ dùng của sử gia: grand Maître) được các môn sinh khai triển thành những môn phái, trong số có những môn phái tưởng như trái ngược nhau: phái Khuyến nho, phái khắc kỷ, phái Hưởng lạc... Đệ tử sáng chói nhất của Socrate là Platon, được người đời tôn vinh là 'ông vua của ngành Triết học', người được Hoàng đế Denys tiếp long trọng như tiếp một vị quân vương. Đệ tử của Platon là Aristote, thầy học của A-Lịch-Sơn Đại đế, nhà thông thái toàn diện mà thời Trung cổ đã tôn vinh là 'Thầy của mọi khoa học'. Thật là thời đại hoàng kim của sự kế tục thầy trò!

Ở ta thuở xưa, nghề dạy học đã thành cái nghiệp của người biết chữ. Nhà Nho khi còn hàn sĩ, khi thi đậu đợi bổ ra làm quan, khi hồi hưu hoặc khi phải treo án tử quan lui về ẩn dật... đều mở trường dạy học. Trường chỉ sơ sai một mái tranh đã đủ, khỏi thủ tục xin giấy phép kinh doanh. Học không phải nhiều môn nên khỏi cần mời nhiều thầy chuyên môn. Thỉnh thoảng lịch sử có nêu tên những bậc thầy khả kính, có kiến thức uyên thâm, có đạo đức cao khiết, có môn đệ thành đạt. Tiêu biểu là thầy Chu Văn An đời Trần, thanh liêm chính trực, dảng sớ xin chém bảy gian thần, vua không nghe liền từ quan lui về ẩn giật, mở trường dạy học, đào tạo nhiều môn sinh hiển đạt như Phạm Sư Mạnh...). Chừng như danh nhân văn hóa nào cũng từng là thầy giáo: Phan Huy Chú, Bùi Hữu Nghĩa, Đặng Huy Trứ, Phan Văn Trị, Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Khuyến...

Thầy cô giáo hôm nay không dám sánh với những bậc sư biểu đó. Trường sư phạm đào tạo những thầy cô giáo dạy đúng chương trình, dạy có lương tâm, và chỉ bấy nhiêu đó thôi, học sinh và phụ huynh đã phải có bổn phận đối xử có nhân có nghĩa. Đùng như bà phụ huynh nọ ý mình có sạp buôn lớn, quen thân với cấp tỉnh cấp khu, một hôm nhận được giấy cô giáo chủ nhiệm thông báo con mình vô kỷ luật liền đợi tới giờ cô, xông thẳng vô lớp, tát tai đấm đá túi bụi đứa con, chửi mắng ầm ĩ rồi hùng dũng bỏ đi ra. Khiến tôi chợt nhớ tới cuộc diện kiến giữa A-Lịch-Sơn Đại đế với nhà hiền triết Diogène thuộc môn phái Khuyến nho.

Diogène sống với một con chó, ở trong một cái thùng gỗ, hạn chế tối đa nhu cầu đến mức một cái một cái chén để múc nước uống cũng ném đi khi thấy hai bàn tay bụm lại cũng hứng được nước. Nghe danh nhà hiền triết, một hôm Đại đế đến đứng cạnh cái thùng lễ độ thưa:

- Tiên sinh có cần gì, quả nhân xin...

Triết gia trả lời:

- Ta cần người đứng xe ra để nâng dọi được vô cửa thùng.

Tướng tùy tùng rút gươm toan chém tên vô lễ (nghề chuyên môn mà!), nhưng vua gạt đi, nói:

- Nếu ta không là A-Lịch-Sơn thì ta muốn được là Diogène.

A-Lịch-Sơn trọng Diogène như trọng thầy mình, người thầy mà nhà vua đã từng nói: 'Sinh ra ta là cha ta, Hoàng đế Philippe. Dạy ta sống xứng đáng là thầy ta, Aristote'.

Lên ngôi năm 20 tuổi mà đánh Đông dẹp Bắc, xua quân từ Hy Lạp sang tận Ba Tư, Ấn Độ, cái thể anh hùng, nhưng nhà vua biết cúi đầu trước cái Đức của bậc hàn sĩ. Thử đặt bà phụ huynh chủ sạp vào địa vị nhà vua, thì bà sẽ đá cho cái thùng lăn lông lốc mấy chục vòng!

'Nhất tự vi sư, bán tự vi sư', vậy mà tôi gặp trường hợp có người học trò cũ xưng hô với tôi bằng 'anh'. Tôi hoàn toàn không cảm thấy bị xúc phạm mà chỉ thấy thương hại cho anh ta. Rõ ràng là anh ta có tỏ ra lúng túng khi sắp phải chọn giữa hai tiếng 'thầy' và 'anh'. Tôi muốn vỗ vai thân mật an ủi: 'Sao em khổ chi vậy?' Tiếng 'thầy' có gì là cao giá đâu mà em phải cân nhắc? Xung quanh ta thiên hạ dùng tiếng 'thầy' khỏe ru mà: thầy thuốc, thầy cúng, thầy võ, thầy phù thủy, thầy địa!...'

Kẻ ác tâm nghĩ và người ác khẩu nói: truyền đạt kiến thức cho học sinh thì nói có công ơn gì? Chỉ là nghề sinh nhai, còn nhẹ hơn nghề đắp đường, khỏe hơn nghề bừa củi. Kiến thức thức đó của danh nhân kim cổ chớ đâu phải của chính thầy cô mà phải thán phục? Vậy là bao nhiêu cái ơn phải đi, bấy nhiêu cái oán lãnh đủ, vì kiến thức truyền rao, học sinh phải nghe, phải học, phải thuộc, phải biết vận dụng để làm bài. Lười học, cầu thả, làm sai, thầy cô phải la phải phạt, vậy là mang oán. Gặp phụ huynh có quyền có chức thì từ oán chuyển sang uy hiếp.

Có một lần một bà mẹ cầm tờ đơn đến trường kiện cô giáo. Tôi mời ngồi nơi phòng khách và mở lời trước:

- Tôi biết vụ này. Con bà về mét là bị cô giáo bạt tai. Cô giáo nói không. Không có ai làm nhân chứng. Nhưng mà đôi co chứng tá làm gì, chúng ta cùng giải quyết cái căn bản. Con bà được bà cưng, học lười và hỗn với cô giáo từ lớp Một. Cô giáo rầy la, cảnh cáo nhưng bà bênh con: ăn hiếp lại cô giáo. Lên lớp 2 cũng vậy, lớp 3, lớp 4 và bây giờ lớp 5 đều cũng vậy. Nội dung đang rất bi đát mà bà đâu có hiểu. Con bà không học thì sức đâu mà lên lớp? Nhưng để học lại một năm nữa thì cô giáo chịu sao nổi với nó, với bà? Vậy là nâng điểm, cho lên. Cứ liên tiếp như vậy. Rốt cuộc nay học lớp 5 mà trình độ đâu chừng tới lớp 3 rưỡi. Mà phàm học kém thì ngồi nghe giảng không hiểu, phải nghịch phá. Bà ơi, rốt cuộc cô giáo nào rui dạy trúng con bà đều cũng phải nhẫn nại chịu đựng cho qua năm học, chịu khó ngồi tụng niệm một trăm chữ NHÃN. Nhưng còn bà, thưa bà, bà sẽ phải khổ với nó suốt cuộc đời bà.

Người đàn bà chăm chăm nhìn tôi. Cái đơn kiện đến cuộn tròn khá lớn, giờ như được xếp cho nhỏ lại.

Nhà giáo bị uy hiếp bốn bề. Là người thợ xây, nhưng tâm hồn học trò đâu có dễ uốn như cây, như gạch? Quả là có một số ít nhà giáo kém phẩm chất nhưng tại sao lại vin vào số ít nhỏ nhoi này để phủ nhận cái đa số lớn lao kia?

Riêng người học trò cũ ngồi nói chuyện với thầy, viết thư thăm thầy thì còn được hưởng thêm

một niềm vui ích kỷ: đó là thấy mình vẫn còn trẻ. Bởi một khi các bậc trưởng thượng: cha, mẹ, thầy giáo đều từ trần thì mình sẽ cảm thấy cô độc lạ thường, mình như già đi trong phút chốc. Như những ngày cây cỏ thụ ngã xuống, các cây nhỏ bấy lâu nép bóng chột bị phơi trần ra chịu đựng nắng, gió, mưa.

Gắng tạo niềm cảm thông, niềm an ủi cho các thầy cô giáo để ngày ngày họ dạy dỗ con của bạn trong niềm vui. Cũng dễ hiểu thôi mà: khi có nước mát tưới đều, bụi thùy cúc nở những đóa hoa rực rỡ. Và con của bạn đang ngồi vây quanh, hưởng hương sắc của hoa.

Còn thầy cô giáo cũ thì có mong chờ gì ở bạn đâu? Vì vậy mà một lời thăm hỏi đủ đem lại niềm vui thanh khiết.

Thơng ngát hương cau

Tôi chính thức làm nghề thầy giáo năm 1949, dạy ở một trường trung học thuộc vùng kháng chiến, tỉnh Phú Yên. Toàn tỉnh chỉ có một trường trung học nên mỗi lần đọc tên học sinh kèm theo tên sinh quán là tâm hồn tôi êm đềm liên tưởng đến một miền quen thuộc, trí óc nhảy vọt từ Cù Mông đầu tỉnh đến Hòa Xuân cuối tỉnh, từ Sơn Long đầu nguồn đến An Chấn sát biển. Huỳnh thị Tư, Nguyễn Văn Chính... thấy rồi: Triêm Đức, Đồng Tranh, Xuân Quang, Xuân Phước. Những cánh đồng lúa sạ. Những lùm cây... Man Tấn Châm, Võ thị Huỳnh Lê... thấy rồi: Gò Duối. Những đèo, những núi. Trương Dụng Khả: Bầu Hương... Nguyễn Thị Hảo: Hòa Quang. Những ruộng nước nằm bằng phẳng, lá úa màu xanh ngắt. Nguyễn Ngọc Xuân, Nguyễn Thị Bích: Tiên Châu, Gành Đò. Sóng vỗ rì rào. Những tấm lưới màu nâu. Con chim le le ngúc ngoắc đuôi đi trên bãi cát gần mép nước...

Học sinh là những đứa con quý của các gia đình thuộc tầng lớp trên trong khắp tỉnh. Cả trường chỉ có hai lớp đệ Tứ, dưới 30 học sinh thì coi như xã chỉ chọn gởi tới một người. Cả trường chỉ có hai lớp đệ Ngũ, 80 học sinh thì coi như mỗi xã được chọn gởi chỉ hai học sinh xuất sắc nhất. Học sinh của trường học giỏi là lẽ tất nhiên. Hôm nay, số học sinh cấp II của nhiều xã không thua bao nhiêu so với số học sinh toàn trường dành cho cả tỉnh ngày đó.

Mà làm sao chẳng học giỏi khi suốt ngày chỉ biết có học? Không rạp xi nê, không ca kịch, múa hát, đá banh. Không xô số kiến thiết, không có hàng bánh trái đầy dẫy dàn ra khắp các ngã đường. Không radiô, tivi. Gần như không báo chí, tiểu thuyết. Bưu điện cũng không nên khỏi tốn thì giờ viết thư. Bờ ao, rẫy sắn, cây keo, con chim chóp mào... không hùng biện dụ dỗ học sinh bỏ học. Sách vở dạy gì làm nấy. Thầy giáo dặn sao nghe vậy. Học hành kiểu đó thì ra đời, tệ nhất cũng phải bằng thầy giáo mình.

Nhiều hồi nhìn học trò ngồi im lặng làm bài, tôi bồi hồi thấy mình được hưởng một vinh dự, vì ngồi trước mặt tôi là những viên ngọc của những gia đình. Có học sinh từ miền cực Nam kháng chiến trốn Pháp đi bộ leo đèo vượt núi qua đây ngồi học.

Niên khóa sau, trường có sáng kiến phân tán ra nhiều địa điểm. Vì chỉ là lợp tranh, vách trét bùn, nền đất nên dễ thực hiện sáng kiến. Khu trung tâm nằm ở chợ Sen. Một bộ phận nằm ở ngọn đồi nhỏ sau lưng. Một bộ phận ở doi núi Phong Hậu. Bộ phận này quấy phá nghịch ngợm nhất, vì nằm xa "trung ương", hai thầy giám thị Nguyễn Bình và Đặng Văn Chế ít khi lui tới. Không hiểu nghĩ sao, thầy hiệu trưởng bỗng giao cho tôi trách nhiệm coi sóc khu này, chỉ có hai lớp 5B và 6B toàn con trai. Tôi cố hết sức dụi dăng, rủ cùng đào lỗ trong sân trường để trồng chuối. Không nhằm mục đích ăn trái - vì khi trái ra buồng thì nhất định đã có bà con lân cận "chiếu cố" giùm trước - mà cốt nhờ tàu lá chuối che kín sân, dễ chạy núp trốn máy bay. Đang

nhằm mùa mưa, con đường đất chạy trước trường đóng vũng, bà con miệt Long Hòa đi chợ Sen lội bì bõm và bị trơn trượt té bể đồ gốm và bánh tráng. Tôi lại rủ:

- Mình lấy xà beng nạy đá ở ven bờ núi kề sân trường, bưng bỏ xuống mấy vũng nước. Đầm xuống. Rồi rải đất sỏi lên...

Khởi cần uyển từ véo von động viên kêu gọi, khởi cần hội thảo trình phương án lập kế hoạch phân công, khởi cần phân tích tổng kết, cứ sáng nói chiều làm, thấy chỗ nào đáng làm là chia nhau làm, rủ nhau làm. Và chỉ sau hai giờ là mặt đường bằng phẳng.

Những hôm sau tôi rủ học trò đứng coi bà con đi chợ, bước nhẹ nhàng trên những đoạn đường do chúng tôi tu bổ. Họ bước thong thả, mắt nhìn lơ đãng, miệng không ngớt chuyện trò. Khởi còn cái cảnh chân bước rụt rè, đi né đi tránh, mắt nhìn sau trước ước lượng tầm xa để thót nhảy một cái. Anh em học sinh đứng nhìn, không ai nói cảm tưởng. Những nụ cười, ánh mắt rạng rỡ đã nói thay. Vào những lúc này, nếu rủ xây cầu e cũng dám xâm mình mà đi chặt cây, đào hố chôn trụ, đan mê lát sàn cầu.

Một hôm có một học sinh méc là nơi vũng lầy cạnh mấy đám ruộng trước mặt trường có mạch suối nước nóng (cách lớp độ 30m). Tôi nhờ dẫn tới coi. Quả là có một mạch nước nhỏ cuộn cuộn vọt lên rồi chảy tỏa ra, tràn hòa với nước xung quanh, nhúng tay sờ thấy nóng ấm. Óc tôi dự tính: sẽ rủ học sinh khoét rộng nơi mạch nước, dọn sạch để nước khỏi dơ, rồi tìm cách phân tích xem đó là loại suối khoáng gì để dùng. Ít nhất cũng có thể dùng để tắm, trị ghẻ. Trời đang lạnh ngắt và thấy nhiều học sinh lén ngồi gãi.

Dự tính chưa thực hiện được thì tôi bị cát lên làm hiệu trưởng. Bao nhiêu là việc phải làm. Đã vậy tình hình chiến tranh sôi động, máy bay Pháp cứ bất ngờ bay vọt ra. Dầu đã đề phòng sắp xếp buổi học giấc thật sớm và giấc thật chiều, nhưng đôi khi đang ngồi học bỗng có tiếng keng báo động. Học sinh trong các lớp ulla ra trắng cả khu đồi rồi mới chui lọt xuống hầm trốn.

Có một lần máy bay ra thật sớm. Học sinh túa ra như thường lệ, trắng rợp cả ba khu đồi rồi chạy thụt núp dưới đáy hầm. Chợt máy bay quay lại. Thầy trò cùng thót ruột. Chợt từ máy bay tung túa ra một vùng đám sáng trắng. Bỗng có nhiều tiếng la to, la thất thanh:

- Bom nguyên tử! Trời ơi, thả bom nguyên tử rồi!

Đợi tiếng nổ. Nhưng đó đây im phăng phắc. Những mảnh trắng bay đầy trời lần lần đảo xuống gần. Chao qua lượn lại. Thấy rõ đó là những tờ giấy, học sinh trồi lên, nhảy thót ra, chạy đầy khắp mặt đồi để lượm giấy... truyền đơn. Trong khi tiếng máy bay vẫn còn rù rù đảo quanh. Thân phận hiệu trưởng thời chiến tranh khốn khổ vậy đó.

Tôi mượn thiên nhiên để quên bớt lo lắng. Bao quanh trường chỗ nào cũng là bụi tre đứng thẳng, gió thổi lẩn tẩn những chùm lá tre, gió mát như có tằm vị ngon trong đó. Chặng mười giờ rưỡi, gió như có mang hơi nước mặn thổi từ cửa biển Tiên Châu, Hội Phú thổi lên, thổi dọc bờ sông, pha hơi nước ngọt của đập Tam Giang, sông Cái. Ở khu cầu Cây Cam ga Phong Hiên, Soi Giữa, hàng rào bằng cây keo, cây táo nhơn. Và từng chặng trên đường xuyên qua xóm, lác đác đứng giữa cánh đồng là cái dáng cô đơn của những cây gòn, cây bàng, cây gạo.

Mới thoáng đó mà đã ngót bốn mươi năm. Rất ân cần, rất chu đáo, thời gian không bỏ sót một ai, rắc màu trắng lên mái tóc của mọi người học sinh cũ. Từ một cậu trai rụt rè, một cô gái bẽn lẽn, nay đã thành một bà ngoại mực thước, một ông nội nghiêm trang. Tôi chợt thèm được về thăm trường cũ, được ngồi cạnh đám cây lá lốt mọc dưới chân đồi của nhóm lớp 5A, 6A. Hồi

đó, mỗi lần ghé thăm lớp này, tôi không bao giờ quên lại ngồi cạnh đám lá lốt xanh láng như có thoa dầu. Ở thành phố người ta dùng lá lốt để gói thịt mà nướng. Nơi vùng quê nghèo chỉ ăn nổi cá và mắm, lá lốt thành ra được hơn hờ tự do.

Trong hồi ức ngậm ngùi nhìn mọi vật quanh mình đều thay đổi, tôi hy vọng họa chăng chỉ những đám cây lá lốt này là vẫn còn giữ được hình dáng cũ như xưa.

Đi con đường khác

Bác gắng tăng thêm tốc độ.

- Dạ.

- Gắng tăng thêm nữa.

- Dạ.

Người tài xế bậm môi, nhíu sát hai lông mày vào nhau. Những nếp nhăn hằn lên, khổ sở. Tôi chong mắt nhìn ra trước xe. Những cánh đồng trải rộng, trải dài, lác đác có thôn ấp nấp sau những lũy tre. Chúng nằm bất động, cản ngăn tầm mắt khiến tôi có cảm tưởng là xe vẫn còn chạy chậm. Tôi muốn giục thêm bác tài nhưng tự nhiên thấy mình khiếm nhã. Tôi đã giục nhiều lần rồi. Giục thêm, có khác nào bảo rằng bác ta thiếu thiện chí hay kém tài năng.

Tôi ngồi chồm ra trước, làm như tư thế đó giúp cho xe chạy mau hơn. Tôi rung những ngón tay tưởng như điều đó làm cho chiếc xe cũng sốt ruột mà gắng chạy nhanh hơn. Rặng núi thấp có những rẫy sắn rẫy đậu nằm bắc thang trên sườn, từ này giờ vẫn chưa vượt qua. Tôi muốn bắt chấp xả giao lên tiếng giục bác tài chạy mau hơn nữa, nhưng chợt nhìn xuống cây kim đo chỉ tốc độ tôi phát hoảng: 110 cây số giờ. Đó là tốc độ nguy hiểm đối với đoạn đường này. Là đùa với Thần Chết và đi kè cái Chết.

Tôi lẩm nhẩm nghĩ: "Đằng nào cũng trễ rồi. Hôm nay đã 16 tháng Chín. Xe không thể chạy về đêm. Trưa ngày 17 là hết. Là xong hết..." Tôi cảm thấy nóng nơi khoé mắt. Tôi cảm thấy nước mắt đang tụ tập về điểm lệ nhưng tôi cố ngăn không cho chúng hợp thành giọt. Tôi cắn răng, cầm chắc sự can đảm trong bàn tay trái nắm chặt.

Chợt xe phanh gấp một tiếng két nhức tai. Tiếng bánh xe lết trên mặt đường. Người tôi nhảy chồm lên, ngã nhào tới trước. Nhưng tôi hoàn toàn không có chút hoảng sợ. Tôi bình tĩnh đến mức độ lạ lùng. Tôi sửa lại tư thế ngồi, dựa lưng ra nệm và chậm rãi ra lệnh:

- Thôi bác chạy chậm lại. Tám mươi đến chín mươi cây số thôi.

Tôi không cần biết cái hãm phanh vừa rồi có nguyên do nào. Mọi nguyên do đều vô ích khi không sửa chữa được. Thực tại. Tôi nhắm mắt lắng nghe hơi thở của mình. Trong trí óc tôi có tiếng kêu "Chương ơi ! Chương ơi ! ", tiếng kêu của tiềm thức tôi. Không có tiếng đáp lại. Vĩnh viễn từ nay sẽ không còn tiếng đáp lại.

Tôi lần mở sách lấy ra tờ chương trình. Năm chữ "Đại giới đàn Phước Huệ" in màu chữ đỏ. Những danh từ xa lạ. Lật trang sau...

Điều kiện thọ giới Sa-di:

Thuộc hai thời công phu

Thuộc hai cuốn luật tiểu.

Điều kiện thọ giới Tì-kheo:

Đã thọ Sa-di ít nhất hai năm

Đủ hai mươi tuổi đời

Thuộc hai thời công phu và bốn cuốn luật tiểu

Phải có đầy đủ y bát, tọa cụ và đầy lọ nước.

Những điều kiện này đang ràng buộc Chương. Đang thắt cột Chương vào một tập thể lớn có quy luật, nơi đó Chương xóa bỏ Quá Khứ của anh. Nơi đó Chương sẽ là một cái lá trong nhiều cái lá, một cành cây giữa những cành cây, một hạt bụi lẫn lộn trong hàng hà sa số hạt bụi. Và tôi, Trâm, người yêu của anh sẽ không còn chiếm nửa linh hồn anh, ba phần tư linh hồn anh, bốn phần năm linh hồn anh... mà tôi rút gọn lại chỉ còn là một chúng sinh xếp đồng đẳng với muôn triệu chúng sinh trước đời mắt anh. Tôi tham lam hơn, Chương ơi. Tôi không chịu được ý niệm Dân chủ, tôi ghét cái căn của ngành Luật pháp bởi tôi không chịu đồng đẳng với ai, tôi phải chiếm chỗ cao hơn hoặc là tôi đoạn tuyệt.

Mà anh có đi tu thật không? Có thể là con Như nó làm không? Em nhận được thư hỏa tốc của nó bảo đích xác là có tên anh trong danh sách những người nhận giới trong Đại giới đàn. Có thể có sự trùng tên không? Em không hi vọng lắm. Khó có hai người cùng mang tên Lại Tăng Chương.

Như nó gửi luôn cho tôi tờ chương trình. Ngày 17 tháng Chín Quý Sửu, 6 giờ: **Hưng tác thượng phan, khai chung bằng, khai kinh bạch Phật**. Tôi chẳng hiểu nói cái gì trong đó. Đoán lờ mờ là có treo cờ, đánh chuông, tụng kinh. Chắc không sai mấy, 8 giờ: **Tấn đàn Sa-di**. Chắc có nghĩa là truyền giới cho mấy ông sa-di, 12 giờ: **Quá đường**. Có phải nghĩa là đi qua phòng ăn để thọ trai? Có thể là không phải vậy. Mặc kệ. Chiều ngày 19 sáng ngày 20: **Tấn đàn Tì kheo**. Lễ truyền giới cho Tì kheo kéo dài lâu hơn chắc bởi cấp bậc tu trì cao hơn. Chẳng biết Chương sẽ nhận giới ở cấp bậc nào.

Tôi hỏi bác tài:

- Bác dự tính chạy hết tốc lực thì tối nay nghỉ ở đâu ?
- Theo cái đà này thì chúng ta phải nghỉ đêm tại Sông Cầu.
- Sông Cầu là chỗ nào ?
- Giữa Qui Nhơn và Nha Trang.
- Chỗ đó có khách sạn không ?
- Không hi vọng lắm.

Tôi định hỏi thêm "nếu không có khách sạn thì ngủ ở đâu và đậu xe ở đâu" nhưng trí óc tôi lười biếng quá rồi, tôi không muốn đặt câu hỏi nữa. Thà để trí óc trống rỗng, trắng bệch còn hơn là bắt nó nghĩ suy lầy lội.

Con đường chạy dài, xe vượt quá một cánh đồng thì bắt gặp một xóm làng. Những ngôi nhà tranh đứng hiu quạnh bên cạnh những bụi chuối bụi sả trông thật buồn. Tường chừng như những ngôi nhà bỏ hoang nếu nhìn quanh quất đâu đấy không thấy một con chó đang nằm khoanh nơi chái bếp, một con gà giò ốm lủng không đi thơ thẩn nơi vạt nước hay một bà lão gầy gò da mặt nhăn nheo đang nhíu mắt nhìn ánh nắng rung rinh.

Chương sống cô đơn từ những ngày nhỏ. Gia đình anh là một thảm kịch: Cha mẹ ly dị nhau, cha cưới vợ riêng và mẹ đi lấy chồng. Anh trở thành đứa trẻ mồ côi bởi vì về ở với cha thì không chịu được dì ghẻ, về ở với mẹ thì không chịu được dượng ghẻ. Cha và mẹ anh khi cùng ở với nhau thì điều khiển một nhà xuất nhập cảng lớn, khi ly dị nhau thì trở nên hai nhà xuất nhập cảng còn lớn hơn xưa. Trong việc tái lập gia đình, hai người đều tỏ ra gặp được Hạnh phúc. Tóm lại chỉ có Chương mới là kẻ bất hạnh cho dù cha và mẹ anh đều nài nỉ anh về ở với mình, và ở với người nào thì anh cũng được chịu đãi sung sướng. Chương sống tự lập ngay khi vào Đại học. Khi ra trường, anh xin đi dạy học ở một tỉnh miền Trung.

Gia đình tôi và gia đình Chương quen nhau từ nhiều năm vì Ba mẹ tôi cũng mở hãng xuất nhập cảng. Cảm tình giữa chúng tôi biến thành tình yêu và sóng gió trong gia đình Chương khiến tôi càng yêu anh nhiều hơn. Tôi thấy tôi có bổn phận đối với Chương, giúp đỡ và an ủi anh.

Chương chỉ còn có tôi ở trên đời để yêu ngoài cái đam mê suy tưởng Triết học. Yêu tôi, nhưng khi Ba mẹ tôi đề cập đến hôn lễ thì Chương tỏ vẻ ngại ngùng.

- Hôn lễ, đó là nghi thức cần thiết. Tôi nói.

Chương gật đầu:

- Đúng vậy.
- Nhưng sao anh...
- Tại vì... Tại vì...

Tôi đoán biết tại vì sao rồi. Ba mẹ tôi giàu lớn còn anh thì hiện thời đang đứng sấp hàng theo chỉ số. Phải đi nhích tới từng bước. Nếu không muốn để cho đồng tiền cám dỗ thì mắt phải chăm chăm nhìn lên những chữ Lễ nghĩa, Liêm sỉ, Đạo đức. Chương yêu tôi mà không dám cưới tôi. Ngoài ra, những hình ảnh của cuộc hôn lễ linh đình ngày cha anh đi cưới mẹ anh đã ám ảnh anh. Chính tôi đã được nhiều lần ngồi nhìn say mê những bức hình chụp đám cưới ấy. Cha anh mặc áo thụng gấm có thêu những cái hoa to bằng cái bát úp. Má anh đội khăn màu vàng như một nàng công chúa. Xung quanh hai người là cả một rừng áo gấm và một bầy công chúa xinh đẹp như nhau. Bây giờ thì những chữ Song Hỉ bị bẻ ra làm đôi, mỗi người cầm giữ một nửa. Chương không thuộc về một bên nào. Anh lửng lơ ở nơi biên giới, ở nơi ranh giới, ở **no men's land**, ở chỗ đáng lẽ không có người.

Tôi nói:

- Nhưng em không thể đến sống với anh mà không có hôn lễ.
- Anh biết.
- Biết mà vẫn cứ để vậy ?
- Anh không có lối thoát.
- Ba mẹ em không thể đợi anh lâu.
- Chắc là anh mất em.

Từ ngày anh ra miền Trung, tôi làm gan không biên thư cho anh nữa. Tôi đợi sự hồi tâm của anh. Thì đột nhiên có bức thư khẩn cấp của Như.

- Bác liệu có thể chạy xa hơn Sông Cầu không ?
- Thưa cô chắc không được. Giờ này mà mình còn leo đèo Cù Mông thì không hi vọng đi vượt quá Sông Cầu.
- Cù Mông là cái gì.
- Cái đèo lớn nằm giữa tỉnh Bình Định và tỉnh Phú Yên.
- Sao mà leo đèo leo ải vậy ?
- Miền Trung mà cô. Hết đèo đến ải.

Y như cuộc đời của Chương. Y như mối tình của chúng tôi. Người bình dân hát rằng "**Thương nhau tam tứ núi cũng trèo, thất bát sông cũng lội, cửu thập đèo cũng qua**". Đó là những sông những núi những đèo của Thiên nhiên, dẫu cao dẫu sâu dẫu trắc trở mà với quyết tâm người ta vẫn có thể vượt được. Chỉ cần thời gian. Với núi đèo do con người tạo ra thì vượt qua không phải dễ. Và Chương đang chọn một lối vượt qua của anh.

Tôi ngủ lại đêm ở Sông Cầu. Đêm thật đen và thật buồn. Thành phố nằm bẹp dí xuống mặt đất, nhà thấp và mặt biển liếm sát bờ cát. Không thấy một sự cố gắng vượt lên. Hạnh phúc xuề xòa, Hạnh phúc cao một thước nằm ngang vòng tay ôm, Hạnh phúc cao một thước sáu ngang đôi môi hôn. Hạnh phúc trong giây phút hiện tại, trong đêm tối an nghỉ, giữa hai tràng đạn bắn vu vơ, giữa hai quả hỏa tiễn câu vu vơ... **Chương ơi, anh coi thường thứ Hạnh phúc trần gian này, anh ngược nhìn lên cao hơn, anh rướn mình lên cao hơn.**

Sau một đêm ngủ chập chờn, mới mờ sáng chiếc Falcon đã lại lướt gió, nuốt vội đường trường. Những cánh đồng còn chìm trong một biển sương trắng đục mênh mông. Những toán lính tuần đi thành hàng lặng lẽ trên những bờ ruộng thấp, mũi súng chĩa xuống đất. Một đêm tối bất trắc đã qua, mọi người đón nhận ánh sáng mặt trời, vui mừng như giữa những thời xa xưa loài người còn cư ngụ trong hang đá.

Xe nhả nài bỏ lui lại những xóm làng. Xe hớn hỡ lượn theo vòng đèo, xe mê mãi bò lên những dốc cao. Ánh nắng đã lên, nhuộm hồng những tàu lá cau, nhuộm vàng những ruộng lúa. Tôi không có cách nào trì nín thời gian, chiếc kim đồng hồ cứ lặng lẽ quay vòng và khi xe tôi ngút

hơi đậu lại chân núi nơi địa điểm của giới đàn thì mặt trời đã lên cao. Trễ giờ rồi. Tôi không còn hi vọng nắm giữ lấy đôi tay Chương và đổ ra những giọt nước mắt để bắt anh lưỡng lự, khí giới của tôi chỉ có thể. Tôi hơ hổi leo lên triền núi, đặt chân bắt kể lên những viên đá gập ghềnh. Những bụi me đất, những đám lá dang lá bìm bìm bò vô tư dưới chân những cây mít cao. Lối đi thoai thoải rải rác lá vàng, lẫn quắt dưới những tàng cây âm u.

Leo được nửa dốc, tôi mệt quá ngồi bệt xuống một tảng đá. Đẳng nào thì cũng đã trễ rồi. Bóng người lao xao ở đỉnh núi, di động rộn ràng. Tiếng tụng kinh chậm rãi, tiếng mõ gõ nhịp đều đều được máy phóng thanh chuyên vang xuống núi. Tôi gượng đứng dậy bước tiếp. Vài người lên xuống cùng chia với tôi lối đi hẹp. Tôi bước lên những bậc cấp xây bằng đá. Tôi vịn tay lên đường lan can bằng xi măng. Tôi bước lên những bậc cuối cùng.

Người đi dự lễ mặc áo dài nghiêm trang đứng nháp nhô ở dãy nhà trù, ở hiên nhà khách, ở sân chùa chen chúc bụi trúc khóm tùng. Tôi len vào giữa những thân người, tôi luồn vào giữa những thân cây. Tôi đi lần tới chánh điện. Uy nghi lặng lẽ, một tượng Phật lớn thép vàng ngồi tĩnh tọa trên đài cao. Phía dưới, nhiều vị sư đắp y vàng ngồi nghiêm trang sau những chiếc bàn thấp sắp dàn ra hai bên. Nơi bàn giữa dưới chân tượng Phật, một vị Đại lão hòa thượng đang chậm rãi cân nhắc từng tiếng giữa cái im lặng mênh mông, cái im lặng mắc kẹt dưới những góc bàn chân ghế, cái im lặng rung rinh trên đầu người:

- Các giới tử ! Phật vì đại sự nhân duyên mà ra đời cho nên nói ra không lường pháp môn, tám vạn bốn ngàn diệu nghĩa... (tôi đang nhích tới để nhìn cho rõ mặt vị Đại lão hòa thượng)... tóm lại không ngoài ba môn học là giới, định, huệ. Song huệ do định mà phát, định nhờ giới mà sinh, công năng sinh ra giới... Các bậc Thánh nhờ giữ giới mà chứng Bồ đề, chư Phật do nơi giới mà thành Chánh giác.

Tôi đưa mắt nhìn sang đám đông gần ba trăm vị sư trẻ đang qui trật tự trước lễ đài, cúi đầu lắng nghe. Không cần hỏi ai tôi cũng biết đó là những ông Sa-di. Tôi vội vàng rời chỗ đứng đi lần về phía giới trường đó.

Những ông Sa-di mặc áo tràng màu xám. Vì giới trường hẹp, họ sắp thành mười mấy hàng, mỗi hàng gần hai mươi ông. Tôi điếm mặt từng người một để tìm khuôn mặt của Chương.

Hàng đầu: một, hai, ba, tư, năm... mười ba, mười bảy... không có

Hàng nhì: một, hai, ba, tư... mười lăm, mười sáu. Không có

Hàng ba: một, hai... năm... bảy... mười hai...

Hàng tư: một, hai... tám, chín...

Tim tôi đập rộn ràng. Lạy Trời đừng có Chương. Sự thể sẽ không quá chậm đâu miễn là không có Chương trong đó. Tôi sẽ chấp nhận mọi điều kiện của Chương, tôi sẽ kông cần đám cưới linh đình, tôi sẽ ở cạnh Chương giúp anh vượt qua những khổ não chập chùng đang bủa vây anh. Tôi sẽ quày xe lại đi ngay ra Trung tìm anh, tôi sẽ tự lái xe lấy và lần này kim tốc độ sẽ chỉ 80 cây số là cùng, bởi chừng tôi yêu đời, bởi chừng tôi quý trọng sự sống.

Hàng chín: một, hai... tám... mười bảy... Không

Hàng mười: một, hai... mười bốn, mười lăm... Không

Hàng mười một: một...

Tim tôi nhói lên. Mắt tôi hoa đi. Tôi vội bấu tay vào khung cửa. Chương đó. Rõ ràng là Chương đó. Tôi nhìn anh trừng trừng. Anh cúi đầu lắng nghe pháp môn của Hòa thượng.

- Nay các vị nguyện bỏ thế tục theo phép xuất gia, vượt khỏi thường tình là không lạy cha mẹ. Song các vị phải nhớ bốn ân đức lớn trong giờ phút này, phải chuyên tình lễ tạ, về sau không còn lạy nữa.

Có tiếng phát ra từ loa phóng thanh:

- Giới tử xoay về hướng Bắc để tạ bốn ơn.

-

Những tấm lưng cúi xuống, quì lạy, đứng lên, rồi lại nhিপ nhàng cúi xuống, cuộn cuộn như những lượn sóng nhấp nhô. Lạy Tạ cha mẹ ! Phải lắm, cha mẹ "sinh thành chi đức", công lao như bể trời. Tôi nghe người ta nói "cát ái từ thân", nhưng cát ái từ thân đâu phải chỉ có cắt đứt tình thương đối với cha mẹ. Nơi những quả tim kia chỉ có tình thương cha mẹ thôi sao ? Chương ơi, thế em không có một chỗ đứng nào trong trái tim của anh sao ? Sao anh không lằm nhằm nói tiếp lời Hòa thượng rằng "Còn riêng con, con xin lạy thêm một lạy để tạ từ..." Không không, anh tha lỗi cho em, em không dám đòi hỏi một cái lạy của anh. Tình yêu không có nghĩa gì hết. Đối với cha mẹ, từ giờ phút này anh đã xin cắt đứt bốn phận rồi mà. Bốn cái lạy cuối cùng hướng về cha mẹ trả nghĩa sinh thành. Từ nay dù cha mẹ anh có từ trần, anh cũng không được quyền quì lạy trước bàn thờ nữa. Anh đã cắt đứt mọi dây liên lạc tình cảm, cắt đứt mọi bốn phận riêng tư, như cái cây đã bức lìa hết mọi lớp rễ chằng chịt bám vào lòng đất và thay vào đó, cây sẽ nhú ra những lớp rễ mới, bám vào những sinh môi mới. Em thuộc vào sinh môi cũ của anh. Đã cắt đứt lìa rồi. Hai giọt nước mắt lặng lẽ lăn trên má tôi.

Cùng với các vị Sa-di, anh vừa tụng niệm bốn lời thệ nguyện vừa quì lạy liên hồi:
Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ
Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn
Pháp môn vô lượng thệ nguyện học
Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.

Anh lạy vụng hơn mọi người, luôn luôn quì gối chậm hơn và đứng dậy cũng chậm hơn. Có hồi vướng víu gấp gáp, anh lúng túng sắp ngã. Nhưng anh đã gượng lại được. Nhìn anh quì lạy mà lòng em xót xa. Quì lạy là cái hình thái khiêm tốn cùng cực, hạ mình cùng cực, là xóa bỏ cái ngã mạn to lớn mà ngoài đời, trước kia anh đã dựng lên với tất cả niềm kiêu hãnh. Bây giờ, ở giữa chốn này, anh xếp lại đôi cánh đại bàng.

Giọng trầm trầm của Hòa thượng chủ lễ:

- Các giới tử, cái y này tiếng Phạm gọi là ca sa. Mặc y này có thể giải thoát tham, sân, si... Tôi nay trao y này cho các vị, các vị phải gia pháp mà thọ trì.

Tiếng Hòa thượng vừa dứt, mỗi Sa-di lần mở chiếc y vàng mới tinh còn nguyên lần xếp choàng vào người, choàng ra ngoài chiếc áo xám đang mặc. Gần ba trăm vị vươn tay duỗi vai, xốc cổ, vuốt lưng... đã tạo ra một sinh hoạt rộn ràng. Nhiều vị lúng túng trong việc tháo cái dải áo và cột lại dải áo. Nhiều vị vội vàng, xô tay lộn ngược. Chương là một trong những người lúng túng. Ngoài đời anh vẫn vậy. Anh như con hải âu bay vượt trùng dương, thách thức bão tố, nhưng để đứng trên boong tàu thì chỉ làm trò cười cho lũ thủy thủ độc ác nhỏ nhen.

Một vị Tì kheo đứng cạnh đó đã tiến lại choàng chiếc y vàng lên vai anh. Vị đó còn ân cần buộc dải áo giúp anh và vuốt thẳng bầu áo. Xin cảm tạ vị Tì kheo rộng lòng lân mẫn. Chương hôm nay chỉ còn có quý vị để giúp đỡ, để an ủi. Ngày trước đôi mắt tôi chọn ca-vát cho anh. Đôi tay tôi chọn bút-tất anh. Mũi tôi chọn nước hoa cho anh. Hôm nay thì những món kể trên trở thành kỷ niệm. Hòa thượng lúc này có trao giới tướng:

- Các ông suốt đời không đeo tràng hoa thơm, không xoa ướp dầu thơm vào người, không xem nghe ca múa hát xướng, không ngồi giường cao, không tham chứa vàng bạc...

Mọi giới cấm đều không nặng đối với Chương. Khi ở ngoài đời anh cũng chỉ bị nhuộm màu đời một cách lợt lạt. Luôn luôn anh là kẻ phong phú trong suy tưởng mà bản cùng trong hưởng thụ. Khi các vị Sa-di đã tề chỉnh y vàng đứng sát cạnh nhau thì cái quang cảnh giới trường bỗng sáng rực hẳn lên. Màu vàng rực rỡ, màu của tâm niệm giải thoát, màu của Đông Nam Á Châu tràn đầy ánh nắng và tràn đầy khổ đau. Chương bây giờ đã hòa mình vào cái khối màu vàng kia rồi. Anh lẫn lộn trong đó, anh biến mất trong đó, không thể chỉ nhìn sau lưng mà biết được anh, không thể chỉ nhìn dáng đi mà biết được anh. Mà bây giờ cho dù có nhìn rõ mặt, thì anh cũng đã không còn là anh nữa rồi. Anh đã thay đổi khác rồi.

Tiếng chuông trống đổ hồi chấm dứt buổi lễ. Các Sa-di sắp hàng đi một vòng trước sân chùa, đi theo một hành lang dài để về các liêu. Từ một góc hoa viên, đoàn nhã nhạc bốn người mặc áo đen dài luân phiên nhau thổi những điệu kèn thật buồn. Tôi rời chỗ đứng, đi ra phía hành lang, ẩn mình dưới một gốc trúc bách diệp.

Đoàn Sa-di lần lượt đi qua, áo vàng rực rỡ, mắt nhìn xuống đất, chân bước khoan thai. Tiếng kèn thánh thoát, tiếng kèn nỉ non như dẫn dụ gót chân, như nâng nhẹ gót chân, những gót chân trần chạm nhẹ trên nền xi măng.

Một vị Sa-di đi qua, gương mặt nông dân nặng và chắc. Tiếp tới, một vị nét mặt ngây thơ, tuổi chưa đến 18. Một vị mày rậm và dài, mắt xéch như môn sinh của một Thiếu lâm tự. Một vị gầy gò mảnh khảnh tuổi có đến ba mươi. Một vị đẫm thấp mập mạp dáng khoan dung yêu đời. Một vị da mặt đen đúa lấm tấm nhiều mụn. Chương lững thững đi tới kia. Luôn luôn nét mặt anh rạng rỡ và dáng dấp uy nghi. Không một cử động dư. Anh đi ngang qua chỗ tôi đứng. Ánh sáng nơi khuôn mặt bất động, làm tôi bỗng nhiên bối rối kinh sợ. Tự nhiên tôi quì xuống.

Hành động bất ngờ khiến có người lao xao di chuyển gần tôi. Họ đoán một biến động, phòng ngừa một bạo động. Tôi phải giơ tay ra hiệu cho họ yên tâm. Tôi không muốn xáo động những bước chân của Chương. Lúc này tôi có ý định đợi khi anh đi qua tôi sẽ khẽ gọi tên anh. Tiếng gọi sẽ khua động cả tâm thức anh, sẽ chấn động cả tâm linh anh, sẽ phá đổ cả cái mặt biển bình lặng của tâm hồn anh hiện tại. Tôi tự tin bởi tôi biết tôi ngự trị nơi cái vùng trời Quá Khứ của anh. Nhưng khi nhìn ánh sáng nơi khuôn mặt bất động của anh, tôi vụt thấy tôi là kẻ bại trận. Vô nghĩa, phù du là tình yêu của một người đàn bà, là chính ngay người đàn bà. Trời ơi ! Một con phù du vừa có ảo vọng ngông cuồng là vỗ cánh lên để làm giạt mình một con sư tử. Bóng của Chương đi khuất, nối tiếp theo là những bóng khác, cũng chậm rãi đều đặn theo một nhịp điệu êm êm, mê hoặc của giọng kèn nỉ non. Tôi vẫn cứ quì đó bất động, bất lực, cảm thán thía lần đầu tiên thân phận phù du của mình.

Cà kê... Võ Hồng Nguyễn Lệ Uyên

Sau khi tạp chí Thư Quán Bản Thảo (TQBT), xuất bản tại Hoa Kỳ, số 20 chủ đề nhà thơ Nguyễn Bắc Sơn phát hành, các anh trong nước đề nghị TQBT làm một số chủ đề: nhà văn Võ Hồng cho số 21. Ngoài nước, hai anh bạn văn một thời với chúng tôi (Phạm Văn Nhân và Trần Hoài Thư) gọi điện thoại về cho tôi, giục tôi phải về Nha Trang để gặp những bạn bè cũ, để bắt tay thực hiện chủ đề về Võ Hồng theo yêu cầu.

Thế là tôi thu xếp hành lý, phóng vù về Nha Trang. Cánh cổng căn nhà 51 Hồng Bàng khép hờ, chỉ cần đẩy cổng bước thẳng lên gác chứ không phải bấm chuông và đợi như những năm trước. Bước lên mấy bậc cầu thang, đứng trước cánh cửa gỗ khép hờ đã thấy một phụ nữ trạc 50 đang bụng chén cháo ngồi trên ghế đầu sát ngay cạnh giường. Ông nằm dán người lên mặt nệm, lép xẹp; đầu trùm chiếc mũ len tới tận chân mày. Nghe tiếng động, ông mở mắt. Tôi chào ông và người phụ nữ, rồi “cung khai lý lịch”, nhưng ông không hề nhận biết tôi là ai, mặc dù trước đó là chỗ thân quen, thường xuyên điện thoại, thư từ thăm hỏi nhau.

Tôi nói rõ mục đích chuyến ghé thăm, trao lại bó hồng của anh em TQBT với lời chúc sức khỏe và gửi một số tập TQBT tới tận tay ông. Ông vẫn nằm yên trên giường và nghe và thở nặng nhọc, nói những lời cảm ơn rất nhỏ, phải chú tâm lắng mới có thể nghe được.

Tôi quay ra ngoài hiên với người phụ nữ. Chị tự giới thiệu là học trò cũ của ông hồi còn học trường Bồ Đề, Nha Trang, nhà tận cầu Dừa. Có năm ba học trò cũ trạc tuổi chị thay phiên nhau đến chăm sóc ông, bởi các con ông thì ở quá xa, còn người giúp việc thì không ai hiểu được tính ông nên hôm trước hôm sau là bỏ về. Chị không nói tên, nhưng cho biết là “ *bọn tui đã thay*

phiên nhau hơn tháng nay, thầy mỗi ngày mỗi yếu đi". Và chị lịch sự nói: "Anh ở đây nói chuyện với thầy, chắc là lâu. Khoảng 11 giờ có người khác đến thay. Tôi phải chạy về nhà có chút việc". Nói và chị thu xếp muống chén đặt lên chiếc bàn con rồi quày quã bước xuống cầu thang. Tôi hơi ngạc nhiên. Có thể chị hiểu công chuyện của tôi sẽ kéo dài, quá lâu để chị thành người thừa trong cuộc chuyện trò chẳng mấy liên quan đến chị, hay tôi như một người cũng có trách nhiệm thay thế trong đám học trò ông, bởi tôi cũng đang xưng "thầy con".?

Tôi đỡ ông ngồi dậy, dựa lưng vào thành giường, thở dốc một hồi rồi với tay lấy chiếc kính thứ hai mang lên mắt. Ông giở từng quyển TQBT, lật từng trang một cách khó khăn, hỏi: "Các toa làm có bán được nhiều không?". Trả lời: "Độc giả nhiều, nhưng không thu tiền". Ông ngó ra một lúc: "Cảm động, thiết cảm động". Tôi nói: "Thầy ăn sáng đi kẻo nguội", rồi tôi bưng chén súp lên, ông gạt đi: "Toa để đó cho moa". Bữa ăn sáng kéo dài gần hai tiếng. Tôi tranh thủ hỏi ông những gì đã định trong đầu và anh em đã dặn dò, nhưng câu chuyện đưa đẩy hầu như là ngược lại. Ông hỏi tôi: "Moa muốn về thăm quê một chuyến, liệu tình hình này này được không?". Tôi nói: "Thầy cứ uống thuốc, tịnh dưỡng khi nào thiết mạnh thầy gọi anh em đón thầy về". Ông ngồi lặng hồi lâu, rất lâu. Hình như hình ảnh quê hương trong ký ức hiện về làm ông xúc động. Tuổi thơ ông đã bay qua con sông Cái, làng lụa Ngân Sơn, khu Lò Gốm, Chí Thạnh, Đồng Dài... mà hơn 30 năm qua ông chưa từng chạm mặt. 30 năm đối với ông hình như là nỗi hoài nhớ mang mang để ông đắm chìm và thả nỗi nhớ nhưng chất ngất đó vào từng trang sách. Ông đưa đẩy nó đi để cảm thấy như ông còn đang gần gũi với quê nhà An Thạch. Ông kể lại những bờ ruộng, con mương, tên người, tên đất như để đánh lừa mình đang gần thật gần với Tuy An, nơi ông đã sinh ra và lớn lên, từ ấy ra đi trong những cơn mê chéch choáng "back to Sorrento".

Khá lâu sau đó, ông phều phào: "Nay toa viết được nhiều không?". "Dạ, in ít thôi". "Moa cũng có gắng thôi, còn cảm được cây bút ngày nào moi sẽ viết để trả hiếu cho quê hương". Không biết là lần thứ mấy mươi và với bao nhiêu người thân quen ông nhắc lại chữ hiếu. Nó thôi thúc ông, réo gọi ông từ tâm thức của đứa con xa quê lâu ngày. Nó luôn là nỗi ám ảnh trong ông mỗi khi được nói, được nghe nói về quê ông. Đó là món bún làm bằng bột bắp, khoanh từng sợi vàng mịn như tơ nổi bật lên trên màu xanh của miếng lá chuối, ăn với nước mắm nhỉ lúc xế chiều. Ông khép mắt mơ màng "Ờ, ờ bún...". Tranh thủ, tôi dọn dẹp chén đĩa mang vào bếp rửa. Quay trở ra định đặt lại mấy tờ báo lên ghế. Nhưng ngó quanh quẩn, chỗ này quyển sách, đầu kia rổ may đựng kim chỉ, giấy bút, chiếc gương soi, dao cạo râu, áo quần, khăn mặt... chúng thật lộn xộn, nhưng chừng như là những nơi cố định của chúng để ông có thể với tới là dụng cụ này, nắm lấy cái kia theo thói quen. Loay hoay một lúc và quyết định, thôi cứ để y nguyên, không khéo ông nhìn thấy lại bị "ngày ngày".

Một người phụ nữ khác bước lên cầu thang, trên tay là gói thuốc. Ngó lên đồng hồ đã 12 giờ. Chúng tôi chào nhau. Chị lại làm công việc mà người trước đã làm. Ông nằm thiêm thiếp trên giường. Trời nắng chói chang. Căn gác lợp tôle nóng hầm hập. Ông vẫn nằm dán sát trên giường. Thở nặng nhọc.

Tôi thẫn thờ bước xuống cầu thang với chút bùi ngùi.

(tháng 9.2005)